

KINH HOA NGHIÊM ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT

GIẢNG GIẢI

TẬP 12



HOÀ THƯỢNG TUYÊN HOÁ

KINH HOA NGHIÊM ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT

Hán dịch : Sa môn Thật Xoa Nan Đà
Việt dịch : Tỳ Kheo Thích Minh Định

Tập 12

Hòa Thượng **TUYÊN HOÁ**

Giảng giải



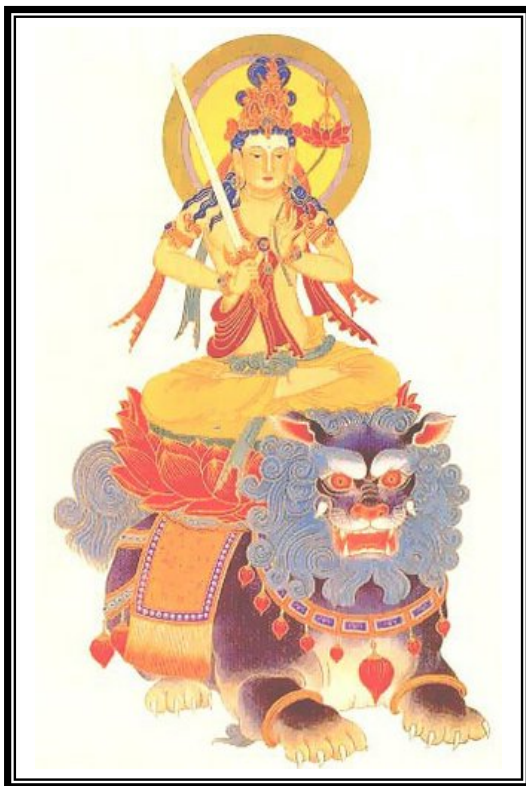
Chùa/Pagode Kim Quang
75 Allée Circulaire
93600 Aulnay Sous Bois-France
Tel./Fax : 01.48.69.01.24
e-mail : kimquangtu@hotmail.com
website: chuakimquang.com



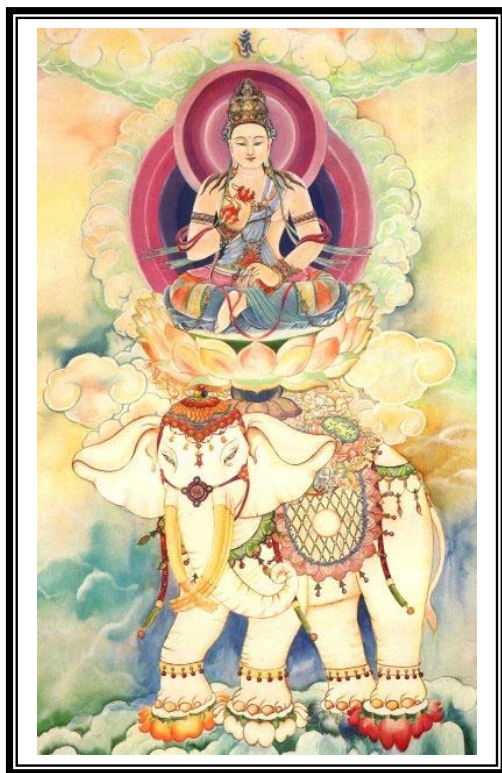
NAM MÔ BỒN SƯ THÍCH CA MÂU NI PHẬT



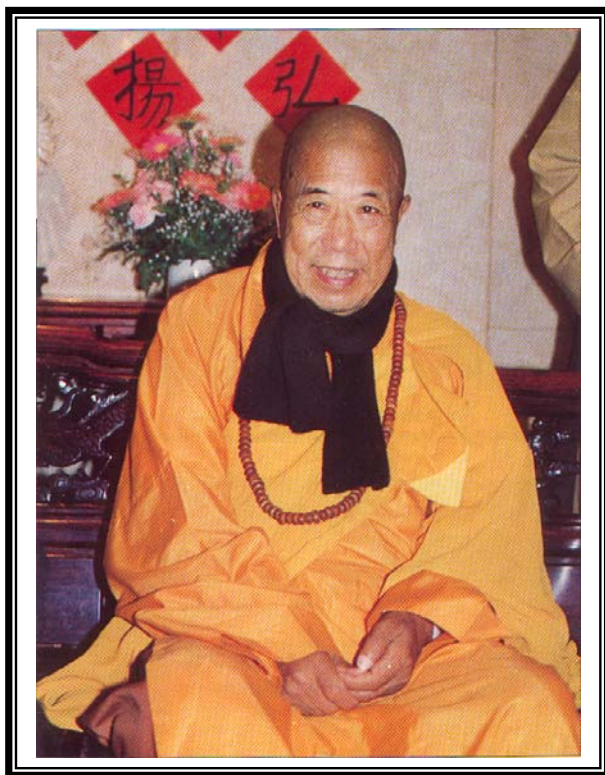
NAM MÔ THANH TỊNH ĐẠI HẢI
CHÚNG HỘI THƯỢNG PHẬT BỒ TÁT



NAM MÔ ĐẠI TRÍ VĂN THÙ SƯ LỢI BỒ TÁT



NAM MÔ ĐẠI HẠNH PHỔ HIỀN BỒ TÁT



HOÀ THƯỢNG TUYÊN HOÁ

Nội dung

QUYỀN HAI MƯƠI BA

Phẩm thập hồi hương thứ hai mươi lăm phần một.....	9
- Hồi hương cứu hộ chúng sinh lia tướng chúng sinh thứ nhất.....	28

QUYỀN HAI MƯƠI BỐN

Phẩm thập hồi hương thứ hai mươi lăm phần hai.....	120
- Hồi hương bất hoại thứ hai.....	120
- Hồi hương đẳng tất cả Phật thứ ba.....	180
- Hồi hương đến tất cả mọi nơi thứ tư.....	229

QUYỀN HAI MƯƠI LĂM

Phẩm thập hồi hương thứ hai mươi lăm phần ba.....	286
- Hồi hương vô tận công đức thứ năm.....	286



KINH HOA NGHIÊM ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT

Hán dịch : Sa môn Thật Xoa Nan Đà
Việt dịch : Tỳ Kheo Thích Minh Định
Hoà thượng Tuyên Hoá giảng giải

QUYÊN HAI MƯỜI BA

PHẨM THẬP HỒI HƯƠNG THỨ HAI MƯỜI LĂM PHẦN MỘT

Phẩm Thập Hồi Hương, là phẩm thứ hai mươi lăm trong Kinh Hoa Nghiêm, hiện tại đang giảng là bộ phận thứ nhất ở trong phẩm này. Thế nào gọi là hồi hương ? Hồi là chuyển, ý nghĩa là hồi chuyển. Hương là hướng về. Hồi hương, nghĩa là nói hồi chuyển có hình, hướng về nơi vô hình. Hương chuyển có tướng, hướng về nơi không có tướng (vô tướng). Hương chuyển hư vọng, hướng về nơi chân thật. Hồi chuyển công đức của mình, hướng về nơi kẻ khác. Hồi hương có nhiều lối giải thích, hiện tại hợp lại mà nói, có thể phân ra làm ba phương diện:

1. Hồi hương công đức của mình, hướng về kẻ khác.
2. Hồi hương căn lành của mình, hướng về bồ đề.

Hai loại này là tùy tướng.

3. Hồi hương căn lành tích tập của mình, hướng về thật tế. Thật tế tức là không có tướng, tức cũng là lia tướng.

Ba phương diện đã nói ở trên, thứ nhất là chúng sinh, thứ hai là Bồ Đề, thứ ba là thật tế. Đây là nói tổng hợp, nếu phân biệt ra để giải thích nói, thì lại có thể phân ra làm mười loại hồi hướng:

a. Hồi tự hướng tha: Đem những gì mình làm hồi hướng cho kẻ khác, tức là hồi hướng cho chúng sinh. Trong Kinh vẫn có nói: "Nếu có căn lành, chẳng muốn lợi ích tất cả chúng sinh, thì chẳng gọi là hồi hướng". Nếu tất cả căn lành của bạn làm được, chỉ biết lợi mình, nhận rằng tất cả việc lành công đức, là phước báo tư lương của mình, chẳng chịu phân chia cho kẻ khác, đây tức là "Chẳng lợi ích tất cả chúng sinh", không thể gọi là "hồi hướng". Nếu như bạn có chút việc thiện nghiệp thiện, lập tức hồi hướng cho pháp giới tất cả chúng sinh, nguyện cùng với pháp giới chúng sinh, nhất thời đều chứng được A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, đây mới là "Lợi ích tất cả chúng sinh, mới là chân chánh "Hồi hướng".

b. Hồi ít hướng nhiều: Chính mình một người là ít, hết thầy chúng sinh là nhiều. Bồ Tát tu các căn lành, dù là ít, nhưng dùng chút ít căn lành này, nhiếp trì khắp tất cả chúng sinh, dùng tâm đại hoan hỷ, phát hồi hướng rộng lớn. Bất cứ căn lành gì, đều bố thí khắp cho pháp giới chúng sinh. Đây cũng là "Nguyện cùng với pháp giới chúng sinh, nhất thời đều chứng được A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề".

c. Hồi nhân hạnh của mình, hướng về nhân hạnh của kẻ khác: Bồ Tát tu hạnh Bồ Tát, đem tất cả căn lành của mình tu hồi hướng về Phật, sau đó lại đem căn lành đó, hồi hướng cho tất cả Bồ Tát. Mình đang tu nhân hạnh, Bồ Tát khác cũng đang tu nhân hạnh, đem căn lành của mình đang

tu nhân hạnh, hồi hướng cho tất cả Bồ Tát quả địa chưa viên mãn, khiến cho họ được mãn nguyện. Làm cho tâm chưa được thanh tịnh, được thanh tịnh, sớm sẽ thành tựu Chánh Đẳng Chánh Giác.

4. Hồi nhân hướng quả: Hồi nhân hoa của của mình, hướng về quả đức vô thượng. Khiến cho Vô Thượng Chánh Giác bồ đề, mau chóng đắc được viên mãn.

5. Hồi liệt hướng thắng: Liệt, tức là hạ liệt. Thắng, là thù thắng. Hạ liệt là phàm phu, ngoại đạo, tất cả nhị thừa đều là hạ liệt. Thù thắng, đại thừa, Bồ Tát, Chánh Giác Phật quả, bồ đề, đều là thù thắng. Hồi những liệt hạnh mà phàm phu làm được, hướng về đại thừa Bồ Tát, thắng hạnh bồ đề quả giác của Chánh Giác Thế Tôn tu.

6. Hồi tỉ hướng chứng: Tỉ là so sánh. Tôi so sánh với Phật, thì tôi chưa chứng được quả Phật, Phật đã chứng được quả vị Phật. Tôi so sánh với tất cả Bồ Tát, thì tôi chưa đắc được thanh tịnh, Bồ Tát đã chứng được thanh tịnh, chứng được sơ địa, còn tôi vẫn là phàm phu. So sánh như thế, lập tức sẽ phát tâm dũng mãnh tinh tấn, sớm chứng được quả vị Vô Thượng Bồ Đề.

7. Hồi sự hướng lý: Chúng ta bình thường làm tất cả sự tướng, tất cả pháp hữu vi, đều hồi hướng về lý thể chân thật, khiến sẽ chứng được Vô Dur Niết Bàn.

8. Hồi hạnh môn sai biệt, hướng về hạnh môn viên dung: Hồi hướng đủ thứ hạnh môn khác biệt tu hành của chúng ta, hướng về hạnh môn viên dung vô ngại.

9. Hồi pháp thể gian, hướng về pháp xuất thế gian: Hồi hết thấy tất cả pháp hữu vi thế gian, đem nó hướng về pháp vô vi xuất thế, tùy thuận pháp xuất thế giáo hoá chúng sinh, khiến cho chúng sinh biết pháp xuất thế mới là

chân thật. Thành thực tất cả chúng sinh, được vô thượng bồ đề.

10. Hồi thuận lý sự hạnh, hương lý sở thành sự: Hồi thuận lý tất cả sự hạnh của sự tu hành, đem nó hương về chân lý của sự thành tựu.

Mười thứ hồi hương ở trên, đã giải thích sơ lược, trong Kinh văn sẽ giải thích mĩ mĩ hơn. Hồi hương thứ nhất đến thứ ba, là hồi hương chúng sinh. Thứ tư đến thứ sáu, là hồi hương bồ đề. Thứ bảy và thứ tám, là hồi hương thật tế. Thứ chín và thứ mười, là thông nơi quả và thật tế. Thật tế tức là thật tướng, thật tướng cũng là vô tướng. Là người tu hành, nên minh bạch pháp truy cầu chân thật, tiến mà phải quét sạch tất cả pháp, lìa tất cả tướng. Viên mãn bồ đề, quy vô sở đắc.

Bấy giờ, Bồ Tát Kim Cang Tràng, nương thần lực của đức Phật, nhập vào tam muội Bồ Tát Trí Quang.

Khi nói xong Phẩm Kệ Tán Trong Cung Trời Đâu Suất, khi tiếp tục nói Phẩm Thập Hồi Hương, thì hội chủ Bồ Tát Kim Cang Tràng, Ngài nương đại oai thần lực gia trì của Phật Thích Ca Mâu Ni, Phật Tỳ Lô Giá Na, và mười phương chư Phật ba đời, mà vào trong định "Bồ Tát trí huệ quang minh".

Vào tam muội đó rồi, mỗi phương trong mười phương, qua ngoài các thế giới nhiều như số hạt bụi mười vạn cõi Phật, có

các đức Phật nhiều như số hạt bụi mười vạn cõi Phật, đều đồng danh hiệu. Hiệu là Phật Kim Cang Tràng, xuất hiện ở trước Bồ Tát Kim Cang Tràng.

Bồ Tát Kim Cang Tràng vào trong định Bồ Tát Trí Huệ Quang Minh rồi, ngoài mười phương thế giới Ta Bà, qua ngoài các thế giới nhiều như số hạt bụi mười vạn cõi Phật, có các Đức Phật nhiều như số hạt bụi mười vạn cõi Phật, các Ngài đều cùng một danh hiệu, là Phật Kim Cang Tràng, đồng thời xuất hiện ở trước Bồ Tát Kim Cang Tràng.

Đều khen ngợi rằng: Lành thay ! Lành thay ! Thiện nam tử ! Có thể vào được tam muội Bồ Tát trí quang này.

Thiện nam tử ! Đây là do thần lực của các đức Phật, mỗi phương trong mười phương nhiều như số hạt bụi mười vạn cõi Phật cùng gia hộ cho ông, cũng là nguyện lực thưở xưa của Đức Tỳ Lô Giá Na Như Lai, sức lực oai thần, và do trí huệ thanh tịnh của ông, do căn lành tăng trưởng thù thắng của các Bồ Tát, khiến cho ông vào tam muội này, để diễn nói pháp.

Mười phương chư Phật xuất hiện ở trước mặt Bồ Tát Kim Cang Tràng, khác miệng cùng lời khen ngợi Ngài nói: "Chân tử ! Chân tử ! Ông là một vị đức hạnh toàn mỹ, bậc thiện nam tử ! Ông mới vào được tam muội Bồ Tát Trí Quang này.

Thiện nam tử ! Đó là do đại oai thần lực của các đức Phật, mỗi phương trong mười phương nhiều như số hạt bụi mười vạn cõi Phật, cùng gia bị cho ông. Cũng là đại nguyện lực thưở xưa của Phật Tỳ Lô Giá Na đã phát ra, và đại oai thần lực gia bị cho ông. Cũng là do trí huệ thanh tịnh của ông, cùng với căn lành tăng trưởng thù thắng của các Bồ Tát nhiều như số hạt bụi cõi nước, cùng gia bị cho ông, cho nên mới khiến cho ông vào được tam muội Bồ Tát Trí Quang này. Hy vọng ông do sức lực tam muội này, mà vì chúng sinh diễn nói diệu pháp không thể nghĩ bàn.

Vì khiến cho các Bồ Tát, đắc được thanh tịnh vô úy, vì đầy đủ vô ngại biện tài. Vì vào vô ngại trí địa. Vì đại tâm trụ nhất thiết trí. Vì thành tựu căn lành vô tận. Vì đầy đủ bạch pháp vô ngại. Vì vào nơi phổ môn pháp giới. Vì hiện tất cả thần lực của Phật. Vì tiền tế niệm trí không dứt. Vì được tất cả chư Phật hộ trì các căn. Vì dùng môn vô ngại, để rộng nói các pháp. Vì nghe đều thấu hiểu, thọ trì không quên. Vì nhiếp tất cả căn lành của các Bồ Tát. Vì

thành biện trợ đạo xuất thế. Vì chẳng dứt trí huệ nhất thiết trí. Vì khai phát đại nguyện. Vì giải thích diễn nghĩa. Vì biết rõ pháp giới. Vì khiến cho các Bồ Tát thấy đều hoan hỷ. Vì tu căn lành bình đẳng của tất cả chư Phật. Vì hộ trì giống tánh của tất cả Như Lai. Cho nên diễn nói thập hồi hướng của các Bồ Tát.

Vì khiến cho các Bồ Tát đều đắc được thanh tịnh không nhiễm, sức vô úy. Vì đầy đủ biện tài không chướng ngại. Pháp vô ngại biện, nghĩa vô ngại biện, từ vô ngại biện, nhạo thuyết vô ngại biện, gọi là bốn biện vô ngại, còn gọi là bốn trí vô ngại. Đến được vô ngại biện như thế, mới có thể hàng phục được các dị luận, không thể khuất phục. Vào vô ngại trí địa, tức là tiến vào định chẳng thọ tất cả chướng ngại. Thứ trí này viên dung vô ngại, hay chiếu rõ các pháp thật tướng, có thể trụ nhất thiết trí địa phát đại tâm bồ đề. Vào trong định Bồ Tát Trí Quang này, lại có thể đầy đủ pháp trang thiện chẳng thọ bất cứ chướng ngại gì. Lại có thể vào sâu khắp pháp giới, dùng phổ môn thị hiện để giáo hoá chúng sinh. Vào trong định Bồ Tát Trí Quang này, lại có thể đến được chỗ Phật thị hiện tất cả thân lực, thông đạt diệu dụng. Ý nghĩa "Tiền tế niệm trí" là chỉ một niệm trí huệ ban đầu, tức cũng là một niệm trí huệ phát tâm bồ đề lúc ban đầu. Một niệm trí huệ này vĩnh viễn không dứt mất, tiếp tục mãi mãi, cho nên tâm bồ đề mà bạn phát ra vĩnh

viễn trường tồn lại càng kiên cố. Vì đắc được tất cả chư Phật luôn luôn hộ niệm bạn, hộ trì các căn của bạn. Tín, tấn, niệm, định, huệ, cùng với tất cả các pháp lành, gọi là các căn. Vào trong định Bồ Tát Trí Quang, lại có thể sinh ra vô lượng trí môn, rộng diễn nói vô lượng diệu pháp, giáo hoá tất cả chúng sinh, khiến cho chúng sinh một khi nghe được thì đều hiểu rõ, suốt đời thọ nơi tâm, trì nơi thân, vĩnh viễn chẳng quên mất. Do đó:

"Khi lọt qua tai,
Luôn là giống đạo".

Giống như có những người trí nhớ đặc biệt phi thường, có thể lọt qua mắt chẳng bao giờ quên, đó đều là do đời trước đã gieo trồng căn lành, đời này mới được như vậy. Lại có thể nhiếp thọ tất cả căn lành của các Bồ Tát. Lại có thể thành biện trợ giúp pháp môn nhân duyên đạo nghiệp xuất thế, khiến cho thành tựu. Lại có thể kế tục trí huệ tối thù thắng của nhất thiết trí. Vào trong định Bồ Tát Trí Quang này, lại hay khiến cho tất cả chúng sinh đều phát thệ nguyện lớn, sớm thành Phật đạo. Lại có thể vì tất cả chúng sinh giải thích nghĩa lý chân thật, khiến cho họ biết rõ tất cả đạo lý của pháp giới. Vào trong định Bồ Tát Trí Quang này, hay khiến cho mười phương tất cả chư Phật Bồ Tát đều hoan hỷ. Có thể tu tập căn lành bình đẳng của tất cả chư Phật. Lại có thể hộ trì giống tánh của tất cả Như Lai. Giống tánh Như Lai, tức là hạt giống của Như Lai. Hạt giống của Như Lai, tức là tất cả chúng sinh. Hộ trì tất cả giống tánh Như Lai, tức là hộ trì tất cả chúng sinh. Phật đã từng nói: "Tất cả chúng sinh, đều có Phật tánh". Nghĩa là nói chúng sinh đều có giống tánh của Phật, tức là hạt giống

tánh, tức là một chút giống tánh thành Phật. Cho nên phải hộ trì, phải hộ trì giống tánh thành Phật của tất cả chúng sinh cho tốt. Vì nhân duyên như vậy, cho nên chư Phật gia bị cho ông, hy vọng ông diễn nói mười điều hồi hướng của Bồ Tát tu, để lợi ích cho Bồ Tát và tất cả chúng sinh mới phát tâm. Tất cả những điều vừa nói ở trên là Phật Kim Cang Tràng trong mười phương thế giới, nói với Bồ Tát Kim Cang Tràng.

Phật tử ! Ông nên nương oai thần lực của Phật, mà diễn nói pháp này. Vì được Phật hộ niệm. Vì an trụ ở nhà Phật. Vì tăng thêm lợi ích công đức xuất thế. Vì được Đà la ni quang minh. Vì vào Phật pháp không chướng ngại. Vì đại quang minh chiếu khắp pháp giới. Vì tập pháp thanh tịnh không lỗi lầm. Vì trụ cảnh giới trí huệ rộng lớn. Vì được pháp quang minh không chướng ngại.

Các vị Phật Kim Cang Tràng, nhiều như số hạt bụi mười vạn cõi Phật của mỗi phương trong mười phương, gọi một tiếng Bồ Tát Kim Cang Tràng nói: "Phật tử ! Hiện tại ông nên nương sức thần thông đại oai đức của mười phương chư Phật, để diễn nói pháp này, tức là pháp môn thập hồi hướng mà mười phương chư Phật nói. Ông từng ở trong định "Bồ Tát Trí Quang", được sự gia bị của mười phương chư Phật, khiến cho ông diễn nói pháp môn thập

hồi hướng, cũng sẽ được mười phương chư Phật hộ niệm. Chẳng những được sự gia bị và hộ niệm, mà ông vẫn thường sinh vào nhà Phật, đồng ở trong cõi Thường Tịch Quang Tịnh Độ với chư Phật. Thế nào gọi là "nhà Phật" ? Tức là phá trừ được tất cả mọi sự chấp trước. Chẳng có sự chấp trước, tức là ở tại "nhà Phật". Phá trừ tất cả tham dục, thanh tâm quả dục, khử dục đoạn ái, niệm tà dâm chẳng sinh, tình ái dục đoạn sạch, đây tức là ở tại "nhà Phật", an trụ tại "nhà Phật", "nhà Phật" là thanh tịnh không cấu bẩn. Các vị thiện tín ! Người tu đạo tức là tu "khử dục đoạn ái". Nếu có thể luôn luôn giữ gìn thanh tịnh, do đó:

"Tâm thanh thủy hiện nguyệt,
Ý định thiên vô vân".

Nghĩa là:

"Tâm tịnh nước hiện trăng
Ý định trời trong sáng".

Đạt đến được cảnh giới này, thì bạn cũng sẽ ở trong "nhà Phật". Bằng không thời khắc vọng niệm sinh ra, làm cho ngày đêm điên đảo, trời đất u ám, sự nóng giận như núi lửa, thì không thể nào ở tại "nhà Phật" được. Vì tăng thêm lợi ích công đức xuất thế, có nghĩa là ông diễn nói pháp môn thập hồi hướng, không lợi ích chúng sinh, thì cũng tăng thêm lợi ích công đức xuất thế của chính mình. Xuất thế là thoát khỏi ba cõi, thì công đức xuất thế ngày càng tăng thêm, sẽ vĩnh viễn lìa sinh tử, gần bờ đề. Vì đắc được Đà la ni quang minh; Đà la ni là tiếng Phạn, dịch nghĩa là "tổng trì", tổng tất cả pháp, trì vô lượng nghĩa. Nếu thân tâm tinh tấn, thì sẽ đắc được vô lượng trí huệ, trí huệ sinh ra đại quang minh, tức là Đà la ni quang minh. Vì vào Phật

pháp không chướng ngại; không chướng ngại là nói tất cả dị luận có thể chướng ngại Phật pháp đều phá trừ, đạt đến cảnh giới giải thoát viên dung vô ngại. Vì Bồ Tát được mười phương chư Phật gia bị và hộ niệm, cho nên vào sâu cảnh giới giải thoát Phật pháp viên dung vô ngại, ở trong chân thật tánh không. Vì đại quang minh chiếu khắp pháp giới; đại quang minh tức là Phật quang. Đại quang minh chiếu khắp, tức là Phật quang chiếu khắp. Phật quang chiếu khắp tận hư không khắp pháp giới, khiến cho ba ngàn đại thiên thể giới đều tắm mình ở trong đại quang minh, đại quang minh này hình thành một đại quang minh tạng, đại quang minh tạng này tức là chúng ta đều biết từ "số 0" hoá ra. Số "0" này lớn mà chẳng ở ngoài, nhỏ mà chẳng ở trong. Quang minh phóng ra từ số "0", chỉ ở trong số "0", chẳng đến ở ngoài số "0", vì nó chẳng ở ngoài. Số "0" này, chẳng ai có thể phá nó được. Đại quang minh tạng này, cũng chẳng cách chi phá nó được. Nếu phá được đại quang minh tạng này, thì sẽ đen tối, vô minh, cho nên "đại quang minh" này vĩnh viễn chiếu khắp pháp giới. Vì tích tập pháp thanh tịnh chẳng lỗi lầm. "Tập chẳng lỗi lầm", nghĩa là nói chẳng có lỗi lầm, là sửa đổi lỗi lầm, là thần thần thừa nhận, là sám hối. Cổ nhân có nói:

"Con người chẳng phải Thánh hiền
Không thể không có lỗi lầm
Có lỗi đừng nãn sửa đổi".

Người dũng mãnh sửa đổi lỗi lầm, thì có chí khí, người có trí huệ. Có lỗi lầm thì đừng che giấu, phải phát lồ sám hối. Nếu cứ che giấu sợ người biết, thì cũng giống như cất giữ ở trong bóng tối, vĩnh viễn chẳng thấy được ánh

sáng quang minh. Trong tâm ý thức của con người, nếu thường đen tối che đậy, chẳng có ánh sáng quang minh, thì không thể sinh ra trí huệ. Vì có trí huệ thì có ánh sáng quang minh, ngu si thì chẳng có ánh sáng quang minh, tức là vô minh. Con người đừng sợ có lỗi lầm, chỉ sợ phạm lỗi lầm rồi chẳng chịu sửa đổi. Nếu luôn luôn tự cảnh giác mình, tùy thời biết sửa lỗi, thì lỗi lầm một hai ngày sẽ giảm bớt đi. Sám hối từng chút từng chút, thì sẽ được thanh tịnh. Cổ nhân có nói:

"Lỗi lầm hay sửa đổi
Thì sẽ chẳng còn nữa".

"Tập chẳng có lỗi lầm", tức là một chút lỗi lầm cũng đều chẳng có, đều đã sửa đổi lỗi lầm chuyển thành thiện. "Pháp thanh tịnh", vì chẳng có lỗi lầm, thì chẳng có nhiễm ô. Ba nghiệp đều chẳng nhiễm ô, thì tự nhiên sẽ thanh tịnh vô vi, rất tự nhiên sẽ hiện ra pháp thanh tịnh. Trong ý niệm càng không trụ vào tất cả "sắc pháp", chẳng trụ vào tất cả "tâm pháp", chẳng trụ vào tất cả "tâm sở pháp", chẳng trụ vào "bất tương ưng pháp", cũng chẳng trụ vào "vô vi pháp". Tất cả đều không trụ vào, thì đây tức là "tập không có lỗi lầm", sẽ được "pháp thanh tịnh". Vì trụ cảnh giới trí rộng lớn, "trụ" tức là thường trụ ở trong cảnh giới trí huệ rộng lớn. Nếu thường trụ ở trong cảnh giới trí huệ rộng lớn, thì chẳng có "ngu si", sẽ phá trừ được "vô minh". Vì đắc được pháp quang minh không chướng ngại, đắc được thứ pháp quang minh này, không chướng ngại. Không chướng ngại, thì chẳng mọi phiền não. Có phiền não chướng, thì có sở tri chướng. Có sở tri chướng, thì có nghiệp chướng. Có nghiệp chướng, thì sẽ sinh ra đủ thứ báo chướng, do đủ thứ

chương ngại, phiền não ràng buộc, nên chẳng được yên ổn. Hiện tại vì Bồ Tát vào được "tam muội Bồ Tát Trí Quang", nên có thể diễn nói pháp môn "thập hồi hướng", cho nên đắc được đủ thứ trí lực và trí huệ quang minh như đã nói ở trên, cùng với pháp trí huệ quang minh chẳng có chương ngại.

Bấy giờ, chư Phật liền ban cho Bồ Tát Kim Cang Tràng vô lượng trí huệ. Ban cho vô lưu biện tài. Ban cho phương tiện khéo phân biệt câu nghĩa. Ban cho pháp quang minh vô ngại. Ban cho thân Như Lai bình đẳng. Ban cho vô lượng âm thanh thanh tịnh khác nhau. Ban cho tam muội Bồ Tát quán sát không thể nghĩ bàn. Ban cho trí không thể cản trở phá hoại tất cả căn lành hồi hướng. Ban cho phương tiện thiện xảo quán sát tất cả pháp thành tựu. Ban cho biện tài tất cả mọi nơi nói tất cả pháp không dứt. Tại sao ? Vì sức căn lành nhập vào tam muội này.

Khi mười phương chư Phật Kim Cang Tràng nói xong đoạn văn ở trước với Bồ Tát Kim Cang Tràng, thì các đức Phật Kim Cang Tràng lập tức gia bị:

1. Ban cho Bồ Tát Kim Cang Tràng vô lượng trí huệ.
2. Ban cho biện tài không thể cản trở phá hoại.

3. Ban cho sức phương tiện lý giải phân biệt tất cả câu văn và nghĩa lý, dùng một nghĩa có thể diễn nói thành vô lượng nghĩa, cuối cùng quy về một nghĩa.

4. Lại ban cho trí huệ quang minh chẳng thọ tất cả sự chướng ngại.

5. Lại ban cho thân trí huệ bình đẳng với Phật, thân bình đẳng tức là thân trí huệ bình đẳng.

6. Lại ban cho vô lượng âm thanh thanh tịnh. Âm thanh của mỗi người trong đức hay dở, đều do kiếp trước tu được. Đối với xứ sự án vật, rất là quang trọng, nhất là Pháp Sư hoàng dương Phật pháp, nếu lúc giảng Kinh thuyết pháp, lời nói rõ ràng, âm thanh vang ra như đại hồng chung, đặc biệt trong suốt, khiến cho người nghe cách ngoại dễ dàng hấp thu, mau chóng sẽ tin thọ quy y vào cửa Phật.

7. Lại ban cho tam muội không thể nghĩ bàn của tất cả Bồ Tát, khéo quán sát đủ thứ nghiệp hạnh.

8. Lại ban cho trí huệ không thể bị bất cứ ngoại lực nào phá hoại căn lành, mà hồi hướng vô thượng pháp giới.

9. Lại ban cho trí huệ phương tiện khéo léo quán sát tất cả các pháp, biết được pháp nào có thể trợ giúp thành tựu.

10. Lại ban cho trí huệ biện tại vô úy, dù bất cứ thuyết pháp ở đâu, hoặc lúc biện luận với ngoại đạo, đều không bị họ hàng phục. Tại sao lại có được những trí huệ và sức lực này ? Vì nhập vào "tam muội Bồ Tát Trí Quang", cho nên đắc được trí huệ và sức căn lành này.

Bấy giờ, chư Phật, thấy đều dùng tay phải rờ đầu Bồ Tát Kim Cang Tràng.

Khi mười phương chư Phật Kim Cang Tràng ban cho Bồ Tát Kim Cang Tràng đủ thứ trí huệ đó, và gia bị cho Ngài vô lượng sức oai thần rồi, mỗi vị Phật đều dùng tay phải của mình, nhẹ nhàng rờ lên đỉnh đầu của Bồ Tát Kim Cang Tràng, thổ lộ tâm từ và ái hộ đối với Bồ Tát Kim Cang Tràng. Ở trong Phật giáo, rờ đầu là biểu thị sự ái hộ của trưởng giả đối với người hậu ký. Hơn nữa Bồ Tát tu hành công đức viên mãn, lập tức chứng được quả vị Phật, cũng phải thọ nghi lễ rờ đầu thọ ký, để biểu thị rằng là vị Phật mới. Lúc đó Bồ Tát Kim Cang Tràng được thọ sự rờ đầu ái hộ của chư Phật.

Bồ Tát Kim Cang Tràng được rờ đầu rồi, liền từ định mà dậy.

Từ "Bấy giờ chư Phật... đến liền từ định mà dậy", đây là lời nói của Bồ Tát kết tập Kinh tạng nói.

Nói với các Bồ Tát rằng: Phật tử ! Đại Bồ Tát có đại nguyện không thể nghĩ bàn, sung mãn pháp giới, khắp cứu hộ tất cả chúng sinh. Đó là tu học hồi hướng của tất cả chư Phật, quá khứ hiện tại và vị lai.

Bồ Tát Kim Cang Tràng được mười phương chư Phật Kim Cang Tràng rờ đầu rồi, lập tức từ trong định "Tam muội Bồ Tát Trí Quang" mà dậy, đối với các vị Bồ Tát trong pháp hội mà nói: Các vị đệ tử của Phật ! Đại Bồ Tát trong hàng Bồ Tát ! Các Ngài đều có thể nguyện lớn,

khiến cho người không thể tưởng tượng đến được, rộng lớn sung mãn tận cùng hư không khắp pháp giới. Chẳng có nơi một hạt bụi nào, mà chẳng phải là đại nguyện thành tựu của Bồ Tát. Bồ Tát trong đời quá khứ, từ lúc ban đầu phát tâm bồ đề, thì phát ra đại nguyện: "Nguyện đời đời kiếp kiếp, nơi nơi chốn chốn, khắp cứu hộ tất cả chúng sinh, khiến cho chúng sinh, đều sớm thành Phật đạo". Bất luận công đức của mình như thế nào, công đức lớn nhỏ, đều hồi hướng cho chúng sinh, nguyện giúp chúng sinh đắc được giải thoát. Bồ Tát cứu độ tất cả chúng sinh rồi, lại còn tiến thêm một bước lia tướng tất cả chúng sinh, chẳng chấp trước vào tất cả chúng sinh, mà mình đã từng độ thoát. Hành Bồ Tát đạo như vậy, là học tập hạnh hồi hướng mà chư Phật quá khứ đã thực hành, hạnh hồi hướng mà chư Phật vị lai sẽ thực hành, hạnh hồi hướng mà chư Phật hiện tại đang thực hành. Do đó: "Khó nghĩ bàn", là vì lời nguyện phát ra sâu tựa như biển cả, thể đầy khắp pháp giới, hạnh đồng với chư Phật. Do đó "Đại": Tức là "Cứu hộ khắp các chúng sinh". "Đại Bồ Tát": Là nguyện lực lớn, hạnh lực lớn, trí lực lớn, bi tâm lớn, như vậy mới đáng gọi là đại Bồ Tát.

Phật tử ! Đại Bồ Tát hồi hướng có bao nhiêu loại ? Phật tử ! Đại Bồ Tát hồi hướng có mười loại. Ba đời chư Phật đều cùng diễn nói.

Các vị đệ tử của Phật ! Các Ngài có biết đại Bồ Tát tu hạnh hồi hướng, có bao nhiêu loại chẳng ? Các vị đệ tử của Phật ! Đại Bồ Tát tu hạnh hồi hướng có mười loại.

Mười loại hồi hướng này, chẳng riêng các đại Bồ Tát phải tu học, mà chư Phật ba đời, cũng đều cùng diễn nói pháp môn này.

Những gì là mười ? Một là cứu hộ tất cả chúng sinh, lia tướng chúng sinh hồi hướng. Hai là bất hoại hồi hướng. Ba là đồng với tất cả chư Phật hồi hướng. Bốn là đến tất cả mọi nơi hồi hướng. Năm là vô tận công đức tạng hồi hướng. Sáu là vào tất cả căn lành bình đẳng hồi hướng. Bảy là đồng tùy thuận tất cả chúng sinh hồi hướng. Tám là chân như tướng hồi hướng. Chín là không ràng buộc, không chấp trước giải thoát hồi hướng. Mười là vào pháp giới vô lượng hồi hướng.

Phật tử ! Đó là mười loại hồi hướng của đại Bồ Tát. Chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại, đã nói, đang nói và sẽ nói.

Ở trên nói về đại Bồ Tát tu hạnh hồi hướng có mười loại, những gì là mười loại ? Hiện tại nói ra tên của mười loại hồi hướng, giải thích sơ lược, Kinh văn về sau sẽ nói tỉ mỉ hơn.

1. Cứu hộ tất cả chúng, lia tướng chúng sinh hồi hướng: Đây là đại nguyện của Bồ Tát, muốn cứu hộ khắp tất cả chúng sinh, mà chẳng chấp tướng. Là sự "hồi hướng

lià tướng hồi tự hướng tha". Như trong Kinh Kim Cang có nói:

"Như vậy diệt độ tất cả chúng sinh,
Mà thật chẳng có một chúng sinh được diệt độ".

Nghĩa là nói lià tướng hồi hướng, lià tướng chúng sinh. Bồ Tát cứu độ tất cả chúng sinh, mà chẳng kể công, chẳng chấp tướng, chẳng khoe khoang. Ngài đem tất cả công đức thiện nghiệp hồi hướng cho tất cả chúng sinh. Lià các tướng, tức là lià khỏi sự chấp trước. Nếu có sự chấp trước, thì sẽ tự mãn, sẽ kiêu ngạo. Một khi sinh tâm kiêu ngạo, thì vĩnh viễn sẽ không thể khai mở đại trí huệ. Sự khó khăn nhất, quang trọng nhất của sự tu hành, là tu lià sự chấp trước, lià sự kiêu ngạo, nếu không thì không thể nào đắc được sự giải thoát. Chấp trước thì giống như dùng sợi dây thừng tự trói buộc mình, cho nên nói không thể được giải thoát. Người chấp trước, thì tâm lượng nhỏ, không thể dung chứa người, dung chứa vật, tuyệt đối sẽ chẳng có đại trí huệ, chẳng có đại trí huệ quang minh. Người chẳng chấp trước vào "người, sự việc, thời, đất, vật", mới có thể cứu độ tất cả chúng sinh, lià tướng chúng sinh hồi hướng, cuối cùng tự nhiên sẽ đạt đến bồ đề viên mãn, quy vô sở đắc, khai đại ngộ, được đại trí huệ.

2. Bất hoại hồi hướng: Thế nào là bất hoại ? Là chẳng hoại căn lành, chẳng hoại công đức lành, chẳng hoại tâm bồ đề, chẳng hoại tâm kim cang, chẳng hoại giới định huệ, chẳng hoại tâm tin kiên cố nơi Tam Bảo. Đem hết thảy công đức căn lành tâm bồ đề của mình, hồi hướng hết cho pháp giới tất cả chúng sinh, khiến cho căn lành công đức, tâm bồ đề, tâm kim cang .v.v... Của chúng sinh cũng

chẳng hoại diệt. Tôi phát bốn thệ nguyện lớn, tức cũng đồng như chúng sinh phát, đây là bất hoại hồi hướng.

3. Đồng tất cả chư Phật hồi hướng: Tôi nguyện học pháp môn hồi hướng của chư Phật ba đời tu hành, theo sự hồi hướng của chư Phật ba đời đã phát ra. Đem hết thầy tất cả công đức của mình làm được, đồng như chư Phật hồi hướng cho pháp giới chúng sinh.

4. Đến tất cả mọi nơi hồi hướng: Đến tất cả mọi nơi tức là đến nơi rốt ráo, nghĩa là đạt đến được quả vị Phật. Tôi hy vọng thành Phật, cũng muốn cho tất cả chúng sinh sớm thành Phật đạo, hồi hướng như vậy.

5. Vô tận công đức tạng hồi hướng: Do sự hồi hướng, nên sẽ thành tựu tạng vô tận công đức. Chúng sinh vô tận, công đức vô tận, cho nên hồi hướng cũng vô tận.

6. Vào tất cả căn lành bình đẳng hồi hướng: Tư tưởng vào sâu tất cả bình đẳng, tâm chẳng phân biệt, khiến cho tất cả chúng sinh đều đắc được căn lành, thuận lý tu thiện, sự lý chẳng trái, vào nơi hồi hướng bình đẳng.

7. Đồng tùy thuận tất cả chúng sinh hồi hướng: Quán sát chúng sinh hồi hướng, chẳng tính toán có bao nhiêu, chẳng phân biệt thân sơ, phân biệt thiện ác, chẳng phân biệt tốt xấu giàu nghèo, đem hết thầy công đức căn lành của tôi, tùy thuận chúng sinh, lợi ích chúng sinh, bình đẳng hồi hướng cho tất cả chúng sinh.

8. Chân như tướng hồi hướng: Bảy loại hồi hướng ở trên, đều có hình tướng. Nhưng chân như là không hình, không tướng, tuyệt đối đối đãi, bậc lẽ lẽ tư tướng. Tuy nhiên như vậy, nhưng căn lành có thể hợp vào nơi chân như, cho nên có môn hồi hướng này.

9. Không ràng buộc chấp trước giải thoát hồi hướng: Chẳng "ràng buộc", chẳng "chấp trước", sinh hoạt ở trong chân lý nhậm vận tự tại, chẳng bị mọi sự ràng buộc nào, đắc được tự do giải thoát. Bồ Tát đắc được "giải thoát không ràng buộc, không chấp trước", cũng hy vọng tất cả chúng sinh đều đắc được sự tự do" giải thoát không ràng buộc, không chấp trước", do đó đem sự đắc được của mình, hồi hướng cho pháp giới chúng sinh.

10. Vào pháp giới vô lượng hồi hướng: Bồ Tát vào sâu pháp giới, thực hành vô lượng vô biên công đức lành, tận cùng hư không khắp pháp giới, chẳng có một nơi nào mà chẳng có bố thí công đức lành của chư Phật Bồ Tát. Bồ Tát đem căn lành công đức đó, hồi hướng cho pháp giới vô lượng vô biên chúng sinh.

Các Phật tử ! Ở trên là nói về mười loại pháp môn hồi hướng của đại Bồ Tát, Kinh văn ở sau sẽ giải thích rõ hơn. Chư Phật quá khứ, chư Phật vị lai, và chư Phật hiện tại, quá khứ đã từng nói qua. Chư Phật vị lai chắc chắn sẽ nói. Chư Phật hiện tại, các Ngài đang đối với các Bồ Tát diễn nói diệu pháp thập hồi hướng.

**Hồi hướng thứ nhất cứu hộ chúng sinh
liạ tướng chúng sinh.**

**Phật tử ! Thế nào là đại Bồ Tát cứu hộ
tất cả chúng sinh liạ tướng chúng sinh hồi
hướng ?**

Bồ Tát Kim Cang Tràng gọi một tiếng các vị đệ tử của Phật ! Thế nào gọi là đại Bồ Tát, cứu hộ tất cả chúng sinh, mà chẳng chấp vào tướng chúng sinh hồi hướng ?

**Phật tử ! Đại Bồ Tát đó thực hành
Đàn Ba La Mật. Thanh tịnh Thi La Ba La
Mật. Tu Sằn Đề Ba La Mật. Khởi tinh tấn
Ba La Mật. Vào thiền định Ba La Mật. Trụ
Bát Nhã Ba La Mật. Đại từ, đại bi, đại hỷ,
đại xả. Tu vô lượng căn lành như vậy.**

Các vị đệ tử của Phật ! Tu pháp môn Bồ Tát cứu hộ
tất cả chúng sinh, mà lia tướng chúng sinh, các Ngài trước
hết tu:

1. Đàn Ba La Mật, tức là bố thí Ba La Mật. Vì bố thí
đổi trị tham lam, xả bỏ sự nhiễm ô tham lam, sinh khởi tâm
từ bi cứu hộ tất cả chúng sinh, thương xót chúng sinh như
mình, cũng có thể xả mình vì chúng sinh. Bố thí có ba loại:

- a. Bố thí tài.
- b. Bố thí pháp.
- c. Bố thí vô úy.

Bố thí tài phân ra nội tài và ngoại tài. Nội tài là đầu,
mắt, tuỷ, não, thân thịt, máu huyết. Ngoại tài là đất nước
vợ con. Bố thí pháp là vì chúng sinh giảng Kinh thuyết
pháp, giáo hoá tất cả chúng sinh. Trong Kinh có nói:

"Trong các sự cúng dường,
Cúng dường pháp là hơn hết".

Dem pháp bố thí cho người, đây là sự bố thí hơn hết
trong các sự bố thí. Bố thí vô úy là thường hay khiến cho
họ đừng có sợ hãi, khiến cho họ được cảm giác bình an.

Như tu hành Ba La Mật như vậy, thì sẽ đạt đến bờ Niết Bàn bên kia. Kế tiếp:

2. Thanh tịnh Thi La Ba La Mật: Thanh tịnh là trong sạch, chẳng có sự ô nhiễm. Thi La, là tiếng Phạn, dịch là "giới", tức là giới luật mà các hàng đệ tử phải giữ gìn. Chỗ quang trọng của giới luật là:

"Đừng làm các điều ác,
Chuyên làm các điều thiện".

"Siêng tu giới định huệ,
Tiêu diệt tham sân si".

Giữ giới phải nghiêm mật, giữ giới phải thanh tịnh. Thanh tịnh giống như trăng tròn ngày rằm, một chút tỳ vết cũng chẳng có. Người tu hành giữ giới thanh tịnh, chẳng làm người trời, thì nhất định cũng sinh vào nhà giàu có ở nhân gian, cũng là tư lương lên bờ Niết Bàn bên kia.

3. Tu Sàn Đề Ba La Mật: "Sàn Đề", cũng là tiếng Phạn, dịch là "nhẫn nhục". Nhẫn là nhẫn nại, nhẫn thọ, chịu đựng. Người hay nhẫn được, thì đối với người tâm bình khí hoà, đối đãi với người khoan dung độ lượng, nhan sắc hoà duyệt, quyết chẳng trừng mang trợn mắt, thấy người thì nộ tháo như sấm, nóng giận như núi lửa. Nhẫn nhục là hay chịu đựng sự đánh đập, mắng chửi, mà chẳng có tâm báo thù, vẫn thản nhiên, chẳng cho rằng quái lạ. Bồ Tát tu sinh nhẫn, pháp nhẫn, viễn mãn thành tựu vô sinh pháp nhẫn, cũng là công đức đến bờ Niết Bàn bên kia.

4. Khởi tinh tấn Ba La Mật: Bồ Tát tu sáu độ vạn hạnh, tùy thời sinh khởi tâm tinh tấn, dũng mãnh tinh tấn chẳng thôi nghỉ, chẳng thối lui, mong sớm thành đạo nghiệp, cứu độ chúng sinh.

5. Vào thiền định Ba La Mật: Bồ Tát vào sâu thiền định, tu tập pháp môn tư duy tu, tăng trưởng trí huệ, thành tựu thần thông không nghĩ bàn, nhậm vận tự tại, độ thoát chúng sinh, đồng lên bờ Niết Bàn bên kia.

6. Trụ Bát Nhã Ba La Mật: "Trụ" là chẳng lìa khỏi, Bồ Tát tu sáu độ vạn hạnh, chẳng có độ nào hạnh nào lìa khỏi trí huệ, do đó "Dùng trí hoá tình, dùng Bát Nhã lãnh đạo vạn hạnh". Chẳng có Bát Nhã, thì giống như người chẳng có mắt, việc gì cũng đều chẳng thông, thì làm sao hành Bồ Tát đạo giáo hoá chúng sinh ! Cho nên phải tu "văn tự Bát Nhã", khởi "Quán chiếu Bát Nhã", khế hợp với "Thật tướng Bát Nhã", để hoàn thành Phật quả, đến được bờ Niết Bàn bên kia. Cuối cùng vẫn phải tu bốn tâm vô lượng, đó là: Tâm từ vô lượng, tâm bi vô lượng, tâm hỷ vô lượng, tâm xả vô lượng. Đại Bồ Tát tu vô lượng vô biên căn lành như đã nói ở trước.

Khi Bồ Tát tu căn lành, thì nghĩ như vậy: Nguyện căn lành này lợi ích khắp tất cả chúng sinh, đều khiến cho thanh tịnh, đến nơi rốt ráo. Vĩnh viễn lìa khỏi địa ngục, ngã quỷ, súc sinh, vua Diêm La .v.v... vô lượng khổ não.

Đại Bồ Tát, khi tu đủ thứ căn lành công đức, thì trong tâm bèn nghĩ như vậy: Nguyện đem tất cả căn lành công đức của tôi tu được, lợi ích khắp tất cả chúng sinh, khiến cho tất cả chúng sinh đều đắc được thanh tịnh, đắc được thanh tịnh chân chánh, một chút nhiễm ô cũng chẳng

có, đến cảnh giới rất ráo quả vị Phật. Vĩnh viễn lìa khỏi thống khổ ở địa ngục, khổ não ở đường ngạ quỷ, khổ bách ở đường súc sinh, cùng với sự thọ thống khổ của Vua Diêm La quản lý. Đủ thứ sự khổ não không thể nào độ lượng được, thấy đều xa lìa.

Khi đại Bồ Tát trông căn lành, thì đem căn lành của mình hồi hướng như vậy: Tôi sẽ vì tất cả chúng sinh làm nhà, khiến cho họ tránh khỏi tất cả các sự khổ.

Vì tất cả chúng sinh mà bảo hộ họ, khiến cho họ giải thoát cả phiền não.

Vì tất cả chúng sinh làm chỗ nương tựa, khiến cho họ lìa khỏi các sự sợ hãi.

Vì tất cả chúng sinh làm chỗ hướng về, khiến cho họ đến được nơi nhất thiết trí.

Vì tất cả chúng sinh làm chỗ bình an, khiến cho họ được nơi an ổn rất ráo.

Vì tất cả chúng sinh làm ánh sáng, khiến cho họ được trí huệ quang minh diệt trừ ngu si đen tối.

Vì tất cả chúng sinh làm đuốc, để phá tất cả đen tối vô minh.

Vì tất cả chúng sinh làm đèn sáng, khiến cho họ trụ nơi thanh tịnh rất ráo.

Vì tất cả chúng sinh làm Đạo Sư, để dẫn họ, khiến cho họ vào pháp chân thật.

Vì tất cả chúng sinh làm đại Đạo Sư, ban cho họ đại trí huệ vô ngại.

Phật tử ! Đại Bồ Tát đem các căn lành hồi hướng như vậy, bình đẳng lợi ích tất cả chúng sinh, rốt ráo đều khiến cho họ được nhất thiết trí.

Đại Bồ Tát, khi các Ngài tu hành đạo Bồ Tát, hành hạnh môn thập hồi hướng, gieo trồng các căn lành, thành ý cẩn thận, "không làm các điều ác, chuyên làm các điều thiện". Chưa từng cho rằng việc thiện nhỏ không làm, hoặc điều ác nhỏ mà làm. Bồ Tát gieo trồng các căn lành như vậy, gieo trồng các căn lành ở trong thân tâm của chúng sinh. Nếu chẳng có chúng sinh, thì Bồ Tát cũng chẳng có chỗ để trồng căn lành, cho nên phải vì chúng sinh mà hồi hướng. Bồ Tát ở tại nơi thân chúng sinh gieo trồng căn lành, tức là tu hành Bồ Tát đạo, tu đạo bồ đề, mới rộng gieo trồng căn lành. Nếu như chẳng tu Bồ Tát đạo, cũng không thể gieo trồng căn lành. Bồ Tát rộng gieo trồng căn lành, vẫn phải lìa tướng gieo trồng căn lành, cho nên phải hồi hướng "thật tế", thật tế tức là không chẳng chỗ có. Tóm lại, nghĩa là gieo trồng căn lành chẳng chấp trước căn lành. Lìa tất cả sự chấp trước, lìa tất cả sự ràng buộc, mới đắc được giải thoát. Khi Bồ Tát trồng căn lành, thì Ngài hồi hướng như vậy: Tôi nên biến thành nhà ở của chúng sinh, vì nhà ở che nắng che mưa, khiến cho chúng sinh an trụ ở

trong đó. Khiến cho họ tránh khỏi các sự khổ não, như đói khát nóng lạnh. Khổ có: Khổ khổ, hoại khổ, và hành khổ. Còn có tám thứ khổ và vô lượng thứ khổ. Bồ Tát lại hồi hướng như vậy: Tôi phải thường bảo hộ tất cả chúng sinh, khiến cho họ chẳng thọ bất cứ sự xâm hại nào. Phải cứu hộ tất cả chúng sinh, khiến cho họ lìa khổ được vui. Phải hộ trì tất cả chúng sinh, khiến cho họ đều đắc được giải thoát. Giải thoát dứt trừ tất cả phiền não, mà khiến cho họ đều đắc được thanh tịnh chân chánh. Bồ Tát lại hồi hướng như vậy: Tôi phải khiến cho tất cả chúng sinh, thân đều có chỗ quy về, tâm có chỗ nương tựa, làm nơi nương tựa của họ, xa lìa tất cả sự uy hiếp sợ hãi, mà có chỗ nương nhờ. Bồ Tát lại hồi hướng như vậy: Tôi phải làm chỉ tiêu hướng về chánh quyết của tất cả chúng sinh, làm con đường đạo chánh pháp lớn hướng về, khiến cho tất cả chúng sinh đều từ con đường đạo lớn này, thuận lợi đạt đến trí huệ địa. Bồ Tát lại hồi hướng như vậy: Tôi phải làm chỗ bình an của tất cả chúng sinh, khiến cho tất cả chúng sinh đắc được sự an ổn chân chánh, bình an khoái lạc. Bồ Tát lại hồi hướng như vậy: Tôi phải làm quang minh của tất cả chúng sinh, khiến cho tất cả chúng sinh đều đắc được trí huệ quang minh, diệt trừ sạch tất cả ngu si đen tối. Bồ Tát lại hồi hướng như vậy: Tôi phải làm đuốc lửa cho tất cả chúng sinh, để phá trừ vô minh ám muội của họ. Bồ Tát lại hồi hướng như vậy: Tôi phải làm đèn sáng lớn cho tất cả chúng sinh, khiến cho họ đều trụ nơi cõi nước Phật thanh tịnh chân chánh. Bồ Tát lại hồi hướng như vậy: Tôi phải làm bậc Đạo Sư của tất cả chúng sinh, để dẫn dắt họ đi trên con đường chánh, đạt đến con đường đạo chánh pháp chân thật vô tướng. Bồ Tát lại hồi hướng như vậy: Tôi phải làm bậc đại Đạo Sư của tất cả

chúng sinh, giáo hoá hết thầy mười phương tất cả chúng sinh, ban cho họ đại trí huệ viên dung vô ngại, phá trừ tất cả sự ngu si ám muội của họ. Các vị đệ tử của Phật ! Đại Bồ Tát, đem đủ thứ căn lành tu tập của Ngài, hồi hướng như ở trên vừa nói, đối với mười phương chúng sinh, đều xem bình đẳng, chẳng phân biệt, bình đẳng lợi ích tất cả chúng sinh, khắp tất cả đều thọ ích, rốt ráo đều có thể thành Phật.

Phật tử ! Đại Bồ Tát thủ hộ hồi hướng những người chẳng phải thân hữu, bằng với những người thân hữu, bình đẳng chẳng có sự khác biệt. Tại sao ? Vì Bồ Tát vào tánh bình đẳng của tất cả các pháp. Chẳng ở nơi chúng sinh mà khởi một niệm nghĩ chẳng phải thân hữu. Nếu như có chúng sinh ở chỗ Bồ Tát, khởi tâm oán hại, thì Bồ Tát cũng dùng mắt từ bi nhìn họ, quyết chẳng có sự hờn giận. Khắp vì chúng sinh làm bậc thiện tri thức, diễn nói chánh pháp, khiến cho họ tu tập.

Các vị đệ tử của Phật ! Đại Bồ Tát, đối với những người chẳng thân thuộc quan hệ với mình, với những người chẳng phải bạn bè của mình, mà là những người bình thường. Nếu gặp tai nạn khốn khổ, Bồ Tát đối với họ bảo vệ giữ gìn, căn lành hồi hướng, bằng với những người thân

thuộc bạn bè của mình, đều xem như nhau, chẳng có tư hào tâm phân biệt. Vì Bồ Tát tu hành hạnh bình đẳng, khởi tâm vô duyên đại từ, đồng thể đại bi, bình đẳng đối đãi với tất cả chúng sinh. Cho nên trong mắt của Bồ Tát chẳng có phân biệt thân, sơ, xa, gần, thương, ghét, thấy đều bình đẳng thù hộ hồi hướng. Đây là nguyên nhân gì ? Đại Bồ Tát đã vào tánh bình đẳng của tất cả các pháp, biết rõ "Là pháp bình đẳng, chẳng có cao thấp". Cho nên Ngài chẳng có quan niệm thân sơ, xa gần, thương ghét, mà tự nhiên tự tại bình đẳng đối đãi với tất cả chúng sinh. Bồ Tát chẳng riêng gì dùng tâm đại từ bi đối đãi với tất cả chúng sinh, mà dù một niệm chẳng phải thân hữu, cũng chẳng sinh khởi lên, quyết chẳng bao giờ nghĩ chúng sinh này chẳng có quan hệ gì với tôi, chúng sinh kia là người thân của tôi, người này tôi ưa thích, kẻ kia tôi ghét. Bồ Tát xem tất cả chúng sinh, đều là cha mẹ quá khứ của ta, là chư Phật vị lai. Nếu như có chúng sinh như thế, họ ở tại chỗ Bồ Tát, sinh khởi tâm oán hận Bồ Tát, hoặc tâm nghĩ giết hại Bồ Tát, nhưng Bồ Tát vẫn dùng tâm từ bi để nhìn đối đãi với chúng sinh, thương xót chúng sinh, quyết chẳng vì chúng sinh khởi tâm oán hận giết hại, báo thù chúng sinh, trừng phạt chúng sinh. Tâm trạng của Bồ Tát đều thương chúng sinh ngu si, tạo nghiệp thọ báo vẫn như ở trong mộng, sao lại oán trách, chỉ có tha thứ. Cho nên nói:

"Chư Phật Bồ Tát chẳng thấy lỗi chúng sinh".

Bồ Tát dùng tâm từ bi tha thứ cho chúng sinh, dùng tâm dung nhẫn khoan đãi chúng sinh, khắp làm bậc thiện tri thức của chúng sinh, bất cứ chúng sinh có vấn đề gì khó giải quyết, Bồ Tát đều vì họ giải quyết. Vẫn luôn luôn vì

chúng sinh diễn nói chánh pháp, giáo hoá họ, khiến cho tất cả chúng sinh tin thọ chánh pháp, phát tâm bồ đề, tu học tất cả Phật pháp.

Ví như biển cả, tất cả các thứ độc không thể biến hoại được, Bồ Tát cũng vậy. Tất cả kẻ ngu si chẳng có trí huệ, chẳng biết ân đức, sân hận ngoan độc, kiêu mạn tự đại. Tâm họ mù tối, chẳng biết pháp lành. Như vậy thấy các loại chúng sinh ác, đủ thứ bức bách náo hại, Bồ Tát không động loạn.

Bồ Tát đối với chúng sinh, tâm lượng của Ngài từ bi rộng lớn như biển cả. Biển cả rộng lớn, chứa đựng vạn vật, từ xưa đến nay chẳng biến đổi. Dù bạn dùng phương pháp gì để phá hoại nó, cũng không thể nào tổn hại tơ hào nó được. Nếu muốn biến đổi nó, cũng không thể biến đổi được chút nào. Như bỏ xuống tất cả các chất độc, cũng không thể nào độc hại nó được. Tâm lượng của Bồ Tát cũng giống như biển cả, bất luận chúng sinh dùng thái độ như thế nào đối đãi với Ngài, đều không thể biến đổi được tâm trạng từ bi của Ngài. Chúng sinh phần nhiều chẳng hiểu chẳng biết, ngu si mê muội, chẳng có trí huệ chân chánh, ý lại có chút thông minh, ngược lại chướng ngại trí huệ chân chánh. Thiệt tri thức khổ tâm dạy bảo, cũng chẳng biết "Tri ân báo đức", ngược lại nổi giận, hung hăng, dùng tâm lang độc, chẳng nghe lời giáo hoá. Độc, là trong tâm oán hận đến cực điểm. Chúng sinh sân hận ngoan độc

như vậy, thì họ nhất định có thái độ kiêu hãnh, đối với người kiêu mạn vô lễ, cuồng vọng tự đại, duy ngã độc tôn. Tâm của con người như thế, giống như mù tối, mắt chẳng thấy vật gì, chẳng biện rõ thị phi. Tâm trí bị vô minh che đậy, cho nên chẳng nhận thức được pháp lành, cũng chẳng nhận ra bậc thiện tri thức, nghĩa là đối diện với bậc thiện tri thức cũng chẳng nhận ra. Cho nên nói chúng sinh như thế ngu si vô trí, Bồ Tát chỉ có thương xót họ. Các loại chúng sinh ác như thế, họ dùng đủ thứ phương pháp để bức bách Bồ Tát, nã hại Bồ Tát, cũng không thể kích động được định lực của Bồ Tát, tán loạn được tâm từ bi của Bồ Tát, khiến cho tâm Bồ Tát giao động, tán loạn mà biến đổi tâm ban đầu.

Ví như mặt trời xuất hiện nơi thế gian, chẳng do bởi kẻ sinh ra mù loà không thấy, mà ẩn đi không hiện. Lại chẳng do bởi thành Càn Thát Bà, tay A Tu La, cây Diêm Phù Đề, núi cao hang sâu, bụi khói mây mù, các vật như vậy che lấp, mà ẩn đi không hiện. Cũng lại chẳng do bởi thời tiết biến đổi, mà ẩn đi không hiện, đại Bồ Tát cũng lại như thế.

Ở trước dùng biển cả để ví dụ, là ví dụ tâm lượng của Bồ Tát sâu dày rộng lớn như biển cả. Chúng sinh đối đãi với Bồ Tát như thế nào, Bồ Tát cũng chẳng động tâm hoặc thấy độc. Vì Ngài dùng tâm đại từ bi làm đầu. Hiện

tại Bồ Tát Kim Cang Tràng lại đưa ra ví dụ: Giống như mặt trời hiện ra thế gian, chiếu sáng khắp. Ví như có người mới sinh ra đã mù loà chẳng thấy vật gì, gọi là sinh mù, nhìn chẳng thấy mặt trời, cũng chẳng biết mặt trời hình dáng ra sao. Giả sử có người nói với kẻ sinh mù, mặt trời là hình vuông, thì kẻ sinh mù cũng chẳng biết hình vuông ra làm sao ? Có người nói với kẻ sinh mù, mặt trời là hình tam giác, hình chữ nhật, thì kẻ sinh mù cũng chẳng biết, cũng không đoán được rằng người đó nói đúng, hay không đúng. Song, mặt trời chẳng phải vì kẻ sinh mù nhìn không thấy, không biết, mà ẩn tàng đi không hiện nơi thế gian. Nó vẫn luôn luôn lơ lửng ở trên không, toả ra ánh sáng nóng ấm, chiếu khắp thế gian. Nó cũng chẳng vì thành Càn Thát Bà, Càn Thát Bà là một trong tám bộ thiên thần, làm thần nhạc cho trời Đế Thích. Huyền hoá thành áp cung điện, vì trời âm trong sáng mà hiện nơi biển cả, hoặc trên không sa mạc, gọi là hoá thành. Tay của A tu la có thể che lấp mặt trời. Các thứ cây Diêm Phù Đề cũng có thể che lấp mặt trời. Còn có núi cao ngất trời, phủ lấp mây mù, cũng có thể che lấp mặt trời. Còn có hang thẳm, ở đó cũng chẳng thấy mặt trời. Hoặc có rất nhiều bụi bặm, sương mù, khói dày, đám mây, các loại như thế, đều có thể che lấp mặt trời, cản trở mặt trời. Nhưng mặt trời, chẳng phải vì các nhân duyên đó, mà ẩn tàng đi không hiện ra. Mặt trời chẳng thọ tất cả sự chướng ngại, vĩnh viễn chiếu sáng nơi thế gian. Đại Bồ Tát cũng giống như mặt trời, Ngài quyết không vì có những sự chướng ngại mà không tu hành, không hành Bồ Tát đạo, không cứu độ chúng sinh, giáo hoá chúng sinh. Không màng chúng sinh dùng thủ đoạn gì phá hoại Ngài,

cản trở Ngài, nhiều loạn Ngài, khôn khổ Ngài, Ngài cũng chẳng vì thế, vẫn dũng mãnh tinh tấn hành Bồ Tát đạo.

Có phước đức lớn, tâm Bồ Tát sâu rộng, chánh niệm quán sát, chẳng thối lùi khuất phục. Vì muốn rốt ráo công đức trí huệ. Nơi pháp vô thượng thù thắng, tâm sinh chí muốn. Pháp quang chiếu khắp, thấy tất cả nghĩa. Nơi các pháp môn, trí huệ tự tại. Thường vì lợi ích tất cả chúng sinh mà tu pháp lành. Chưa từng làm khởi tâm xả bỏ chúng sinh. Chẳng vì chúng sinh tâm tính tệ ác, tà kiến sân hận ô trược, khó điều phục, mà xả bỏ, không tu hồi hướng.

Sở dĩ Bồ Tát có những biểu hiện như đã nói ở trên, là vì Bồ Tát có phước đức lớn. Vì Ngài có phước đức, cho nên chưa từng sợ nạn khổ, đó là công đức tích tụ thành tựu trong lúc tu hành Bồ Tát đạo. Tâm lượng của Ngài sâu rộng như biển cả. Quang minh từ bi tế thể của Ngài như mặt trời khắp chiếu sáng vạn vật. Ngài đối đãi với Người và vật bình đẳng như chính mình, quán sát sự lý thì chánh niệm. Lập định cứu thế giáo hoá chúng sinh làm tông chỉ. Chẳng vì chúng sinh cương cứng khó dạy mà sinh tâm thối lùi. Chẳng khuất phục bởi thế lực và cường quyền. Chẳng cuối đầu lúc gặp khôn khổ hoạn nạn. Bất cứ lúc nào, hoàn cảnh nào, Ngài cũng chẳng thọ sự uy hiếp dẫn dụ mà biến đổi tác phong, hoặc chuyển lùi. Tại sao Bồ Tát có thể cự

tuyệt như vậy ? Vì Ngài có đại nguyện, đó là lời nguyện phát ra từ thâm tâm của Ngài. Nguyện lực dẫn dắt Ngài dũng cảm hướng về trước, hy vọng tâm thành tựu, khiến cho Ngài tinh tấn không giải đãi, cũng là vì muốn đắc được công đức rốt ráo, trí huệ chân thật. Tóm lại, tức là muốn đắc được công đức đầy đủ, trí huệ viên mãn. Giống như đủ thứ pháp môn thù thắng đã nói ở trước, Ngài đều lập chí một lòng tu học, và nguyện ý hành trì không giải đãi. Vì chí nguyện của Ngài câu pháp thù thắng, vĩnh viễn không thối lui khuất phục, cho nên Ngài đắc được pháp quang chiếu khắp, nơi nghĩa lý chánh kiến quang minh, nơi tất cả pháp, dùng trí huệ của Ngài, đều thấu suốt thông đạt, mà tự tại nhậm vận tu hành những pháp môn đó. Tại sao Bồ Tát phải thường tu các pháp ? Ngài vì tất cả chúng sinh, hy vọng thường có thể lợi ích cho tất cả chúng sinh mà tu các pháp lành. Bồ Tát từ xưa đến nay chưa từng vì lợi ích mà quên chúng sinh, dù trong sự vô ý cũng chẳng làm khởi tâm niệm xả bỏ chúng sinh. Bất cứ lúc nào Ngài cũng nghĩ đến việc giáo hoá chúng sinh, độ chúng sinh được giải thoát. Bồ Tát tu Bồ Tát hạnh, hành Bồ Tát đạo, thì nhất định phải tu ở tại thân của chúng sinh, mới có thể tích tụ hết thủy công đức. Nếu chẳng có chúng sinh, thì Bồ Tát chẳng có đối tượng tu công lập đức, chẳng có cơ hội thành tựu Bồ Tát đạo. Bồ Tát giáo hoá chúng sinh, cũng chẳng vì chúng sinh sinh tính tệ ác, mà xả bỏ chúng sinh không giáo hoá. Ngài vẫn nghĩ tìm hết biện pháp, khéo dẫn dụ, khiến cho họ cải ác hướng thiện. Thứ tính tệ ác này của chúng sinh, đầy đầy ở trong não hải sung mãn tà tri tà kiến, nóng giận lớn, tâm sân nặng. Chẳng thấy chân lý, chẳng ngộ con đường chân chánh. Tất cả sự lý, vốn là trung đạo mới

đúng. Thế nào gọi là trung đạo ? Tức là chẳng thái quá, cũng đừng bất cập, không trái không phải, đó mới là trung đạo liễu nghĩa. Nếu thiên về một bên, tức thành tà. Sân hận nóng giận lớn, tự ngã ở trong tâm. Trược là ngu si, chẳng dễ gì điều phục. Vì loại chúng sinh đó sinh tính tệ ác, cho nên giáo hoá như thế nào, họ cũng chẳng tin thọ sự dạy dỗ. Bồ Tát tuy nhiên gặp những loại chúng sinh cương cường ngu muội, khó điều khó phục, song, không thể không độ họ hoặc xả bỏ họ, hoặc chẳng hồi hướng cho họ. Bồ Tát chẳng làm như thế. Dù khó độ, khó giáo hoá, lại cương cường, lại tệ hại, Bồ Tát cũng phải dùng tâm nhẫn nại tối đa để độ họ, dạy họ, khiến cho họ cải ác hướng thiện. Đem căn lành công đức của mình tu hành tích tụ, thời thời vì loại chúng sinh này mà hồi hướng.

Chỉ dùng giáp Bồ Tát đại nguyện để tự trang nghiêm, cứu hộ chúng sinh, luôn chẳng thoái chuyển. Chẳng vì chúng sinh chẳng biết báo ân, mà thôi lui hạnh Bồ Tát, xả bỏ đạo bồ đề. Chẳng vì phạm phu ngu si cùng đồng một nơi, xả lìa tất cả căn lành như thật. Chẳng vì chúng sinh khởi lỗi ác, khó có thể nhẫn thọ, mà nơi chỗ họ, sinh tâm nhàm chán.

Bồ Tát vì sức lực gì, mà khiến cho Ngài chẳng sợ gian khổ, chẳng sinh tâm thoái chuyển ? Là vì đại thế nguyện thuở xưa phát ra, cùng với đời này lại phát đại

nguyện "Chúng sinh vô biên thế nguyện độ", làm áo giáp của Ngài. Thời xưa lính ra đánh trận cũng mặc áo giáp để hộ thân. Ý nghĩa là nói dùng đại nguyện để làm áo giáp, để bảo hộ thân tâm của Ngài, cho nên khiến cho Ngài chẳng sợ chẳng lùi bước. Vì hành Bồ Tát đạo tích tụ căn lành công đức, để làm dụng cụ trang nghiêm quả bồ đề. Đại nguyện của Bồ Tát, là cứu hộ tất cả chúng sinh. Ngài chẳng sợ gian nan, vĩnh viễn chẳng thối lùi, dùng cứu hộ chúng sinh làm bản hoài. Ngài cũng chẳng vì chúng sinh chẳng biết "tri ân báo ân", mà sinh tâm thối lùi, thối thất tâm bồ đề, chẳng hành Bồ Tát đạo. Chúng sinh ngu muội chẳng có trí huệ, lời nói việc làm trái nhau, chẳng rõ tốt xấu, chẳng biết cảm ơn, ngược lại huỷ báng Tam Bảo, Bồ Tát cũng chẳng vì vậy mà xả bỏ chúng sinh, do đó mà bỏ đạo bồ đề. Bồ Tát cũng chẳng cùng với phàm phu ngu muội cùng một nơi, tự mình chẳng tu hành, bèn xả bỏ tất cả căn lành như lý như thật. Cũng chẳng vì chúng sinh thường thường sinh ra những tư tưởng lỗi lầm ác liệt, bèn cảm thấy khó nhẫn thọ, thì sinh tâm nhằm chán đối với chúng sinh đó. Chẳng vì họ khó độ, khó điều phục, thì sinh tâm nhằm chán. Bồ Tát đối với những chúng sinh mao bệnh như thế, Ngài đều xem bình thường, chẳng cho rằng quái lạ. Vẫn giữ tâm từ bi, nguyện lực của Ngài đối với các chúng sinh, từ từ dạy bảo, chẳng biết thời gian số kiếp, nhất định kẻ cang cường được điều phục, kẻ lỗi ác thuần thiện thì ngừng.

Tại sao ? Ví như mặt trời, chẳng những vì một việc, mà xuất hiện thế gian. Đại Bồ Tát cũng lại như thế. Chẳng những

vì một chúng sinh, mà tu các căn lành, hồi hướng Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Vì cứu hộ khắp tất cả chúng sinh, mà tu căn lành, hồi hướng Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Nguyên nhân gì khiến cho Bồ Tát chẳng sợ gian khổ mà thủy chung muốn cứu hộ chúng sinh ? Chẳng thối lùi tâm bồ đề, chẳng sinh tâm nhầm chán, chẳng xả bỏ chúng sinh ? Đừng nói là đại Bồ Tát có chí nguyện kiên nghị như thế, dù một vị thiện tri thức giáo hoá chúng sinh: Có chúng sinh rất có căn lành nghe lời, dạy họ lễ Phật thì lễ Phật, xem Kinh thì xem Kinh, thường theo thiện tri thức huân tập ở trong Phật pháp, rất sớm sẽ thọ được lợi ích lớn. Có chúng sinh bắt đầu rất kiên thành rất thọ giáo, nhưng qua một thời kỳ, thì thay đổi, xa lìa thiện tri thức và Phật pháp. Đây giống như hạt giống, nó ngưng lớn lên, thậm chí từ đó khô héo đi. Còn có loại chúng sinh, sinh tính tệ ác, chẳng nghe dạy bảo. Tuy nhiên có những chúng sinh tánh khác nhau như thế, thiện tri thức có bỏ những chúng sinh khó dạy bảo, chỉ dạy những chúng sinh dễ dạy bảo chẳng ? Chẳng phải ! Thiện tri thức tâm cũng giống như đại Bồ Tát, quyết chẳng xả bỏ chúng sinh hoại liệt, mà chỉ nhiếp thọ thiện tốt. Ngài vẫn bình đẳng, xem như nhau, khắp giáo hoá cứu độ. Bồ Tát chẳng xả bỏ chúng sinh, giống như sánh với mặt trời. Mặt trời chẳng phải vì một sự việc, hoặc sự việc nào đó, mới xuất hiện ra thế gian. Mà vì hết thảy tất cả vạn sự vạn vật, mà xuất hiện ra thế gian. Đại Bồ Tát cũng giống như mặt trời, chẳng phải chỉ riêng vì một chúng

sinh, mà tu đủ thứ căn lành, để hồi hướng Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Ngài vì cứu hộ khắp tất cả chúng sinh, mà tu căn lành. Khắp vì mười phương thế giới chúng sinh, đều tu hành tích tập căn lành giống như mình, hồi hướng về quả vị Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Như vậy chẳng những vì thanh tịnh một cõi Phật. Chẳng những vì tin một vị Phật. Chẳng những vì thấy một vị Phật. Chẳng những vì thấu rõ một pháp, mà khởi trí nguyện lớn, hồi hướng Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Khắp vì thanh tịnh tất cả cõi Phật, tin khắp tất cả các đức Phật, khắp thừa sự cúng dường tất cả chư Phật, hiểu khắp tất cả Phật pháp, mà phát nguyện lớn, tu các căn lành, hồi hướng Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Nghĩa lý Kinh văn như vừa nói ở trên, Bồ Tát tu căn lành, động cơ phát tâm hồi hướng, chẳng chỉ vì thanh tịnh một cõi Phật, chẳng chỉ vì tin một vị Phật, chẳng chỉ vì muốn thấy một vị Phật, chẳng chỉ vì minh bạch một thứ Phật pháp, Ngài mới sinh khởi nguyện lực đại trí huệ, để hồi hướng Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Mà Ngài muốn thanh tịnh khắp hết thấy tất cả cõi nước chư Phật, tin khắp mười phương ba đời tất cả các Đức Phật, khắp thừa sự cúng dường mười phương ba đời tất cả các Đức Phật, khắp hiểu rõ tất cả Phật pháp, Ngài mới phát thế nguyện

lớn, tu tập đủ thứ căn lành, hồi hướng về quả vị Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Do đó, có thể thấy Bồ Tát chẳng có tư hào tâm ích kỷ. Ngài cũng chẳng vì mình thành Phật mà tu căn lành, phát tâm hồi hướng. Ngài vì tất cả chúng sinh mà phát thệ nguyện lớn, vì khiến cho hết thấy chúng sinh, đều cùng thành Phật đạo, mà tu các căn lành, phát tâm hồi hướng, hồi hướng quả vị Phật Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Phật tử ! Đại Bồ Tát dùng các Phật pháp, mà làm sở duyên. Khởi tâm rộng lớn, tâm chẳng thoái chuyển. Ở trong vô lượng kiếp, tu tập tâm báu hi hữu khó được, thấy đều bình đẳng với tất cả chư Phật. Bồ Tát quán các căn lành như vậy, tâm tin thanh tịnh, đại bi kiên cố. Dùng tâm thân sâu. Tâm hoan hỷ. Tâm thanh tịnh. Tâm tối thắng. Tâm nhu nhuyễn. Tâm từ bi. Tâm thương xót. Tâm nhiếp hộ. Tâm lợi ích. Tâm an lạc. Khấp vì chúng sinh hồi hướng chân thật. Chẳng phải chỉ là lời nói suông.

Bồ Tát Kim Cang Tràng gọi một tiếng các vị đệ tử của Phật ! Đại Bồ Tát, Ngài một lòng truy cầu, đó là Phật pháp. Từ khi được Phật pháp làm mục đích sự tu hành của Ngài. Cho nên nói: "Dùng các Phật pháp mà làm sở

duyên". Đủ thứ diệu pháp của chư Phật nói, tức là chỗ Ngài duyên cầu. Ngài vì cầu được Phật pháp, cho nên phát tâm rộng lớn, tận cùng hư không khắp pháp giới. Gặp bất cứ khó khăn đã kích đều không thay đổi, chẳng thôi thất tâm bỏ đề mà Ngài đã phát. Bồ Tát chẳng giống như phạm phu, gặp cảnh thuận thì vui mừng, tinh tấn tu hành, gặp cảnh nghịch thì tâm thối lui. Đại Bồ Tát, Ngài từ vô lượng kiếp đến nay, tu hành tích tập "tâm báu" ít có trên đời, chẳng dễ gì đắc được. Tâm báu tức là tâm pháp, pháp môn của đất tâm, là mẹ của chư Phật, cho nên gọi là "tâm báu". Tâm báu này nếu tu đắc được, thì bình đẳng không hai với chư Phật. Đại Bồ Tát Ngài dùng tâm địa pháp môn, để quán sát sự tích tập của tất cả căn lành. Ngài đối với pháp của chư Phật nói ra, tin mà không nghi, tín căn của Ngài vừa kiên cố lại thanh tịnh. Tâm đại bi vững bền không lung lay, đồng thể với chúng sinh. Do đó "Vô duyên đại từ, đồng thể đại bi". Đối với người không có duyên, càng phải có tâm từ bi. "Đồng thể đại bi", với tất cả chúng sinh, đều thấy như đồng thể, chẳng có phân biệt đó đây, đây tức là "tâm đại bi". Tâm đại bi chẳng phải nhất thời, mà là phải kiên cố luôn luôn. Dùng tâm thân sâu để cầu Phật pháp. Dùng tâm hoan hỷ để cầu Phật pháp. Dùng tâm thanh tịnh để cầu Phật pháp. Dùng tâm tối thắng để cầu Phật pháp. Dùng tâm nhu nhuyến, tức là tâm nhẫn nại, giáo hoá chúng sinh thì cần tâm nhẫn nại. Dùng tâm từ bi để cứu độ chúng sinh. Vì thương xót chúng sinh ở trong khổ nạn, mà phát tâm bỏ đề cứu hộ tất cả chúng sinh. Tâm nhiếp hộ: Nhiếp tức là nhiếp thọ, hộ tức là hộ niệm, bảo hộ chúng sinh và mãn niệm họ. Nhiếp thọ có hai phương pháp:

- Một là đối với chúng sinh cang cường, dùng phương pháp triết phục.

- Hai là đối với chúng sinh lành tốt, dùng phương pháp nhu hoà nhiếp thọ.

Tâm nhiếp hộ của Bồ Tát, là phương tiện khéo léo vì người xử dụng. Tuy nhiên Bồ Tát dùng tâm từ bi làm đầu, nhưng Ngài chẳng phải loạn dụng từ bi. Tâm lợi ích: Bồ Tát đối với hết thảy chúng sinh, khởi tâm động niệm, đâu chẳng phải là vì có lợi ích cho chúng sinh làm tiền đề. Tâm an lạc: Bồ Tát nơi nơi đều vì lợi ích cho chúng sinh, đồng thời cũng vì chúng sinh cầu an lạc, khiến cho họ đều được an cư lạc nghiệp, thường hành Bát Chánh Đạo. Bồ Tát thực hành bất cứ công đức gì, Ngài đều khắp vì hết thảy tất cả chúng sinh hồi hướng chân thật, nguyện khiến cho chúng sinh đều đắc được lợi ích của sự hồi hướng. Bồ Tát thương người như mình, chẳng có phân biệt thân sơ đó đây. Ngài chẳng phải chỉ nói hồi hướng suông, chẳng trải qua thâm tâm. Bồ Tát là tâm miệng như một, trong tâm nghĩ thế nào, thì miệng nói thế ấy, chẳng giống như chúng sinh miệng thị tâm phi. Cho nên nói "Chẳng phải chỉ miệng nói suông".

Phật tử ! Khi Đại Bồ Tát dùng các căn lành hồi hướng, thì nghĩ như vậy: Dem căn lành của tôi, nguyện cho tất cả các loài, tất cả chúng sinh, đều được thanh tịnh, công đức viên mãn. Không thể trở ngại hư hoại, không thể cùng tận. Thường được tôn trọng, chánh niệm chẳng quên. Được trí

huệ quyết định, đủ vô lượng trí. Thân miệng ý nghiệp, tất cả công đức, viên mãn trang nghiêm.

Các vị đệ tử của Phật ! Đại Bồ Tát, khi Ngài đem căn lành tu tập của mình, hồi hướng cho tất cả chúng sinh, thì trong tâm quan niệm như vậy, trong miệng cũng đồng thời niệm niệm rằng: Đem tất cả căn lành của tôi tu tập, hồi hướng cho tất cả các loài chúng sinh. Tất cả chúng sinh tức là bao quát chúng sinh trong chín pháp giới mà nói. Hy vọng họ đều đắc được thanh tịnh, tu tập công đức sớm được viên mãn, cũng chẳng bị người phá hoại, kiên cố giống như kim cương. Căn lành của họ cũng chẳng khi nào cùng tận. Thường thường được người khác tôn trọng, chánh niệm chẳng quên, chẳng khởi một chút tà niệm nào. Đắc được trí huệ quyết định, với vô lượng vô biên trí. Công đức của thân miệng ý ba nghiệp, cũng đều thanh tịnh. Hết thấy tất cả công đức, đều sớm được viên mãn, trang nghiêm bồ đề.

Lại nghĩ như vậy: Đem căn lành này, khiến cho tất cả chúng sinh, thừa sự cúng dường tất cả chư Phật, chẳng bỏ qua. Ở chỗ các đức Phật, tin thanh tịnh không hư hoại. Nghe được chánh pháp, thì đoạn các nghi hoặc, nhớ trì không quên, như pháp nói mà tu hành. Ở chỗ Như Lai, khởi tâm cung kính. Nghiệp thân thanh tịnh, an trụ

vô lượng căn lành rộng lớn. Vĩnh viễn lìa khỏi bản cùng, bảy tài đều đầy đủ.

Đại Bồ Tát, khi tu hồi hướng thì, Ngài là nghĩ như vậy: Tôi nguyện đem tất cả căn lành của tôi tu được, hồi hướng cho tất cả chúng sinh, hy vọng tất cả chúng sinh, đều thừa sự chư Phật, cúng dường chư Phật, không bỏ sót một vị Phật hoặc hai vị Phật nào, mà không thừa sự cúng dường. Nếu như đến đạo tràng của mười phương ba đời chư Phật, liền sinh khởi tâm tin thanh tịnh, chẳng bị bất cứ hoàn cảnh nào, làm tổn hại đến tâm tin thanh tịnh của bạn. Hy vọng các bạn thường thường nghe được chánh pháp, đoạn trừ nghi hoặc quá khứ, từ đây chẳng còn tư hào nghi hoặc nữa. Nghe được chánh pháp rồi, đoạn trừ hoài nghi rồi, thì vĩnh viễn nghĩ nhớ không quên, thọ nơi tâm, trì nơi thân, tôn chiếu chánh pháp, chiếu theo phương pháp chỉ thị của Phật, như lý tu hành. Tại đạo tràng của Như Lai, Bồ Tát tùy thời từ trong tâm sinh khởi tâm cung kính, kiên thành, cẩn thận, hành vi không có lúc nào mà không giữ gìn cẩn thận thân lời ý ba nghiệp thanh tịnh. Đừng nói không chiêu sự giết hại trộm cắp tà dâm của nghiệp thân, mà dù nơi vi tế cũng chẳng xúc phạm đến ba nghiệp, cho nên thân nghiệp của Bồ Tát luôn luôn thanh tịnh. Ở trong cảnh giới vô lượng vô biên, thân tâm an nhiên, rộng tu căn lành lớn. Việc thiện lớn nhỏ, Ngài đều làm hết, do đó mà Bồ Tát vĩnh viễn lìa khỏi sự bản cùng, bảy thứ tài phú đều viên mãn đầy đủ. Bảy tài là:

- Tín tài.
- Giới tài.
- Văn tài.

- Tàm tài.
- Quý tài.
- Huệ tài.
- Xả tài.

Đây gọi là bảy thánh tài. Ngoài ra còn có lối gọi là bảy pháp tài: Tín tài, tấn tài, giới tài, tàm quý tài, văn tài, định huệ tài, xả tài. Bồ Tát có bảy thứ tài này, một mặt mình thọ dụng, một mặt có thể tài bồi chúng sinh tu căn lành. Có căn lành rồi, thì sẽ có tài sản, cho nên nói bảy tài đầy đủ, vĩnh viễn lia nghèo cùng.

Nơi chỗ các đức Phật, thường theo tu học, thành tựu vô lượng căn lành thù thắng vi diệu. Bình đẳng ngộ hiểu, trụ nhất thiết trí. Dùng mắt vô ngại, bình đẳng xem chúng sinh. Các tướng trang nghiêm thân không tỳ vết. Lời nói âm thanh thanh tịnh vi diệu, công đức viên mãn. Các căn điều phục, mười lực thành tựu. Thiện tâm đầy đủ, chẳng chỗ nương trụ. Khiến cho tất cả chúng sinh, khắp được sự an vui của Phật, được vô lượng trụ, trụ chỗ trụ của Phật.

Khi Bồ Tát ở tại đạo tràng, thì Ngài thường theo Phật tu học Phật pháp, chưa từng lãng phí chút thời gian nào. Vì Ngài siêng tu học, cho nên mới thành tựu vô lượng căn lành thù thắng vi diệu không thể nghĩ bàn. Căn lành đó, hay khiến cho lúc ban đầu phát tâm, liền thành Chánh

Giác, tức là khi bạn phát tâm bồ đề, thì có thể chứng được thần thông diệu dụng của Phật, cho nên gọi là căn lành thù thắng vi diệu. Bồ Tát siêng theo Phật tu học, đối với nơi các pháp, đều bình đẳng ngộ hiểu, thấu rõ thông đạt các pháp thật tướng, viên dung vô ngại, với trí huệ của Phật, gọi là bình đẳng, cho nên mới nói trụ nhất thiết trí. Bồ Tát dùng con mắt chẳng bị bất cứ chướng ngại gì, bình đẳng xem tất cả chúng sinh, trong tâm chưa từng có sự phân biệt, chẳng phân biệt chúng sinh có căn lành hay không, hoặc có dễ giáo hoá hay không, đều xem như nhau. Bồ Tát tu pháp môn từ bi bình đẳng, đầy đủ các tướng, dùng 32 tướng, 80 vẻ đẹp, để trang nghiêm thân mình, chẳng có chút tí vết nào. "Các tướng trang nghiêm thân", là quả của các giới trang nghiêm thân. Vì hay giữ gìn các giới, tức cũng là "Không làm các điều ác, chuyên làm các việc thiện", cho nên đắc được "Các tướng trang nghiêm thân" như mỹ ngọc. Bồ Tát tu được tướng tốt, đồng thời cũng tu được lời nói âm thanh trong trẻo hay tốt, khiến cho chúng sinh nghe được đều hoan hỷ, giảng Kinh thuyết pháp, nhiếp thọ được vô lượng chúng sinh, quy y chánh pháp: Công đức độ chúng, rất mau viên mãn. Các căn điều phục, các căn là: Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý, sáu căn. Điều phục là nói sáu căn chẳng bị sáu trần chuyển, chẳng bị cảnh bên ngoài lay động. Mười lực thành tựu, mười lực là mười thứ sức lực của Phật.

1. Tri giác xứ phi xứ trí lực.
2. Tri tam thế nghiệp báo trí lực.
3. Tri chư thiên giải thoát tam muội trí lực.
4. Tri các căn thắng liệt trí lực.
5. Tri chủng chủng giải trí lực.

6. Tri chủng chủng giới trí lực.
7. Tri nhất thiết chí xứ đạo trí lực.
8. Tri thiên nhân vô ngại trí lực.
9. Tri túc mạng vô lậu trí lực.
10. Tri vĩnh đoạn tập khí trí lực.

Vì các căn đều đã điều phục, cho nên thành tựu được mười thứ lực dụng của Phật, thiện tâm tự nhiên viên mãn. Đến được cảnh giới này, thì tất cả hành vi gốc của tự tánh, không tu mà tu, tận cùng hư không khắp pháp giới, đâu chẳng phải là đạo tràng của Bồ Tát, chẳng có chỗ nương tựa. Khiến cho tất cả chúng sinh, khắp được sự an lạc của Phật giống như Phật. An lạc của Phật có mười thứ:

1. Chỗ trụ của Phật an lạc không thể nghĩ bàn: Tức là không thể dùng tâm suy tư, không thể dùng lời luận bàn. Phật trụ an lạc vắng lặng trong cõi Thường Tịch Quang Tịnh Độ.

2. Tam muội an lạc của Phật chẳng có ai sánh bằng.
3. Đại từ bi an lạc không thể hạn lượng.
4. An lạc giải thoát của tất cả chư Phật.
5. Đại thần thông an lạc chẳng có bờ mé.
6. Đại tự tại an lạc tối tôn trọng nhất.
7. Vô lượng sức an lạc rộng lớn rớt ráo.
8. An lạc vắng lặng lia các tri giác.
9. An lạc trụ vô ngại trụ hằng chánh định.
10. An lạc không biến đổi hành hạnh không hai.

Đó là mười thứ an lạc của Phật, cũng là đạo quả của tất cả người tu đạo tìm cầu muốn được, hy vọng các vị tín tâm kiên cố, dũng mãnh tinh tấn, sớm sẽ được an lạc chân thật như Đức Phật. Bồ Tát hy vọng tất cả chúng sinh đều

đắc được an lạc chân thật như Đức Phật, cũng sẽ đắc được chỗ trụ vô lượng an ổn. Làm thế nào mới gọi là chỗ trụ an ổn ? Trụ chỗ Phật trụ, mới là chỗ trụ an ổn thường lạc. Trụ ở cõi Thường Tịch Quang Tịnh Độ, thường được an lạc vắng lặng, cho nên gọi là vô lượng an trụ.

Phật trụ cũng có mười thứ:

1. Chỗ Phật trụ không thể nghĩ bàn.
2. Thường trụ đại bi.
3. Trụ đủ thứ thân, làm các Phật sự.
4. Trụ bình đẳng ý, chuyển tịnh pháp luân.
5. Trụ bốn biện tài, nói vô lượng pháp.
6. Trụ tất cả Phật pháp không thể nghĩ bàn.
7. Trụ âm thanh tịnh, khắp vô lượng cõi.
8. Trụ pháp giới thâm sâu không thể nói.
9. Trụ hiện tất cả thần thông tối thắng.
10. Trụ hay khai thị pháp không có chướng ngại.

Phật tử ! Đại Bồ Tát thấy các chúng sinh, tạo nghiệp ác, thọ các khổ nặng. Do đó, chướng ngại nên chẳng thấy Phật, chẳng nghe Pháp, chẳng gặp Tăng. Bèn nghĩ như vậy: Tôi sẽ ở trong các đường ác đó, thế các chúng sinh thọ đủ thứ khổ, khiến cho họ được giải thoát. Khi Bồ Tát thọ khổ độc như vậy, thì càng tinh tấn hơn, chẳng bỏ chẳng tránh, chẳng kinh chẳng sợ, chẳng lùi chẳng khiếp, chẳng có nhàm

mỗi. Tại sao ? Vì như lời nguyện, quyết muốn đảm nhiệm tất cả chúng sinh, khiến cho họ được giải thoát.

Các vị đệ tử của Phật ! Đại Bồ Tát, thấy tất cả chúng sinh, tạo đủ thứ nghiệp ác. Thân họ tạo nghiệp giết hại, trộm cắp, tà dâm, tâm thì tham lam, sân hận, ngu si, miệng thì nói dối, nói hai lưỡi, nói thêu dệt, chửi mắng, tự tạo ra đủ thứ nghiệp ác, tự thọ tất cả thống khổ. Ai ai cũng chẳng muốn thọ khổ, nhưng họ lại đang thọ khổ. Đây chẳng phải kẻ khác trao cho, cũng chẳng phải ông trời không công bằng, tùy tiện ban bố cho bạn, cũng chẳng phải Phật Bồ Tát không bảo hộ bạn để khiến cho bạn thọ nhận. Đây là do trong nhiều đời, nhiều kiếp, tự mình làm, tự mình chịu, tạo nghiệp chiêu cảm quả khổ. Vì nghiệp ác báo chướng, cho nên chẳng thấy được Phật, chẳng nghe được Pháp, chẳng gặp được hiền Thánh Tăng, suốt đời chẳng nghe được tên Tam Bảo. Bồ Tát thấy tình hình như vậy, nên trong tâm bèn nghĩ như vậy: Tôi phải vào trong ba đường ác, để thay thế những chúng sinh đó, thọ đủ thứ khổ, khiến cho những chúng sinh thọ khổ, đều đắc được giải thoát. Khi Bồ Tát thọ khổ độc như thế, thì càng thọ khổ, ngược lại càng dũng mãnh tinh tấn, càng siêng tu giới định huệ, càng diệt trừ tham sân si. Ngài chẳng xả bỏ chúng sinh mà trốn tránh thống khổ. Khi có cảnh giới khổ nạn đến thân, thì Ngài cũng chẳng sợ hãi mất tích. Dù có đến địa ngục để thay thế những chúng sinh thọ khổ cực hình thảm khốc, Ngài cũng chẳng sinh tâm khiếp sợ, quyết chẳng vì khổ lớn mà sinh tâm thối lui, thay đổi tâm nguyện chẳng thay thế chúng sinh thọ khổ, hoặc sợ sệt mà sinh tâm khiếp nhược. Tâm

nguyện Bồ Tát kiên cố, Ngài vĩnh viễn chẳng thối khiếp, vĩnh viễn chẳng cảm thấy mệt mỏi, hoặc nhầm chán. Ngài nhận rằng:

"Thọ khổ thì hết khổ,
Hưởng phước thì tiêu phước".

Ngài nhận rằng càng thọ khổ thì càng tốt, càng khổ thì càng muốn, Ngài muốn đấu tranh với khổ. Các vị thiện tín ! Có phải bạn cảm thấy vị đại Bồ Tát đó quá ngu si chẳng ? Tại sao lại muốn đi tìm khổ thọ ! Các vị phải biết Bồ Tát thọ khổ là nguyện lực xưa, chẳng giống như phạm phu thọ khổ, thì bị nghiệp báo ràng buộc. Giống như hiện tại ai ai cũng đều ăn ba bữa, ngủ giường rộng, họ ăn thật no nê mập mạp, ngủ thì ngủ nhiều, còn chúng ta thì ngày ăn một bữa, thường thường cảm thấy đói chút chút, cũng chẳng mập mạp. Đây chẳng phải là chúng ta kiếp trước tạo nghiệp ác, đời này thọ thứ khổ này, mà là chúng ta muốn thọ một chút khổ ăn không no, ngủ không nhiều, nhờ đây để hết khổ. Chẳng có ai bảo chúng ta làm như thế, mà là chúng ta muốn làm như vậy. Bồ Tát Ngài chẳng phải ngu si, lấy khổ làm vui, Ngài muốn thay thế chúng sinh thọ khổ, mới viên mãn công đức Bồ Tát đạo, mới thành tựu quả vị Phật. Phạm phu tự cho mình thông minh, tránh khổ tìm vui, khéo léo đủ cách, kết quả không những chẳng thành Phật, ngược lại tạo ra những tội nghiệt như thế. Nếu chúng ta muốn thành Phật, thì phải học sự ngu si của Bồ Tát, có thể thay thế người thọ khổ, tạo nhiều nghiệp lành. Giả sử bạn không muốn thành Phật, thì dùng con quỷ thông minh của mình, con trùng lanh lợi đi mưu toan, cho rằng chẳng thọ khổ, đợi đến lúc khổ báo đến, thì hối hận chẳng

còn kịp nữa, mới biết rốt ráo học sự ngu si của Bồ Tát là tốt. Tại sao ? Nguyên nhân tại sao Bồ Tát phát nguyện như thế ? Vì Bồ Tát Ngài tự nguyện phát tâm nguyện thay thế chúng sinh thọ khổ, Ngài hạ quyết tâm muốn thay thế chúng sinh đảm trách sự khổ, hy vọng khiến cho chúng sinh đắc được giải thoát, lìa khổ được vui, bỏ mê về với giác ngộ, chấm dứt sinh tử. Vì nguyên nhân này mà Bồ Tát mới phát nguyện lớn này, tu tập căn lành hồi hướng cho chúng sinh.

Bấy giờ, Bồ Tát nghĩ như vậy: Tất cả chúng sinh ở trong sinh già bệnh chết, nơi các khổ nạn, theo nghiệp lưu chuyển. Tà kiến chẳng có trí huệ, mất các pháp lành. Tôi phải cứu họ, khiến cho họ được thoát khỏi.

Lúc đó, Bồ Tát lại quán tưởng như vậy: Tất cả chúng sinh, đều ở trong sinh già bệnh chết, liên tục không ngừng, theo nghiệp thiện ác mình đã tạo ra, mà trôi nổi ở trong sinh tử nơi khổ nạn. Khởi hoặc, tạo nghiệp, trồng nhân lành được báo lành, tạo nghiệp ác được báo ác, ai nấy đều tùy theo nghiệp của mình mà thọ báo, sáu nẻo bốn thứ sinh, như dạo vườn rừng. Chúng sinh đều là tà tri tà kiến, chẳng có trí huệ chân chánh, do đó mà mất đi tất cả pháp lành, thật là đáng thương xót ! Tôi phải cứu độ họ, khiến cho họ đều được nơi khổ nạn sinh già bệnh chết.

Lại nữa, các chúng sinh, bị lưới ái ràng buộc, lọng si che đậy. Nhiệm trước các cõi, theo đuổi không bỏ. Vào lồng cũ khổ não, làm nghiệp hạnh ma, phước trí đều hết. Thường ôm lòng nghi hoặc, chẳng thấy nơi an ổn. Chẳng biết con đường thoát khỏi, ở nơi sinh tử, trôi nổi không ngừng. Luôn bị ngập chìm trong khổ bùn lầy.

Và nữa, Bồ Tát lại thấy hết thấy chúng sinh, đều bị lưới ái ràng buộc, chẳng biết bị khổ ràng buộc. Chúng sinh đều từ ái dục mà sinh, lại do ái dục mà chết, do vô minh sinh ra tâm ái tình, giống như một tấm lưới, ràng buộc chúng sinh mê hồ điên đảo, chẳng biết cách thoát khỏi lưới ái sinh tử này, vẫn luôn luôn khởi vọng tưởng ái dục, vọng tưởng tình, chấp trước không thể giải thoát được. Trong tâm vì tình ràng buộc, si mê đến phát cuồng. Si tức là ngu si, ngu si thì giống như cái lọng lớn, che lấp mắt của chúng sinh, cho đến gì cũng chẳng minh bạch. Nhiệm trước hai mươi lăm cõi trong tam giới, theo đuổi không bỏ. Giống như vào trong lồng thống khổ, giống như ở trong giám ngục. Ở trong lồng, làm những hạnh nghiệp đều là việc ma làm. Phước cũng chẳng còn, trí huệ cũng mất đi, luôn luôn thọ khổ trong sự khổ nạn. Vì chẳng có trí huệ, nên đối với chân lý sinh tâm hoài nghi, sinh tâm nghi hoặc, sinh tâm điên đảo, đến đâu cũng chẳng cảm thấy bình an. Cảm thấy nguy hiểm, nhưng họ chẳng biết cách tránh khỏi, càng chẳng biết phương pháp thoát khỏi hai mươi lăm cõi trong

tam giới, hoặc tìm cầu thiện tri thức chỉ dẫn họ con đường thoát khỏi ba cõi. Vĩnh viễn ở trong lòng sinh rồi chết, chết rồi sinh. Ở trong sáu nẻo luân hồi có lúc làm súc sinh, có lúc đoạ địa ngục, có lúc làm ngựa quỳ, có lúc làm người, có lúc làm A tu la, có lúc sinh về trời. Trôi nổi ở trong sáu nẻo luân hồi như vậy, tuần hoàn vô đoan, vĩnh viễn không ngừng nghỉ. Ở trong những đường khổ đó giống như người dính ở trong bùn, chẳng thoát ra được, cho đến bị bùn ngập chìm mà chết. Chúng sinh đoạ ở trong lưới ái, bị lưới ái ràng buộc, nước ái yếm ngập mà chết, bị các thứ khổ bùn lầy ngập chìm.

Bồ Tát thấy rồi, khởi tâm đại bi. Muốn khiến cho chúng sinh đều được giải thoát. Đem tất cả căn lành hồi hướng. Dùng tâm rộng lớn hồi hướng. Như Bồ Tát ba đời tu hồi hướng. Hồi hướng như đại hồi hướng trong kinh có nói. Nguyện các chúng sinh đều được thanh tịnh, rốt ráo thành tựu nhất thiết chủng trí.

Bồ Tát thấy chúng sinh ngập ở trong bùn lầy, chẳng biết thoát khỏi, mà thọ đủ thứ khổ nạn, do đó mà khởi tâm đại bi, phát nguyện muốn cứu những chúng sinh thọ khổ đó, từ trong bùn lầy được thoát ra. Lại phát tâm nguyện, chẳng những chỉ cứu độ họ, mà còn phải ban cho những chúng sinh đó đủ thứ lợi ích, khiến cho họ đều được giải thoát, hưởng thọ sự an lạc tự do chân chánh. Bồ Tát đem những căn lành tu tập, để hồi hướng cho những chúng sinh

đó. Ngài dùng tâm Bồ đề rộng lớn hồi hướng cho chúng sinh, cũng hy vọng chúng sinh thọ sự hồi hướng của Ngài, cũng phát tâm Bồ đề. Bồ Tát hồi hướng giống như Bồ Tát đời quá khứ đã hồi hướng, giống như Bồ Tát đời hiện tại đang hồi hướng, giống như Bồ Tát đời vị lai sẽ hồi hướng. Giống như pháp môn hồi hướng trong Kinh có nói, Bồ Tát nương vào phương pháp đó, để vì tất cả chúng sinh mà hồi hướng, nguyện tất cả chúng sinh thấy đều đắc được thanh tịnh, thân tâm an lạc. Thành tựu chủng trí, chân thật chánh quyết, chánh tri chánh kiến, sớm chứng quả vị Phật.

Lại nghĩ như vậy: Sự tu hành của tôi, muốn khiến cho chúng sinh thấy đều được thành vua vô thượng trí. Chẳng vì thân mình cầu giải thoát, chỉ vì cứu giúp tất cả chúng sinh, khiến cho họ đều được tâm nhất thiết trí, qua dòng sinh tử, giải thoát các thứ khổ.

Bồ Tát lại nghĩ như vậy: Căn lành tu tập của tôi, là vì khiến cho chúng sinh đều đắc được trí huệ thù thắng nhất, trí huệ cao thượng nhất, không có gì sánh với vua trí huệ, tức là hy vọng chúng sinh đều sẽ thành Phật. Chẳng phải vì mình cầu được giải thoát mới tu hành, mới nguyện thế chúng sinh thọ khổ, mới hồi hướng. Chỉ vì chúng sinh đều có thể thành Phật, dù tôi có thọ khổ lớn nhất, tôi cũng nguyện ý.

Các vị thiện tín ! Chúng ta nghe đến đoạn Kinh văn này, biết tâm bi tha thiết của đại Bồ Tát tu hồi hướng, đại

công vô tư, tinh thần vì chúng sinh mà thọ khổ nạn, chúng ta đều phải thấy nghe hoan hỷ, hãy xả bỏ tiêu diệt tâm ích kỷ, tâm tự lợi của chúng ta. Nhất định phải phát tâm đại Bồ đề, khắp vì tất cả chúng sinh mà hồi hướng. Nếu ai ai cũng đều phát tâm Bồ đề đó, thì ai ai cũng đều là Bồ Tát. Giả sử, không thể phát tâm Bồ đề đó, tức là phạm phu, tức là chúng sinh. Bồ Tát muốn cứu độ tất cả chúng sinh, vì khiến cho họ đều đắc được trí huệ vô thượng, trí huệ Bát Nhã. Chúng sinh có thứ trí huệ này, thì có thể chấm dứt sinh tử, tất cả khổ sẽ chẳng còn nữa, do đó "Qua dòng sinh tử, giải thoát các khổ".

Lại nghĩ như vậy: Tôi sẽ khắp vì tất cả chúng sinh thọ các khổ, khiến cho họ được thoát khỏi hố sinh tử vô lượng thứ khổ. Tôi sẽ khắp vì tất cả chúng sinh, ở trong tất cả thế giới, trong tất cả cõi ác, hết kiếp thuở vị lai thọ tất cả khổ, nhưng vẫn thương vì chúng sinh siêng tu căn lành.

Đại Bồ Tát tu pháp môn thập hồi hướng, lại quán tưởng như vậy: Tôi phải khắp vì chín pháp giới tất cả chúng sinh, để thọ các thứ khổ, tôi đều nguyện ý thay thế họ chịu đựng, hy vọng họ nhờ đây mà thoát khỏi hố sinh tử. Nơi vực núi thăm chẳng thấy đáy, nơi đất sâu đều gọi là hố. Ví dụ sinh tử các khổ giống như hố lớn, chúng sinh đọa vào trong đó thọ vô lượng khổ, chẳng có lúc nào thoát khỏi. Bồ Tát phát nguyện thay thế chúng sinh vào trong hố

lớn sinh tử các thứ khổ để thọ khổ, khiến cho chúng sinh có thể thoát khỏi hố khổ, do đó:

"Cứu chúng sinh ở trong hố khổ
Khiến cho họ được giải thoát".

Bồ Tát lại phát nguyện như vậy: Tôi phải khắp vì tất cả chúng sinh vào trong bốn cõi ác trong mười phương pháp giới (A tu la, súc sinh, ngạ quỷ, địa ngục), để thay thế chúng sinh thọ khổ, thời gian kiếp số chẳng có cùng tận. Tuy nhiên như vậy, tôi vẫn phải luôn luôn, vì hết thảy chúng sinh, siêng tu đủ thứ căn lành, siêng tu giới định huệ, diệt trừ tham sân si, đem căn lành công đức của mình tu tập, tư hào không sèn tiếc hoàn toàn hồi hướng cho chúng sinh trong mười phương thế giới. Bồ Tát làm như thế, phát thế nguyện lớn như thế, tâm luôn chẳng bỏ chúng sinh, chẳng quên chúng sinh, lợi ích chúng sinh, nguyện thay thế chúng sinh thọ khổ, vì trong tâm của Ngài chẳng có chính mình nữa, từ chỗ chẳng vì mình, mà một lòng một dạ chỉ hy vọng cứu chúng sinh thoát khỏi biển khổ, chấm dứt sinh tử, được sự an lạc rốt ráo. Cho nên, tuy Ngài thân thọ các khổ, mà tâm luôn an vui, Ngài vẫn vì chúng sinh tu căn lành, tinh tấn cầu Phật đạo, tất cả vì chúng sinh mà hồi hướng. Chúng ta người tu hành, phải học tinh thần của Bồ Tát, xả mình vì người, không thể ích kỷ, không thể ỷ lại. Bằng không, thì căn lành sẽ chẳng đầy đủ.

Điều nguyện thứ chín trong mười điều nguyện vương của Bồ Tát Phổ Hiền là: "Hằng thuận chúng sinh", nói với chúng ta rất rõ ràng. "Nếu chẳng có chúng sinh, thì tất cả Bồ Tát trọn không thể thành vô thượng Chánh Giác". Vì bồ đề giác đạo là thuộc về chúng sinh. Cho nên chúng ta

phải vì chúng sinh siêng tu lục độ vạn hạnh, để tài bồi tất cả căn lành và quả giác Bồ đề. Đây là người tu hành phải thời khắc không thể quên.

Tại sao ? Thà tôi một mình thọ các khổ như vậy, chẳng khiến cho chúng sinh đoạ vào địa ngục. Tôi sẽ ở trong địa ngục, súc sinh, vua Diêm La .v.v... các chỗ hiểm nạn, đem thân tôi để chuộc, cứu lấy tất cả chúng sinh trong đường ác, khiến cho họ được giải thoát.

Là nguyên nhân gì khiến cho Bồ Tát siêng tu căn lành pháp môn hồi hướng ? Bồ Tát xem sự khổ của chúng sinh như sự khổ của chính mình, cho nên Ngài nguyện ý thay thế chúng sinh thọ khổ, đem sự an lạc mà mình được hưởng thọ, hồi hướng cho tất cả chúng sinh. Cho nên Ngài nói: Thà tôi nguyện một mình để thay thế chúng sinh thọ khổ, quyết chẳng nguyện ý mất thấy chúng sinh đoạ vào trong địa ngục. Tôi phải vào địa ngục, súc sinh, vua Diêm Vương, những nơi nguy hiểm nhất, nơi khổ não nhất, dùng thân tôi để chuộc, tôi chịu khổ thay thế tất cả chúng sinh, đổi lại cứu lấy chúng sinh thoát khỏi khổ trong địa ngục và súc sinh, khiến cho họ được an lạc tự do, đặc được giải thoát.

Lại nghĩ như vậy: Tôi nguyện bảo hộ tất cả chúng sinh, quyết chẳng xả bỏ. Tôi

Nói lời thành thật, chẳng có hư vọng. Tại sao ? Tôi vì cứu độ tất cả chúng sinh, mà phát tâm bồ đề. Chẳng vì thân mình, cầu đạo vô thượng. Cũng chẳng vì cầu cảnh giới năm dục, cùng với đủ thứ dục lạc trong ba cõi, mà tu hạnh bồ đề.

Bồ Tát lại quán tưởng suy nghĩ như vậy: Tôi nguyện ý bảo hộ tất cả chúng sinh, chẳng khiến cho họ bị xâm hại và chẳng bình an từ bên ngoài. Do sự bảo hộ họ mà thọ bất cứ phiền não và đả kích nào, tôi cũng quyết không bỏ họ. Tôi quyết định phải cứu giúp họ lia khổ được vui, vì lời nói của tôi nhất định phải làm được, lời tôi nói ra đều là thành thật, chẳng hư vọng. Tôi quyết không nói dối, không nói lời giả. Lời nguyện tôi phát ra phải đạt được mục đích, quyết chẳng phế bỏ giữa đường. Tại sao ? Tôi vì cứu hộ tất cả chúng sinh, mà phát tâm đại bồ đề, chẳng phải tôi vì danh dự địa vị của tôi, để cho mọi người đến cung kính cúng dường tôi mới phát tâm đại bồ đề. Cũng chẳng phải vì mình muốn thành Phật, thành tựu quả vị vô thượng mà phát tâm đại bồ đề. Cũng chẳng phải vì tham cầu cảnh giới năm dục, muốn mình hưởng thọ năm dục mà phát tâm bồ đề, hoặc tham cầu đủ thứ dục lạc trong ba cõi, mới tu hạnh bồ đề. Năm dục là tiền tài, sắc đẹp, danh vọng, ăn ngon, ngủ nhiều. Ba cõi là cõi dục, cõi sắc, cõi vô sắc.

Các vị thiện tín ! Chúng ta nghe đoạn văn này, phải sinh tâm hổ thẹn, hãy nghĩ thử xem chúng ta từ vô thủy đến nay, trải qua trong bốn cõi sinh rồi chết, chết rồi sinh, Bồ Tát tự thân đến bốn đường ác, ở trước mặt kẻ chủ quản bốn

đường ác, dùng thân mình làm vật chuộc mạng. Ngài thay thế chúng ta ở đó thọ các tội khổ, để chúng ta đến được nhân gian, mà còn chẳng biết làm lành, càng chẳng biết phát tâm bồ đề, cứu giúp người khác, vẫn phạm lỗi xưa, tham sân si, khởi hoặc tạo nghiệp, chuyển một cái lại đọa vào trong bốn đường ác. Giống như vậy Bồ Tát lại cứu bạt chúng ta, tuy Ngài lại thay thế chúng ta một đời nữa thọ khổ, nhưng trọn chưa từng sinh tâm nhằm chán cứu hộ chúng sinh. Ngài vẫn âm thầm tu hạnh Bồ Tát, hành khổ hạnh khó nhẫn mà nhẫn được. Nếu chúng ta lại chẳng phát tâm bồ đề tu hành hướng đạo, thì làm sao đối diện được với tấm lòng từ bi ái hộ của Bồ Tát đối với chúng ta ? Hiện tại chúng ta nghe được đoạn Kinh văn này, biết tinh thần vĩ đại của Bồ Tát xả thân cứu hộ chúng sinh, chúng ta phải mau phát tâm đại bồ đề, một mặt vì sám hối nghiệp chướng của mình, phát tâm cứu hộ chúng sinh; một mặt cũng là để báo đáp ân đức của Bồ Tát chuộc chúng ta. Như vậy mới có thể giảm bớt một chút gánh nặng của Bồ Tát, đồng thời cũng vì mình mà tích tụ chút căn lành công đức. Nhất là hiện tại hai chúng đệ tử đã xuất gia, không thể dụng công phu trên danh dự địa vị, phải theo Bồ Tát "Chẳng vì thân mình cầu đạo vô thượng, cũng chẳng vì cầu cảnh giới năm dục và đủ thứ dục lạc trong ba cõi mà tu hạnh bồ đề". Phải có tinh thần thay thế chúng sinh thọ khổ, phải có tâm bình đẳng cứu khắp tất cả chúng sinh, đừng có tâm phân biệt thân sơ, thương ghét, tốt xấu, thiện ác, người và chẳng phải người. Hy vọng sáu chúng đệ tử nỗ lực hướng về Bồ Tát học tập, đặc biệt chú ý về điểm này, mới không cô phụ nghe được đoạn Kinh văn này.

Tại sao ? Vì sự vui thế gian, đâu chẳng là khổ. Cảnh giới các ma, chỉ người ngu mới tham, chớ Phật thì quở trách. Tất cả các khổ hoạn, do đây mà sinh ra. Địa ngục, ngã quỷ và súc sinh, nơi vua Diêm Vương, giận thù kiện tụng huỷ nhục lẫn nhau. Các điều ác như vậy, đều do tham trước năm dục mà ra. Đam mê năm dục, xa lìa chớ Phật, chớ chứng ngại sinh về cõi trời, hà hưởng đắc được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Nguyên nhân gì Bồ Tát không tham cảnh giới năm dục, và đủ thứ khoái lạc trong ba cõi, mà nguyện ý tu hạnh bồ đề ? Vì Bồ Tát biết rõ hết thấy tất cả trong thế gian, đều là nhân của khổ đau. Ví như người thế gian đều hoan hỉ mặc quần áo tốt đẹp, thường thường chi phí mấy ngàn đồng cho một bộ đồ đẹp, nhìn chói mắt. Song, một khi thiếu cẩn thận, bị dơ bẩn, hoặc bị rách, thì lúc đó, trong tâm rất phiền não, tiếc nuối, buồn rầu. Đây chẳng phải là chứng minh "vui là nhân của khổ" chẳng ? Hơn nữa người thế gian đều hoan hỉ ăn thức ăn ngon, khi gặp thức ăn ngon, thì ăn no nê hết chỗ chứa, kết quả có rất nhiều người vì tham ăn mà mất mạng, hoặc có người sinh bệnh, bệnh kỳ quái chẳng biết khổ dường nào. Đây chẳng phải là sự khoái lạc chuốt lấy phiền não chẳng ? Đây cũng chẳng phải là chứng minh vui là nhân của khổ chẳng ? Đời sống con người có

quan hệ với quần áo, ăn uống, chỗ ở, việc làm, cùng với hưởng thụ năm dục, đủ thứ khoái lạc trong ba cõi, đâu chẳng phải là nguyên nhân của khổ, cho nên nói: "Sự vui thế gian, đâu chẳng phải là khổ đau".

"Cảnh giới các ma", tức là hết thấy tất cả cảnh giới. Hay khiến cho bạn vui mừng, khiến cho bạn nóng giận, khiến cho bạn chẳng vui, buồn rầu, thông khổ, phiền não, bi ai, đủ thứ cảnh giới thất tình lục dục, đều là cảnh giới của ma. Còn có cảnh giới hốt nhiên phát sinh một thứ cảnh giới, khiến cho bạn mê hồ, chẳng nhận thức được chân tướng của nó, lại buông bỏ chẳng đặng, nhìn chẳng thấu rõ, bị nó làm lay chuyển, đây cũng có thể nói là cảnh giới của ma. Như các loại sự tương nầy, làm cho kẻ ngu si hoan hỉ nhất, tham ái chấp trước mê hoặc, còn tự cho rằng là được vui. Chư Phật đối với những cảnh giới đó, rất minh bạch rõ ràng, cho nên Ngài chẳng hy vọng chúng sinh chấp mê ở trong đó. Ngài dạy chúng sinh, cũng chẳng cho phép chúng sinh phạm thứ bệnh ngu xuẩn đó. Tất cả sự vui thế gian, đều là nhân của khổ, chúng ta thọ đủ thứ khổ hoạn, là do đây mà sinh ra. Tại sao chúng sinh đoạ vào địa ngục ? Vì tâm tham sân si quá nhiều. Tại sao phải làm ngã quý ? Vì tham bệnh tham sân si. Tại sao phải đoạ làm súc sinh ? Vẫn do tham sân si. Chúng sinh chấp trước tất cả cảnh giới, tham luyến tất cả sự hưởng thụ năm dục, cho nên đoạ vào địa ngục, hoặc làm ngã quý, làm súc sinh. Những chúng sinh đó tham sân si quá độ, một khi chết đi, đến trước mặt vua Diêm Vương, hai bên đối diện, sẽ nổi giận bất bình, kiện tụng phân tranh, hai bên huỷ nhục với nhau. Tập khí ác tham sân si vốn nặng như thế, một chút cũng không thể nhường nhịn, vẫn buông bỏ chẳng đặng, như thế thì chỉ có

trôi nổi ở trong các đường ác, tức là vì cảnh giới năm dục tạo thành. Vì buông bỏ chẳng đặng cảnh giới năm dục, đam trước thì buông bỏ chẳng đặng, cũng sẽ xa lìa chư Phật. Vì buông bỏ chẳng đặng cảnh giới năm dục, cũng chướng ngại không thể được sinh về cõi trời. Tức chẳng thấy được Phật, lại không thể sinh về cõi trời, thì làm sao đắc được quả vị Phật Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác ?

Bồ Tát quán các thế gian như vậy, bớt tham dục vị, thọ vô lượng khổ. Trọn không vì năm dục lạc đó, mà cầu vô thượng bồ đề, tu hạnh Bồ Tát. Chỉ vì an lạc tất cả chúng sinh, phát tâm tu tập, thành tựu viên mãn đại nguyện, cắt đứt những dây khổ đau của chúng sinh, khiến cho họ được giải thoát.

Bồ Tát tu pháp môn thập hồi hướng, quán sát hết thấy thế gian tất cả chúng sinh như vậy, nhìn thấy họ vì tham đồ dục lạc, say đắm năm dục, thọ vô lượng khổ, ở trong bốn cõi ác tam giới lưu chuyển không ngừng, chẳng biết nhân của khổ, chẳng minh bạch con đường thoát khỏi. Bồ Tát Ngài quyết sẽ không bị năm dục dẫn dụ, bị sự vui của tam giới mê hoặc. Bồ Tát tu hạnh Bồ Tát, cầu Phật đạo vô thượng, Ngài cũng chẳng phải vì tham đồ hưởng thụ tiền tài sắc đẹp danh vọng ăn ngon ngủ nhiều, cũng chẳng phải vì truy cầu từ vị sắc thanh hương vị xúc. Những thứ dục lạc thế gian này chẳng rốt ráo, Bồ Tát chân thật hiểu rõ nó, sớm đã đại triệt đại ngộ. Ngài vì khiến cho chúng sinh đắc được sự an ổn chân thật, niềm vui lớn rốt ráo, mới phát

tâm tu hạnh Bồ Tát, cầu Phật đạo vô thượng bồ đề. Ngài phải tu tập sáu độ vạn hạnh, mới có thể viên mãn thành tựu đại nguyện của Ngài cứu hộ chúng sinh. Ngài phải dùng thần thông trí huệ thành tựu của mình, vì chúng sinh mà chặt đứt nhân khổ, sợi dây ma lực dụ hoặc năm dục, và nghiệp lực tham sân si trong tam giới, ràng buộc chúng sinh. Bồ Tát dùng thanh kiếm trí huệ của mình chặt đứt nó, giải thoát chúng sinh khỏi sự ràng buộc, khiến cho họ thấy được Phật, nghe được Pháp, gần gũi Tăng, đắc được tự do an lạc.

Phật tử ! Đại Bồ Tát lại nghĩ: Tôi sẽ đem căn lành hồi hướng như vậy: Khiến cho tất cả chúng sinh được vui rất ráo. Vui lợi ích. Vui chẳng thọ. Vui vắng lặng. Vui không nương tựa. Vui không động. Vui vô lượng. Vui không xả bỏ, không thối lùi. Vui bất diệt. Vui nhất thiết trí.

Các vị đệ tử của Phật ! Đại Bồ Tát tu pháp môn hồi hướng, Ngài lại tư duy như vậy: "Tôi sẽ đem căn lành tu tập đối với chúng sinh hồi hướng như vậy: Hy vọng tất cả chúng sinh đắc được sự hồi hướng của tôi rồi, cũng giống như tôi đắc được sự vui chân chánh. Có thể thọ được vui lợi ích có sự trợ giúp của họ. Vĩnh viễn vui chẳng thọ thống khổ ràng buộc. Vui lìa khỏi tất cả khổ. Có thể thọ vui vắng lặng thanh tịnh không nhiễm. Có thể từ đây thọ vui bất tất nương nhờ người khác, tự lập tự cường vô úy. Có thể thọ vui của định huệ thông đạt như như bất động, chẳng

bị cảnh giới lay chuyển. Có thể đắc được vui vô lượng vô biên, không tham không cầu. Có thể thọ vui hưởng đạo kiên định tâm chẳng bỏ tâm bồ đề, chẳng bị uy hiệp dẫn dụ, chẳng thôi tâm bồ đề. Có thể thọ vui, tinh tấn tu đạo, từ bi tu huệ, vĩnh viễn tâm địa bình an chẳng đoạn diệt trên cầu Phật đạo, dưới độ chúng sinh. Và đắc được vui nhất thiết trí huệ".

Lại nghĩ như vậy: Tôi sẽ làm Điều Ngự Sư của tất cả chúng sinh, làm chủ bình thần. Cầm đuốc đại trí, chỉ bày con đường an ổn. Khiến cho họ lìa khỏi hiểm nạn. Dùng phương tiện khéo léo, khiến cho họ biết nghĩa thật. Lại ở nơi biển sinh tử, làm thuyền sư nhất thiết trí thiện xảo, độ các chúng sinh, khiến cho họ đến được bờ bên kia.

Vị Bồ Tát này tu hạnh môn hồi hướng, lại suy nghĩ như vậy. Ngài nói: "Tôi phải phát nguyện làm Điều Ngự Sư của tất cả chúng sinh". Thời xưa người đánh xe gọi là "Điều Ngự sư". "Điều" là điều hoà, điều phục. "Ngự" là giá ngự, thông ngự. Chỗ này là ví dụ Bồ Tát điều phục chúng sinh cương cứng, giáo hoá khiến cho họ thuần phục, và lãnh đạo chúng sinh đi trên con đường Phật đạo. Phật là Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư. Điều Ngự Sư nói ở đây, là Đạo Sư Điều Ngự tất cả chúng sinh trong tam giới. Là một vị đại thiện tri thức, đại Đạo Sư lãnh đạo chúng

sinh tam giới thoát khỏi tam giới, khiến cho họ chấm dứt sinh tử. Lãnh đạo chúng sinh thoát khỏi tam giới, lãnh đạo chúng sinh vào Niết Bàn, lãnh đạo chúng sinh thành Phật quả, đây đều là ý nghĩa Điều Ngự Sư. Bồ Tát vì muốn phát nguyện làm Đạo Sư của chúng sinh, lãnh đạo chúng sinh từ bờ sinh tử, qua dòng phiền não, đạt đến bờ Niết Bàn bên kia. Bồ Tát lại muốn làm binh bộ đại thần của chúng sinh, chương quản việc quốc gia, bảo vệ nhân dân, điều phục tất cả thiên ma ngoại đạo, khiến cho chúng sinh thấy đều bình an. Đây tức là binh báu một trong bảy báu của Vua Chuyển Luân Thánh Vương. Tức cũng như hiện nay là thống soái ba quân của mỗi quốc gia. Bồ Tát lại nghĩ như vậy: Tôi sẽ vì chúng sinh làm một người cầm đuốc trí huệ. Vì đuốc trí huệ có thể chiếu phá tất cả đen tối, có thể chiếu sáng nơi nguy hiểm, con đường lồi lõm chẳng bằng phẳng. Khi tôi dơ cao đuốc trí huệ, thì chúng sinh trôi nổi ở trong biển nghiệp đen tối, có thể thấy được quang minh mà thoát khỏi biển khổ sinh tử, chúng sinh ở trong vực thẳm của thống khổ, có thể đi trên con đường lớn an ổn, khiến cho tất cả chúng sinh xa lìa khốn khổ hiểm nạn. Nếu đuốc lửa chẳng có trí huệ, thì chúng sinh sẽ vĩnh viễn trầm luân ở trong khốn khổ, có thể Bồ Tát phải làm người cầm đuốc đại trí. Bồ Tát biết rõ căn khí của chúng sinh khác nhau, khó giáo hoá. Cho nên Ngài dùng đủ thứ pháp môn phương tiện khéo léo, vì muốn khiến cho chúng sinh minh bạch nghĩa lý chân thật. Bồ Tát lại nghĩ muốn ở trong biển sinh tử, làm thuyền trưởng có kinh nghiệm nhất, có kỹ năng hiểu biết về thuyền biển, có đại trí huệ, sẽ dùng phương tiện khéo léo, nếu như gặp lúc sóng to gió lớn, thì cũng bình an qua

khỏi. Lãnh đạo chúng sinh thoát khỏi biển nghiệp sinh tử, bình an đạt đến bờ Niết Bàn bên kia.

Phật tử ! Đại Bồ Tát, đem các căn lành hồi hướng như vậy: Đó là tùy nghi cứu hộ tất cả chúng sinh, khiến cho họ thoát khỏi sinh tử. Thừa sự cúng dường tất cả chư Phật, được trí huệ nhất thiết trí không chướng ngại. Xả lìa các ma, xa lìa ác tri thức. Gắn gũi tất cả Bồ Tát bạn lành. Diệt trừ các tội lỗi, thành tựu nghiệp thanh tịnh. Đầy đủ hạnh nguyện rộng lớn, vô lượng căn lành của Bồ Tát.

Các vị đệ tử của Phật ! Đại Bồ Tát, đem đủ thứ căn lành của mình tu tập, đối với chúng sinh hồi hướng như vậy: Tôi phải tùy thời tùy lúc, gặp bất cứ người nào thọ khổ, liền lập tức cứu hộ họ, khiến cho họ đều thoát khỏi biển khổ sinh tử, qua dòng phiền não, đạt đến bờ Niết Bàn bên kia. Và họ còn có thể thừa sự cúng dường mười phương chư Phật, mà đắc được trí huệ tối cao trong nhất thiết chủng trí không chướng ngại. Xả bỏ hạnh tà, xa lìa đủ thứ tà ma không chánh đáng, chẳng làm quyến thuộc của ma vương. Chẳng gần gũi người tà tri tà kiến, tư tưởng mâu thuẫn. Gắn gũi hết thấy Bồ Tát, cùng với bạn lành của Bồ Tát. Cũng có thể nói gần gũi hết thấy Bồ Tát, và kết làm bạn hữu với Bồ Tát. Vì gần gũi Bồ Tát và các vị thiện tri thức, cho nên diệt trừ tất cả tội ác và lỗi lầm trong quá

khứ, từ đây chẳng còn tái phạm lỗi làm tạo nghiệp ác nữa, mà tự nhiên thành tựu đạo nghiệp thanh tịnh. Đây đủ hạnh nguyện rộng lớn của Bồ Tát đã phát, viên mãn vô lượng căn lành công đức của Bồ Tát. Ở đây tuy nhiên nói là Bồ Tát vì chúng sinh hồi hướng, mà trong vô hình cũng hoạch được lợi ích của mình.

Phật tử ! Đại Bồ Tát đem các căn lành hồi hướng rồi, bèn nghĩ như vậy: Chẳng vì bốn thiên hạ nhiều chúng sinh, mà có nhiều mặt trời xuất hiện. Chỉ cần một mặt trời xuất hiện, đều có thể chiếu khắp tất cả chúng sinh. Lại nữa, các chúng sinh chẳng vì thân mình ánh sáng, nên biết có ngày đêm, du hành quán sát, tạo ra các nghiệp. Đều do mặt trời xuất hiện, trở thành các việc như thế. Nhưng mặt trời đó, chỉ có một. Đại Bồ Tát cũng lại như thế. Khi Tu tập căn lành hồi hướng, thì nghĩ như vậy: Các chúng sinh đó không thể tự cứu mình, sao có thể cứu kẻ khác ? Chỉ có một mình tôi lập chí nguyện, chẳng có bạn bè, tu tập căn lành, hồi hướng như vậy. Đó là: Vì muốn rộng độ tất cả chúng sinh. Vì chiếu khắp tất cả chúng sinh. Vì chỉ bày tất cả

chúng sinh. Vì khai ngộ tất cả chúng sinh. Vì đóa lại tất cả chúng sinh. Vì nhiếp thọ tất cả chúng sinh. Vì thành tựu tất cả chúng sinh. Vì khiến cho tất cả chúng sinh hoan hỷ. Vì khiến cho tất cả chúng sinh vui mừng. Vì khiến cho tất cả chúng sinh dứt nghi hoặc.

Các vị đệ tử của Phật ! Đại Bồ Tát tu pháp môn thập hồi hướng, Ngài làm những điều chẳng trái với chánh đạo, hợp với nghĩa lý chân thật, được chư Phật khen ngợi, hồi hướng chánh quyết rồi, bèn yên lặng tư duy, nghĩ như vậy: Tôi nghĩ chẳng phải trên thế gian có nhiều sinh mạng chúng sinh, thì có nhiều mặt trời xuất hiện. Kỳ thật, chẳng phải chỉ có một mặt trời xuất hiện, thì có thể chiếu khắp đến tất cả hữu tình vô tình, núi cao hang thẳm. Hơn nữa, tất cả chúng sinh chẳng phải họ cảm thấy tự thân của mình có quang minh, mà biết có ngày đêm khác nhau, cũng chẳng phải vì họ đi các nơi, đến khắp nơi quán sát nghiên cứu, mà khởi lên bao nhiêu tư tưởng, làm ra đủ thứ tính chất hạnh nghiệp khác nhau, đó là vì mặt trời xuất hiện, chiếu khắp đại địa, tất cả chúng sinh được ánh sáng chiếu đến, mới tạo ra các thứ hạnh nghiệp thiện ác, trở thành đủ thứ sự việc thiện ác. Nhưng chỉ có một mặt trời tạo thành các việc như thế, chứ chẳng phải vì chúng sinh nhiều mà tăng thêm. Bồ Tát tu pháp môn hồi hướng, cứu độ chúng sinh, cũng như thế. Tuy Bồ Tát chỉ có một vị, nhưng Ngài vẫn vui cứu khắp chúng sinh. Khi Ngài tu tập căn lành, vì chúng sinh

hồi hương, thì Ngài nói như vậy: "Những chúng sinh đáng thương xót kia, tự cứu mình còn không được, thì làm sao mà cứu được kẻ khác ư ? Vì họ từ vô thủy đến nay, bị vô minh che đậy chân tâm, chẳng có đại trí huệ, như kẻ mù loà, nên tìm chẳng được lối thoát khỏi lò lửa tam giới. Chỉ có một mình tôi, muốn cứu độ họ, cũng chẳng có bạn bè chí đồng đạo hợp với tôi, người phát cùng tâm nguyện với tôi". Bồ Tát tu tập căn lành, hồi hương như vậy:

1. Tôi muốn rộng độ tất cả chúng sinh, chẳng sinh tâm phân biệt.

2. Tôi muốn giống như mặt trời, chiếu khắp tất cả chúng sinh.

3. Tôi muốn làm hướng đạo của chúng sinh, chỉ bày cho họ con đường chân chánh.

4. Tôi muốn giáo hoá chúng sinh, khiến cho họ đều được khai ngộ, đắc được trí huệ chân chánh.

5. Tôi muốn chiếu cứu hết thảy chúng sinh, giống như mẹ hiền chiếu cứu con cái.

6. Tôi muốn nhiếp thọ tất cả chúng sinh, khiến cho họ đừng trở về với ngoại đạo.

7. Tôi muốn tận lực dẫn dắt họ, khiến cho họ thành tựu nghiệp thiện, kẻ chưa sinh nghiệp thiện, thì khiến cho sinh ra, đã sinh thì khiến cho tăng trưởng, đã tăng trưởng thì khiến cho sớm được viên mãn.

8. Tôi muốn lãnh đạo tất cả chúng sinh, thường huân tập ở trong chánh pháp, đắc được pháp hỷ chân chánh.

9. Tôi muốn khiến cho tất cả chúng sinh, thường hành bát chánh đạo, thường trụ trong niềm vui chân chánh.

10. Tôi muốn đối với tất cả chúng sinh, thường xiển dương chánh pháp của chư Phật, khiến cho họ dứt trừ tất cả nghi hoặc, sinh ra trí huệ rộng lớn.

Phật tử ! Đại Bồ Tát lại nghĩ như vậy: Tôi phải như mặt trời, chiếu khắp tất cả, chẳng cầu báo ân. Nếu chúng sinh có tội ác, đều có thể dung thọ, quyết không vì thế mà bỏ thế nguyện. Chẳng vì một chúng sinh mà bỏ tất cả chúng sinh. Chỉ siêng tu tập căn lành hồi hướng, khắp khiến cho chúng sinh đều được an lạc. Căn lành tuy ít, mà khắp nhiếp thọ chúng sinh. Dùng tâm hoan hỷ hồi hướng rộng lớn. Nếu có căn lành, chẳng muốn lợi ích tất cả chúng sinh, thì chẳng gọi là hồi hướng. Tuy một căn lành, khắp dùng chúng sinh mà làm sở duyên, mới gọi là hồi hướng.

Các vị đệ tử của Phật ! Đại Bồ Tát lại nghĩ như vậy: Tôi phải hành Bồ Tát đạo, như mặt trời, chiếu sáng vạn vật, khiến cho tất cả chúng sinh hữu tình vô tình đều đắc được sự ấm áp của tôi. Nhưng tôi cũng chẳng hy vọng chúng sinh báo ơn với tôi như thế nào. Nếu chúng sinh có tội ác gì, có lỗi làm gì, hoặc đối với tôi có khinh mạn gì, tôi đều tha thứ cho họ, dung nhận sự vô tri vô lễ của họ, chẳng vì tội ác của họ. Tôi quyết chẳng vì họ phạm lỗi lầm, hoặc

khó giáo hoá, mà bỏ lời nguyện mà tôi đã phát. Tôi cũng chẳng vì một chúng sinh phạm tội ác, mà xả bỏ tất cả chúng sinh. Tôi vẫn tinh tấn siêng năng tu tập căn lành, vì tất cả chúng sinh mà hồi hướng, hy vọng hết thấy chúng sinh, đều đắc được bình an khoái lạc. Căn lành của tôi tu tuy ít, nhưng tôi vẫn dùng nhiếp thọ khắp tất cả chúng sinh. Tôi phải dùng tâm hoan hỉ để hồi hướng rộng lớn, đem tất cả những gì tôi tu tập, thấy đều hồi hướng cho tất cả chúng sinh. Giả sử tôi có căn lành, chẳng muốn hồi hướng cho chúng sinh, chẳng muốn khiến cho chúng sinh đắc được lợi ích, thì đó chẳng gọi là tu pháp môn hồi hướng. Tôi phải dùng lòng tới căn lành nhiều ít, mà khắp thuận với dục cầu của chúng sinh, mà vì họ hồi hướng, như thế mới gọi là hồi hướng.

Hồi hướng đặt để chúng sinh nơi pháp tánh không chấp trước. Hồi hướng thấy chúng sinh tự tánh chẳng động, chẳng lay chuyển. Hồi hướng chẳng chỗ nương, chẳng chỗ lấy về sự hồi hướng. Hồi hướng chẳng thủ lấy tướng căn lành. Hồi hướng chẳng phân biệt nghiệp báo thể tánh. Hồi hướng chẳng thủ lấy nghiệp. Hồi hướng chẳng cầu báo. Hồi hướng chẳng nhiễm trước nhân duyên. Hồi hướng chẳng chấp trước tướng năm uẩn. Hồi hướng chẳng

hoại tướng năm uẩn. Hồi hướng chẳng phân biệt nhân duyên sở khởi.

Đoạn văn ở trên nói, Bồ Tát tu tập căn lành, chẳng màng nhiều ít, đều hồi hướng cho chúng sinh. Đoạn Kinh văn này là kỹ thuật đủ thứ sự hồi hướng của Bồ Tát, hồi hướng cho chúng sinh. Ý nghĩa của "đặt đẽ" là thật tế. Thật tế tức cũng là pháp tánh. Pháp tánh vốn chẳng chỗ chấp trước.

1. "Hồi hướng đặt đẽ chúng sinh nơi pháp tánh không chấp trước", nghĩa là nói, Bồ Tát hồi hướng căn lành cho chúng sinh, đều khế hợp với sự hồi hướng thật tế, khiến cho chúng sinh hiểu tự tánh của pháp, vốn không chấp trước. Câu này là tổng quát mỗi thứ hồi hướng ở dưới. Bồ Tát đối với chúng sinh, chẳng có lúc nào mà chẳng quan tâm, Ngài nghĩ phải cho chúng sinh làm được thật tế, hồi hướng chẳng chấp nơi pháp tánh, tức là bình đẳng hồi hướng. Bồ Tát tu pháp môn hồi hướng thì:

2. Thấy tự tánh của tất cả chúng sinh, bình đẳng chẳng chấp trước, vẫn chẳng động, tùy duyên không đổi, vốn là tướng hằng thường vắng lặng, cho nên chẳng động chẳng chuyển.

3. Nơi hồi hướng chẳng nương tựa về bi, chẳng thủ lấy tướng, hành sở vô sự.

4. Chẳng chấp trước tướng căn lành mà tôi có, chỉ hồi hướng thật tế, hồi hướng bồ đề, hồi hướng chúng sinh, hồi hướng hư không.

5. Chẳng chấp về nghiệp đã tạo ra, chẳng so sánh tương lai về báo thể tánh sẽ thọ, chẳng thêm phân biệt, hồi hướng thống thể.

6. Chẳng chấp vào sự hồi hướng sắc pháp năm uẩn, sắc thọ tưởng hành thức.

7. Cũng bắt tất phá hoại tướng năm uẩn, hoặc không, để hồi hướng.

8. Hồi hướng chẳng tồn hy vọng báo đáp, quyết chẳng phải vì tôi đem căn lành hồi hướng cho chúng sinh, thì tương lai chúng sinh sẽ báo đáp cho tôi.

9. Nhân duyên chẳng dính sự cầu bản nhiệm ô để hồi hướng, phải nhân duyên thành tựu các việc thanh tịnh để hồi hướng.

10. Chẳng chấp trước phân biệt tất cả nhân duyên làm thế nào sinh khởi, và tương lai quả lại như thế nào, chẳng chấp vào những chi tiết đó để hồi hướng.

Hồi hướng chẳng chấp danh tiếng. Hồi hướng chẳng chấp xứ sở. Hồi hướng chẳng chấp pháp hư vọng. Hồi hướng chẳng chấp tướng chúng sinh, tướng thế giới, tướng tâm ý. Hồi hướng chẳng khởi tâm điên đảo, tướng điên đảo, thấy điên đảo. Hồi hướng chẳng chấp vào lời nói.

Bồ Tát tu hồi hướng, đem căn lành của mình tu tập hồi hướng cho chúng sinh, lợi ích chúng sinh, và Ngài chẳng có hy vọng nhờ đó mà được mọi người tán dương, khiến cho ai nấy đều biết Ngài đang tu hồi hướng. Bồ Tát chẳng chấp trước vào hư vọng danh tiếng mà tu hồi hướng. Bồ Tát đem căn lành hồi hướng cho chúng sinh, chẳng cầu danh, cũng chẳng chấp vào xứ sở và đối tượng hồi hướng.

Ngài quyết chẳng kiên trì nhất định phải có nơi chốn hoặc mục đích để hồi hướng. Ngài chẳng chấp vào "có", cũng chẳng chấp vào "không", chẳng chấp vào "pháp hư vọng" để hồi hướng. Ngài cũng chẳng chấp vào tướng chúng sinh, hoặc tướng thế giới, hoặc tướng tâm ý để hồi hướng. Trong tâm của Ngài ở tất cả mọi thời, mọi nơi, đều minh bạch, thanh tịnh, chưa từng sinh khởi tâm ý điên đảo, hoặc tư tưởng sinh khởi điên đảo, hoặc kiến giải phát sinh điên đảo hồi hướng. Cũng chẳng rơi vào lời nói mà hồi hướng.

Hồi hướng quán tất cả tánh các pháp chân thật. Hồi hướng quán tất cả tướng chúng sinh bình đẳng. Hồi hướng dùng ấn pháp giới, ấn các căn lành. Hồi hướng quán các pháp lìa tham dục.

Khi Bồ Tát tu tập căn lành hồi hướng, thì Ngài quán sát tất cả các pháp, chẳng không, chẳng có, tức không, tức có, hai nghĩa đều không hai, rõ các pháp thật tướng, dùng tánh chân thật để hồi hướng. Lại quán tất cả tướng chúng sinh đều bình đẳng, chẳng có phân biệt mà hồi hướng. Vì minh bạch vọng không, tất cả đều không. Thật hữu (có), là tất cả diệu hữu. Tức không ở trước, là thật ở đây, hai nghĩa chẳng hai, là chân pháp ấn. Cho nên dùng ấn pháp giới, để ấn chứng các căn lành hồi hướng. Hoặc nói cách khác, Bồ Tát tu tất cả các pháp, đều tức tướng lìa tướng, tức pháp phi pháp, chẳng chấp trước, chẳng giống như phàm phu làm được một chút việc lành, thì chấp vào cho rằng có công đức rất to lớn. Tâm của Bồ Tát thường vắng lặng,

hành sở vô sự, cho nên Ngài có thể dùng ấn pháp giới, để ấn tắt cả căn lành hồi hướng. Bồ Tát quán sát các pháp, thấu rõ thông đạt các pháp, nên chẳng chấp trước các pháp mà sinh pháp chấp. Bồ Tát lìa khỏi tất cả tâm tham, tâm dục, cho nên Ngài bình đẳng hồi hướng, ấn chứng các căn lành hồi hướng.

Hiểu tắt cả pháp không, đủ thứ căn lành cũng như vậy. Quán các pháp không hai, không sinh, không diệt, hồi hướng cũng như vậy. Dùng các căn lành như vậy để hồi hướng, tu hành pháp thanh tịnh đối trị. Hết thấy căn lành, thấy đều tùy thuận. Pháp xuất thế gian, chẳng làm hai tướng.

Minh bạch tất cả pháp, đều chẳng một, chẳng hai, cho nên nói chẳng thấy có chút pháp sinh, cũng chẳng thấy có chút pháp diệt. Đủ thứ căn lành cũng như vậy. "Căn lành" có thể tu một mình, nhưng nói "trồng cây". Bồ Tát quán sát tất cả pháp không hai, thấu rõ "Thật có vốn có, tự nhiên chẳng sinh. Vọng hoặc vốn không, không chẳng thể diệt". Nhận thức như thế, thì tu tập pháp môn hồi hướng, hành sở vô sự. Dùng sự hồi hướng căn lành không nhiễm, không chấp không ngại của Kinh văn đã nói ở trước, mà tu tập pháp hành thanh tịnh. Vì pháp thanh tịnh là đối trị pháp nhiễm ô. Sự tu tập tất cả căn lành thanh tịnh, đều hợp với tông chỉ xuất thế gian, tức là siêng tu giới định huệ, diệt trừ tham sân si. Pháp là pháp môn không hai, tướng cũng chẳng có hai tướng. Chẳng những không có hai tướng, mà

một tướng cũng chẳng có, cho nên nói "chẳng làm hai tướng".

Chẳng phải tức nghiệp tu tập nhất thiết trí, chẳng phải là nghiệp hồi hướng nhất thiết trí. Nhất thiết trí chẳng phải tức là nghiệp, nhưng chẳng là nghiệp mà được nhất thiết trí. Vì dùng nghiệp như ánh sáng hình bóng thanh tịnh, vì báo cũng như ánh sáng hình bóng thanh tịnh. Trí huệ nhất thiết trí cũng như ánh sáng hình bóng thanh tịnh.

Bồ Tát chẳng phải ở nghiệp hành tu tập nhất thiết trí, song, cũng chẳng là khỏi nghiệp hành mà hồi hướng nhất thiết trí. Vì là nghiệp thì không thể hồi hướng. Như tạo nghiệp thiện, thì không thể là khỏi nghiệp thiện hồi hướng nhất thiết trí. Nhất thiết trí cũng chẳng nương theo nghiệp, trí chẳng phải nghiệp. Nhưng lại không thể là khỏi nghiệp, mà đắc được nhất thiết trí. Vì là khỏi nghiệp thiện, thì chẳng đắc được nhất thiết trí. Cho nên nói chẳng tức chẳng là, chẳng tức nghiệp chẳng là nghiệp, mới có thể được nhất thiết trí. Là đạo lý gì phải nói như vậy: Nghiệp chẳng là trí, trí cũng chẳng là nghiệp? Ví như nghiệp này, giống như ánh sáng và hình bóng thanh tịnh, vậy báo cũng nhất định thanh tịnh như ánh sáng và hình bóng. Báo thanh tịnh như ánh sáng và hình bóng, vậy nhất thiết trí, trí huệ tối thù thắng, tự nhiên cũng thanh tịnh như ánh sáng và hình bóng.

Lìa cái ta của ta, tất cả động loạn, suy nghĩ phân biệt. Như vậy biết rõ, dùng các căn lành phương tiện hồi hướng. Khi Bồ Tát hồi hướng như vậy, thì độ thoát chúng sinh, thường chẳng ngừng nghỉ, chẳng trụ pháp tướng. Tuy biết các pháp không nghiệp, không báo, hay khéo sinh ra tất cả nghiệp báo, mà không trái tranh luận. Như vậy phương tiện khéo tu hồi hướng.

Bồ Tát thông đạt đạo lý Kinh văn nói ở trên, cho nên Ngài chẳng lìa cái ta, chẳng tồn tại quan niệm "Duy ngã độc tôn". Cũng lìa khỏi của ta, chẳng có chiếm hữu muôn tất cả vì ta sở hữu. Lại lìa khỏi tất cả tư tưởng động loạn, hoặc tùy hoặc lìa. Tư tưởng như thế, giống như hạt bụi lơ lửng không ngừng ở trong hư không. Lại lìa tức chủ quan phân biệt ý thức đối với sự vật. Cũng đã minh bạch nghiệp và trí, đều giống như ánh sáng và hình bóng chẳng có một thật thể, thanh tịnh cũng chẳng có hình tướng, đều là như huyền, như biến hoá. Nếu nói ánh sáng là chân thật, vậy có thể nào nắm lấy ánh sáng để nhìn xem được chăng ? Như nói hình bóng là chân thật, vậy có thể cầm lấy hình bóng được chăng ? Thanh tịnh cũng như thế. Bồ Tát minh bạch đạo lý này, cho nên Ngài hay dùng căn lành của Ngài tu tập, lìa tướng, lìa phân biệt, mà lại chẳng hoại tướng, để làm phương tiện hồi hướng. Hồi hướng nơi chúng sinh, là phương tiện hồi hướng bồ đề, phương tiện hồi hướng thật tế, phương tiện đủ thứ sự hồi hướng. Khi Bồ Tát hồi hướng

như vậy thì Ngài cũng chẳng cầu báo đáp, miễn sao có lợi ích cho chúng sinh, thì chẳng sợ gian nan khó nhọc đi làm. Do đó:

"Chỉ biết trông trọng,
Chẳng hỏi thu hoạch".

Cũng chẳng màng chúng sinh đối với Ngài thế nào, Ngài chỉ biết lợi người, chưa từng nghĩ đến lợi mình. Ngài cứu độ chúng sinh lìa khổ được vui, đắc được giải thoát, ngày đêm chẳng giải đãi, chẳng bỏ chúng sinh thọ khổ, để tự mình tìm cầu an nhàn nghỉ ngơi. Ngài làm như thế, chẳng vì có sự mong cầu, cảm thấy cứu độ chúng sinh là bổn phận của mình phải làm như thế. Chẳng như thế thì Ngài chẳng cho rằng là đang tu công đức, mà chấp vào nơi tất cả pháp tướng. Tuy nhiên Bồ Tát đã biết bản thể của tất cả các pháp, cũng chẳng có nghiệp, cũng chẳng có báo, nhưng ở trong pháp này lại sinh ra tất cả nghiệp và báo. Do trong tất cả pháp sinh ra nghiệp và báo, mà bản thể của pháp lại chẳng có nghiệp và báo, song, nó hay sinh ra. Đạo lý này và đạo lý vốn không nghiệp, không báo chẳng trái với nhau, hoặc phát sinh xung đột mà khởi tranh luận. Nhân tố này viên dung vô ngại với nhau. Do đó, Bồ Tát có thể tổng nhiếp nhiều đạo lý như vậy, nhậm vận vô ngại, mà có thể khéo dùng pháp môn phương tiện khéo léo, để khéo tu tất cả pháp môn hồi hướng.

Khi đại Bồ Tát hồi hướng như vậy, thì lìa khỏi tất cả lỗi lầm, được chư Phật khen ngợi.

Phật tử ! Đó là hồi hướng thứ nhất cứu hộ chúng sinh, lia tướng chúng sinh của đại Bồ Tát.

Đại Bồ Tát tôn chiếu đạo lý kinh văn như đã nói ở trước, khi tu pháp môn hồi hướng, thì nơi sự, nơi lý, đều thông đạt vô ngại, nhận thức rõ ràng, cho nên tuyệt đối chẳng có lỗi lầm trái ngược với chân lý. Mà lại chẳng chấp trước vào pháp tướng độ chúng sinh, đó là độ chúng sinh mà lia tướng chúng sinh. Dù mười phương chư Phật, thường ở trong cõi Thường Tịch Quang Tịnh Độ, cũng rất khen ngợi vị đại Bồ Tát đó, nhận rằng chỗ biểu hiện của Ngài, đều khế hợp với pháp của chư Phật nói.

Các vị đệ tử của Phật ! Đó là pháp môn hồi hướng thứ nhất "Cứu hộ tất cả chúng sinh, lia tướng chúng sinh hồi hướng" của đại Bồ Tát. Ý nghĩa chủ yếu là cứu hộ tất cả chúng sinh, mà chẳng chấp trước vào công đức cứu hộ, phải quét tất cả pháp, lia tất cả tướng, hành sở vô sự, quy vô sở đắc, gọi là hồi hướng lia tướng. Nếu có sự chấp trước, cảm thấy mình cứu độ bao nhiêu chúng sinh, có bao nhiêu công đức, mọi người phải biết, vì họ mà ca tụng công đức, khen ngợi họ là vị đại thiện nhân, Bồ Tát sống. Một khi có tư tưởng như thế, thì chẳng những là chẳng có công đức, mà nói thẳng là hoàn toàn không hiểu về ý nghĩa chân chánh của sự hồi hướng ! Cho nên chúng ta phải minh bạch, lợi ích chúng sinh, thể chúng sinh thọ khổ, đây là bản phận mỗi người tu đạo phải có, đừng chấp trước vào tướng tội độ chúng sinh.

Bấy giờ, Bồ Tát Kim Cang Tràng quán sát mười phương tất cả chúng hội, cho đến pháp giới. Vào câu nghĩa sâu xa, dùng vô lượng tâm, tu tập thắng hạnh. Đại bi che khắp tất cả chúng sinh. Chẳng dứt hạt giống các Như Lai ba đời, vào công đức pháp tạng của tất cả chư Phật. Sinh ra pháp thân của tất cả chư Phật. Khéo phân biệt tâm của các chúng sinh. Biết căn lành của họ trồng thành thực, trụ nơi pháp thân, mà vì họ thị hiện sắc thân thanh tịnh. Nương thần lực của đức Phật, liền nói bài kệ rằng.

Bồ Tát Kim Cang Tràng nói xong một pháp môn hồi hướng ở trên rồi, thì lúc đó, lập tức quán sát chúng hội trong mười phương thế giới, cũng đồng như vậy, có Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đang ở đó chủ trì pháp hội, liền nói pháp môn thập hồi hướng. Cho đến tận cùng hư không khắp pháp giới, đều vào trong câu nghĩa diệu pháp thâm sâu, vào trong nghĩa lý rốt ráo. Dùng thâm tâm rộng lớn vô lượng vô biên, để tu tập pháp môn vô thượng thù thắng này. Dùng tâm đại bi bình đẳng che hộ khắp tất cả chúng sinh, khiến cho họ đều lìa khổ được vui. Tiếp tục giống tánh của mười phương ba đời các Như Lai không đoạn tuyệt. Vào sâu trong công đức pháp tạng của mười phương ba đời chư Phật tu hành, sau đó sinh ra pháp thân của chư

Phật. Lại rất thấu hiểu tư tưởng tâm tánh khác nhau của tất cả chúng sinh, biết căn lành của họ gieo trồng đã đến trình độ nào, đã thành thực, hoặc chưa thành thực, Bồ Tát đều minh bạch rõ ràng. Tuy là trụ nơi pháp thân của chư Phật, nhưng mà Ngài vẫn có thể vì chúng sinh thị hiện sắc thân thanh tịnh, chẳng có tơ hào nhiễm ô. Bồ Tát Kim Cang Tràng biểu thị rất khiêm nhường có lễ độ, rằng tôi nương đại oai thần lực của mười phương chư Phật, mới có thể diễn nói pháp môn hồi hướng này. Do đó, Ngài nói ra hai mươi tám bài kệ dưới đây, phân biệt tán dương pháp môn "hồi hướng" thù thắng.

**Tu hành kiếp số không nghĩ bàn
Tinh tấn kiên cố tâm vô ngại
Vì muốn lợi ích các quần sinh
Thường cầu pháp công đức chư Phật.**

Ý nghĩa "kiếp số không nghĩ bàn" là nói thời gian số kiếp rất ráo có bao nhiêu, không thể dùng tâm để nghĩ, cũng không thể dùng lời để bàn luận được. Nói cũng nói không xong, rất ráo có bao nhiêu, cho nên gọi là "kiếp số không nghĩ bàn". Bồ Tát Kim Cang Tràng nói: "Tu hành kiếp số không nghĩ bàn", là khen ngợi chư Phật Bồ Tát dùng tâm nhẫn nhục lớn nhất của các Ngài, để tu hành bồ đề giác đạo. Chúng ta chúng sinh chẳng màng làm việc gì, đều phạm mao bệnh nóng được năm phút, qua năm phút, thì từ từ lạnh lại. Như một số Phật giáo đồ phát tâm tu hành, tu hành được thời gian ngắn, thì cảm thấy chẳng có gì thành tựu, bèn sinh ra tâm hoài nghi, nói tu hành chẳng có ích lợi gì, bèn giải đãi, thậm chí buông bỏ chẳng tin nữa,

chẳng tu hành nữa. Mà nay nghe được sự khen ngợi của Bồ Tát Kim Cang Tràng, sở dĩ Bồ Tát có sự thành tựu, đều phải trải qua sự tu tập kiếp số không thể nghĩ bàn, mà còn đời đời kiếp kiếp đều dưỡng mãnh tinh tấn, thường thường y chẳng lìa thể, thể chẳng lìa y, y mũ chuẩn tề tu hành. Y, là chỉ y Cà Sa người xuất gia mặc trên thân. Phạm là cạo đầu xuất gia, cắt ái từ thân, phát tâm suốt đời giữ gìn điều Phật chế ra, tâm thọ thân trì, mới ra khỏi nhà thế tục, làm Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni. Trước hết phải thọ giới Sa Di, cởi bỏ y phục thế tục, mặc y phục hoại sắc của người xuất gia, còn gọi là "ngũ y" (y năm điều) một dài một ngắn. Tiếng Phạn gọi là y "An đà hội", dịch là "Y trung túc", cũng gọi là "hạ y", còn gọi là "tạp tác y". Khi làm việc, đi ra ngoài, đều mặc y này. Đắp y có bài kệ rằng:

"Thiện tai giải thoát phục (tự lợi)
Vô thượng phước điền y (lợi tha)
Ngã kim đánh đái thọ
Thế thế bất xả ly (phát nguyện).

Nghĩa là:

Lành thay y giải thoát
Y ruộng phước vô thượng
Nay tôi được thọ mặc
Đời đời chẳng xả lìa.

Trải qua hai năm sau, thọ giới Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, thì mặc y bảy điều, hai dài một ngắn, tiếng phạn gọi là "Uất đa la tăng", dịch là "thượng trước y", cũng gọi là "nhập chúng y". Khi lễ Phật, tụng kinh, toạ thiền, phó trai, nghe giảng, bố tát, tụng niệm, đều mặc y này. Đắp y thì đọc bài kệ:

"Thiên tai giải thoát phục
Vô thượng phước điền y
Ngã kim đánh đái thọ
Thế thế thường đắc phi".

Còn có y hai mươi lăm điều, tiếng phạn là "Tăng già lê", dịch là "Chủ y", cũng gọi là "tạp toái y". Khi đến nơi quan trọng ứng cúng, thăng toà thuyết pháp, thì mặc y này. Đáp y có bài kệ:

"Thiên tai giải thoát phục
Vô thượng phước điền y
Ngã kim đánh đái thọ
Quảng độ chư quần mê".

Thọ giới Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni rồi, lại thọ giới Bồ Tát xuất gia, lúc đó mới hoàn thành giới cụ túc của hai chúng xuất gia. Y Cà Sa này, chẳng phải người bình thường tùy tiện mà mặc được, phải thọ đại giới của Phật chế, qua "tam sư thất chúng", đăng giới đàn, đại biểu cho Phật thọ truyền. Cho nên người xuất gia tu đạo, phải coi trọng cái y này. Phàm là người đã thọ giới Cụ Túc, thì phải y không lìa thân, thời khắc đều đắp y Cà Sa. Nếu đi tắm, vào nhà cầu, thì cởi y ra để chỗ đàn tràng, để ở chỗ cao, hoặc treo ở nơi thanh tịnh. Phải coi trọng nó, không thể cởi ra tùy tiện hoặc bỏ nơi bậy bạ. Người xuất gia đắp lên cái y này, chẳng phải là tham thích nhìn, hoặc là tham sự trang nghiêm, hoặc dùng làm người xuất gia Phật giáo tượng trưng, đều chẳng phải ý nghĩa này. Mà là đắp y này lên, đồng như thấy Phật, còn phải quán tưởng như vậy:

"Tôi mặc y Như Lai
Vào nhà Như Lai

Ngôi toà Như Lai".

Đắp y, chứ chẳng phải xem là hình tướng mà thôi, mà còn tôn giữ quy luật của Phật. Từ trước người xuất gia, vốn đắp y luôn luôn, về sau vì làm những việc đồng án, hoặc các việc khác, cảm thấy chẳng phương tiện bèn cởi ra. Còn có rất nhiều người xuất gia kinh tế rất khó khăn, đương thời mặc y cũng rất bất tiện, cho nên đặc biệt ái tiếc, bình thường chẳng mặc y. Còn có những người đắp y một thời gian ngắn, cho rằng khó chịu, chẳng có ý nghĩa gì, cũng chẳng đắp y.

Các vị ! Tại sao chúng ta không nghĩ, chúng ta chẳng phải ngày ngày ăn cơm, ngày ngày mặc y phục bình thường chẳng ? Tại sao y của Phật chẳng mặc hằng ngày ? Đây là kiến giải sai lầm, nhất là chúng ta đã xuất gia, thì phải mỗi cử chỉ hành động, đều đặc biệt xem trọng, giữ gìn quy luật của Phật, và truyền thống của Phật giáo. Vì những điều ở trên chẳng lưu tập thành văn, nên dần dần hình thành tập xấu lúc bình thường chẳng đắp y, chỉ có lúc lên Chánh Điện, Quá Đường, lạy Phật, tụng Kinh, làm Phật sự, ứng cúng, những trường hợp quan trọng, mới đắp những y cần đắp năm điều, bảy điều, y Tổ .v.v...

Ở Ấn Độ vì thời tiết quá nóng, bớt mặc y, chỉ cần đắp một tấm y Cà Sa trên thân là được. Nhưng ở Trung Quốc vì khí hậu khác nhau, bốn mùa nóng lạnh thường thay đổi, y phục mặc trên thân, tùy khí hậu mà tăng giảm, mùa đông thì mỗi người trong ngoài đều mặc tới mấy lớp. Đắp y Cà Sa, một khi không chú ý thì rớt xuống, có lúc đi đường thậm chí rớt y cũng chẳng hay. Về sau qua sự nghiên cứu, mới nghĩ ra biện pháp hai đầu y dùng vòng tròn và cái móc, móc lại với nhau chắc chắn hơn, và vòng

tròn móc lại nghiêm sức trở thành như ý, ý nghĩa là giữ lấy mỹ quán mà cát tường. Không đắp y cũng trở thành tập quán, thấy người thường đắp y, ngược lại cho là khác lạ. Lúc trước tôi ở tại Hương Cảng, thì gặp lúc đi ra ngoài cũng hoà theo không đắp y, nhưng ở đạo tràng của mình, thì y không lia thể. Về sau khi đến Mỹ để hoằng pháp, thì tôi bèn quyết tâm đề xướng y không lia thân, khôi phục lại điều Phật chế, coi trọng điều Phật chế. Hà huống chúng ta hiện tại lại chẳng có những chướng ngại đó từ trước, Ngài Thanh Lương Quốc Sư từng nói qua hai câu, tôi cảm thấy chúng ta người xuất gia nên tôn theo:

"Thân bất quyên Sa Môn chi biểu
Tâm bất vi Như Lai chi chế".

Đây thật là lời nói rất chí lý. "Thân bất quyên Sa Môn chi biểu", tức là nói chúng ta không nên mất đi nghi thức biểu hiện của bậc Sa Môn. "Tâm bất vi Như Lai chi chế". Nghĩa là trong tâm không thể trái với quy chế do Phật lập ra. Y, còn gọi là phước điền y (y ruộng phước), chúng ta người xuất gia tự trồng phước điền, một mặt cũng thể chúng sinh trồng phước điền. Chúng sinh thấy được người xuất gia, thì cầu trồng phước trên thân của người xuất gia, cho nên chúng ta không thể không thường mặc lên phước điền y. Cho đến người xuất gia thường mặc áo thun y ngắn, hình thức cái cổ y áo chẳng giống ở trước mắt người bình thường, hình thức cổ y áo đó, ở Trung Quốc thời xưa thường mặc. Hình thức y phục của người bình thường luôn thay đổi, còn hình thức áo thun của người xuất gia Trung Quốc, cho đến nay chưa từng thay đổi. Nếu mặc áo thun dài áo ngoài ngắn, thật chẳng khác gì người tại gia. Chúng

ta đều là người, tại sao người khác thấy chúng ta phải lễ lạy, là vì chúng ta là đệ tử Phật, mặc phước điền y của Phật chế. Người xuất gia tại Chùa Kim Sơn, bốn chúng đệ tử, đều là y không lia thể, đây chẳng phải là chúng ta cố ý phiêu tân tập dị, mà là chúng ta giữ gìn điều Phật chế, xem trọng biểu hiện của bậc Sa Môn.

Mỗi một lần đắp y, là tăng thêm một lần công đức, mà còn thọ chúng sinh, quý thần cung kính. Chư Phật Bồ Tát sở dĩ viên mãn quả Phật, đều do từ trong số kiếp không thể nghĩ bàn, dũng mãnh tinh tấn, tâm tin kiên cố mà đắc được. Tinh tấn tức là thời thời khắc khắc tu hành, thân tâm đều chẳng cầu thả. Kiên cố là không thay đổi tông chỉ tín ngưỡng, từ lúc ban đầu phát tâm, nhận định mục tiêu chánh quyết, ở khoảng giữa chẳng thọ bất cứ gì dụ hoặc, tâm tin quyết không biến đổi. Nếu tu hành một lúc rồi thôi tâm, như thế sẽ có sự chướng ngại. Tâm lý một khi sinh hoài nghi, thì đây cũng là chướng ngại. Cho nên người tin Phật, thì nhất định phải minh bạch chân lý của Phật giáo, tin sâu giáo lý của Phật nói, là chân thật không hư. Thời khắc thân tâm tinh tấn, khiến cho tâm tin thường trụ kiên cố ở trong định lực, đừng chỉ dùng công phu ở ngoài lông da, như thế tâm mới không chướng ngại. "Vì muốn lợi ích các quần sinh": Chư Phật Bồ Tát tại sao phải phát tâm bồ đề ? Tại sao phải cầu vô thượng đạo ? Mục đích của Ngài là muốn lợi ích tất cả chúng sinh, chẳng màng là người, hoặc chẳng phải người, Ngài đều muốn lợi ích họ. "Vì cầu pháp công đức chư Phật": Chư Phật Bồ Tát vì lợi ích chúng sinh, Ngài trước hết phải chân thật với chính mình. Cổ nhân có nói:

"Công đức thiện kỳ sự
Tất tiên lợi kỳ khí".

Giống như khúc gỗ, muốn làm khúc gỗ cho tốt, điều khắc tinh vi, thì nhất định phải có đầy đủ dụng cụ. Bồ Tát muốn lợi ích chúng sinh, thì trước hết phải minh bạch pháp môn của chư Phật tu hành, viên mãn thành tựu công đức, cầu được thông đạt trí huệ vô ngại, cho nên nói: "Thường tu pháp công đức chư Phật". "Cầu", tức cũng là tu. Thường thường tu pháp công đức của chư Phật, nghĩa là nói thường thường tôn chiếu theo phương pháp thành tựu công đức của chư Phật mà tu hành.

**Điều Ngự thế gian chẳng ai bằng
Tu trị ý mình rất trong sáng
Phát tâm cứu khắp các hàm thức
Bậc đó khéo vào tạng hồi hướng.**

"Điều ngự", nghĩa là điều phục giá ngự. "Chẳng ai bằng", là chỉ trong vô lượng vô biên thế gian, chẳng có cách gì tính toán, chẳng có ai có thể ví dụ. Bồ Tát Kim Cang Tràng nói: Chúng ta tất cả chúng sinh, đều thọ sự "Điều Ngự" của Bồ Tát. Khi Bồ Tát tu Bồ Tát đạo, thì đối với chúng sinh càng càng khó dạy, khó điều, khó phục, khó giá ngự, Ngài đều giáo hoá họ thành tốt, điều phục an thuận, khiến cho tâm của họ thành phục, cử hành giáo lý, khiến cho tất cả chúng sinh đều phát tâm bồ đề, thoát khỏi ba cõi. Bồ Tát muốn điều phục chúng sinh, thì trước hết phải điều phục thân tâm của chính mình, khiến cho thân mình chẳng có giết hại, trộm cắp, tà dâm, tâm chẳng có tham sân si. Đây tức là "rất trong sáng", nghĩa là thanh khiết. Vì giết hại, trộm cắp, tà dâm và tham sân si, đều là

sự ô nhiễm của thân tâm. Bồ Tát tu trị thân tâm của Ngài, chẳng có tơ hào nhiễm ô, thì thân ý của Ngài tự nhiên sẽ rất trong sáng thanh tịnh. Cho nên Ngài có thể "Phát tâm cứu khắp các hàm thức". Bồ Tát phát tâm bồ đề, cứu hộ khắp tất cả hàm linh. "Hàm thức", là chỉ tất cả hữu tình có thức, bao quát người và các thứ động vật có mạng sống, đều gọi là hàm thức, còn gọi là chúng sinh. Bồ Tát phát tâm bồ đề, đem căn lành công đức của Ngài tu tập, dùng tâm bình đẳng hồi hướng cho tất cả chúng sinh, do đó:

"Hồi tự hướng tha
Hồi nhân hướng quả
Hồi tiểu hướng đại
Hồi sự hướng lý
Hồi ít hướng nhiều".

Cho nên nói: "Bạc đó khéo vào tạng hồi hướng".

**Sức dũng mãnh tinh tấn đầy đủ
Trí huệ thông đạt ý thanh tịnh
Cứu khắp tất cả các quần sinh
Tâm Ngài kham nhẫn chẳng khuynh động.**

Bất cứ là dũng mãnh, hoặc tinh tấn, đều phải đem sức lực chân thật ra, mới có thể nói được "Sức dũng mãnh tinh tấn đầy đủ". Người tu hạnh Bồ Tát, thì hai thứ sức lực này phải viên mãn đầy đủ, mới có thể thành đạt đạo quả. Trí huệ thông đạt là căn cứ ý thanh tịnh mà được, người có trí huệ, đối với sự lý nhất định phải thông minh, thông đạt vô ngại, vì tâm ý nhất định phải thanh tịnh. Bồ Tát đầy đủ sức lực, trí huệ, cho nên Ngài phát tâm hành Bồ Tát đạo,

cứu hộ khắp tất cả quần sinh. Kham nhẫn, tức là có thể nhẫn thọ tất cả cảnh giới. Khi Bồ Tát hành Bồ Tát đạo thì, gặp bất cứ cảnh giới gì, Ngài đều nhẫn nại, ứng phó được, quyết chẳng bị cảnh giới lay động, mà có sự thay đổi.

**Tâm khéo an trụ chẳng ai bằng
Ý thường thanh tịnh rất vui thích
Như vậy vì vật siêng tu hành
Ví như mặt đất khắp dung thọ.**

Tâm của Bồ Tát là thiện lương, từ bi, thường an trụ trong chánh pháp, chừ từng sinh từ hào tà niệm. Tâm Bồ Tát, chẳng có ai có thể sánh với Ngài. Trong ý niệm của Bồ Tát, cũng đều thanh tịnh chẳng ô nhiễm. Vì Ngài tâm ý thanh tịnh, cho nên Ngài có trí huệ. Có trí huệ thì chẳng bị ảnh hưởng của cảnh giới, chẳng tùy tiện bị cảnh giới lay chuyển. Tâm thấu đạt minh trí, thì chẳng sinh phiền não, thường thường đều hoan hỉ vui thích. Bồ Tát vì cứu hộ tất cả chúng sinh, mà tinh tấn siêng năng tu học Phật đạo vô thượng, đây là ví như mặt đất, dung thọ khắp tất cả vạn vật, chẳng có tâm phân biệt. Khắp che chở tất cả vạn vật, chưa từng sinh tâm oán nhọc.

**Chẳng vì thân mình cầu vui sướng
Chỉ muốn cứu hộ các chúng sinh
Như vậy phát khởi tâm đại bi
Sớm được vào nơi bậc vô ngại.**

Bồ Tát phát tâm tu hạnh Bồ Tát và hành Bồ Tát đạo, Ngài chẳng phải vì chính mình, hy vọng cầu được hưởng thụ sung sướng, mà là vì khiến cho tất cả chúng sinh lìa khổ được vui, cứu bạt tất cả chúng sinh thoát khỏi biển khổ sinh tử. Bồ Tát phát tâm đại từ đại bi, là vì nhiếp khắp quần sinh. Tâm Bồ Tát độ chúng sinh là bình đẳng, Ngài chẳng lựa chọn tốt thì độ trước, xấu thì độ sau, mà là kẻ oán người thân đều bình đẳng, chẳng nghĩ ác xưa, chẳng từ hạnh lao, đều xem như nhau. Chúng sinh độ được, Bồ Tát giáo hoá họ thông đạt thấu hiểu các pháp, khiến cho họ đều vào được nơi chẳng có mọi chướng ngại, an hưởng vui chân thật.

**Mười phương tất cả các thế giới
Hết thấy chúng sinh đều nhiếp thọ
Vì cứu họ nên khéo trụ tâm
Như vậy tu học các hồi hướng.**

Mười phương là chỉ đông nam tây bắc, tứ duy, trên dưới mà nói. Trong mười phương hết thấy các thế giới chẳng cách chi tính đếm được, trong những thế giới đó lại không biết bao nhiêu loại chúng sinh, người và chẳng phải người .v.v... Bồ Tát đối với những chúng sinh đó, Ngài phát tâm cứu độ họ, nếu gặp chúng sinh trong khổ nạn, thì Ngài đều nhiếp thọ giáo hoá họ. Bồ Tát vì muốn cứu bạt những chúng sinh đó, mà Ngài phải khéo an trụ tâm bồ đề để tu hành đạo bồ đề. Ngài nương theo pháp môn Kinh văn đã nói ở trước, nghiêm cẩn phụng hành, siêng năng tu học các loại pháp môn hồi hướng.

**Tu hành bố thí rất vui thích
Hộ trì tịnh giới chẳng chỗ phạm
Dũng mãnh tinh tấn tâm chẳng động
Hồi hướng Như Lai nhất thiết trí.**

Bồ Tát tu hạnh Bồ Tát, thì phải tu sáu độ vạn hạnh. Thứ nhất trong sáu độ là bố thí Ba La Mật. Khi Bồ Tát tu hành bố thí Ba La Mật, thì Ngài tùy thời đều sinh tâm hoan hỉ đặc biệt. Chẳng những lúc Ngài tu hành bố thí, thì tâm đặc biệt hoan hỉ, mà về mặt giới hạnh, cũng đặc biệt chú ý, tùy thời tùy lúc, trong việc lớn việc nhỏ, Ngài đều nghiêm cẩn giữ gìn, như bảo vệ tròng con mắt. Khiến cho giới hạnh thanh tịnh như trăng rằm, tư hào chẳng huỷ phạm, chẳng nhiễm ô, cho nên Bồ Tát "Hộ trì tịnh giới chẳng chỗ phạm". Khi Bồ Tát tu học Phật đạo thì, chuyên tâm nhất chí, ngày đêm chẳng giải đãi, dũng mãnh siêng tu tinh tấn Ba La Mật. Ngài đã thấu rõ các pháp thật tướng, tâm tin kiên cố chẳng bị cảnh giới bên ngoài làm lay chuyển, luôn luôn như như bất động. Tuy nhiên tâm niệm chẳng động, nhưng Bồ Tát vẫn dùng căn lành công đức tu hành, luôn luôn vì chúng sinh để hồi hướng, hoặc vì bồ đề mà hồi hướng, hoặc vì thật tướng, lia tất cả tướng để hồi hướng, cho nên nói "Hồi hướng Như Lai nhất thiết trí". Tức là đem căn lành công đức tu hành để hồi hướng về Phật đạo, cầu nhất thiết trí huệ của Phật, viên mãn đầy đủ tất cả trí huệ, vận dụng pháp môn phương tiện, giáo hoá khắp mười phương chúng sinh.

Tâm ý rộng lớn không bờ mé

**Sức nhẫn an trụ chẳng khuynh động
Thiền định thâm sâu luôn chiếu rõ
Trí huệ vi diệu khó nghĩ bàn.**

Bồ Tát dùng vạn vật làm thân, dùng chúng sinh làm thể, dùng pháp giới làm tâm, cho nên Ngài "Tâm ý rộng lớn" tận cùng hư không, khắp pháp giới, chẳng có bờ mé. Bồ Tát vì tâm lượng rộng lớn, có thể bao hàm vạn sự vạn vật, đối với chúng sinh, hành vi chẳng cung kính Ngài, to hào chẳng buồn giận, từ bi nhẫn thọ, cho rằng đó là thường. Ngài đầy đủ sức lực nhẫn nại, an trụ trong tâm từ bi, thành tựu nhẫn nhục Ba La Mật, chẳng bị hư danh vinh nhục mà giao động. Bồ Tát có thể hoá nhẫn nhục làm thường thái, tức là công phu định lực của Ngài đã đạt đến trình độ thâm sâu. Vì tâm ý thường ở trong tam muội, thì sẽ có trí huệ quang minh phát ra, thứ quang minh đó thường hay chiếu rõ các pháp, thông đạt các pháp. Bồ Tát tu được trí huệ vi diệu, không thể nghĩ bàn. Trí huệ Bát Nhã của Ngài thường thường hiện tiền, tất cả hành sự, đều dùng trí hoá tình, dùng Bát Nhã lãnh đạo vạn hạnh. Bồ Tát tu thập độ vạn hạnh, mỗi độ đều y trí huệ Bát Nhã mà hoàn thành.

**Trong mười phương tất cả thế giới
Tu trì đầy đủ hạnh thanh tịnh
Công đức như vậy đều hồi hướng
Vì muốn an lạc các hàm thức.**

Bồ Tát tu hành pháp môn thập hồi hướng, Ngài ở trong tất cả các thế giới khác nhau trong mười phương, tu trì đủ thứ pháp môn hạnh thanh tịnh, viên mãn đầy đủ. Ngài đem công đức tu tập, hồi hướng cho tất cả chúng sinh, hồi hướng về bồ đề, hồi hướng về thật tế. Vì Bồ Tát muốn an lạc tất cả các hàm thức, nghĩa là muốn khiến cho tất cả chúng sinh đắc được an lạc.

**Đại Sĩ siêng tu các nghiệp lành
Vô lượng vô biên không thể đếm
Như vậy đều lợi ích chúng sinh
Khiến trụ trí vô thượng khó nghĩ.**

Đại Sĩ là một lối gọi khác của Bồ Tát. Bồ Tát tu pháp môn hạnh hồi hướng, Ngài luôn luôn siêng năng tu tập đủ thứ nghiệp lành. Vừa có thể tăng trưởng căn lành của mình, lại có thể lợi ích sự nghiệp của chúng sinh, mới là nghiệp lành. Bồ Tát siêng tu, tức là nói thời gian giây phút Ngài đều chẳng lãng phí, chưa từng giải đãi. Siêng tu các nghiệp lành, thì chẳng đặc ra trong thời gian chánh quy, tức là trong sự bận rộn cũng phải lợi dụng cơ hội làm nghiệp lành. Ví như có một lần nọ, chúng tôi du hành, vì quan hệ thời gian, chẳng đến dự được khoá lễ chiều ở trong Chùa. Do đó, chúng tôi mọi người trên xe làm khoá lễ ở trên xe bus, tất cả lễ nghi đều đầy đủ, chẳng có chỗ nào làm đơn giản, cũng chẳng để thời gian trôi qua lãng phí, đây tức là siêng tu các nghiệp lành. Nếu dùng thời gian đó để ngủ nghỉ, hoặc nói chuyện thị phi, thì đó chẳng phải là siêng tu các nghiệp lành, mà là tăng trưởng các nghiệp ác. Nghiệp lành phải siêng tu, thì sẽ tăng thêm nhiều, nghiệp ác sẽ

giảm bớt. Nếu chẳng tu hành, thì nghiệp lành sẽ giảm bớt, ngược lại nghiệp ác sẽ tăng trưởng. Nghiệp lành đối với Bồ Tát và chúng sinh giống nhau, càng nhiều càng tốt, nhiều đến vô lượng vô biên đầy khắp hư không, không thể nào tính đếm được. Nghiệp lành nhiều như vậy, chẳng phải là quy về cho riêng mình, phải đem nghiệp lành công đức đó, thủy đều hồi hướng cho những chúng sinh khổ nạn, khiến cho họ đều đắc được trí huệ tối cao vô thượng không thể nghĩ bàn.

**Khấp vì tất cả các chúng sinh
Nơi địa ngục kiếp không nghĩ bàn
Như vậy tâm chưa từng nhàm mỗi
Dững mãnh quyết định thường hồi hướng.**

Bồ Tát phát nguyện khắp cứu bạt tất cả chúng sinh thọ khổ, thậm chí Ngài ở trong kiếp số lâu dài không thể nghĩ bàn, tức luôn luôn ở trong địa ngục thay thế chúng sinh, muốn cho chúng sinh được giải thoát, lìa khổ được vui, cũng là tâm nguyện của Ngài. Bồ Tát thay thế chúng sinh thọ đủ thứ thống khổ, nhưng Ngài vẫn không sinh tâm thối lui, chưa từng sinh tâm nhàm mỗi, nhận rằng vì chúng sinh làm hết tâm lực, thì đã đủ rồi, không kể tục hạnh nguyện này, Bồ Tát quyết chẳng như thế. Bằng không, thì làm sao được gọi là tâm Bồ Tát? Chẳng những chẳng sinh tâm thối lui, mà Bồ Tát càng thay thế chúng sinh thọ khổ, thì Ngài càng dững mãnh tinh tấn, tâm tin quyết định, nhất định phải tu pháp môn hồi hướng này. Ngài đem căn lành công đức tu tập, thủy đều hồi hướng cho pháp giới chúng

sinh, một chút cũng không lưu lại. Hồi hương thật tế, hồi hương giác đạo vô thượng bồ đề.

**Chẳng cầu sắc thanh hương và vị
Cũng chẳng mong cầu các diệu xúc
Chỉ vì cứu độ các quần sinh
Thường cầu trí tối thắng vô thượng.**

Bồ Tát tu học Phật đạo, Ngài chẳng phải vì tham trước năm dục, mà muốn truy cầu sắc thanh hương vị xúc, hưởng thụ cảnh giới năm dục này, cũng chẳng phải mong cầu được cảm thọ kỳ diệu của xúc trần. Bồ Tát đều thấu rõ chúng là hư vọng, chẳng tham trước. Bồ Tát vì muốn cứu độ tất cả chúng sinh thọ khổ nạn, mới luôn luôn tinh tấn tu tập pháp môn tối thắng vô thượng, nguyện được trí huệ tối thắng.

**Trí huệ thanh tịnh như hư không
Tu tập vô biên hạnh Đại Sĩ
Như các hạnh pháp của Phật tu
Người đó thường tu học như vậy.**

Trí huệ, là một danh từ của tính đại biểu, nó chẳng có tướng, nhìn chẳng thấy, sờ chẳng được, cảm không lên, nhưng hiển lộ rõ tại ngôn ngữ, hành vi, của mỗi người, mà còn biểu hiện ra sự thắng liệt của nó. Đây là nói về thể trí (trí thế gian) của một số người. Trí huệ nói trong Kinh Phật thì khác nhau, là vượt khỏi thể trí, là chân trí (trí chân thật). Chẳng phải ý, cũng chẳng phải thức. Trí huệ này chúng ta

ai ai cũng vốn có đầy đủ, chẳng có ai mà không có, đáng tiếc vì bị vô minh che đậy. Giống như một tấm gương, vốn là sáng sủa trong sạch, như nay dính bụi dày đặc trên mặt kính, gì cũng chiếu chẳng thấy được. Tấm gương giống như trí huệ sinh ra đầy đủ của chúng ta, bụi bặm khiến cho nó chẳng trong sạch, chẳng sáng sủa. Phải dùng chút công phu lau chùi sạch hết bụi bặm dính trên gương, thì sẽ khiến cho nó khôi phục lại sự trong sạch, sáng sủa. Bụi bặm tức là vô minh, thứ vô minh này cũng không có hình, không có tướng, nó hay khiến cho con người sinh ra tư tưởng vô vị, biểu hiện đủ thứ lời nói hành động ác liệt, nếu bạn thấy được những sự việc vô lý đó, thì có thể nhìn thấy được tướng trạng của vô minh. Nếu như trừ khử được vô minh, thì trí huệ sẽ hiện tiền. Trí huệ là từ trong sự thanh tịnh sinh ra, nó chẳng giống với trí thế gian, tức là trí huệ thường có thành phần nhiễm ô. Chỉ có tu học Phật đạo mới sinh ra trí huệ, thanh tịnh không cấu bần, rộng lớn vô biên. Vì trí huệ thanh tịnh, quyết chẳng khiến cho con người đối với bất cứ sự việc gì có sự chấp trước biên kiến, có sự thấy ngã sở độc vị, cho nên nói trí huệ như hư không. Hư không thì chẳng có bờ mé, chẳng có một chút tướng không nào, không cần phải không lia tất cả tướng. Chúng ta vốn có trí huệ thanh tịnh tức là như thế, cũng chẳng có tất cả tướng. Tấm gương là ví dụ, chứ chẳng phải nói trí huệ giống hoàn toàn như tấm gương. Bồ Tát Ngài làm thế nào có trí huệ thanh tịnh như hư không ? Vì Ngài tu tập công đức nhiều chẳng có bờ mé, và Ngài tu học vô biên đại hạnh môn của Bồ Tát (Đại Sĩ) tu hành, cùng với pháp môn của chư Phật quá khứ, chư Phật hiện tại, chư Phật vị lai tu hành. Bồ Tát (người đó) luôn luôn tu học hạnh Bồ Tát và hạnh môn của

chư Phật chẳng giải đãi, cho nên Ngài có được trí huệ thanh tịnh như hư không.

**Đại Sĩ du hành các thế giới
Đều hay an ổn các quần sinh
Khắp khiến tất cả đều hoan hỉ
Tu hạnh Bồ Tát chẳng nhàm đủ.**

Thần thông diệu dụng của Bồ Tát (Đại Sĩ), nhậm vận tự tại, Ngài phân thân vô số, đi đến mỗi thế giới trong mười phương, giáo hoá chúng sinh, cứu độ chúng sinh thoát khỏi biển khổ. Khi Bồ Tát du hành các thế giới, chẳng phải là đi du lịch, cũng chẳng phải là đi chơi, mà là đi làm lợi ích cho chúng sinh, khiến cho chúng sinh thọ khổ nạn được an lạc, khiến cho họ đều an ổn sống trong quang minh của Phật chiếu khắp. Khắp khiến cho tất cả chúng sinh sở cầu đều toại ý, tùy tâm mãn nguyện, đều đại hoan hỉ. Tại sao ai ai cũng đều có phiền não ? Vì sở cầu thường thường thất vọng, tức là cầu chẳng được thì khổ, cho nên chẳng an lạc. Bồ Tát tu hạnh Bồ Tát, phát nguyện khiến cho khắp tất cả chúng sinh đều hoan hỉ, đó là mục đích tu hành của Ngài. Bồ Tát đạt được mục đích của sự tu hành rồi, chẳng phải là tâm ý mãn túc, thì sẽ nghỉ ngơi chẳng ! Bồ Tát chẳng có tư tưởng như thế, Ngài tùy thời đều nguyện ý tu hạnh Bồ Tát, chưa từng tự mãn và nhàm mỏi, vì tu tập căn lành công đức càng nhiều càng tốt, cho nên Ngài chẳng có lúc nào ngừng lại nghỉ ngơi.

Lúc Đức Phật còn ở đời, Ngài thường vì Tỳ Kheo già may vá y, làm y, lại vì Tỳ Kheo có bệnh đưa thuốc cho

uống, quét dọn phòng xá, các đệ tử thấy vậy, bèn hỏi Đức Phật rằng:

- "Công đức của Ngài vô lượng, tại sao còn phải làm công đức nơi chúng sinh nữa ?"

- Đức Phật trả lời đệ tử: "Công đức mà còn sợ nhiều, càng nhiều càng tốt, dùng công đức này hồi hướng cho tất cả những người tu hành chưa đủ công đức, và chúng sinh thọ khổ, chẳng phải là rất tốt chăng!"

Trừ diệt tất cả các tâm độc Tư duy tu tập trí tối thượng Chẳng phải vì mình cầu an lạc Chỉ nguyện chúng sinh được lìa khổ.

Tâm độc, tức là tâm tham, tâm sân, tâm si, tâm kiêu mạn, tâm ích kỷ, tâm chướng ngại kẻ khác tu đạo, đó là những thứ tâm độc. Người tu hành Bồ Tát đạo, bất cứ như thế nào, cũng phải trừ sạch những thứ tâm độc đó. Đây chẳng phải là việc rất dễ làm, nhưng phải biết rằng những thứ tâm độc đó, là đá buộc chân trở ngại chúng ta hướng thiện, chúng ta quyết không thể vì khó làm mà bỏ qua không làm, không học Phật, không tu đạo, không hướng thiện chẳng ! Không phải vậy ! Việc không dễ làm chúng ta nhất định cũng phải làm, từng chút từng chút gỡ dây đá buộc chân, không tăng thêm chỉ có giảm bớt, cuối cùng có ngày những thứ tâm độc đó sẽ trừ sạch. Bồ Tát từ lúc ban đầu phát tâm bồ đề, bèn lập chí phải trừ diệt sạch tất cả những tâm độc đó ở trong tâm. Ngài chẳng tham, cũng chẳng sân, cũng chẳng si, cũng chẳng kiêu ngạo, cũng chẳng đố kỵ chướng ngại kẻ khác. Tóm lại, Ngài làm việc

có lợi ích cho chúng sinh, còn việc có lợi ích cho mình thì Ngài chẳng nghĩ đến.

Chúng ta người học Phật tu đạo, phải học tinh thần của Bồ Tát, chỉ biết lợi cho kẻ khác, chẳng biết lợi cho mình. Điều Bồ Tát nghĩ là tu hạnh Bồ Tát, hành Bồ Tát đạo, Ngài mới trừ diệt sạch tất cả tâm độc. Nếu trong tâm còn có chút tư tưởng nhằm moi và măn túc, thì chưa trừ khử sạch tâm độc, trong tâm không tránh khỏi còn có ngã kiến, tà kiến, tồn tại, có lúc cảm thấy ai ai cũng chẳng như mình, háo cường háo thắng, mọi sự việc đều thông minh tài trí, nơi nơi hiển hiện siêu hơn kẻ khác, bất cứ như thế nào tôi đều muốn đệ nhất. Tâm niệm đó cũng là tâm độc. Công phu hàm dưỡng của Bồ Tát, chẳng có lối nghĩ như thế. Chúng ta người học tu Phật đạo, mình hãy tự hỏi mình, có những ma bệnh đó chẳng ? Nếu có, thì hãy mau dần dần thay đổi, thay đổi thứ độc tố đó, thành một thứ lương tề mát mẻ, siêng tập pháp môn thanh tịnh, đừng lưu lại độc còn dư ở trong tâm.

Bồ Tát nghe pháp từ các Đức Phật, sau đó tự mình duy gìn các pháp, thông đạt các pháp thật tướng, tu tập thành tựu trí huệ tối thượng. Nếu tu được trí huệ chân chánh tối thượng, thì tự nhiên sẽ siêu hơn hết thầy mọi người, tự nhiên sẽ đệ nhất, sẽ lớn, sẽ thắng, trong tất cả chúng sinh. Nếu như vốn chẳng có trí huệ, lại rất ngu si, thì sẽ sợ người thông minh hơn mình, có trí huệ hơn mình.

Tư duy tu tập, tức là tu tập thiền định. Hay thường tu tập thiền định, thì sẽ hoạch được trí huệ tối cao vô thượng. Bồ Tát tu tập các thứ pháp môn, Ngài chẳng phải vì mình muốn cầu được cảnh giới an lạc nào đó, mà phát tâm tu hạnh Bồ Tát. Nguyện ý của Ngài là hy vọng tất cả chúng

sinh đều được lìa khổ được vui. Nếu tất cả chúng sinh được lìa khổ được vui, dù Ngài phải vĩnh viễn ở trong địa ngục thọ cực khổ, thì Ngài cũng cam tâm tình nguyện, vui thích mà làm. Bồ Tát là vì lợi ích chúng sinh mà tu hành, chỉ muốn chúng sinh được lìa khổ. Chẳng những Bồ Tát chỉ vì lợi ích kẻ khác mà tu hành, dù bất cứ người tu học Phật đạo nào, bất luận phạm phu tục tử, khi bạn phát tâm tu hành, thì lập đại nguyện, vì lợi ích tất cả chúng sinh, siêng tu phạm hạnh, bất cứ sự việc gì cũng chẳng vì mình mà cầu an lạc, mãn túc dục vọng của mình. Thậm chí phát nguyện tu khổ hạnh, cũng đừng nghĩ đến tôi tu khổ hạnh, là vì muốn mau khai ngộ, chúng đắc. Vọng tưởng muốn sớm khai ngộ như thế, cũng là tâm tham. Trừ diệt sạch những tâm "tham sân si" như thế chẳng còn nữa, chẳng còn những hành vi ngu si ngu si như thế, vốn chẳng vì mình cầu an lạc, thì tự nhiên cũng sẽ đắc được an lạc chân chánh. An lạc chân chánh, tức là sinh ra nguồn gốc trí huệ chân chánh. Có an lạc chân chánh, trí huệ chân chánh rồi, thì trong tâm lập tức nghĩ đến, tôi siêng tu các pháp, cầu được trí huệ tối thượng, chỉ nguyện tất cả cũng đều có trí huệ tối thắng này. Phải hồi hướng như thế, đừng chỉ nghĩ đến mình, nhận rằng tôi từng vì chúng sinh làm công đức ra sao, tôi từng lập được đức hạnh gì, tôi lại làm được việc như thế nào, đầy đầy tự ngã, thì hoàn toàn là một phiến tư tưởng ngu si. Tôi hy vọng người minh bạch chẳng làm việc hồ đồ, người hồ đồ mau học làm việc minh bạch. Cho nên chúng ta đều phải từ con đường hồ đồ đi lên con đường hiểu biết.

**Người đó hồi hướng được rốt ráo
Tâm thường thanh tịnh lìa các độc**

Được ba đời Như Lai phó chúc Trụ nơi pháp thành lớn vô thượng.

"Người đó", là vị Bồ Tát đó tu pháp môn hồi hướng, Ngài tu được thật trí chân huệ, trí huệ viên dung rất ráo, vì tâm ý của Ngài thường thanh tịnh, chẳng có chút ý niệm nhiễm ô nào. Ngài đã xả bỏ tất cả tham sân si kiêu mạn đố kỵ .v.v...đủ thứ các tâm độc chướng ngại đạo. Vị Bồ Tát đó hành Bồ Tát đạo, Ngài đã từng thọ chư Phật quá khứ phó chúc, đang thọ chư Phật hiện tại phó chúc, sẽ thọ chư Phật vị lai phó chúc. Khi chư Phật phó chúc cho Ngài nói: "Thiện nam tử ! Ông là một vị tối toàn thiện. Ta giao chúng sinh vị lai thọ khổ cho ông, hy vọng ông có thể như pháp giáo hoá họ, khiến cho họ lìa khổ được vui, sớm thành Phật đạo". Bồ Tát đạt đến cảnh giới như thế, sự tu trì của Ngài thành tựu, đồng như an trụ ở trong pháp thành lớn vô thượng, Bồ Tát hậu tấn không thể sánh với Ngài được.

Chưa từng nhiễm trước nơi các sắc Thọ tướng hành thức cũng như thế Tâm ý thoát hẳn nơi ba cõi Hết thấy công đức hồi hướng hết.

Bồ Tát tu hạnh môn hồi hướng, ba nghiệp của Ngài sớm đã thanh tịnh, chưa từng nhiễm trước tất cả sắc trần, cùng với thọ trần .v.v... Điều chẳng nhiễm trước. Ngài thấy được sắc tức là không, không tức là sắc. Thọ tướng hành thức, cũng lại như thế. Ngài đã thấu rõ các pháp thật tướng, cho nên chiếu thấy năm uẩn đều không, qua khỏi tất cả khổ ách. Tâm của Bồ Tát đã vĩnh viễn thoát khỏi ba cõi (cõi

dục, cõi sắc, cõi vô sắc), cũng chẳng bị năm dục trong ba cõi làm mê hoặc. Trừ phi Ngài tùy nguyện thọ sinh, đến ba cõi giáo hoá chúng sinh, Ngài cũng chẳng lưu luyến sự vui năm dục trong ba cõi. Bồ Tát đem hết thầy công đức căn lành tu tập, thầy đều hồi hướng cho mười phương tất cả chúng sinh, hồi hướng cho bồ đề, hồi hướng cho thật tế, chẳng lưu lại tơ hào nào cả.

Những chúng sinh mà Phật thấy biết Thầy đều nhiếp lấy không thừa sót Thệ nguyện đều khiến được giải thoát Vì họ tu hành đại hoan hỷ.

Câu thứ ba trong bài kệ tán Phật có nói: "Thế gian sở hữu ngã tận kiến" (Hết thầy thế gian ta thấy hết), tức là đều thấy hết, sau đó cũng biết hết, vẫn còn có chúng sinh Phật nhìn chẳng thấy chẳng ? Chẳng biết việc bí mật chẳng ? Chúng sinh đều sinh tồn ở trong pháp thân của Phật (pháp thân của Phật sung mãn khắp hư không). Như vậy Phật tự nhiên đều thấy biết tâm hạnh của tất cả chúng sinh, hà huống Phật chẳng có gì mà chẳng biết, chẳng có gì mà không thấy. Chúng sinh mà Phật thấy được, đều có pháp duyên với Ngài, cho nên Ngài đều nhiếp lấy, rộng độ quần chúng, bình đẳng giáo hoá, chẳng khiến cho người nào thừa sót. Bồ Tát tu hạnh Bồ Tát, Ngài cũng chiếu theo phương pháp mà Phật hành đạo, phạm là chúng sinh thấy được, hoặc biết được, cũng đều nhiếp lấy hết, chẳng khiến cho thừa sót. Và còn phát đại thệ nguyện, những chúng sinh được nhiếp lấy, tận tâm tận lực giáo hoá, khiến cho họ đều được giải thoát. Bồ Tát vì chúng sinh, mà phát tâm tu hành,

cam tâm thể chúng sinh thọ khổ, tất cả chẳng vì lợi lạc của mình mà nghĩ tưởng. Ngài chẳng nguyện chúng sinh thọ khổ, hy vọng chúng sinh thọ được sự lợi ích của Ngài, mà lìa khổ được vui, đều đại hoan hỷ, như thế sẽ đạt được mục đích phát tâm tu hành của Ngài.

**Tâm ý niệm niệm luôn an trụ
Trí huệ rộng lớn chẳng ai bằng
Lìa si chánh niệm thường vắng lặng
Tất cả các nghiệp đều thanh tịnh.**

Bồ Tát tu pháp môn hồi hướng, tâm niệm của Ngài, luôn luôn đều an trụ dụng công nơi pháp môn hồi hướng. Dem công đức tu tập đều hồi hướng hết cho chúng sinh, hồi hướng về bồ đề, hồi hướng nơi thật tế. Vì Ngài thường vì chúng sinh tu hành đủ thứ căn lành, cho nên Ngài đắc được trí huệ rộng lớn, chẳng có ai có thể so sánh trí huệ rộng lớn với vị Bồ Tát tu pháp môn hồi hướng đó. Trí huệ rộng lớn của Bồ Tát, là Ngài đã phá trừ được tất cả vô minh, chẳng có sự chấp trước, lìa khỏi tất cả chướng ngại, cho nên chánh niệm của Ngài luôn luôn hiện tiền. Chánh niệm hiện tiền đó vắng lặng. Chánh niệm tức là vô niệm, vô niệm tức cũng là chánh niệm. Nếu có niệm, thì không thể thường vắng lặng được. Thường vắng lặng tức là vô niệm, tức là chánh niệm. Vì chẳng có niệm, thì sao lại có nghiệp ? Tất cả nghiệp thiện nghiệp ác đều thanh tịnh, thì đều giống như chẳng có. Ở đây nói "Các nghiệp thanh tịnh", là chỉ thân, miệng, ý, ba nghiệp đều thanh tịnh. Làm thế nào được ba nghiệp thanh tịnh ? Là vì vô niệm. Cho nên nói:

"Vô tâm vô niệm phước vô biên,
Tư dục tạp niệm thị tội khiên".

Nghĩa là:

Không tâm không niệm phước vô ngần
Tư dục tạp niệm là tội nghiệp.

"Niệm động bách sự hữu,
Niệm chỉ vạn sự vô".

Nghĩa là:

Niệm động trăm việc sinh
Niệm bậc vạn sự không.

"Tâm chỉ niệm tuyệt chân phú quý,
Tư dục đoạn tận chân phước điền".

Nghĩa là:

Tâm ngừng niệm dứt giàu sang thật
Tư dục trừ sạch ruộng phước điền.

"Vô niệm" tức là thanh tịnh, nghĩa là ba nghiệp chẳng nhiễm ô.

**Các Bồ Tát đó nơi thế gian
Chẳng chấp tất cả pháp trong ngoài
Như gió vô ngại trong hư không
Đại Sĩ dụng tâm cũng như thế.**

"Các Bồ Tát đó", là nói những vị đại Bồ Tát tu pháp môn hồi hướng, các Ngài sống ở tại thế gian này, chẳng chấp trước vào pháp trong và pháp ngoài. Pháp trong là

trong tâm ý chẳng chấp nơi tham sân si, vô minh phiền não, và tất cả tập khí. Pháp ngoài là bên ngoài chẳng chấp nơi sắc thanh hương vị xúc năm trần, đều chẳng nhiễm trước. Pháp trong tâm pháp, sắc pháp bên ngoài như ở trên đã nói, ở trong tâm mắt của Bồ Tát, giống như gió thổi trong không trung, chẳng có dấu vết gì, cũng tìm chẳng được con đường gió thổi qua. Đại Sĩ, là Bồ Tát tu pháp môn hồi hướng, đem căn lành công đức tu tập đều hồi hướng cho chúng sinh, Ngài chẳng chấp tướng, chẳng chấp pháp trong và pháp ngoài. Tâm từ bi bình đẳng của Ngài, giống như gió thổi ở trong không trung, chẳng có dấu vết. Chúng ta những người hướng đạo tu học Phật pháp, đều phải học sự dụng tâm của Bồ Tát, chẳng có sự chấp trước.

**Hết thấy thân nghiệp đều thanh tịnh
Tất cả lời nói chẳng lỗi lầm
Tâm thường hướng về nơi Như Lai
Hay khiến chư Phật đều hoan hỉ.**

Bồ Tát tu pháp môn hồi hướng, thân nghiệp của Ngài rất thanh tịnh, vì Ngài chẳng có tội ác giết hại, trộm cắp, tà dâm. Tất cả lời nói, cũng chẳng có lỗi lầm, cho nên nghiệp miệng cũng thanh tịnh, sở dĩ nghiệp lời nói thanh tịnh, là vì Ngài tuyệt đối chẳng nói thị phi, chẳng nói đúng nói sai, chẳng nói đông nói tây, truyền bá những lời vô vị, lời nói chẳng có lỗi lầm. Trong tâm Bồ Tát chỉ có Phật, một lòng hướng về, chỉ cầu Phật đạo, phát tâm đại thừa, lợi ích chúng sinh. Ý nghiệp cũng thanh tịnh. Ba nghiệp thanh tịnh, khẩn thiết chí thành hướng về Như Lai, cho nên khiến cho mười phương chư Phật đều hoan hỉ.

**Mười phương vô lượng các cõi nước
Hết thấy chỗ Phật đều đi đến
Trong đó nhìn thấy đáng Đại Bi
Thấy đều cung kính mà thờ phụng.**

Hết thấy mười phương thế giới, vô lượng vô biên các cõi nước, không màng các thế giới trong một phương, bất cứ một cõi nước nào, có Phật đang trụ thế, giáo hoá chúng sinh, thì vị Bồ Tát tu pháp môn hồi hướng, Ngài nhất định đi đến đó. Các Đức Phật mà Ngài thấy được, chẳng có vị nào mà Ngài chẳng gần gũi cúng dường, cung kính thừa sự.

**Tâm thường thanh tịnh lìa lỗi lầm
Vào khắp thế gian chẳng sợ hãi
Đã trụ Như Lai vô thượng đạo
Làm ao pháp lớn cho ba cõi.**

Bồ Tát tu pháp môn hồi hướng, tâm của Ngài thường thanh tịnh, vì tâm của Ngài đã lìa khỏi đủ thứ lỗi lầm, cho nên có thể đến khắp bất cứ thế giới nào, để giáo hoá chúng sinh. Bồ Tát chẳng còn dục niệm tham cầu, càng chẳng có tâm hư vinh danh văn lợi dưỡng, Ngài một lòng tín tâm trên cầu Phật đạo, dưới độ chúng sinh, cho nên Ngài dũng mãnh tiến về trước, chẳng có sợ hãi, chẳng sợ khốn khổ hoạn nạn. Sức tinh thần không sợ hãi đó, là từ khi Bồ Tát đã đạt được chánh đạo vô thượng của Phật, có thể an trụ nơi chánh pháp của chư Phật nói, chánh niệm bền vững.

Tâm của Bồ Tát đã an trụ nơi vô thượng đạo của Phật, thân của Ngài thường trụ trong đạo tràng của Phật, tu học Phật đạo, tu hạnh môn của Phật tu, cho nên tránh khỏi được mọi gian nan, dẹp trừ sự nhiễu loạn của tất cả ngoại đạo. Bồ Tát càng phải làm ao pháp lớn trong ba cõi, khiến cho chúng sinh trong ba cõi, tắm rửa sạch vô minh phiền não của thân tâm trong ao pháp lớn, học tập Phật pháp, đắc được pháp hỷ, đắc được an lạc chân chánh.

**Tinh cần quán sát tất cả pháp
Tuỳ thuận tư duy hữu phi hữu
Như vậy hướng về lý chân thật
Vào được nơi vô tranh thâm sâu.**

"Sự dục cầu tinh,
Tu dụng khổ công.
Công phu tức đáo,
Mặc thức tâm thông".

Ý nghĩa của bốn câu này nói: Bất cứ bạn muốn làm việc gì, đều hy vọng thành công, viên mãn đạt được mục đích, mà còn kết quả đặc biệt tốt, được người khen ngợi bạn tinh minh cường cán, siêu hơn mọi người. Muốn được vinh dự đó, thì phải chuyên tâm nhất chí mà làm, cho nên phải dụng khổ công. Đừng từ hạnh khổ, hạ tâm chẳng sợ gian nan đi nghiên cứu. Công phu đến được rồi, thì chẳng cần ai đến giải nói, tự nhiên bạn sẽ hốt nhiên quán thông, trong sự trầm lặng bạn sẽ minh bạch. Nếu như bạn không hạ khổ công, mà muốn hiểu được, muốn minh bạch thì chẳng dễ dàng chút nào. Giống như đi học, học cho nhiều,

nghiên cứu rộng rãi, thì lâu dần tự nhiên sẽ dễ dàng minh bạch. Nếu học ít, thì lý luận có lúc sẽ không thông. Cho nên phải tinh tấn chuyên cần, suy gẫm quán sát, thì mới đạt được viên mãn mục đích sở học. Nếu muốn tu học Phật pháp, cũng thế phải dùng khổ công, phải tinh cần. Tinh ở đây là chỉ chỗ tinh mật, tinh tế, phải hạ công phu nơi chỗ rất tinh tế, quán sát tỉ mỉ, suy gẫm, đặc biệt chú ý, đừng lơ là chỗ vi tế nhất. Hạt bụi rất là vi tế rất nhỏ, nếu tích tập nhiều thì có thể thành núi, cho nên nghiên cứu Phật pháp phải nghiên cứu chỗ vi tế, quán sát chỗ vi tế đó, phải tinh tấn không giải đãi, trong diệu tìm diệu, quán sát các pháp thật tướng, tìm cầu đạo lý của các pháp. Tùy thuận bản thể của các pháp, suy gẫm đại dụng của các pháp. "Hữu" tức là "diệu hữu", "phi hữu" tức là "chân không". Suy gẫm đạo lý "chân không diệu hữu", nghiên cứu nó diệu dụng chẳng ngại nhau, trong pháp giới những gì hiển hiện ra đều là viên dung vô ngại thật sự. Do đây minh bạch:

"Chân không chẳng không
Diệu hữu phi hữu
Chân không chẳng ngại diệu hữu
Diệu hữu chẳng ngại chân không".

Trong đạo lý này, bao hàm diệu lý vô thượng, nếu minh bạch đạo lý này, thì có thể hướng về đạo lý chân thật. Minh bạch đạo lý chân không rồi, thì lúc đó bạn sẽ minh bạch bản thể thanh tịnh, là vắng lặng chẳng động, cảm mà toại thông. Pháp này, tức là nơi vô tranh. Chẳng có pháp tranh luận, tại sao chẳng có tranh luận, vì nó là tuyệt đối, chẳng phải đối đãi, pháp này tức là bản thể của pháp. Bản thể của pháp, là lia tướng lời nói, lia tướng văn tự, lia tâm

duyên tướng. Là tất cả tướng, tức tất cả pháp, cho nên pháp này là không tranh luận. Minh bạch diệu pháp thâm sâu vô thượng này, thì có thể vào được "nơi vô tranh thâm sâu".

**Do đây tu thành đạo kiên cố
Tất cả chúng sinh không thể hoại
Khéo hay thấu đạt tánh các pháp
Khắp trong ba đời chẳng chấp trước.**

Cảnh giới tu hành của Bồ Tát, đã vào được nơi vô tranh thâm sâu, thấu rõ thông đạt tướng vắng lặng của các pháp, biết chẳng lời nói, mà ngộ diệu lý này, tu thành đạo tâm kiên cố, thành tựu viên mãn đạo nghiệp. Công phu tu hành như thế, là do hằng ngày tu hành, thời khắc đều tu, luôn luôn không gián đoạn, mới có thể thành tựu đạo nghiệp kiên cố. Người bình thường nhìn lại các chúng đệ tử tu hành không ít, mà tại sao nhìn chẳng thấy một ai thành Phật ? Đừng nói là thành Phật, cho đến chứng quả, thậm chí người khai mở ngũ nhãn lục thông cũng ít thấy. Đây là vì trong những người đó, đa số là tu một ngày, mà nghỉ tới mười ngày; lại tu một ngày phải nghỉ tới mười ngày, sở tu so với sự mất đi còn nhiều hơn, như vậy thì làm sao thành Phật ? Làm sao chứng quả đắc đạo ? Ví như một tấm gương sáng, nếu luôn luôn thường lau chùi, thì vĩnh viễn giữ nó được trong sáng, có thể "Vật đến thì ứng, vật đi thì lặng", chiếu rõ tất cả, mà bản thể vô tâm. Nếu đem nó để ở kia, mà chẳng lau chùi sạch sẽ, thì bụi bặm càng ngày đóng càng nhiều, càng ngày càng dày, thời gian lâu dần thậm chí vật gì đến cũng chẳng hiện ra. Đây tức là ví dụ

tập khí và phiền não vô minh của chúng ta, che lấp tự tánh của chúng ta, có một đời biết tu hành, khi đến kiếp sau lại bị năm dục mê hoặc, mà quên sự tu hành. Đây cũng giống như tấm gương bị bụi bặm đóng lên. Lại nghĩ muốn tu hành, thì phải quét cho sạch sẽ bụi bặm dính trên gương, khi chẳng còn bụi bặm nữa, thì sẽ khôi phục lại ánh sáng, sẽ có thể chiếu tất cả sự vật.

Trong bản tánh của chúng ta giống như trừ đi vô minh ám chướng, thì sẽ hiển hiện ra trí huệ quang minh. Muốn trừ sạch hết vô minh phiền não che đậy, chỉ có tu hành mới có thể diệt vô minh hiển pháp tánh. Hiện tại chúng ta được thấy Phật, nghe được Phật pháp, lại gặp được Tăng, thì phải mau dụng công tu hành, cầu chấm dứt sinh tử. Đừng cho rằng ta đã già, kiếp sau sớm tu. Phải biết tu hành là phát tâm, đừng kể già trẻ giàu nghèo sang hèn. Hiện tại là thân người, dùng thân người tu hành là đặc lực nhất, nếu chẳng tu hành, thì đời sau có còn giữ được thân người chẳng ? Cho nên phải dùng thân người này mau phát tâm tu hành. Đợi tới đợi lui, tu một đời, lại mười đời không tu, nên vô minh tập khí mới nặng. Nếu phát nguyện đời đời kiếp kiếp tu hành, hằng ngày dụng công không giải đãi, thì giống như tấm gương kia, luôn luôn giữ gìn nó không cho dính bụi bặm, trong sáng sạch sẽ. Trí huệ vốn có của con người cũng như thế, hay thời thời hiện tiền. Trí huệ quang minh hiện tiền đó, tức là đạo kiên cố, nó chỉ có ngày ngày tăng trưởng, quyết không thể thoái lui. Người tu hành, thành tựu đạo kiên cố, thì trí huệ quang minh lãnh đạo hành Bồ Tát đạo, khiến cho người đó chẳng có tâm sợ hãi. Đừng nói là tất cả chúng sinh không thể chướng ngại vị đó, mà dù thiên ma ngoại đạo cũng chẳng có cách chi phá hoại người

đó hành sự. Bồ Tát đã chứng được trí huệ quang minh tối cao, đã thấu rõ thông đạt thể tính bản lai của các pháp. Khấp vào sâu trong ba đời, đời quá khứ, đời hiện tại, đời vị lai, trong ba đời này, hết thấy những gì nghe thấy, chẳng có sự vật nào, khiến cho Ngài sinh tâm chấp trước. Chẳng có chấp trước, vì Bồ Tát lúc đó đã chứng được hai không, đó là người không và pháp không.

**Như vậy hồi hướng đến bờ kia
Khấp khiến quần sinh lìa cầu bản
Vĩnh lìa tất cả các chỗ nương
Vào được nơi rốt ráo không nương.**

Bồ Tát tu đủ thứ căn lành công đức, vô lượng vô biên công đức, giống như pháp môn hồi hướng mà Ngài tu, thấy đều hồi hướng cho chúng sinh, hồi hướng về bờ đề, hồi hướng về thật tế. Công đức hồi hướng viên mãn, sẽ đạt đến bờ Niết Bàn bên kia. Bồ Tát đã đạt đến bờ bên kia, Ngài vẫn chẳng xả bỏ chúng sinh để tự mình chứng bờ đề, Ngài cũng khiến cho tất cả chúng sinh giống như mình, thoát khỏi hết thấy trần cấu, khiến cho họ cũng hiện ra trí huệ quang minh vốn có, vĩnh viễn lìa khỏi tất cả chỗ nương nhờ, vào được cảnh giới giải thoát chân chánh, rốt ráo, tự do tự tại, chẳng có nương tựa vào đâu.

**Ngôn ngữ của tất cả chúng sinh
Tuỳ theo giống loài đều khác nhau
Bồ Tát đều phân biệt nói được
Mà tâm không chấp không chướng ngại.**

Chúng sinh trong pháp giới, chẳng phải riêng loài người mới có lời nói, mà phi cầm thú côn trùng, noãn thai thấp hoá .v.v... chỉ cần có mạng sống, thì chúng đều có phương pháp truyền đạt ý nghĩ, giống như ngôn ngữ văn tự của loài người dùng để tác dụng truyền đạt. Bồ Tát đối với mỗi giống loài chúng sinh khác nhau, chúng có ngôn ngữ khác nhau. Bồ Tát đều phân biệt hiểu được, Ngài không cần học tập ngôn ngữ của chúng, nhưng Bồ Tát đều hiểu được, như ngôn ngữ của loài người, mỗi quốc gia, Ngài đều có thể không thầy mà tự thông. Thậm chí tiếng chim, tiếng cầm thú, không có ngôn ngữ của loài nào mà Ngài không hiểu biết. Tùy theo vào trong loài chúng sinh nào, Ngài đều có thể nói tiếng của loài đó, mà có thể tự dung hợp được, vì Bồ Tát đã đắc được tam muội ngôn ngữ. Hơn nữa, tâm Bồ Tát chẳng có sự chấp trước, Ngài chẳng nghĩ đến ta là người, bạn là súc sinh, thì sinh tâm khinh khi, bất cứ loại chúng sinh nào, đối với hết thảy chúng sinh, Ngài đều dùng Phật nhãn nhìn, vì phạm phu chúng sinh đều có Phật tánh, đều có thể làm Phật. Nếu tâm chẳng chấp trước, thì sẽ chẳng có sự chướng ngại.

**Bồ Tát tu hồi hướng như vậy
Công đức phương tiện không thể nói
Hay khiến trong thế giới mười phương
Tất cả chư Phật đều khen ngợi.**

Đại Bồ Tát tu pháp môn hồi hướng, căn lành công đức Ngài tu tập, bất luận là lớn nhỏ, tư hào chẳng lưu lại, mà hồi hướng cho tất cả chúng sinh, hồi hướng vô thượng

bồ đề, hồi hướng về các pháp thật tế. Pháp môn phương tiện tu căn lành công đức đó, vi diệu không thể nghĩ bàn, bất khả thuyết bất khả thuyết. Bồ Tát thành tựu công đức như vậy rồi, ở trong mười phương thế giới, xứng đáng được mười phương chư Phật tán thán khen ngợi, mà nói: "Thiện nam tử ! Lành thay ! Lành thay ! Ông là một vị sứ giả của mười phương chư Phật, cũng là một vị đại Bồ Tát được mười phương chư Phật hộ niệm"!



KINH HOA NGHIÊM ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT

QUYÊN HAI MƯƠI BỐN

PHẨM THẬP HỒI HƯƠNG THỨ HAI MƯƠI LĂM PHẦN HAI

Hồi hương bất hoại thứ hai.

Phật tử ! Thế nào là hồi hương bất hoại của đại Bồ Tát ?

Phật tử ! Đại Bồ Tát này, ở chỗ các Như Lai quá khứ hiện tại vị lai, được niềm tin bất hoại. Vì đều có thể thừa sự tất cả chư Phật. Nơi các Bồ Tát, cho đến ban đầu phát một tâm niệm, cầu nhất thiết trí, được niềm tin bất hoại. Vì thệ nguyện tu tất cả căn lành của Bồ Tát chẳng có nhàm mỏi. Nơi tất cả Phật pháp, được niềm tin bất hoại. Vì phát chí nguyện thâm sâu. Nơi tất cả Phật giáo, được niềm tin bất hoại, vì thủ hộ trụ trì. Nơi tất cả chúng sinh, được niềm tin bất hoại, vì dùng mắt từ bi bình đẳng,

quán sát căn lành hồi hướng lợi ích khắp tất cả chúng sinh.

Bồ Tát Kim Cang Tràng giảng xong hồi hướng thứ nhất rồi, tiếp tục giảng hồi hướng thứ hai. Các vị đệ tử của Phật ! "Thế nào là hồi hướng bất hoại của đại Bồ Tát ?" "Thế nào" là từ hỏi han đối với đại chúng, dùng lời bình thường để nói, tức là "Gì gọi là hạnh môn hồi hướng không thể phá hoại của đại Bồ Tát tu hành ?" Ở trong Sớ Sao giải thích hai chữ "Bất hoại", nói: "Quán sát cả pháp, chỉ có danh có dụng, đây là về sự. Niệm niệm chẳng trụ, sát na vô thường, cho nên gọi là bất hoại, đây là lý bất hoại. Biết căn lành hồi hướng, đều có thể thông sự sự vô ngại, mới là thật bất hoại".

Bồ Tát Kim Cang Tràng đề ra vấn đề này rồi, lại gọi một tiếng các vị đệ tử của Phật ! Vị đại Bồ Tát này tu hạnh môn hồi hướng bất hoại, Ngài ở chỗ Phật quá khứ, chỗ Phật vị lai, chỗ Phật hiện tại, chỗ đạo tràng của ba đời chư Phật, nghe được các pháp của chư Phật nói, như lý tu hành, đắc được tâm tin kiên cố như kim cương, vĩnh viễn không thể bị bất cứ thiên ma ngoại đạo nào có thể phá hoại được tâm tin của Ngài. Khi Ngài ở chỗ đạo tràng của chư Phật mười phương ba đời, Ngài đối với mỗi vị Phật đều tận tâm hết mình, cung kính hầu hạ vui vẻ thừa sự cúng dường, cho nên Ngài có được căn lành sâu dày, đây cũng là tâm tin kiên cố của Ngài chẳng bị sức lực bên ngoài phá hoại được. Hơn nữa, chẳng những Ngài đối với chư Phật có thành tâm tin thọ như thế, mà dù đối với hết thảy Bồ Tát, thậm chí đối với những người mới phát một tâm niệm Bồ đề, Ngài cũng đều sinh tâm cung kính như nhau. Bồ Tát

bao quát Thanh, Văn Duyên Giác, các bậc Thánh hàng nhị thừa, cùng với tất cả chúng sinh, đã phát tâm, đang phát tâm. Đại Bồ Tát tu hạnh hồi hướng bất hoại, Ngài chỉ hy vọng đắc được nhất thiết trí, đắc được tâm tin kiên cố chẳng bị bất cứ cảnh giới nào phá hoại. Cho nên Ngài phát thệ nguyện lớn, nhất định phải phải tu tập đủ thứ căn lành của tất cả Bồ Tát tu, Ngài vĩnh viễn chẳng mỗi mệt, chẳng nhàm chán, ngày đêm chẳng giải đãi, tinh tấn siêng tu căn lành, tích tập đầy đủ công đức, đây cũng là nguyên nhân Bồ Tát có thể đắc được niềm tin không thể hoại.

Bồ Tát đối với tất cả Phật pháp, sở dĩ mà đắc được tâm tin kiên cố không thể phá hoại, là vì Bồ Tát phát tâm đại bồ đề, chí nguyện cầu tất cả pháp lạc. Bồ Tát đối với giáo lý của chư Phật, chân thật thông đạt, cũng bảo hộ, trụ trì chánh pháp của chư Phật, cho nên đắc được tâm tin kiên cố không thể hoại. Bồ Tát đối với tất cả chúng sinh, Ngài cũng có tâm tin không thể hoại, không chán ghét, không xả bỏ, Ngài thương xót chúng sinh không có trí huệ, bị vô minh che đậy, cho nên Ngài dùng tâm từ bi, bình đẳng, quán sát căn lành của tất cả chúng sinh, để vì chúng sinh hồi hướng, vì muốn lợi ích khắp hết thấy chúng sinh.

Nơi tất cả pháp trắng tịnh, được niềm tin bất hoại, vì khắp tu tập vô biên các căn lành. Nơi tất cả đạo hồi hướng của Bồ Tát, được niềm tin bất hoại, vì đầy đủ các dục giải thù thắng. Nơi tất cả Bồ Tát pháp sư, được niềm tin bất hoại, vì nơi các Bồ Tát

khởi tướng Phật. Nơi tất cả tự tại thần thông của Phật, được niềm tin bất hoại, vì tin sâu chư Phật khó nghĩ bàn. Nơi tất cả hạnh phương tiện thiện xảo của Bồ Tát, được niềm tin bất hoại, vì nhiếp lấy đủ thứ vô lượng vô biên hạnh cảnh giới.

Pháp bạch tịnh: Tức là pháp thanh tịnh. Bồ Tát đối với Phật pháp thanh tịnh chẳng nhiễm ô, Ngài đã đắc được tín căn không có lực bên ngoài nào có thể phá hoại được, là vì Ngài khắp tích tụ đủ thứ vô biên vô số căn lành. Ngài lại đối với đạo lý pháp môn hồi hướng của Bồ Tát, đã tu thành tựu, cũng đắc được niềm tin không thể hoại, tin sâu không nghi. Đây là vì Ngài hiểu rõ pháp môn hồi hướng thù thắng, đầy đủ dục vọng mong cầu của Ngài. Ngài đối với những Bồ Tát pháp sư hành Bồ Tát đạo, thì Ngài cũng rất tôn kính, tín ngưỡng, đắc được tín căn bất hoại. Vì đối với những Bồ Tát pháp sư đó, trong tâm của Ngài nghĩ họ đều là Phật quá khứ, Phật hiện tại, và Phật vị lai. Chư Phật đều có thần thông tự tại không thể nghĩ bàn, phạm phu bình thường căn lành cạn mỏng, không tin mà sinh ra nhiều sự hoài nghi. Song, vị Bồ Tát đó được tín căn kiên cố bất hoại, vì Ngài tin sâu chư Phật đều có thần thông tự tại không thể nghĩ bàn. Ngài tư hào chẳng hoài nghi, vì chẳng phải là người bình phạm, có thể dùng tâm để tưởng tượng, hoặc dùng lời lẽ để diễn đạt. "Thần thông tự tại", là nói chẳng những có thần thông, mà còn nhậm vận tự tại, chẳng bị hạn chế, vận dụng toại tâm như ý, mới gọi là tự tại. Thần thông là từ trong sự tu trì thanh tịnh mà đắc được, nó là vì

lợi ích chúng sinh, lúc cần thì mới phương tiện khéo léo để vận dụng, chứ chẳng phải đem ra huyền hoặc người. Bồ Tát đối với các vị Bồ Tát hành Bồ Tát đạo, sở hành pháp môn phương tiện thiện xảo của các Ngài, cùng với đủ thứ sự thị hiện, Ngài cũng tin sâu không thay đổi. Bồ Tát vì rộng độ chúng sinh, có lúc cũng thị hiện người ác, làm việc xấu để cảm hoá người. Bồ Tát biết rõ phương tiện khéo léo này, cho nên Ngài chẳng bị bất cứ cảnh giới nào mà thay đổi niềm tin. Bồ Tát dùng tín căn bất hoại của Ngài, nhiếp lấy đủ thứ vô lượng vô số hạnh môn và tất cả cảnh giới.

Phật tử ! Đại Bồ Tát an trụ vào niềm tin bất hoại như vậy, thì nơi chư Phật Bồ Tát, Thanh Văn, Độc Giác, hoặc các Phật giáo, hoặc các chúng sinh. Trong đủ thứ cảnh giới như vậy, gieo trồng các căn lành, vô lượng vô biên. Khiến cho tâm bồ đề, lại càng tăng trưởng. Từ bi rộng lớn, bình đẳng quán sát. Tùy thuận tu học chỗ làm của chư Phật. Nhiếp lấy tất cả căn lành thanh tịnh, vào nghĩa chân thật. Tu tập hạnh phước đức, hành bố thí lớn. Tu các công đức, bình đẳng quán sát ba đời.

Các vị đệ tử của Phật ! Khi đại Bồ Tát an trụ ở trong tín căn bất hoại, thì Ngài đối với mười phương chư Phật, Bồ Tát, hàng Thánh nhị thừa Thanh Văn, Duyên Giác,

cùng với các Phật giáo, và đủ thứ chúng sinh, đều có cảnh giới khác nhau, Bồ Tát ở trong những cảnh giới khác nhau như đã nói ở trên, hành Bồ Tát đạo, gieo trồng vô lượng vô biên đủ thứ căn lành. Là vì Ngài khiến cho tâm bồ đề của mình càng tăng trưởng, càng ngày càng hướng về sự viên mãn, đồng thời cũng khiến cho tâm bồ đề của tất cả chúng sinh càng ngày càng tăng trưởng. Tâm từ bi của Bồ Tát rộng lớn như pháp giới, thường dùng tâm bình đẳng để quán sát chúng sinh trong pháp giới. Tùy thuận căn tính của chúng sinh, tu học tất cả pháp môn của chư Phật tu, làm công đức của chư Phật làm. Ngài cũng nhiếp lấy hết thấy tất cả chúng sinh căn lành thanh tịnh, vì phải có căn lành thanh tịnh, thì mới vào được trong nghĩa lý chân thật. Tu tập hạnh môn phước đức, thì phải hành bố thí rộng lớn khắp, bình đẳng ban cho tất cả chúng sinh. Bồ Tát tu tập đủ thứ công đức như vậy, bình đẳng quán sát ba đời chư Phật, và mười phương ba đời các đại Bồ Tát cũng tu tập căn lành công đức như vậy, đầy đủ viên mãn, thành tựu Phật quả.

Đại Bồ Tát đem căn lành công đức như vậy, hồi hướng nhất thiết trí. Nguyên thường thấy chư Phật, gần gũi bạn lành, cùng nhau ở chung với các Bồ Tát.

Đại Bồ Tát đem căn lành gieo trồng trong mỗi cảnh giới, và đủ thứ công đức tu tập được, thấy đều hồi hướng về nhất thiết trí huệ và thệ nguyện mà Ngài đã phát. Hy vọng thường thấy được mười phương chư Phật, hy vọng thường gặp được đại thiện tri thức, hy vọng cùng tu ở chung với các đại Bồ Tát.

Nhớ nhất thiết trí, tâm không tạm rời. Thọ trì Phật giáo, siêng năng thủ hộ. Giáo hoá thành thực tất cả chúng sinh. Tâm thường hồi hướng đạo xuất thế. Cúng dường hầu hạ tất cả pháp sư. Hiểu rõ các pháp, nhớ trì không quên. Tu đại hạnh nguyện, đều khiến cho đầy đủ.

Bồ Tát tu pháp môn hồi hướng bất hoại, tâm nguyện hy vọng đặc được nhất thiết trí, bất cứ lúc nào cũng không tạm xả bỏ quên được. Đạo lý của chư Phật nói, Ngài đều lãnh ngộ nơi tâm, trì nơi thân, thời thời khắc khắc đều siêng năng dụng tâm thủ hộ. Ngài ở trước Phật được thọ sự giáo hoá, lãnh ngộ chân lý, lại dùng để giáo hoá tất cả chúng sinh, khiến cho tất cả chúng sinh cũng đều lãnh thọ được, thấu hiểu các pháp, đạt đến giai đoạn thành thực. Tuy nhiên Bồ Tát một mặt nhập thế giáo hoá chúng sinh, nhưng Ngài chẳng bị pháp thế gian ràng buộc, một mặt trong tâm thường nhớ đến tu pháp môn thanh tịnh xuất thế, đem căn lành công đức tu tập được hồi hướng về Phật đạo xuất thế. Bồ Tát cung kính chư Phật, đồng thời cũng cung kính những Bồ Tát pháp sư thế Phật tuyên dương Phật pháp. Ngài cũng gần gũi hầu hạ những vị Bồ Tát pháp sư, chẳng có chút tâm phân biệt và tâm kiêu mạn nào. Bồ Tát đối với các pháp đều thấu rõ thông đạt vô ngại, chiếu rõ các pháp thật tướng. Đối với Kinh điển, cũng đều ghi nhớ không quên, thọ trì không giải đãi. Ngài tu hành đại

nguyện mà Ngài đã phát, hy vọng đều viên mãn đầy đủ. Đại nguyện của Bồ Tát đã phát, tức là bốn thế nguyện lớn:

1. Chúng sinh vô biên thế nguyện độ.
2. Phiền não vô tận thế nguyện đoạn.
3. Pháp môn vô lượng thế nguyện học.
4. Phật đạo vô thượng thế nguyện thành.

Bốn thế nguyện lớn này, bao quát tự lợi lợi tha, viên mãn Phật quả. Bồ Tát phát tâm bồ đề, hành Bồ Tát đạo, thì tôn chiếu theo bốn thế nguyện lớn này, chẳng tính thời gian kiếp số, chẳng lựa xứ sở, chẳng chọn đối tượng, không hỏi thu hoạch, chỉ lo trồng trọt. Tu tập căn lành công đức không sợ gian nan khốn khổ như vậy, cuối cùng sẽ thành tựu bồ đề. Vị đại Bồ Tát này tu hồi hướng bất hoại, cũng là thường tu hành nguyện lớn, đều khiến cho viên mãn.

Bồ Tát tích tập căn lành như vậy, thành tựu căn lành, suy giảm căn lành, hệ niệm căn lành, phân biệt căn lành, ưa thích căn lành, tu tập căn lành, an trụ căn lành.

Phương pháp giống như ở trên đã nói, Bồ Tát tu tập Phật pháp, rộng trồng căn lành, khắp làm công đức giáo hoá độ sinh tế khổ, chẳng tính việc lành lớn nhỏ, dùng tác pháp tích ít thành nhiều, tự thô thành tế, từ cạn đến sâu. Ngài chưa từng xả bỏ việc thiện mà không làm, giống như tích tụ nhiều hạt bụi mà thành quả núi cao, cho nên nói Bồ Tát là từ tích tập căn lành mà làm nên. Ý nghĩa tích tập là vốn chẳng có, hiện tại từng chút từng chút tích tập thành nhiều. Vì tích tụ nhiều căn lành, cho nên thành tựu căn lành

lớn, do đó trước hết phải "tích tập căn lành", sau đó mới có thể "thành tựu căn lành". Thành tựu được căn lành lớn, thì sẽ tăng trưởng tất cả căn lành. Vì căn lành dần dần tăng trưởng, thì đương nhiên nó càng ngày càng lớn lên. Tăng trưởng căn lành và tích tập căn lành, lại có nhiều lý khác nhau: Tích tập là vốn chẳng có, về sau do tu hạnh lành, từng chút từng chút tích tập thành. Tăng trưởng là đã có rồi mà còn rất lớn, hiện tại vì siêng tu căn lành, thì căn lành lại càng sâu dày. Nghiệp lành tín căn vốn đã rất nhiều rất lớn, lại càng tăng thêm nhiều, cho nên hiển được càng to lớn. Muốn tăng trưởng căn lành, thì phải luôn luôn suy gẫm các pháp. Suy gẫm tức là công phu tu tập thiền định. Định hay sinh huệ, hành giả tu hạnh Bồ Tát, tu công đức lục độ, mỗi độ không thể không có trí huệ để chỉ dẫn. Cho nên Bồ Tát phát tâm tu hành, thời thời đừng quên cầu trí huệ vô thượng, tức là cần trí huệ để hướng dẫn vạn hạnh. Do Bồ Tát phải tu thiền định, phải có căn lành suy gẫm. Suy gẫm các pháp của chư Phật nói, chân lý của các pháp, thật tướng, suy gẫm hạnh môn của chư Phật tu, suy gẫm công đức của chư Phật. Suy gẫm và hệ niệm có sự quan hệ mật thiết với nhau. Hệ niệm tức là đừng quên, đem tất cả chân lý chánh đạo có ý nghĩa đều ấn sâu vào trong biển não, tùy thời hệ niệm chẳng quên, quên rồi cũng không thể suy gẫm. Hệ niệm căn lành, phải từ từ, giống như dùng sợi dây thừng buộc nó lại. Tự tập hết thấy căn lành lại với nhau, vĩnh viễn chẳng gián đoạn, suy gẫm hệ niệm đủ thứ căn lành.

Phân biệt căn lành: Sự phân biệt này, chẳng phải có tâm thành kiến phân biệt tốt xấu, mà là đấng đo nghiệp lành nặng nhẹ hoãn cấp mà nói. Bồ Tát dụng trí huệ của Ngài để

phán đoán, sự việc gì nên làm trước, thì mau đi làm. Việc nào ít quan trọng hơn, thì từ từ đi làm, cho nên phải phân biệt căn lành nặng nhẹ.

Ưa thích căn lành: Sự ưa thích của Bồ Tát, cũng chẳng phải tâm Ngài ích kỷ ưa thích. Những gì Bồ Tát làm, mục đích đều vì chúng sinh. Bồ Tát ưa thích quán sát chúng sinh, tùy thuận chúng sinh mà tu tập căn lành, chúng sinh ưa thích tu trước, sau đó phải từ từ tu. Thành tựu căn lành công đức như vậy, tức là "ưa thích căn lành". Chúng sinh hoan hỷ, tức là Bồ Tát hoan hỷ.

An trụ căn lành: Bồ Tát tu tập đủ thứ căn lành, tâm niệm của Ngài thường thường quán chiếu những căn lành đó, chẳng khiến cho tán mất. Tư duy hệ niệm, siêng tu chẳng giải đãi.

Đại Bồ Tát tích tập căn lành như vậy rồi. Nhờ căn lành đó, mà đắc được y báo, tu hạnh Bồ Tát. Ở trong niệm niệm thấy vô lượng Phật, thừa sự cúng dường.

Đại Bồ Tát, giống như Kinh văn ở trước đã nói, tu tập từng chút, từng chút, hết thấy đủ thứ căn lành rồi, do những căn lành công đức đó, mà đắc được thắng báo hồi hướng, sau đó nương thắng báo mà tu hạnh Bồ Tát. Ở trong mỗi niệm, niệm niệm đều có thể thấy được tận hư không khắp pháp giới vô lượng chư Phật trong mười phương. Như chỗ Ngài nghĩ muốn, phải thừa sự cúng dường chư Phật, đều như nguyện gần gũi cúng dường.

Dùng A tăng kỳ châu báu. A tăng kỳ hoa. A tăng kỳ tràng hoa. A tăng kỳ y phục. A tăng kỳ lọng. A tăng kỳ tràng. A tăng kỳ phan. A tăng kỳ đồ trang nghiêm. A tăng kỳ kẻ hầu hạ. A tăng kỳ đồ thoa nghiêm sức. A tăng kỳ hương thoa. A tăng kỳ hương bột. A tăng kỳ hoà hương. A tăng kỳ hương đốt. A tăng kỳ tin sâu. A tăng kỳ ưa thích. A tăng kỳ tịnh tâm. A tăng kỳ tôn trọng. A tăng kỳ hoan hỷ. A tăng kỳ lễ kính. A tăng kỳ toà báu. A tăng kỳ toà hoa. A tăng kỳ toà hương. A tăng kỳ toà tràng hoa. A tăng kỳ toà chiêm đàn. A tăng kỳ toà y phục. A tăng kỳ toà kim cang. A tăng kỳ toà ma ni. A tăng kỳ báu thù. A tăng kỳ toà báu sắc. A tăng kỳ nơi kinh hành trải báu. A tăng kỳ nơi kinh hành rải hoa. A tăng kỳ nơi kinh hành rải hương. A tăng kỳ nơi kinh hành trải man. A tăng kỳ nơi kinh hành rải y. A tăng kỳ nơi kinh hành báu xen lẫn. A tăng kỳ nơi kinh hành rải tất cả báu lụa. A tăng kỳ nơi kinh hành tất cả cây báu đa la. A tăng kỳ nơi kinh hành

**tất cả lan can báu. A tăng kỳ nơi kinh hành
tất cả lưới linh báu che phủ. A tăng kỳ tất
cả cung điện báu. A tăng kỳ tất cả cung
điện hoa. A tăng kỳ tất cả cung điện hương.
A tăng kỳ tất cả cung điện tràng hoa. A
tăng kỳ tất cả cung điện chiên đàn. A tăng
kỳ tất cả cung điện kiên cố diệu hương
tạng. A tăng kỳ tất cả cung điện kim cang.
A tăng kỳ tất cả cung điện ma ni. Thấy đều
thù thắng vi diệu, vượt hơn chư Thiên.**

"A tăng kỳ" là danh từ số mục ở Ấn Độ, là số lớn nhất, ý nghĩa là vô lượng số. Vị Bồ Tát tu hồi hướng bất hoại trong thập hồi hướng, Ngài ở trong niệm niệm thấy được vô lượng số chư Phật, thừa sự chư Phật, cúng dường chư Phật. Ngài đem vô lượng số báu vật cúng dường chư Phật. Đem vô lượng số hoa quý, cúng dường chư Phật. Đem vô lượng số tràng hoa, cúng dường chư Phật. Đem vô lượng số y báu, cúng dường chư Phật. Đem vô lượng số lọng hoa trân báu, cúng dường chư Phật. Đem vô lượng số tràng báu, cúng dường chư Phật. Đem vô lượng số phan báu, cúng dường chư Phật. Đem vô lượng số đủ thứ đồ trang nghiêm, cúng dường chư Phật. Đem vô lượng số người hầu hạ, cúng dường chư Phật, để làm thị giả. Lại đem vô lượng số đồ thoa nghiêm sức tốt đẹp, cúng dường chư Phật, dùng đồ thoa nghiêm sức mặt đất đạo tràng, khiến cho mặt đất phát ra ánh sáng, hương thơm. Lại đem vô lượng số hương thoa danh quý, cúng dường chư Phật,

thoa nơi chân tay của Phật. Lại đem vô lượng số hương bột, mỗi thứ hương trộn lại với nhau, đốt lên trong lư hương, cúng dường chư Phật. Bồ Tát đem vật chất tốt nhất trên thế gian cúng dường chư Phật, dùng số lượng nhiều nhất, một chút cũng chẳng keo kiệt, thành tâm cúng dường, nhưng Ngài vẫn cảm thấy dùng vật chất cúng dường, không đủ viên mãn.

Lại đem vô lượng vô biên tâm tin thâm sâu, không thể tả ví dụ, sung mãn sự ưa thích, tâm ý thanh tịnh không nhiễm, sự thành ý tôn trọng vô thượng, tâm hoan hỉ thành phục, lễ kính năm vóc sát đất, tùy thời đều thừa sự chư Phật, cúng dường chư Phật. Lại đem vô lượng số toà báu làm bằng bảy báu, cúng dường chư Phật. Như toà hoa, toà hương, toà tràng hoa, toà chiên đàn, toà y, toà kim cang, toà ma ni, toà báu lụa, toà báu sắc .v.v... Nơi kinh hành là chỗ người tu hành dùng cơm xong đi bộ. Chạy hương cũng gọi là kinh hành, đạo tràng tu hành, cũng gọi là nơi kinh hành. Lại thiết kế kiến trúc đủ thức đủ dạng, chỗ đi kinh hành trong nhà ngoài nhà. Đủ thứ nơi kinh hành đó, như dùng mỗi thứ bảo thạch để trang trí, hoa quý la liệt, đầy dẫy hương thơm, man báu trang sức, y phục bày la liệt, vô lượng mỗi thứ đá báu xen lẫn, tất cả lụa báu, đủ màu sắc chói sáng nghiêm sức loà mắt, mỗi thứ cây báu đa la che rợp, lan can bằng bảy báu. Còn dùng các loại trân báu thêu thành lưới linh, che phủ ở trong không trung. Như vậy thiết kế kiến tạo vô lượng nơi kinh hành, để cúng dường chư Phật đi kinh hành. Còn có vô lượng vô số cung điện tốt đẹp, như cung điện báu, cung điện hoa, cung điện hương, cung điện tràng hoa, cung điện chiên đàn, cung điện vừa kiên cố, lại có hương tạng thượng diệu ở trong, cung điện

kim cang, cung điện châu báu ma ni .v.v... Đủ thứ vật cúng dường vô thượng thù thắng như thế, cúng dường chư Phật, tất cả hết thảy sự trang nghiêm đều vượt hơn cung điện của chư Thiên.

A tăng kỳ cây các tạp báu. A tăng kỳ cây đủ thứ hương. A tăng kỳ cây các y báu. A tăng kỳ cây các âm nhạc. A tăng kỳ cây đồ trang nghiêm báu. A tăng kỳ cây diệu âm thanh. A tăng kỳ cây tơ lụa báu. A tăng kỳ cây ngọc báu. A tăng kỳ cây tất cả hoa, hương, tràng, phan, lọng, nghiêm sức. Các thứ cây như vậy che mát, trang nghiêm cung điện.

Bồ Tát lại dùng vô lượng số các thứ cây tạp báu, đủ thứ cây hương, cây y phục khác nhau, cây âm nhạc, các thứ cây trên báu trang nghiêm, còn có cây có thể vang ra âm thanh vi diệu. Lại có vô lượng số cây dùng châu báu đủ các màu sắc để nghiêm sức, khiến cho người thấy liền sinh tâm hoan hỉ. Vô lượng số cây tơ lụa báu trang nghiêm. Còn có vô lượng số cây dùng đá ngọc làm vòng trang nghiêm trên cây, gió thổi lay động, vang ra âm thanh vi diệu. Còn có vô lượng số cây trên thân nghiêm sức hương hoa vi diệu, tràng báu, phan báu, lọng báu .v.v... những thứ đồ trang nghiêm đẹp lạ. Vô lượng số cây nghiêm sức rất nhiều các thứ báu như vậy, mỗi cây đều tỏa ra ánh sáng, chiếu soi lẫn nhau. Cành lá cây sum sê che mát, trang nghiêm cung điện, dùng

đề cúng dường Phật.

Các cung điện đó, lại có A tăng kỳ mái hiên trang nghiêm. A tăng kỳ cửa sổ trang nghiêm. A tăng kỳ cửa chính trang nghiêm. A tăng kỳ lầu các trang nghiêm. A tăng kỳ hình bán nguyệt trang nghiêm. A tăng kỳ trướng trang nghiêm. A tăng kỳ lưới vàng che phủ ở trên. A tăng kỳ hương thơm xông khắp mọi nơi. A tăng kỳ y phục bày khắp mặt đất.

Các cung điện nguy nga hùng vĩ đó, có vô lượng số mái hiên. Có vô lượng số cửa sổ, cửa lớn thông với nhau. Có vô số lầu các trang nghiêm tốt đẹp. Lại có vô số cửa nẻo, lan can, ao nước, vườn hoa .v.v...hình bán nguyệt khắp các nơi. Lại có vô lượng số các thứ man trướng treo giăng tứ phía. Lại có vô lượng số lưới vàng giăng phủ ở trên không, để trang nghiêm. Và dùng hương thơm quý xông ở khắp mọi nơi, khiến cho tâm thanh tịnh. Lại dùng vô lượng số y phục cõi trời bày khắp trên mặt đất, giống như hiện tại trải thảm tốt đẹp ở trong cung vua.

Phật tử ! Đại Bồ Tát dùng các thứ đồ cúng dường như thế, trong vô lượng vô số kiếp bất khả thuyết bất khả thuyết, tâm thanh tịnh tôn trọng, cung kính cúng

**dường tất cả chư Phật, luôn luôn không
thối chuyển, chẳng có ngừng nghỉ. Sau khi
mỗi mỗi Như Lai diệt độ rồi, hết thầy xá
lợi, cũng đều cung kính cúng dường như
thế.**

Các vị đệ tử của Phật ! Đại Bồ Tát, Ngài dùng đủ thứ vô lượng số các châu báu trân kỳ, hương hoa tràng phan man lọng, cung điện lầu các như thế .v.v... để cúng dường mười phương chư Phật. Chẳng những Ngài cúng dường như thế, mà còn ở trong bất khả thuyết kiếp, Ngài vẫn luôn luôn dùng tâm thanh tịnh chí thành tôn trọng cung kính như vậy, cúng dường mười phương chư Phật. Niệm niệm liên tục luôn luôn không thay đổi của Bồ Tát như vậy, chẳng có thối chuyển. Tinh tấn tu học, cũng chưa từng cảm thấy mệt mỏi, mà thường tinh tấn chẳng muốn nghỉ ngơi. Bồ Tát kiên thành cúng dường chư Phật như thế, khi mỗi mỗi vị Phật vào Niết Bàn rồi, hết thầy xá lợi của Phật, Bồ Tát cũng cung kính cúng dường giống như chư Phật.

**Vì khiến cho tất cả chúng sinh, sinh
niềm tin thanh tịnh. Vì tất cả chúng sinh
nhiếp căn lành. Vì tất cả chúng sinh lia các
khổ. Vì tất cả chúng sinh hiểu biết rộng
lớn. Vì tất cả chúng sinh dùng đại trang
nghiêm mà trang nghiêm. Vì vô lượng
trang nghiêm mà trang nghiêm. Vì chỗ làm**

các cõi được rất ráo. Vì biết chư Phật ra đời, rất khó được gặp. Vì đầy đủ vô lượng lực của Như Lai. Vì trang nghiêm cúng dường chùa tháp Phật. Vì trụ trì pháp của tất cả chư Phật. Cúng dường chư Phật hiện tại như vậy, và hết thấy xá lợi sau khi chư Phật diệt độ. Cúng dường như vậy trong A tăng kỳ kiếp, nói không thể hết được.

Khi Bồ Tát tu pháp môn bất hoại hồi hướng, ở trong vô lượng kiếp, luôn luôn dùng vô lượng đồ cúng dường thượng diệu cúng dường chư Phật, đem căn lành tu tập, thấy đều hồi hướng cho chúng sinh. Vì hy vọng chúng sinh đắc được pháp ích, sinh ra tâm tin thanh tịnh, có thể nhiếp thọ căn lành. Chẳng những hết thấy căn lành của mình tu tập, cũng có thể nhiếp thọ những chúng sinh ít căn lành, mà với những chúng sinh giữa thiện và ác, cũng khiến cho họ đều tiếp thọ được sự giáo hoá, chuyển biến thành chúng sinh thuần thiện nghiệp. Tất cả chúng sinh lãnh thọ được sự lợi ích hồi hướng của Bồ Tát, chẳng quên tu căn lành, ngày càng tăng thêm, vĩnh viễn lìa các khổ, đắc được pháp lạc chân thật. Lại có thể khiến cho tất cả chúng sinh đắc được trí huệ rộng lớn, thấu hiểu được tất cả cá pháp, vĩnh viễn nhớ được chánh đạo, siêng tu căn lành. Lại hy vọng tất cả chúng sinh phát tâm bồ đề rộng lớn, tu tập căn lành, đem công đức đó, để trang nghiêm đạo tràng và chư Phật. Dùng căn lành công đức tu tập, vô lượng trang nghiêm, để trang nghiêm căn lành của mình, cũng trang nghiêm Phật

đạo. Những gì tất cả chúng sinh làm được, cũng hy vọng họ có thể như lý như pháp, đắc được viên mãn rốt ráo. Bồ Tát Ngài biết chư Phật xuất hiện ra đời, rất khó gặp được, cho nên Ngài phải siêng tu căn lành, hy vọng sẽ viên mãn đầy đủ thần lực giống như Phật. Vì vậy, cho nên Bồ Tát Ngài phải dùng căn lành công đức tu tập, để trang nghiêm đạo tràng của chư Phật, thừa sự chư Phật, cúng dường chư Phật, và chùa tháp của chư Phật, mà tu hồi hướng bất hoại, chẳng phải vì mình, mà là vì tất cả chúng sinh và hộ trì Phật pháp. Bồ Tát cúng dường mười phương chư Phật hiện tại như thế, và hết thấy xá lợi của chư Phật, sau khi chư Phật diệt độ. Vị đại Bồ Tát đó tu hồi hướng bất hoại, công đức mà Ngài cúng dường chư Phật hết kiếp thuở vị lai cũng nói không hết được. Bồ Tát tu pháp môn hồi hướng bất hoại, là đại Bồ Tát mới có thể tu tập. Cũng phải có công đức tương đương với vị Bồ Tát này, mới có thể phát tâm như vậy, mới có thể dùng vô lượng vô biên sự cúng dường thù thắng như thế, để cúng dường chư Phật. Giống như bốn chúng đệ tử chúng ta ban đầu phát tâm bồ đề, tuy nhiên không thể có sự cúng dường như thế, để cúng dường chư Phật, chúng ta cũng phải phát tâm đại bồ đề, tâm bồ đề rộng lớn, để cúng dường mười phương chư Phật.

Tu tập vô lượng công đức như vậy, đều vì thành thực tất cả chúng sinh, chẳng có thoái chuyển, chẳng có ngừng nghỉ, chẳng có nhàm mỏi, chẳng có chấp trước, lìa các tâm tưởng. Chẳng có y chỉ, vĩnh viễn đoạn trừ chỗ nương tựa. Xa lìa cái ta, và của ta.

Pháp ấn như thật, ấn các nghiệp môn. Đắc được pháp vô sinh, trụ chỗ Phật trụ. Quán sát tánh vô sanh, ấn các cảnh giới. Chư Phật hộ niệm, phát tâm hồi hướng.

Bồ Tát giống như ở trên đã nói, tu tập tất cả căn lành công đức hồi hướng bất hoại. Cứu kính tại sao Bồ Tát tu hồi hướng bất hoại ? Mục đích của Ngài là gì ? Vì Bồ Tát muốn thành thực tất cả chúng sinh, mục đích của Ngài là muốn khiến cho tất cả chúng sinh đều đắc được giải thoát. Do đó trong sự tiến hành tu hành, Ngài phát thệ nguyện lớn, dũng mãnh tinh tấn, chẳng sợ gian khổ, chẳng ngại gian nan, vĩnh viễn chẳng sinh tâm thoái chuyển, vĩnh viễn chẳng giải đãi, vĩnh viễn chẳng nghỉ ngơi, vĩnh viễn chẳng cảm thấy mệt mỏi, vĩnh viễn chẳng sinh tâm kiêu ngạo tự mãn. Bồ Tát luôn luôn không nghỉ ngơi như thế, đem công đức tu tập hồi hướng cho chúng sinh, khiến cho chúng sinh cũng sớm chóng thành thực căn lành công đức. Khi Bồ Tát hồi hướng thì Ngài dùng tâm bình đẳng hồi hướng khắp, chẳng chấp vào sự thương ghét, chẳng phân biệt người thân kẻ sơ. Ngài đã lia tướng, lia chấp trước, lia tâm tư ý niệm, hồi hướng về cho hết thảy chúng sinh. Ngài chẳng y chỉ, chẳng cần nương tựa. Vì Bồ Tát đã thấu đạt cái ta là không, cho nên Ngài vĩnh viễn đoạn tuyệt ý niệm nương tựa. Chẳng còn quan niệm về cái ta, cũng chẳng còn tâm ích kỷ thuộc về của ta. Nguyện thứ chín trong mười nguyện lớn của Bồ Tát Phổ Hiền có nói là: Hằng thuận chúng sinh. Tại sao phải hằng thuận chúng sinh ? Vì tu hạnh Bồ Tát, đại Bồ Tát hành Bồ Tát đạo, Ngài muốn viên mãn công đức của

Ngài, thành tựu bồ đề giác đạo của Ngài, thì phải ở tại nơi thân chúng sinh, sinh tâm đại bi, dùng sự an vui của chúng sinh, làm an vui của chính mình, dùng sự thống khổ của chúng sinh, làm sự thống khổ của mình, phát nguyện muốn cứu bạt tất cả chúng sinh thoát khỏi biển khổ, được an vui rốt ráo. Bồ Tát vì muốn độ chúng sinh, luôn luôn chẳng tiếc thân vào trong biển khổ, muốn chúng sinh nghe sự giáo hoá của Ngài. Ví như có chúng sinh điều ngoa nói với Ngài: "Người muốn độ ta ư ! Vậy thì trước hết người phải theo ta xuống địa ngục thọ khổ, sau đó ta sẽ theo người xuất gia". Bồ Tát vì muốn độ chúng sinh điều ngoa đó, Ngài tở hào chẳng do dự tùy thuận họ xuống địa ngục, thậm chí thọ khổ. Cuối cùng cảm hoá được chúng sinh điều ngoa đó, dẫn kẻ đó ra khỏi địa ngục, khiến cho họ phát tâm bồ đề, xuất gia tu đạo. Đây tức là Bồ Tát chẳng có cái ta, tùy thuận chúng sinh, xa lìa sự tác pháp của mình. Chẳng riêng gì Ngài chẳng có quan niệm về chủ thể cái ta, mà cho đến sự chấp trước cũng đã diệt trừ. Bồ Tát đã thông đạt hiểu rõ đạo lý các pháp chân thật. Đạo lý chân thật đó, tức là diệu pháp, chẳng động, chẳng thay đổi. Giống như cái ấn tử của hoàng đế, bất cứ ở đâu, việc gì, cũng đều thông hành chẳng có sự trở ngại. Đó có thể chứng minh là chánh pháp của Phật, chư Phật cùng nhau ấn khả, tâm tâm truyền với nhau, mới có thể gọi là pháp ấn. Dùng pháp ấn này, ấn chứng đủ thứ nghiệp sinh khởi những nhân tố khác nhau, nghiệp báo đặc được có biệt loại khác nhau. Khi Bồ Tát đạt đến cảnh giới này, thì Ngài liền biết đạo lý của pháp vô sinh, tức gọi là vô sinh pháp nhẫn. Phẩm vị của Ngài, đã có thể trụ chỗ Phật trụ. Nghĩa là Ngài có thể bình đẳng với Phật, liệt vào Phật số. Bồ Tát quán sát các pháp, biết:

"Các pháp chẳng tự sinh
Cũng chẳng từ nó sinh.
Chẳng cùng chẳng không nhân
Thế nên biết không sinh".

Kết quả đặc được, tin sâu các pháp là không sinh. Dùng kết luận quán sát của Ngài, ấn chứng tính chân thật của các pháp, đồng thời dùng đạo lý vô sinh của các pháp, ấn chứng đủ thứ cảnh giới khác nhau. Bồ Tát thấu rõ các pháp như huyễn như hoá, thân tâm thái nhiên, lai vãng trong ba cõi, chẳng có khổ tham dục ràng buộc. Phương tiện khéo léo, độ chúng sinh thoát khỏi khổ ách. Giai đoạn tu hành này của Bồ Tát, đều có thể đặc được chư Phật hộ niệm, bảo hộ và Phật lực gia trì. Bồ Tát càng thêm phát tâm, dùng căn lành công đức tu tập hồi hướng cho chúng sinh, hồi hướng bồ đề, hồi hướng thật tế.

Hồi hướng tương ưng với các pháp tánh. Phương tiện hồi hướng nhập vào pháp không làm, thành tựu chỗ làm. Phương tiện hồi hướng xả lìa chấp trước tất cả các sự tướng. Thiện xảo hồi hướng trụ nơi vô lượng. Hồi hướng vĩnh viễn thoát khỏi tất cả các cõi. Thiện xảo hồi hướng tu hành các hạnh, chẳng trụ nơi tướng. Hồi hướng nhiếp khắp tất cả căn lành. Hồi hướng thanh tịnh khắp tất cả các hạnh rộng lớn của Bồ Tát. Hồi hướng phát

tâm vô thượng bồ đề. Hồi hướng với tất cả căn lành đồng trụ. Hồi hướng đầy đủ tâm tin hiểu tối thượng.

Nội dung phát tâm tu hồi hướng của Bồ Tát, đại khái có thể phân ra làm hai phương diện:

Thứ nhất: Lìa tướng hồi hướng, giống như:

1. Tương ưng với lý tính chân thật của các pháp, tức là có thể khế hợp với hồi hướng lý sự.

2. Có thể vào nơi không chỗ tác pháp, mà có thể thành tựu sở tác phương diện hồi hướng.

3. Đối với tướng hợp của tất cả sự tình, đều lìa bỏ, dùng đủ thứ phương tiện tùy duyên hồi hướng.

4. An trụ ở trong vô lượng thiện xảo hồi hướng để hồi hướng, tức là hồi hướng có định lực, có trí huệ, không bị cảnh giới lay chuyển, mà có thể rất căn trí chuyển dịch cảnh giới.

5. Hồi hướng vĩnh viễn thoát khỏi tất cả các cõi, tức là khiến cho chúng sinh vĩnh viễn thoát khỏi ba cõi.

6. Dùng thiện xảo phương tiện hồi hướng, giáo hoá chúng sinh tu hành các thứ pháp môn, và khiến cho chúng sinh biết chân lý không chấp trước vào tướng.

Thứ hai: Tùy tướng hồi hướng, giống như hồi hướng căn lành khắp nhiếp thọ tất cả chúng sinh. Lại hồi hướng phát tâm đại bồ đề tối cao vô thượng. Nguyên cùng với tất cả đồng tu tập căn lành, vĩnh viễn chẳng thối chuyển, đem căn lành này hồi hướng cho chúng sinh. Hồi hướng hy vọng viên mãn đầy đủ tâm tin kiên cố tối thượng, tâm hiểu lý vào sâu tạng Kinh. Bồ Tát đem căn lành công đức tu học

của hai phương diện này, hồi hướng cho tất cả chúng sinh, hồi hướng về vô thượng bồ đề giác đạo, hồi hướng về thật tế chân lý.

Phật tử ! Khi đại Bồ Tát đem các căn lành, hồi hướng như vậy. Tuy tùy sinh tử, mà chẳng thay đổi. Cầu nhất thiết trí, chưa từng thoái chuyển. Ở nơi các cõi, tâm chẳng động loạn, đều độ thoát tất cả chúng sinh. Không nhiễm pháp hữu vi, chẳng mất trí vô ngại. Bồ Tát hạnh vị, nhân duyên vô tận, các pháp thế gian không thể biến động. Đầy đủ thanh tịnh các Ba La Mật, đều thành tựu nhất thiết trí lực. Bồ Tát lia các si tối như vậy, thành tựu tâm bồ đề, khai thị quang minh, tăng trưởng pháp thanh tịnh, hồi hướng thẳng đạo, đầy đủ các hạnh.

Bồ Tát Kim Cang Tràng giảng quá trình tu hành pháp môn hồi hướng bất hoại, giảng đến đây thì, Ngài vì đề cao sự chú ý của thính chúng trong pháp hội, bèn gọi một tiếng các vị đệ tử của Phật ! Đại Bồ Tát, Ngài đem đủ thứ căn lành tu tập, hồi hướng như ở trong Kinh đã nói ở trên, tuy nhiên thân thể của Ngài tùy thuận sinh tử mà sinh tử, lưu chuyển ở trong sinh tử, lưu chuyển tới lui, nhưng tâm tin của Ngài kiên cố, có thể tùy duyên mà không thay đổi,

không thay đổi mà tùy duyên. Thủy chung không thay đổi chí nguyện tâm bồ đề đã phát ra. Bồ Tát cứu độ chúng sinh, thì thân phải nhập vào trong chúng sinh, cho nên Ngài phải tùy sinh tử của chúng sinh mà sinh tử, bất quá Bồ Tát Ngài trôi theo sự sinh tử, nhưng khác với sự sinh tử của chúng sinh. Chúng sinh thì tùy nghiệp lực mà trôi nổi ở trong sinh tử, Bồ Tát thì nương nguyện lực mà vào dòng sinh tử cứu độ chúng sinh. Cho nên tuy Ngài ở trong sự khổ mà chẳng cho rằng khổ; tuy lưu chuyển ở trong sinh tử, mà không thay đổi lúc ban đầu, vẫn ở trong sự tu hành độ chúng sinh, cầu nhất thiết trí không dứt. Tuy nhiên vì độ chúng sinh mà thọ đủ thứ khốn khổ hoạn nạn, thủy chung Ngài chẳng khiếp sợ, quyết không sinh tâm thoái chuyển, lại trở lại trong cảnh giới của tất cả các cõi. Sức lực trác tuyệt đó, là tâm niệm của Ngài thường vắng lặng chẳng động, vì cảm mà toại thông. Cho nên Ngài không bị sinh tử năm dục làm lay động, cũng chẳng bị sinh tử năm dục làm nhiễu loạn. Tuy Bồ Tát lưu chuyển ở trong sinh tử, vẫn cứu vớt chúng sinh ở trong biển khổ đến bờ bên kia, cũng chẳng nhiễm pháp hữu vi của thế tục, cũng chẳng mất đi trí huệ viên dung vô ngại. Cho nên Bồ Tát có nguyên nhân thành tựu này, là Ngài đã đạt được pháp tánh, ngũ mặc động tĩnh, không thể không tương ưng với pháp tánh, cho nên có thể tùy sinh tử mà không thay đổi. Vì dùng nhập vào vô tác, mà thành tựu sở tác. Cầu nhất thiết trí huệ thì không thể thoái chuyển. Xả lìa được các tướng, tức không vì các cõi lay động. Hay độ chúng sinh, nên biết vận dụng nhiều phương tiện khéo léo. Đã vĩnh viễn lìa các cõi, cho nên không nhiễm vào pháp hữu vi thế tục. Tu hành chẳng trụ vào tướng, thì không thể mất trí huệ vô ngại. Quả vị tu

hành của Bồ Tát có thứ lớp nhất định, nhân duyên của Ngài là vô tận, vì Ngài nhiếp khắp tất cả căn lành. Hết thấy đủ thứ việc đời năm dục trên thế gian, đều không thể biến đổi lay động được tâm ý của Bồ Tát, vì Ngài đã thanh tịnh khắp đại nguyện của Ngài. Bồ Tát đã viên mãn đầy đủ tất cả pháp thanh tịnh đến bờ kia, vì Ngài đã từng phát tâm đại bồ đề, siêng tu thập độ vạn hạnh. Bồ Tát do nơi căn lành đồng trụ, đầy đủ mười lực, cho nên Ngài thành tựu nhất thiết trí huệ lực. Bồ Tát Ngài giống như tu tập căn lành công đức đó, nên có thể lia khỏi, tiêu trừ sạch tất cả ngu si ám độn. Thành tựu tâm bồ đề rồi, mở bày tất cả quang minh trí huệ, tăng trưởng tất cả pháp trắng thanh tịnh, hồi hướng về thắng đạo. Thắng đạo tức là Bồ Tát đạo, tức cũng là Phật đạo, là chánh đạo thù thắng nhất, cũng là Thánh đạo thù thắng nhất của người tu hành. Đầy đủ các hạnh, tức là vạn hạnh, nghĩa là vạn hạnh đều tu được viên mãn, chẳng có chút nào thiếu khuyết, như thế mới gọi là "đầy đủ các hạnh".

Dùng ý thanh tịnh, khéo phân biệt được. Thấy rõ tất cả các pháp, đều tùy tâm hiện. Biết nghiệp như huyễn, nghiệp báo như tượng, các hạnh như biến hoá. Nhân duyên sinh ra pháp, thấy đều như tiếng vang. Các hạnh Bồ Tát, tất cả như hình bóng. Sinh ra pháp nhãn thanh tịnh không chấp trước, thấy nơi cảnh giới rộng lớn vô tác. Chứng được tánh tịch diệt, biết rõ

pháp không hai. Đắc được pháp thật tướng, đầy đủ hạnh Bồ Tát. Nơi tất cả tướng, đều chẳng chấp trước. Khéo tu hành đồng sự các nghiệp. Nơi pháp trắng tịnh, luôn chẳng xả bỏ. Là tất cả sự chấp trước, trụ hạnh vô trước.

Ý thanh tịnh: Tức là tâm ý của bậc Thánh nhân, tư tưởng của bậc Thánh nhân. Bồ Tát tức đồng với bậc Thánh nhân. Bồ Tát Ngài dùng tâm ý, tư tưởng của Thánh nhân, đối với các pháp thấu rõ triệt để, rõ ràng, khéo phân biệt các pháp thật tướng. Minh bạch tất cả các pháp, đều từ tâm sinh ra, cho nên nói:

"Tâm sinh đủ thứ pháp sinh
Tâm diệt đủ thứ pháp diệt".

Tại sao Phật nói tất cả pháp, là vì chúng sinh có tất cả tâm. Nếu như chẳng có đủ thứ tâm như thế, thì nói ra tất cả pháp để làm gì ? Do đó có thể biết pháp là tùy tâm hiển hiện. Trong Kinh Hoa Nghiêm Bồ Tát Giác Lâm có nói:

"Nếu ai muốn biết rõ
Tất cả Phật ba đời
Hãy quán tánh pháp giới
Hết thấy do tâm tạo".

Bồ Tát biết tâm của con người, hay sinh ra tất cả pháp, nếu chẳng có tâm, thì làm đạo nhân không tâm, tất cả pháp sẽ tịch diệt. Cái tâm này, lúc nào nó đi ra, bạn cũng chẳng biết, lúc nào trở về, bạn cũng chẳng hay. Nó đến

đâu, bạn cũng chẳng biết. Cổ nhân hình dung cái tâm này, có nói ra mấy câu này rất là thấu triệt:

"Ba chấm bày như sao
Uống cong tợ trăng non
Đọa lạc từ đây ra
Thành Phật cũng do nó".

Tại sao con người luôn luôn hay sinh phiền não ?
Phiền não tức là những thứ dục vọng và tư tưởng không chánh đáng, chúng ta gọi nó là "vô minh". Ma lực của nó rất lớn, một khi phát tác, thì tâm thanh tịnh, trí huệ quang minh vốn có bị che lấp. Chẳng có trí huệ quang minh, thì bị phiền não đầy dẫy thân tâm, chẳng biết, chẳng hay, bèn khởi hoặc, tạo nghiệp, làm ra đủ thứ tội nghiệp ngu si. Nếu bạn có thể phát tâm Bồ đề, thì sẽ phá tan vô minh, phiền não liền chuyển thành Bồ đề. Lúc đó, tâm được thanh tịnh. Ý thanh tịnh cũng là tâm Bồ đề. Chúng ta thường thường nói: Trong tâm bạn đừng chấp trước, vì chấp trước tức là phiền não. Chẳng có chấp trước, tức là Bồ đề. Phải làm thế nào mới không có sự chấp trước ? Buông xả chẳng đặng, nhìn chẳng xuyên thủng, đó đều là chấp trước. Một khi buông xả đặng, nhìn xuyên thủng, mà còn rất tự tại, như thế mới không có sự chấp trước, sẽ đắc được giải thoát. Chúng ta hiện tại biết tất cả pháp đều tùy tâm hiện, chẳng riêng gì tất cả pháp từ tâm hiện ra, mà tất cả sơn hà đại địa, nhà cửa phòng xá, hết thủy hữu tình thế gian, và khí thế gian, chẳng có một vật nào mà chẳng phải là do tâm hiện ra. Bồ Tát tu pháp môn hồi hướng bất hoại, Ngài giác ngộ được tất cả nghiệp chướng như huyễn, nhưng Ngài vẫn phát tâm sám hối. Ngài nói:

"Thuở xưa tạo ra các nghiệp ác
Đều do vô thủy tham sân si
Từ thân miệng ý mà sinh ra
Tất cả con nay xin sám hối".

Lại nói:

"Tội từ tâm khởi đem tâm sám
Nếu tâm mất thì tội cũng không".

Nếu tâm chẳng chấp trước, thì tội gì cũng chẳng có. Đáng tiếc phàm phu không thể nào làm cho tâm vong mất, sẽ không thể nhìn xuyên thủng buồng xả đặng, cho nên nghiệp chướng như bóng theo hình, chạy theo con người. "Tâm mất tội diệt hai đều không", tâm và tội đều vong mất, thì còn có tội nghiệp tạo ra chằng ! Cho nên hai đều không, cả hai đều chằng có. "Đó mới gọi là thật sám hối". Đây tức là "nghiệp như huyễn". Nghiệp báo giống như chữ "hình bóng", chẳng phải nói người giống như "hình bóng", mà là một thứ hình bóng mà thôi. Tất cả sự việc khởi hoặc, tạo nghiệp, thọ quả báo, giống như một thứ hình bóng. Cảnh giới đó là nói theo lập trường của Bồ Tát, vì Bồ Tát đã ngộ các pháp thật tướng, trí huệ của Ngài đã đạt đến cảnh giới này. Nói theo phàm phu chúng ta, thì chắc chắn chẳng có tư tưởng này. Về hai phương diện lý sự, chúng ta đều chẳng đạt đến trình độ thấu hiểu các pháp, đừng nói đến hết thấy tất cả hành vi biểu hiện, thiện ác thiện quả, cũng giống như ma thuật, biến hoá ra, chẳng phải chân thật, là nhân duyên sinh ra. Đức Phật nói:

"Pháp do nhân duyên sinh
Ta nói tức là không
Tên cũng là giả danh

Cũng gọi nghĩa trung đạo".

Nhân duyên sinh ra pháp này, giống như một thứ đồ vật phát ra tiếng vang, tức chẳng có hình, lại chẳng có tượng, chốc lát tan mất. Các hạnh của Bồ Tát tu cũng không thể xem nó quá chân thật, đồng dạng tất cả như huyền, như bóng, như hoá, như vang, đừng chấp trước có chỗ đặc. Trong tâm cảnh tự tại chẳng chấp trước đó, lâu dần thì sẽ sinh ra một thứ pháp nhãn (mắt pháp) thanh tịnh, chẳng chấp trước, gọi là pháp nhãn thanh tịnh, tức là tên khác của trí huệ thanh tịnh. Nó có thể chiếu rõ thật tướng của tất cả các pháp, nó có thể thấy được hết thấy tất cả, đều không cần phải giả tạo tác, vì tất cả hết thấy, nó vốn là như thế, cảnh giới tận cùng hư không khắp pháp giới cũng như vậy. Bồ Tát biết rõ pháp tánh thường vắng lặng. Pháp tánh vốn là một, chẳng khác biệt, chẳng hai, cho nên nói pháp môn không hai. Bồ Tát thông đạt đạo lý thật tướng, chứng được lý thể. Lại đầy đủ tất cả hạnh môn, lục độ vạn hạnh tu hành của Bồ Tát. Công đức viên mãn, đối với tất cả pháp hữu vi trên thế gian, đều chẳng có sự chấp trước.

Các vị thiện sĩ ! Bạn không ngại hãy nghĩ xem, nếu bạn có thể đối với tất cả tướng đều chẳng chấp trước, thì còn có phiền não gì chớ ! Không chấp tướng, buông xả đặng, tức là không chấp trước, việc gì cũng không thể dẫn khởi bạn phiền não. Bạn thường ở trong cảnh giới tự tại tự như, tự mình mát mẻ an vui, thì kẻ khác sẽ thấy được, cũng hoan hỉ gần gũi bạn. Những người nhiều phiền não, suốt ngày ở trong thành sấu muộn, thì việc gì cũng trách oán người, là vì họ nhìn chẳng phá được tất cả tướng, tất cả đều xem quá chân thật, chấp trước thấy cái ta, nhận giặc làm con, nhiễm khổ làm vui, chẳng nhận thức được tất cả trên

thể gian đều là hư vọng. Bồ Tát Ngài đã phá trừ được tất cả sự chấp trước, cho nên khéo hay tu hành. Nếu phàm phu có thể phá trừ được chấp cái ta, thì sẽ đồng với Bồ Tát, tu hành đủ thứ nghiệp thiện. Bồ Tát tu hành, thì Ngài tu pháp thanh tịnh, siêng tu chẳng giải đãi, quyết chẳng lãng phí thời gian, tu tu ngừng ngừng, thì sẽ quên đi việc tu hạnh lành. Ngài xả lìa tất cả sự chấp trước, cho nên Ngài thường trụ ở trong hạnh môn không chấp, không nương tựa.

Bồ Tát suy gẫm khéo léo như vậy, chẳng có mê hoặc, chẳng trái với các pháp, chẳng hoại nghiệp nhân. Thấy rõ chân thật, khéo léo hồi hướng, biết pháp tự tánh. Dùng sức phương tiện, thành tựu nghiệp báo, đến được bờ kia. Trí huệ quán sát tất cả các pháp, được thần thông trí huệ. Các nghiệp căn lành không làm mà làm, tùy tâm tự tại.

Bồ Tát dùng trí huệ phương tiện khéo léo của Ngài như vậy, để suy gẫm pháp thâm sâu vô thượng của chư Phật nói, thấu rõ các pháp thật tướng, mọi việc đều thông đạt vô ngại. Ngài đối với mọi việc gì cũng chẳng có nghi hoặc. Phàm là xử sự tiếp vật, trong tâm của Ngài, giống như một tấm gương, chiếu rõ tất cả cảnh giới, do đó:

"Việc đến thì sáng,
Việc đi thì tịnh".

Tấm gương nó cũng:

"Vật đến thì ứng,
Vật đi thì không".

Bồ Tát chẳng mê hoặc về sự lý, cũng chẳng trái ngược với tất cả các pháp thật tướng. Ngã mặc động tĩnh, cũng chẳng bị nhân của nghiệp phá hoại. Nghiệp vẫn là

ngiệp, nhân vẫn là nhân, đó là do Bồ Tát đã thấy rõ đạo lý chân thật. Đồng thời Ngài cũng biết vận dụng trí huệ như thế nào, khéo léo hồi hướng tất cả những căn lành tu hành. Bồ Tát minh bạch tự tánh của các pháp, là thanh tịnh, vắng lặng, là cảm mà toại thông. Tất cả nhân duyên nghiệp báo, nương trí huệ sinh ra sức phương tiện, khéo léo vận dụng, mới thành tựu nghiệp báo, mới có thể đạt đến giai đoạn viên mãn rốt ráo, tức là đạt đến Niết Bàn bờ kia. Suy gẫm quán sát các pháp, chẳng phải dùng ý thức của phàm phu, có thể thấu rõ được thật tướng các pháp. Mà là phải dùng sức trí huệ không chấp, không nương, để quán sát tất cả các pháp. Cho nên hoạch được thần thông trí huệ. Căn lành của tất cả nghiệp thiện, đừng trước ý tạo tác; tóm lại, tức là chẳng có mục đích, chẳng có xí đồ mà làm, thì tự nhiên tu hành pháp môn này. Bồ Tát Ngài tùy tâm tự tại tu hành, đắc được cảnh giới tự tại như ý.

Đại Bồ Tát đem các căn lành hồi hướng như vậy. Vì muốn độ thoát tất cả chúng sinh, chẳng dứt giống Phật, vĩnh viễn lìa khỏi ma nghiệp. Thấy nhất thiết trí chẳng có bờ mé, tin ưa không bỏ. Lìa cảnh giới thế gian, dứt các tạp nhiễm. Cũng nguyện chúng sinh đắc được trí huệ thanh tịnh, vào phương tiện sâu xa. Ra khỏi pháp sinh tử, được căn lành của Phật. Vĩnh viễn đoạn trừ tất cả các sự nghiệp ma. Dùng ấn

bình đẳng, ấn khắp các nghiệp, phát tâm hướng về nhất thiết chủng trí, thành tựu tất cả pháp xuất thế gian.

Đại Bồ Tát, Ngài đem đủ thứ căn lành tu tập lục độ vạn hạnh, như Kinh văn đã nói ở trước, dùng đủ thứ pháp môn phương tiện, khéo léo hồi hướng như vậy: Hồi hướng cho chúng sinh, hồi hướng về bồ đề, hồi hướng nơi thật tế. Tại sao Bồ Tát phải hồi hướng như vậy ? Là vì Ngài muốn độ thoát tất cả chúng sinh, là hy vọng chúng sinh phát tâm bồ đề, hành Bồ Tát đạo, chứ chẳng phải vì mình có lợi ích gì. Hơn nữa cũng là vì không dứt hạt giống Phật, hy vọng mọi người có thể thành Phật, vĩnh viễn lìa khỏi sự ràng buộc ma nghiệp thiên ma ngoại đạo. Thấy được bản thể trí huệ, tức là chúng được trí huệ chân thật, bản thể trí huệ thì rộng lớn chẳng có bờ mé, bạn phải tin sâu chẳng nghi có trí huệ thắng diệu như vậy, thì có thể ưa thích hưởng dùng thứ trí huệ đó, đạt được cảnh giới sự sự vô ngại, không thể khinh về phóng bỏ lại xả lìa năm dục dục hoặc của thế gian và đoạn tuyệt cảnh giới sáu căn sáu trần, chẳng có đủ thứ thế pháp nhiễm ô, thành tựu tất cả pháp trắng thanh lương.

Bồ Tát tự mình đắc được trí huệ thanh tịnh như vậy, đây chẳng phải là bốn hoài tu hành của Ngài, Ngài lại nguyện ý tất cả chúng sinh cũng đắc được trí huệ thanh tịnh đó. Bồ Tát đi đứng nằm ngồi, ở trong tự tâm của Ngài, chưa từng có thời khắc nào xả bỏ chúng sinh, tùy thời đều cùng ở với tất cả chúng sinh, cho nên nói "vào sâu phương tiện". Bồ Tát vào phương tiện sâu xa rộng lớn, nhậm vận tự như. Dùng pháp phương tiện này, tự mình đã thoát khỏi ba cõi, cũng khiến cho chúng sinh thoát khỏi ba cõi. Pháp ra

khỏi sinh tử, tức là vượt qua lưới ái tình của chúng sinh, vượt qua lưới ngu si của chúng sinh, vượt qua lưới vô minh của chúng sinh, vượt qua lưới lớn sinh tử của chúng sinh. Đó gọi là pháp ra khỏi sinh tử. Phải thực hành như thế nào, mới có thể ra khỏi sinh tử, chúng được bồ đề ? Chỉ có một phương pháp, đó là phải phá trừ vô minh, phá trừ phiền não. Vô minh phiền não là gốc rễ của sinh tử, gốc rễ này tức là ái dục. Đoạn diệt được ái dục rồi, thì thân tâm tự nhiên sẽ đắc được thanh tịnh. Mọi sự đều không thể động tâm, đối với thất tình không thể động niệm, bất cứ cảnh giới gì, cũng không thể lay động bạn được. Đến được cảnh giới này, gọi là "Tám gió thổi không lay". Lúc đó, sẽ vượt qua khỏi cửa ái lớn của sinh tử, đắc được căn lành của Phật, sẽ có thể thành tựu quả vị Phật, vĩnh viễn đoạn tuyệt tất cả sự nghiệp của các ma, và không còn làm bạn với ma nữa.

Các vị ! Chúng ma sống ở trong thế gian này, đa số mọi người đều làm quyến thuộc của ma, những hành động việc làm, đều là việc ma. Đủ thứ việc ma, tức là nghiệp ma, bện vào với nhau thành một tấm lưới lớn, trói chặt chúng ta ở trong đó, trôi nổi ở trong sáu nẻo, mà không tự giác. Ma nghiệp đều do một niệm vọng tưởng. Như bạn có một niệm chân tâm, thì sẽ thành đạo quả bồ đề. Như nay chúng ta đã quy y Tam Bảo, đã xuất gia rồi, thì đã vượt qua lưới ma nghiệp, vĩnh viễn đoạn trừ tất cả sự nghiệp của các ma. Giả như bạn không thể vượt qua ba cõi, vẫn lưu chuyển ở trong trời người, thì đó vẫn chưa tránh khỏi làm quyến thuộc của ma vương, tới lui với nhau, dứt chẳng được sự nghiệp ma. Nếu đã đoạn tuyệt các sự nghiệp ma, thì sẽ đắc được đại trí bình đẳng, thông đạt các pháp bình đẳng không hai. Dùng

bảo ấn đại trí bình đẳng này, ấn chứng tất cả nghiệp, khắp ấn chứng đủ thứ nghiệp thiện đã tạo ra.

Phát tâm, tức là phát tâm đại bồ đề. Hướng về, tức là muốn người tu hành, y giáo phụng hành, cước đạp thật địa mà thực hành, mới hướng vào được nhất thiết chủng trí. Nếu bạn biết mà chẳng thực hành, thì không thể hướng vào được nhất thiết chủng trí. Nhất thiết chủng trí, hay chiếu rõ vô minh, chiếu phá vô minh. Vô minh đến thì hiện tượng gì ? Phàm là người quan niệm nặng về cái ta của mình, thấy cái ta thâm sâu, có chuyện gì phật ý, thì trong tâm chẳng vui vẻ, oán nộ người, khắp thân máu nóng đặng đặng, nổi nóng giận, tâm đầy phiền não, đó tức là vô minh phát động công hiệu ở trong thân tâm của bạn, giống như là lửa dữ, thiêu huỷ hết rừng công đức. Lúc đó chỉ có dùng công phu tu hành, dùng trí huệ kiếm báu, mới có thể chém được quân vô minh, tiêu diệt lửa dữ phiền não.

Các vị có thể đã từng thấy trong tay của Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi cầm thanh kiếm báu, đó là kiếm trí huệ, tượng trưng cho dùng kiếm trí huệ chém quân vô minh. Chém trừ quân vô minh rồi, thì hướng về nhất thiết chủng trí, sau đó mới có thể thành tựu tất cả pháp xuất thế gian. Bằng không, thì quân vô minh sẽ vĩnh viễn xâm chiếm thân tâm của bạn, chẳng có an vui, chỉ có phiền não, đừng nói đến đắc được pháp thanh lương xuất thế gian.

Ví như tôi từng nói qua người đều là quyền thuộc của ma vương, tôi nghĩ có người nhất định phản đối lời nói này của tôi. Mọi người có thể suy gẫm kỹ càng thử xem, nếu hiện tại bạn nghĩ đi lạy Phật, hoặc ngừng một chút, trong tâm bèn sinh ra một ý niệm khác: "Hãy khoan đã ! Hiện tại không đi lạy Phật. Hoặc nghĩ tụng Kinh, trong tâm

lại chuyển tâm niệm, ý nghĩa không tốt, sợ người nói giả dụng công. Lại nghĩ ngôi thiên, tu tập chánh định, hốt nhiên lại khởi một niệm, tu hành cứu kính có gì tốt ? Bạn thấy những người xuất gia ở Chùa Kim Sơn, ngày chỉ ăn một bữa, tối ngủ ngôi, tinh tấn như thế, cũng chẳng thấy có ai thành Phật ?" Những hiện tượng như thế, rất nhiều người đã từng kinh nghiệm qua. Hiện tượng như thế tức là ma. Ma thì thường thường nói đạo lý với bạn, dùng chủ nghĩa thuyết phục để chuyển lười tâm bạn, dùng những thủ đoạn mềm cứng, dạy bạn đừng chịu thiệt thòi, mà chuyên môn chiếm tiện nghi của người khác. Kêu bạn hưởng thụ cho nhiều, đừng chịu khổ, đó đều là pháp ma dẫn dụ người. Khi bạn thật chiếu theo lời của nó nói đi làm, thì đó gọi là làm việc ma, tạo nghiệp ma, đoạ lạc thọ khổ, thì nó vui mừng vỗ tay cười ha ha ! Đó tức là kết quả làm quyến thuộc của ma vương. Các bạn đã từng thể nghiệm được, trong tâm thường thường giống như có hai người đang ở đó tranh luận ?

- Một người nói: "Bạn xuất gia đi ! Tu hành biện đạo mới là con đường chân chánh của đời người".

- Một kẻ khác liền nói: "Có tiền có thể lực, kết hôn sinh con, mới là hạnh phúc của đời người, tốt hơn so với xuất gia tu đạo".

Đó tức là một vị Phật, một con ma, ở trong tâm niệm của bạn tranh luận với nhau. Còn có, giống như người giàu có, vốn muốn làm nhiều một chút công đức bố thí, nhưng có một ý niệm nói: "Người thật là ngu, đem tiền đi bố thí, mình muốn ăn ngon một chút cũng chẳng có tiền, muốn mặc đẹp một chút tiền cũng chẳng đủ, tại sao không để lại nhiều thêm chút tiền, mua một căn nhà tốt, mua một chiếc

xe mới, cả nhà đều được thoải mái, chẳng phải là tốt hơn chẳng ? không cần bố thí làm gì". Đó đều là ma đang tác quái, chẳng để cho bạn tinh tấn tu đạo, hy vọng bạn lười biếng chẳng tinh tấn, thì vĩnh viễn làm quyến thuộc của ma. Hiện tượng này ẩn tàng thâm sâu ở trong tâm, mà tâm lý của một số người, lại hướng về vật dục ích kỷ nhiều hơn, cho nên chẳng dễ gì cảm giác được nó là điên đảo. Cái tâm này, tức là một trường chiến tranh lý dục. Lý, tức là chân lý; dục, tức là ái dục. Khi tư tưởng của bạn hướng tới chân lý, thì ái dục giống như một đám mây đen, lập tức che lấp ánh sáng chân lý của bạn. Lý dục sẽ giao chiến ở trong nội tâm của con người, tạo thành mâu thuẫn, làm cho tâm con người đứng ngồi không yên, tinh thần hoảng hốt, điên đảo phát cuồng, cho nên nói tâm này tức là "chiến trường của lý dục". Tâm này còn là một "nơi giao hệ âm dương". Âm, là đêm tối, tức là ma. Dương, là ánh sáng, tức là Phật. Xuất gia tu đạo vốn là con đường tốt nhất, là việc vô thượng nhất, nhưng bao nhiêu người đều bị thân tình kiềm chế, không thể nào thực hiện được, đến lúc thật đã buông xả hết tất cả, thì chẳng phải tuổi già đến, thì cũng đã sắp chết !

Tuy nhiên như thế, cũng chỉ là một niệm khác nhau, một niệm thiện tức là Phật, một niệm ác tức là ma, nói người là quyến thuộc của ma vương, sao lại không thể nói người là quyến thuộc của Phật, bạn lữ của Bồ Tát ? Chỉ cần trong tâm của bạn thường niệm thiện, tích tụ đủ thứ căn lành công đức, thì thường ở một chỗ với Phật Bồ Tát. Đạo lý này rất hiển rõ, nhưng nhiều người không để ý đến. Chúng ta có thể thường tự cảnh sách tỉ mỉ, gần gũi nhiều với thiện tri thức và nghe pháp, xử thế tiếp vật, chẳng trái với chân lý chánh đạo, trong niệm niệm không quên chúng

sinh, thì tự nhiên vĩnh viễn đoạn trừ các ma nghiệp, thành tựu tất cả pháp xuất thế gian.

Phật tử ! Đó là hồi hướng bất hoại thứ hai của đại Bồ Tát. Khi đại Bồ Tát trụ ở hồi hướng này, thì thấy được tất cả vô số chư Phật. Thành tựu vô lượng diệu pháp thanh tịnh. Khắp các chúng sinh được tâm bình đẳng. Nơi tất cả pháp chẳng có nghi hoặc. Được thần lực tất cả chư Phật gia hộ, hàng phục các ma, vĩnh viễn lìa khỏi nghiệp ma. Thành tựu sinh quý, mãn tâm bồ đề. Được trí vô ngại, chẳng do người khác mà hiểu được. Khéo hay khai triển nghĩa tất cả các pháp. Hay tùy theo sức tưởng, vào tất cả cõi. Chiếu khắp chúng sinh, đều khiến cho thanh tịnh. Đại Bồ Tát dùng sức hồi hướng bất hoại này, nhiếp các căn lành, hồi hướng như vậy.

Tại sao tôi phải giảng về việc ma, nghiệp ma và con người là quyền thuộc của ma ? Vì hiện tại tôi đang giảng về hồi hướng bất hoại. Hồi hướng bất hoại là căn lành bất hoại, song phải hoại tất cả ma vương và quyền thuộc của chúng. Bồ Tát Kim Cang Tràng lại gọi một tiếng các vị đệ tử của Phật ! Những gì vừa nói ở trên là hồi hướng bất hoại

tín tâm, bất hoại căn lành thứ hai của đại Bồ Tát hành lục độ vạn hạnh tu tập. Đại Bồ Tát, khi Ngài tu hành pháp môn hồi hướng này, thì thân tâm của Ngài đều an trụ vào hồi hướng. Ngài chuyên tâm siêng tu căn lành, tích tụ căn lành, cho nên thường thấy được mười phương ba đời vô số vô lượng các Đức Phật.

Đối với vô lượng diệu pháp thanh tịnh của chư Phật nói, đều thông đạt được, đều tu hành viên mãn thành tựu. Đối với chúng sinh dùng tâm từ bi, dùng sự đối đãi bình đẳng, chẳng có tâm phân biệt, chẳng có tâm thương ghét, chẳng có thành kiến thân sơ, gọi là đồng thể đại bi, vô duyên đại từ. Thiện ác tốt xấu, nam nữ già trẻ, đều xem như nhau. Đối với nhân duyên nghiệp quả, tất cả pháp sắc, pháp tâm, pháp không tương ưng, pháp hữu vi, pháp vô vi .v.v...Ngài đã chẳng còn nghi hoặc, vì Ngài đã đắc được tin bất hoại, cho nên tin mà không nghi. Do đó cho nên Ngài đắc được sức thần thông của mười phương chư Phật, luôn luôn gia bị hộ trì. Đối với các ma ngoại đạo, Ngài vốn đã tự mình tu trì định lực, hồi hướng công đức lợi ích, và nương oai lực của chư Phật, hàng phục được các ma ngoại đạo, vĩnh viễn lìa khỏi việc ma nghiệp ma, thành tựu sinh quý trụ. Sinh vào nhà Pháp Vương, viên mãn đầy đủ đạo nghiệp bồ đề, đắc được đại trí huệ viên dung vô ngại. Tất cả hết thảy, đều tự mình minh bạch thấu hiểu, không thầy mà tự thông, vì Bồ Tát đã đắc được trí huệ vô ngại. Nếu không thì làm sao tự hiểu hết tất cả, không cần ai dạy ? Có những người biết một hiểu nửa, được sự hiểu biết ngoài da ngoài lông, thì đã tự mãn, kiêu ngạo cống cao, tự cho rằng mình cái gì cũng hiểu, không cần theo một vị thiện tri thức

nào, cũng chẳng gán gũ ai, ta là tổ sư trời sinh, tự mình thành tựu Phật Bồ Tát.

Trước kia, có người Mỹ đến Chùa, tự nói là đã khai ngộ, và giống như Lục Tổ ở Trung Quốc. Do đó tôi nói: "Vậy thì tốt ! Lục Tổ đã viên tịch, người khác còn muốn trộm cái đầu của Ngài để cúng dường, hiện tại ông là tổ sư sống, tôi mượn cái đầu của ông để cúng dường chẳng phải là tốt hơn chẳng ?" Ông ta nghe nói muốn mượn cái đầu của ông ta cúng dường, bèn sợ hãi đứng dậy bỏ chạy. Vọng tưởng của kẻ cuồng như thế, trên thế giới này có không biết là bao nhiêu, thật là đáng thương xót !

Chẳng do người khác dạy mà tự hiểu được, là phải chứng được trí vô ngại. Chẳng tu hành đến trình độ nào đó, chẳng chứng được trí vô ngại, mà cứ nói mình là ông trời, chúa trời, đó lại có ích gì ! Chỉ lạc vào danh hiệu điên cuồng mà thôi. Hành giả đắc được trí vô ngại, dù Ngài không biết chữ, không xem quyển Kinh, cũng giảng Kinh được. Có vấn đề quan hệ đến Phật pháp, Ngài đều giải đáp như nước chảy, khiến cho người mãn nguyện. Dù chưa từng học qua ngôn ngữ văn tự khác, Ngài cũng nghe được nói được, đây mới gọi là không do kẻ khác dạy mà hiểu được.

Năm trước có một người Gia Nã Đại, đến Chùa Kim Sơn. Ông ta muốn tôi ấn chứng cho ông ta, ông ta là Ban Thiên Lạt Ma. Lúc đó, ông ta cũng chẳng biết Ban Thiên còn sống hay đã chết, nhưng ông ta chiêu hoán như thế, đi khắp nơi nói với mọi người mình là Ban Thiên Phật sống. Mà vẫn có người tin ông ta, phụ hoà ông ta, lâu dần thì cảm thấy chính ông ta cũng có những sự mê hoặc, cho nên đặc biệt chạy đến cầu tôi ấn chứng.

- Tôi nói: "Tốt ! Ban Thiên là người Tây Tạng. Nếu ông không học tiếng Tây Tạng, văn Tây Tạng, mà có thể thông đạt được tiếng Tây Tạng, văn Tây Tạng, thì tôi sẽ vì ông ấn chứng".

Ông ta nghe tôi nói như thế, thì cũng không giám ở lại lâu, sau đó bèn bỏ đi, về sau cũng chẳng nghe thấy vị Phật sống đó ở đâu. Ban Thiên Lạt Ma là người Tây Tạng cử làm Phật sống, trong giáo lý của họ có truyền thuyết chuyên thế, thế hệ đều dùng quy định này. Khi một đời Phật sống viên tịch, thì họ lưu lại một vật làm tin nhất định. Đến lúc sẽ đi tìm Phật sống tái sinh như thế nào, ngoại giáo không thể biết được bí mật. Đó có chuyện đơn giản như thế, tùy tiện có thể tự xưng là Phật sống, mạo xưng là Ban Thiên Lạt Ma, hà huống phỏng tìm đức bé chẳng phải thành người.

Trên thế gian này, những người đặc biệt lạ lùng, mở mắt đều thấy. Tôi đến nước Mỹ rồi, đã gặp qua rất nhiều lần. Giả thiết có thể khai xiềng chánh nghĩa tất cả các pháp, đối với Phật pháp quyết đầy đủ mắt sáng, làm người khí chất, nơi nơi hiển được khai lãng khoáng đạt, bình dị gần gũi người, đối với mọi người bình đẳng từ bi, không kể ngày tháng, luôn thường như thế, có biểu hiện như vậy, mới có thể cho rằng người khai ngộ. Ngược lại, tự cho là thế, mà tất cả sự biểu hiện hành vi lại đều đi ngược lại, như thế thì khai ngộ gì ?

Bồ Tát lại có thể tùy sức nghĩ tưởng, sức quán tưởng của mình, muốn đến mười phương cõi nước, ở đó hiện thân, hành Bồ Tát đạo, giáo hoá chúng sinh. Khấp chiếu cứ chúng sinh, khiến cho họ lìa hoàn cảnh nhiễm ô, đắc được nhất thiết trí huệ thanh tịnh. Đại Bồ Tát, dùng sức lực này

tu pháp môn hồi hướng bất hoại, nhiếp thọ hết thủy căn lành của mình, cũng nhiếp thọ căn lành của tất cả chúng sinh, dùng những căn lành này, hồi hướng như ở trên đã nói, mà hồi hướng cho chúng sinh, hồi hướng về bồ đề, hồi hướng về thật tế.

Bấy giờ, Bồ Tát Kim Cang Tràng, nương thân lực của đức Phật, quán sát mười phương, liền nói kệ rằng.

Lúc đó, Bồ Tát Kim Cang Tràng, nương đại oai thân lực của mười phương chư Phật, Phật Thích Ca Mâu Ni, và Phật Tỳ Lô Giá Na, quán sát khắp nhân duyên của tất cả chúng sinh trong mười phương, và đại chúng pháp hội, dùng phương thức kệ tụng, tường thuật lại Kinh trường hàng ở trên, khiến cho tất cả chúng sinh dễ dàng minh bạch.

Bồ Tát đã được ý bất hoại Tu hành tất cả các nghiệp thiện Cho nên hay khiến Phật hoan hỉ Bậc trí dùng đây mà hồi hướng.

Bồ Tát, là chỉ vị Bồ Tát đó tu hành hồi hướng bất hoại. Vị Bồ Tát đó "đã" được. Chữ "đã" của "đã" được, trong chữ Trung Quốc có ba chữ gần giống nhau. Như chữ "kỷ, dĩ, ty", ba chữ này có rất ít sự khác nhau, nhưng ý nghĩa khác nhau rất lớn.

Thứ nhất là chữ "kỷ", ý nghĩa chữ kỷ là chính mình, và còn là vị thứ sáu trong thiên can (giáp, ất, bính, đinh,

mậu, "kỷ", canh, tân, nhâm, quý). Thiên cang là trời xưa Trung Quốc dùng chữ để tính thời, phối hợp với mười hai địa chi (tý, sửu, dần, meo, thìn, "ty", ngọ, mùi, thân, dậu, tuất, hợi), dùng tính niên hiệu.

Thứ hai là chữ "đĩ", tức là "đã" đắc được, ý nghĩa đã quá khứ.

Thứ ba là chữ "ty", ở trước giờ ngọ từ chín giờ đến mười một giờ, thì gọi là "giờ ty", là vị thứ sáu của địa chi.

Câu kệ này là nói Bồ Tát đã được, nói Ngài đã đắc được trí huệ bất hoại. Ý nghĩa bất hoại, một là căn lành hồi hướng đều thông sự sự vô ngại. Hai là không thể bị thiên ma ngoại đạo phá hoại. Bồ Tát đã đắc được trí huệ này. "Tu hành tất cả các nghiệp thiện", câu này là giải thích câu kệ thứ nhất. Câu kệ thứ nhất là quả của sự tu hồi hướng bất hoại, câu kệ này là nhân. Do tu hành tất cả các nghiệp thiện, cho nên đắc được trí huệ bất hoại. Nếu chẳng tu các nghiệp thiện, thì chẳng đắc được trí huệ này. Bồ Tát thành tựu "ý bất hoại", thật tại là quan hệ tu các nghiệp thiện công đức. Chữ "cho nên" của câu "Cho nên hay khiến Phật hoan hỉ", là nương câu kệ ở trước, nói: Tức là do nguyên nhân đó, cho nên Bồ Tát có thể khiến cho mười phương ba đời chư Phật, sinh tâm đại hoan hỉ, chư Phật hoan hỉ, Bồ Tát hoan hỉ, đều đại hoan hỉ. Nếu bạn, tôi, và họ ai nấy đều phát tâm tu hồi hướng bất hoại, làm các nghiệp thiện, đắc được ý bất hoại, thì mười phương chư Phật cũng đều hoan hỉ như nhau. Bậc trí, tức là người có trí huệ. Ngài dùng nghiệp thiện căn lành bất hoại thành tựu trí huệ bất hoại, để hồi hướng cho chúng sinh, hồi hướng về bồ đề, hồi hướng về thật tế.

**Cúng dường vô lượng vô biên Phật
Bố thí trì giới phục các căn
Vì muốn lợi ích các chúng sinh
Khấp khiến tất cả đều thanh tịnh.**

Vị Bồ Tát đó tu hồi hướng bất hoại, nghiệp thiện của Ngài tu, là từ sự cúng dường vô lượng vô biên các Đức Phật, trồng các căn lành ở trước Tam Bảo. Ngài lại đối với chúng sinh rộng hành bố thí, gọi là nội tài: Đầu, mắt, tuỷ, não, da, thịt, gân, cốt, nếu có chúng sinh hướng về Ngài cầu xin, thì Ngài chẳng có gì mà không bố thí được. Ngoại tài: Đất nước, vợ con, bảy báu, phàm là vật ngoài thân, Ngài đều đem bố thí. Còn có pháp thí: Pháp thí tức là giáo hoá chúng sinh, vì chúng sinh tuyên dương Phật pháp, giảng giải nghĩa của pháp, dẫn dắt chúng sinh quy y vào cửa Phật, khiến cho họ hành bát chánh đạo, khiến khắp chúng sinh thân tâm an lạc, pháp hỷ sung mãn. Vô úy thí: Như có chúng sinh lo lắng hoạn nạn, gặp lúc nguy hiểm khiếp sợ, thì Bồ Tát chẳng tiếc hy sinh chính mình, về mặt tinh thần, về hành vi thật tế, đều ban cho chúng sinh cảm giác an toàn, khiến cho họ như được một người nương tựa bảo hộ.

Bồ Tát lại nghiêm trì giới thanh tịnh, giới là ngừa ác phòng quấy. Giới luật phân làm nhiều thứ, người tại gia thì thọ năm giới: Giết hại, trộm cắp, tà dâm, nói dối, uống rượu. Thọ giới rồi, thì có thần giới bảo hộ, mỗi một giới có năm vị thần giới, nếu bạn phạm một giới, thì bớt đi năm vị thần giới. Nếu trong nội tâm, và hành vi bên ngoài đều giữ gìn giới thanh tịnh, thì những vị thần giới đó vĩnh viễn bảo

hộ bạn, cho nên chúng ta giữ giới phải thanh tịnh như trăng rằm, giống như trăng tròn ngày rằm, tròn đầy không khuyết. Bồ thí, trì giới đều làm được, quan trọng nhất là phải "phục các căn", mới có thể thành tựu vô thượng đạo. Phục các căn, căn là chỉ sáu căn của chúng ta, mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Phải điều phục sáu căn, khiến cho nó không tán loạn. Như mắt hoan hỉ sắc đẹp, bạn phải khiến cho nó đừng thọ sắc trần lay chuyển, thì đó tức là điều phục căn mắt. Tai thích nghe tiếng hay, thì khiến cho nó đừng thọ thanh trần lay chuyển, đó tức là điều phục căn tai. Mũi chẳng bị hương trần chuyển, lưỡi chẳng bị vị trần chuyển, thân chẳng bị xúc trần chuyển, ý chẳng bị pháp trần chuyển, thì đó là điều phục các căn. Bồ Tát nhẫn nại khổ cực tu khổ hạnh, Ngài chẳng phải vì mình, mà là vì muôn lợi ích các chúng sinh, hy vọng khiến cho chúng sinh đều đắc được trí huệ thanh tịnh, khôi phục nguồn gốc thanh tịnh, tánh diệu chân như.

**Tất cả các hương hoa thượng diệu
Vô lượng y phục tốt khác nhau
Lọng báu cùng với đồ trang nghiêm
Cúng dường tất cả các Như Lai.**

Bồ Tát cúng dường phẩm vật đến mười phương chư Phật, thức ăn, đồ dùng, trang sức đạo tràng, chẳng có một phẩm vật nào chẳng phải là thượng hạng. Ví như cúng dường hương hoa, thì nhất định phải lựa hoa danh quý, ít có, đẹp để tươi tốt, hương thơm thanh u. Y phục thì vô lượng vô số loại, đều là phẩm chất thượng hạng. Bồ Tát cúng dường ngoài hương hoa y phục, còn cúng dường lọng

báu, lọng hoa, man lọng .v.v... Cùng với các phẩm vật nghiêm sức trên báu trang nghiêm đạo tràng. Bồ Tát đem những phẩm vật ở trên cúng dường mười phương ba đời tất cả chư Phật.

**Cúng dường các đức Phật như vậy
Vô lượng vô số kiếp khó nghĩ
Cung kính tôn trọng thường hoan hỷ
Chưa từng một niệm sinh nhàm mỏi.**

Bồ Tát cúng dường mười phương ba đời chư Phật như ở trên đã nói, chẳng phải vui mới cúng dường, còn chẳng vui thì thôi. Bồ Tát vốn ngày nào cũng như thế, năm nào cũng cúng dường như vậy. Trải qua vô lượng vô biên đại kiếp, Ngài cũng chưa từng sinh ra một tâm niệm mệt mỏi nhàm chán.

**Chuyên tâm tưởng niệm các đức Phật
Đèn sáng lớn tất cả thế gian
Mười phương hết thấy các Như Lai
Đâu chẳng hiện trước như mắt thấy.**

Vì Bồ Tát này tu pháp môn hồi hướng bất hoại, luôn luôn chuyên tâm suy gẫm ngoài các pháp, đó là quán tưởng nghĩ niệm đến mười phương chư Phật. Vì mười phương chư Phật chiếu sáng tất cả thế gian, khiến cho tất cả thế gian đều sáng lạng, giống như ngọn đèn lớn sáng. Bồ Tát tu hành đạt đến cảnh giới này, không động nơi thân, mười

phương ba đời chư Phật, tùy thời đều có thể hiện ra ở trước Ngài, chẳng khác gì thấy ở trước mắt.

**Vô lượng kiếp không thể nghĩ bàn
Bồ thí đủ thứ tâm chẳng nhằm
Ở trong trăm ngàn vạn ức kiếp
Tu các pháp lành đều như vậy.**

Bồ Tát ở trong vô lượng đại kiếp không thể nghĩ bàn, Ngài tu bồ thí đủ thứ chẳng có gián đoạn. Bất cứ là nội tài, ngoại tài, pháp thí, vô úy thí, Ngài chưa từng sinh tâm bòn sẻn và nhằm chán. Ngài đều bồ thí cho người, tuyệt đối chẳng nghĩ đến người khác bồ thí cho Ngài, hoặc hy vọng đắc được báo ân như thế nào. Chúng ta người xuất gia tiếp thọ người khác bồ thí cho mình, thì mình cũng nên bồ thí cho người ít nhiều. Người xuất gia ngàn vạn đừng tham đồ lợi dưỡng, phải học tinh thần bồ thí khó xả mà xả được của Bồ Tát, dù bồ thí nhiều, cũng đừng có tư tưởng là đủ. Đừng học lòng tham của quỷ ma, muốn người khác bồ thí càng nhiều càng tốt. Bồ Tát ở trong trăm ngàn ức kiếp thời gian, Ngài tu đủ thứ pháp lành, đều chẳng có nhằm đủ. Pháp lành là bao quát làm các việc lành, bồ thí đương nhiên là một trong các pháp lành.

**Các Như Lai đó diệt độ rồi
Cúng dường xá lợi chẳng nhằm đủ
Đều dùng đủ thứ diệu trang nghiêm
Kiến lập chùa tháp không nghĩ bàn.**

Bồ Tát cúng dường chư Phật, công đức viên mãn đầy đủ rồi, nhân duyên hành hoá đã mãn liền diệt độ, tức là vào Niết Bàn. Nhưng thành ý của Bồ Tát cúng dường chư Phật vẫn không thay đổi, cúng dường xá lợi của chư Phật cũng như Phật sống, chẳng có lúc nào nhàm đủ, vẫn như xưa, dùng đủ thứ phẩm vật tốt đẹp thượng hạng nhất, tôn trọng cung kính cúng dường và trang nghiêm tháp xá lợi của chư Phật. "Khó nghĩ bàn", là không thể tính được tài lực khôn khó, cũng không thể khảo luận sức lực của mình có đạt được mục đích hay không, chẳng màng tất cả, kiến lập chùa tháp là trách nhiệm của mình, lấy việc hoằng dương Phật pháp làm nghĩa vụ của mình. Cho nên nói kiến lập chùa tháp không nghĩ bàn.

**Tạo lập hình thù thắng vô đẳng
Tặng báu vàng tịnh làm trang nghiêm
Cao lớn nguy nga như núi chúa
Số đó vô lượng trăm ngàn ức.**

Bồ Tát phát tâm kiến tạo chùa tháp, số lượng đó nhiều hình dạng thù thắng, chẳng có chùa tháp nào so sánh được với Ngài. Ngài dùng đủ thứ tặng báu, thuần vàng ròng có giá trị nhất, trang nghiêm tô điểm trong ngoài chùa tháp. Chùa tháp cao rộng nguy nga giống như núi chúa Tu Di. Chùa tháp như thế chẳng phải chỉ có tạo một hai ngôi, mà là tạo vô lượng số trăm ngàn ức. Ngài thấy chỗ nào chẳng có tháp, thì tạo một ngôi tháp, chỗ nào chẳng có chùa, thì lập một ngôi chùa.

Tịnh tâm tôn trọng cúng dường rồi

**Lại sinh tâm hoan hỷ lợi ích
Kiếp không nghĩ bàn nơi thế gian
Cứu hộ chúng sinh khiến giải thoát.**

Bồ Tát dùng tâm chí thành thanh tịnh, tôn trọng cúng dường chư Phật rồi, sau đó lại sinh tâm hoan hỷ, và tâm lợi ích chúng sinh. Bồ Tát trên cung kính chư Phật, dưới độ tất cả chúng sinh, trừ hai thứ tâm này ra, chẳng có bất cứ tâm niệm nào khác, cho nên chiếm hết tâm tư của Ngài. Bồ Tát tu hạnh Bồ Tát, hành Bồ Tát đạo, trong kiếp số không thể nghĩ bàn, Ngài đều ở với chúng sinh tại thế gian này. Chẳng phải Ngài tham hưởng vui năm dục của thế gian, mà là muốn cứu độ tất cả chúng sinh thọ khổ nạn, hy vọng những chúng sinh đó, đều thoát khỏi sự ràng buộc của khổ đau, mà đắc được an lạc chân chánh tự do tự tại. Nhưng chúng sinh đối với khổ tâm của Bồ Tát đó, một chút cũng chẳng biết, chẳng minh bạch, chẳng thấu hiểu, chẳng biết lấy ân báo đức, cho nên làm cho Bồ Tát khổ nhọc bôn ba ở trong sáu nẻo. Nhìn lại Bồ Tát chẳng có tri âm đồng đạo, giống như chẳng hoà hợp, nhưng tâm cứu hộ chúng sinh của Bồ Tát vĩnh viễn chẳng nhàm mỏi, vĩnh viễn chẳng thôi chuyển. Có rất nhiều người nhận rằng làm Bồ Tát quá khổ cực, chẳng bằng quý còn tốt hơn một chút. Các bạn có thể suy nghĩ lại xem, cứu kính thì làm gì tốt !

**Biết rõ chúng sinh đều vọng tưởng
Nơi đó tất cả không phân biệt
Mà khéo phân biệt căn chúng sinh
Khắp vì quần sinh làm lợi ích.**

Nếu bạn có tư tưởng làm quý tốt hơn làm Bồ Tát, đó tức là vọng tưởng ngu si của chúng sinh. Làm Bồ Tát khiến cho chẳng có ai thấu hiểu được, biết được về mình, Ngài vẫn muốn làm Bồ Tát. Còn làm quý, thì sẽ có rất nhiều người nhận thức được họ, lại có bao nhiêu quý biết mình đồng bạn, họ vẫn là quý. Bồ Tát minh bạch trên thế gian đủ thứ chúng sinh đều là vọng tưởng sinh ra. Ý thức của chúng sinh, tức là từ các vọng mà thành. Chúng sinh từ hư vọng mà sinh, lại từ hư vọng mà chết. Bạn thấy có người, muốn học bác sĩ, thành chuyên gia, nỗ lực hết mình muốn thành công, đột nhiên lại chết đi. Những sở học lúc còn sống, tất cả những gì hiểu biết, chết rồi thì chẳng còn nữa. Nếu được chuyển lại làm thân người, lại phải học lại từ đầu. Giống như một thanh sắt, bỏ vào trong lò lửa rèn luyện, luyện tới luyện lui, đang lúc luyện tốt thì lại chết đi. Đó tức là so sánh như chúng sinh ở trong vọng tưởng lăn xả, mà vọng tưởng cuối cùng thì huyễn diệt. Tuy nhiên như thế, Bồ Tát đối với chúng sinh đều chẳng xả bỏ, Ngài minh bạch những chúng sinh đó, đều do vọng tưởng mà thành, cho nên Ngài đối với chúng sinh chẳng sinh tâm phân biệt. Mà Ngài còn biết căn tánh của chúng sinh rất rõ ràng, đối với căn tánh của chúng sinh, mà dùng đủ thứ phương pháp phương tiện khéo léo, để giáo hoá, tiếp dẫn họ. Người căn tánh đã thành thực, thì độ họ trước. Người cơ duyên chưa thành thực, thì đợi sẽ độ sau. Bồ Tát đối với chúng sinh chẳng sinh tâm phân biệt thân sơ thương ghét, khắp vì những chúng sinh đó làm việc có ích cho họ.

Bồ Tát tu tập các công đức

**Rộng lớn tôi thắng chẳng ai bằng
Thấu đạt thể tánh đều chẳng có
Như vậy quyết định đều hồi hướng.**

Vị Bồ Tát này tu hồi hướng bất hoại, Ngài đối với nghiệp thiện, chẳng màng lớn nhỏ đều làm hết. Tích tụ công đức lớn nhỏ, lâu dần sẽ vô lượng vô số, rộng lớn thù thắng, chẳng có Bồ Tát nào có thể so sánh với Ngài. Bồ Tát thấu rõ thông đạt hết thấy tất cả, đều là hư vọng, chẳng có thể tánh, đều là không. Tuy nhiên như vậy, Ngài vẫn quyết định đem căn lành công đức tu tập, hồi hướng hết cho pháp giới chúng sinh, vô thượng bồ đề, và hồi hướng về thật tế chân thật.

**Dùng trí tôi thắng quán các pháp
Trong đó chẳng có một pháp sinh
Như vậy phương tiện tu hồi hướng
Công đức vô lượng không cùng tận.**

Bồ Tát tu pháp môn hồi hướng bất hoại, Ngài dùng trí huệ kim cang kiên cố nhất, thù thắng nhất, để quán sát tất cả các pháp: Pháp sắc, pháp tâm, pháp tâm sở, pháp bất tương ưng, pháp hữu vi, pháp vô vi. Bồ Tát quán sát tỏ ngộ đủ thứ pháp, đều là không sinh, vì "Các pháp từng bốn lai, thường tự tịch diệt tướng". Tức nhiên là tướng tịch diệt (vắng lặng), cho nên chẳng thấy có chút pháp sinh, cũng chẳng thấy có chút pháp diệt. Vậy tại sao còn phải tu pháp hồi hướng ? Vì giáo hoá chúng sinh, tiếp dẫn họ vào sâu cửa Phật, tin sâu tất cả chánh pháp của chư Phật nói, phát

tâm bồ đề, hướng về thánh đạo tối thượng, mà dùng đủ thứ phương pháp phương tiện, tu pháp môn hồi hướng này. Tuy nhiên các pháp là không sinh không diệt, nhưng công đức tu hành vẫn không tổn giảm. Nói tóm lại, công đức chẳng lãng phí. Đem công đức của mình hồi hướng cho pháp giới chúng sinh, khiến cho chúng sinh đắc được lợi ích, thành tựu công đức bồ đề, thì lợi ích đó không thể cùng tận.

**Dùng phương tiện này khiến tâm tịnh
Đều đồng với tất cả Như Lai
Sức phương tiện này không cùng tận
Cho nên phước báu rất vô tận.**

Bồ Tát tu hồi hướng, ở trên đã nói qua, đây là pháp phương tiện, là vì dẫn dắt chúng sinh tu học Phật pháp, khiến cho chúng sinh đều có thể xả lìa được tâm ô nhiễm, đắc được tâm thanh tịnh, có thể trở về nguồn cội, hiển pháp tánh chân thật, thành tựu trí huệ vô thượng. Nếu cảnh giới tu hành có thể đạt đến trình độ này, thì sự chứng đắc thân thông trí huệ, đều có thể bình đẳng với chư Phật, đồng với chư Phật cùng ngồi một Phật tòa. Sức lực pháp môn phương tiện, chẳng cách chi độ lượng được, chẳng có bờ mé không thể cùng tận. Do đó, đắc được phước báu, cũng chẳng có khi nào cùng tận. Pháp phương tiện là nhờ đủ thứ nhân duyên, lợi dụng đủ thứ ngôn từ, cử ra đủ thứ ví dụ để vì chúng sinh diễn nói các pháp.

**Phát khởi tâm bồ đề vô thượng
Tất cả thế gian chẳng chỗ nương**

Đến khắp mười phương các thế giới Mà nơi tất cả chẳng chỗ ngại.

Bồ Tát tu hồi hướng bất hoại, Ngài phát đạo tâm bồ đề vô thượng, chẳng có ai phát đạo tâm cao hơn Ngài. Trong tất cả thế gian, chúng sinh tìm chẳng được nơi nào, hoặc người nào có thể nương tựa được, chỉ có vị Bồ Tát này phát tâm đại bồ đề, mới là chỗ chân chánh nương tựa của chúng sinh. Khi Bồ Tát hành Bồ Tát đạo, thì Ngài chẳng giới hạn một nơi nào. Ngài phát tâm bồ đề, là muốn đến mười phương thế giới, cứu độ khắp tất cả chúng sinh thọ khổ. Bồ Tát đã đắc được trí huệ viên dung. Lại có đủ thứ pháp môn phương tiện, cho nên Ngài có thể đến bất cứ thế giới nào, cũng chẳng bị chút chướng ngại nào, cũng chẳng bị bất cứ cảnh giới nào lay chuyển, Bồ Tát vẫn phải chuyên biến tất cả cảnh giới.

Tất cả Như Lai hiện ra đời Vì muốn khai đạo tâm chúng sinh Như tâm tánh họ mà quán sát Rốt ráo tìm cầu không thể được.

Nhân duyên chư Phật xuất hiện thế gian, ở trong Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã từng nói với đại chúng trong pháp hội rất rõ ràng, Ngài nói tại sao chư Phật phải xuất hiện ra đời ?

1. Vì muốn khai phát Phật tánh của chúng sinh bị năm dục che đậy, khiến cho chúng sinh đều đắc được trí huệ thanh tịnh.

2. Muốn chỉ bày cho chúng sinh, khiến cho chúng sinh biết cũng có tri kiến như Phật.

3. Muốn giáo hoá chúng sinh, khiến cho chúng sinh đều mình bạch tri kiến của Phật, và giác ngộ tri kiến của Phật. Minh bạch rồi, thì sẽ sinh tâm tin, giác ngộ rồi thì sẽ thực tiễn tu trì.

4. Muốn khiến cho chúng sinh vào sâu trong Phật giáo, y giáo phụng hành, đắc đại trí huệ, nhập vào đạo vô thượng, vĩnh viễn chẳng thoái chuyển.

Vì những nhân duyên đó, chư Phật mới xuất hiện ra đời. Bốn điều khai, thị, ngộ, nhập, là tổng hợp mà nói, tức là vì khai phát tâm trí của chúng sinh, khiến cho thanh tịnh, mà phát tâm Bồ đề. Hướng dẫn hành vi của chúng sinh, khiến cho chúng sinh xả lìa năm dục, hành thập thiện, cuối cùng thành tựu Phật quả. Đó là mục đích và hy vọng của chư Phật xuất hiện ra đời. Bồ Tát căn cứ vào tâm tánh của chúng sinh, mà quán sát tâm tánh của họ, Ngài biết rõ tâm của chúng sinh không thể được. Tại sao ? Vì tâm quá khứ, quá khứ đã diệt. Tâm vị lai, vị lai chưa đến. Tâm hiện tại, hiện tại không tịch. Tam tế cầu tâm, rốt ráo không thể cầu được.

**Tất cả các pháp chẳng dư thừa
Đều vào nơi như không thể tánh
Dùng mắt tịnh này mà hồi hướng
Mở ngục sinh tử của thế gian.**

Bồ Tát tam tế cầu tâm, tâm chẳng có. Tâm tức chẳng có, thì pháp lại từ đâu mà sinh ? Cho nên nói: "Tất cả các

pháp chẳng dư thừa", vốn chẳng có dư thừa. Tất cả các pháp, đều quy về nơi "như". Chữ "như" này, có thể giải thích như vậy: Dùng "trí như như, khởi lý như như. Một như không hai như. Sự cũng như lý cũng như. Pháp hữu vi cũng là như. Pháp vô vi cũng là như. Bất cứ pháp gì cũng đều nhập vào như".

Ngoài ra có chút giải thích nữa: "Như" tức là vắng lặng. Vắng lặng thì chẳng có thể tánh. Cho nên các pháp chẳng có dư thừa, là vì nó chẳng có thể tánh. Bồ Tát minh bạch thâm sâu đạo lý này, dùng tâm thanh tịnh, mắt thanh tịnh của Ngài, chẳng chấp trước, chẳng nương tựa tu pháp hồi hướng này. Dùng sức lực tinh thần vô hình này, phá tất cả lao ngục sinh tử trên thế gian. Năm dục hoạn nạn đều có thể coi là lao ngục sinh tử. Bồ Tát tu đạo thành tựu, xả lìa năm dục, cho nên bản thân Ngài thoát khỏi lao ngục sinh tử thế gian. Ngài đem căn lành tu tập hồi hướng cho chúng sinh, khiến cho chúng sinh thoát khỏi lao ngục sinh tử thế gian. Hồi hướng về bồ đề giác đạo, hồi hướng về chân như thật tế, là khai mở lao ngục sinh tử của thế gian.

**Tuy khiến các cõi đều thanh tịnh
Cũng chẳng phân biệt nơi các cõi
Biết tánh các cõi chẳng chỗ có
Mà khiến tâm hoan hỷ thanh tịnh.**

Các cõi, là chỉ tất cả sự nhiễm ô. Tuy nhiên chư Phật đều đã chuyển biến tất cả nhiễm ô thành thanh tịnh, nhưng Bồ Tát đối với sự nhiễm ô và thanh tịnh, Ngài cũng chẳng sinh tâm phân biệt, cũng chẳng có sự chấp trước và biên

kiến. Bồ Tát là tâm tịnh cõi nước tịnh, Ngài cũng biết tất cả các cõi đều là hư vọng. Do đó:

"Phàm hết thấy tướng,
Đều là hư vọng.
Nếu thấy các tướng chẳng phải tướng,
Tức thấy Như Lai".

Đây nghĩa là nói Ngài biết các cõi, giống như chẳng chỗ có. Mục đích của chư Phật khiến cho các cõi đều thanh tịnh, là vì khiến cho chúng sinh sinh tâm hoan hỷ, đều đại hoan hỷ, đồng thời cũng khiến cho tâm ý của chúng sinh thường thường đắc được thanh tịnh.

**Nơi một cõi Phật chẳng chỗ nương
Tất cả cõi Phật đều như vậy
Cũng chẳng nhiễm trước pháp hữu vi
Biết pháp tánh đó chẳng chỗ nương.**

Bồ Tát chẳng chấp trước vào một cõi Phật nào, cũng chẳng nương nhờ vào một cõi Phật nào. Ngài đối với tất cả cõi Phật đều quan niệm như vậy, đối với tất cả cõi Phật, cũng ôm ấp nguyên tắc này. Bồ Tát nhận thức đối với các pháp, tức chẳng nhiễm trước pháp hữu vi thế gian, cũng chẳng chấp trước pháp vô vi xuất thế gian. Vì Bồ Tát đã biết các pháp là không thể tánh, là không chỗ nương.

**Nhờ đó tu thành nhất thiết trí
Nhờ đó trang nghiêm trí vô thượng
Nhờ đó chư Phật đều hoan hỷ**

Đó là nghiệp Bồ Tát hồi hướng.

Bồ Tát vốn chẳng chấp, chẳng nương tựa, tu trì công phu hành sở vô sự, tu được nhất thiết trí huệ. Dùng trí huệ thù thắng vô thượng đó, trang nghiêm cõi nước chư Phật. Do đó chư Phật đều đại hoan hỉ, vì Ngài ấn chứng. Đó tức là Bồ Tát tu pháp môn hồi hướng bất hoại, tu tất cả thiện nghiệp, đắc được phước báo.

Bồ Tát chuyên tâm niệm chư Phật Trí huệ vô thượng phương tiện khéo Nhu Phật tất cả chẳng chỗ nương Nguyện tôi tu thành công đức này.

Chuyên tâm, là chuyên tâm nhất chí, chẳng có tư tưởng và vọng niệm nào khác. Trong tâm của Bồ Tát chỉ có hai thứ niệm: Một là trên cầu Phật đạo, luôn nghĩ nhớ chư Phật. Hai là dưới độ chúng sinh, chẳng bỏ chúng sinh. Chúng sinh cũng có chuyên tâm nhất chí của chúng sinh, bất quá sự chuyên nhất chẳng giống với Bồ Tát. Bồ Tát chuyên tâm tưởng niệm chư Phật, chúng sinh thì chuyên tâm ở trong đường sinh tử. Lúc thiếu niên là giai đoạn bắt đầu học, nhưng phần đông chẳng biết việc học thế nào, Tại sao mà học. Lớn lên sự học chưa thành, lại bị sắc dục cảm dỗ, truy đuổi khác tính, đi vào đủ thứ sự ràng buộc vợ chồng con cái, trói buộc suốt đời, chẳng biết thoát khỏi, đây tức là luôn luôn chuyên tâm của chúng sinh. Chỗ khác nhau giữa Bồ Tát và chúng sinh là tại chỗ này. Bồ Tát thì chuyên tâm nhất chí nghĩ nhớ chư Phật, đắc được trí huệ vô thượng, và trí vô ngại phương tiện khéo léo, trí vô ngại

biện tài, cùng với thần thông oai lực giống như hết thầy tất cả chư Phật chẳng nương tựa chẳng chấp trước, độc lập tự chủ, tự tại diêu dộng chẳng thọ bất cứ chướng ngại gì. Bồ Tát tu hồi hướng bất hoại nói: Hy vọng tôi cũng có thể tu thành công đức phước báu giống như Phật.

**Chuyên tâm cứu hộ hết tất cả
Khiến họ xa lìa các nghiệp ác
Như vậy lợi ích các quần sinh
Luôn nghĩ tư duy chưa từng bỏ.**

Bồ Tát siêng tu Phật đạo, tức là vì cứu hộ tất cả chúng sinh, cho nên Ngài chẳng có lúc nào mà không trên cầu Phật đạo, dưới độ chúng sinh. Cứu bạt chúng sinh, khiến cho họ đều xa lìa các nghiệp ác. Bồ Tát giống như đạo lý Kinh văn ở trên nói, tu hành Bồ Tát đạo, đem hết thầy công đức đều hồi hướng cho chúng sinh, làm đủ thứ sự việc có lợi ích cho chúng sinh. Luôn nghĩ nhớ chúng sinh và chư Phật, tư duy các pháp, chẳng có ngừng nghỉ. Bồ Tát xem đối đãi chúng sinh như chư Phật, vì Phật là Phật đã thành, chúng sinh là Phật vị lai. Bồ Tát trên cầu pháp của chư Phật, dưới xin thức ăn nơi chúng sinh. Cho nên Bồ Tát đối với chúng sinh luôn nghĩ nhớ, chưa từng lúc nào xả bỏ.

**Trụ nơi trí địa thủ hộ pháp
Chẳng dùng thừa khác thủ Niết Bàn
Chỉ nguyện thành Phật đạo vô thượng
Bồ Tát khéo hồi hướng như vậy.**

Bồ Tát thường thường trụ nơi mảnh đất trí huệ, thủ hộ tất cả Phật pháp. Bồ Tát tu thượng thừa Phật đạo, tức là Phật pháp đại thừa. Phật pháp đại thừa khác với Phật pháp nhị thừa, dùng tâm đại bi làm thể. Tâm đại bi là vì chúng sinh mà sinh khởi. Vì có tâm bi, nên phát tâm đại bồ đề cứu hộ chúng sinh, hành Bồ Tát đạo, công đức viên mãn đầy đủ rồi, thì sẽ thành quả Phật Chánh Đẳng Chánh Giác. Hàng nhị thừa thì sợ lưu chuyển sinh tử, xả bỏ cứu hộ chúng sinh, chẳng dám hành Bồ Tát đạo, chỉ cầu cho mình. Bồ Tát đại thừa Ngài chẳng sợ sinh tử, Ngài chẳng xả bỏ đại nguyện cứu hộ chúng sinh, cho nên Ngài quyết chẳng thay đổi tông chỉ, thôi lui tu nhị thừa mà thủ Niết Bàn. Ngài chỉ có một nguyện vọng, là đắc được đạo vô thượng của Phật tu, trí huệ giống như Phật, sức oai thần giống như Phật. Vị Bồ Tát này tu hồi hướng bất hoại, tu hành Phật thừa như thế, chẳng tu pháp nhị thừa của Thanh Văn, Duyên Giác, Bích Chi Phật. Và còn khéo hồi hướng cho tất cả chúng sinh, hồi hướng về vô thượng bồ đề, hồi hướng về thật tế.

**Chẳng lấy lời nói của chúng sinh
Tất cả việc hữu vi hư vọng
Tuy lại chẳng nương đường lời nói
Cũng lại chẳng chấp không lời nói.**

Bồ Tát chẳng thủ lấy lời nói của chúng sinh, tức là chẳng thủ lấy tri kiến của chúng sinh, chẳng tùy tiếng phù hợp, vọng thêm tán đồng. Vì tư tưởng lời nói hành động của chúng sinh, thấy đều trái với chánh pháp, tà kiến điên

đạo, dùng cái ta của mình làm trung tâm, cho nên Bồ Tát chẳng thủ lấy lời nói của chúng sinh. Nhưng Bồ Tát Ngài hay dùng trí huệ để giáo hoá chúng sinh, Ngài chẳng xả bỏ lời nói của chúng sinh, cũng chẳng chấp trước vào lời nói của chúng sinh. Tất cả những gì có hình có tướng đều thuộc về pháp hữu vi. Pháp hữu vi đều là hư vọng. Chúng sinh vì chấp trước vào pháp hữu vi, cho nên tất cả những gì làm được đều là việc hư vọng. Bồ Tát thấu rõ tất cả việc hữu vi hư vọng, Ngài cũng chẳng chấp lấy những việc hư vọng đó. Tuy nhiên Ngài chẳng nương tựa vào phương pháp đường lời nói, nhưng cũng chẳng chấp trước tướng không lời nói. Bồ Tát chẳng chấp vào có, chẳng rơi vào không; có, không chẳng hai. Ngài luôn giữ trung đạo, tu trung đạo liễu nghĩa, tu hạnh môn của chư Phật.

Mười phương hết thấy các Như Lai Thông đạt các pháp chẳng sót thừa Tuy biết tất cả đều vắng lặng Chẳng ở nơi không khởi tâm niệm.

Mười phương chư Phật, trong bản thể của Phật, thì Phật Phật tự như, chẳng nói chẳng truyền. Chúng ta nên quán niệm như thế, chư Phật nơi các pháp thấy đều thông đạt thấu rõ đạo lý một pháp chẳng sinh, một pháp chẳng lập, cho nên nói các pháp chẳng sót thừa. Chẳng chứng được vô sinh pháp nhẫn, thì làm sao viên mãn đầy đủ được quả vị Phật. Chư Phật đều đã biết bản thể của tất cả các pháp vắng lặng, quyết chẳng ở nơi không lại sinh khởi tâm niệm. Vì chư Phật đã thấu đạt ba không: Cái ta không, pháp không, không không. Song, các Ngài cũng chẳng

chấp trước vào không, không thể sinh diệu hữu. Trong chân không hay sinh diệu hữu, trong diệu hữu lại có chân không. Diệu lý của có, không, này chẳng hai, thân làm đệ tử Phật, thì phải nên siêng năng suy gẫm.

**Dùng một trang nghiêm nghiêm tất cả
Cũng chẳng nơi pháp sinh phân biệt
Như vậy khai ngộ các quần sinh
Tất cả không tánh không chỗ quán.**

Bồ Tát dùng một thứ trang nghiêm, để trang nghiêm tất cả cõi Phật. Tóm lại, cũng có thể nói dùng tất cả sự trang nghiêm, để trang nghiêm một cõi Phật. Một tức là tất cả, tất cả cũng đồng với một. Vì một là số cơ bản, số mục thêm nhiều đều từ một mà ra. Cho nên đối với dùng một thứ trang nghiêm mà trang nghiêm tất cả, không cần cảm thấy kỳ lạ. Bồ Tát đối với các pháp, cũng chẳng ở trong bản thể của pháp, trong tánh không, sinh ra phân biệt như thế nào. Mười phương chư Phật dùng đạo lý "lìa tất cả tướng, tức tất cả pháp", để giáo hoá chúng sinh, khiến cho hết thầy chúng sinh đều thấu hiểu thật tướng của các pháp, thì có thể sẽ được khai ngộ. Tức biết tất cả pháp đều không tự tánh, thì không cần phải quán sát nó. Bồ Tát nói đạo lý cảnh giới này, là đã đạt đến giai đoạn rốt ráo, đừng nói là một số phàm phu mới học, cũng có thể như vậy. Dù phàm phu Tăng mới phát tâm, cũng không thể làm như vậy được. Chưa đạt đến sự rốt ráo, thì vẫn phải dùng trí huệ quán sát, nghiên cứu thật tướng của tất cả các pháp, mới có thể minh bạch chân đế của Phật pháp.

Hồi hướng đấng tất cả Phật thứ ba.

Phật tử ! Thế nào là hồi hướng đấng tất cả Phật của đại Bồ Tát ?

Bồ Tát Kim Cang Tràng nói xong bài kệ ở trước rồi, lại gọi một tiếng các vị đệ tử của Phật ! Thế nào là đại Bồ Tát tu đấng tất cả chư Phật tu pháp môn hồi hướng ?

Phật tử ! Đại Bồ Tát này tùy thuận tu học đạo hồi hướng của chư Phật Thế Tôn quá khứ, vị lai và hiện tại. Khi tu học đạo hồi hướng như vậy, thì thấy tất cả sắc, cho đến xúc pháp, hoặc tốt, hoặc xấu, chẳng sinh thương ghét, tâm được tự tại. Chẳng có các lỗi lầm. Rộng lớn thanh tịnh. Hoan hỉ vui thích, lìa các ưu phiền. Tâm ý nhu nhuyến, các căn mát mẻ.

Bồ Tát Kim Cang Tràng đưa ra câu hỏi ở trên rồi, lập tức giải thích như sau, Ngài nói: Các vị đệ tử của Phật ! Các vị có thể biết vị đại Bồ Tát này, vị đại Bồ Tát tu pháp môn hồi hướng đấng tất cả Phật, Ngài tùy thuận sự chỉ dạy của chư Phật, tu học đạo hồi hướng của ba đời chư Phật tu. Tức là đạo hồi hướng quá khứ chư Phật đã tu, đạo hồi hướng chư Phật hiện tại đang tu, và đạo hồi hướng chư Phật vị lai sẽ tu. Khi Ngài tu học quá trình đạo hồi hướng này, thì Ngài đối với tất cả sắc, cho đến xúc pháp, bất luận là sắc tốt, hoặc sắc xấu, tiếng hay, tiếng dở, mùi thơm, mùi

hôi, vị ngon, vị dở, xúc tốt, xúc dở, pháp lành, pháp ác, đều chẳng làm cho Ngài sinh ra tâm thương ghét và thích chán. Bồ Tát an trụ vào tu học đạo hồi hướng, chẳng bị cảnh giới sáu trần lay chuyển, đó tức là ý nghĩa:

"Người chuyển được cảnh giới,
Cảnh giới không chuyển được người".

Phải làm thế nào để đến được trình độ này ? Phải điều phục sáu căn, khiến cho sáu căn chẳng chuyển theo sáu trần, sáu căn sáu trần không thể hợp tác với nhau, thì sẽ chẳng sinh ra tác dụng. Như thế thì thấy mà không thấy, nghe mà không nghe, như như chẳng động, thì làm sao mà lay động được vị đại Bồ Tát đó tu đạo hồi hướng đặng tất cả Phật ! Cho nên lúc đó Ngài "Hoặc tốt hoặc xấu, chẳng sinh thương ghét, tâm được tự tại". Nhưng nếu như chẳng điều phục sáu căn, khiến cho sáu căn sáu trần hợp tác với nhau, liền sinh ra sáu thức. Lúc đó nó sẽ làm chủ nhân ông trong tâm của bạn, tất cả đều do nó theo đuổi chi phối. Thấy sắc mê sắc, nghe tiếng mê tiếng, như thế thì cứ bôn ba vãng lai ở trong sáu trần, tâm thương ghét không thể tự giác, vô minh phiền não, thường ở bên cạnh, suốt cả đời bị cảnh giới chuyển. Có tâm thương ghét rồi, thì làm sao mà đắc được tự tại ?

Hiện tại chúng ta biết được nguyên nhân tại sao Bồ Tát tâm được tự tại? Là vì Ngài chẳng động tâm. Chẳng động tâm, thì chẳng sinh thương ghét, thì tâm sẽ được tự tại. "Tự tại", hai chữ này hàm ý bao quát nhìn xuyên thủng, buông xả đặng, chẳng chấp, chẳng động tâm niệm, chẳng bị thất tình lay chuyển, chẳng bị năm dục mê hoặc. Nếu sáu căn an ổn, thì tâm luôn thanh tịnh, ý thường hoan hỉ, vui

thích, thân thể nhu nhuyễn thái nhiên, cử chỉ an tường hoà duyệt. Đối người tiếp vật, khiến cho người ưa gần gũi, chẳng có tư hào ưu sầu phiền não.

Vị đại Bồ Tát này tu hồi hướng đặng tất cả Phật, vì tâm được tự tại, cho nên Ngài đã lia các lỗi lầm, chẳng có lỗi gì có thể nói. Tâm ý của Ngài thanh tịnh rộng lớn như hư không. Niềm hoan hỉ vui thích tràn đầy thân tâm của Ngài. Tất cả sự ưu sầu khổ não, đều tiêu mất chẳng còn nữa. Vì Ngài tâm ý nhu nhuyễn, các căn rất mát mẻ, chẳng có hiện tượng nhiệt não sinh khởi. Bồ Tát luôn luôn ở trong cảnh giới này, vĩnh viễn chẳng biến đổi. Tất cả dục niệm cũng vĩnh viễn chẳng sinh ra nữa. Chẳng giống như một số phàm phu, khi tình chẳng tự tại, thì phát điên phát cuồng, thậm chí có thể làm ra việc xấu. Bình thường thấy chẳng được bộ mặt thật, cùng nhau hiện ra, khiến cho người sợ hãi mà bỏ chạy.

Bồ Tát tu đạo, xa lia lỗi lầm và ưu phiền, luôn ở trong tam muội thường, lạc, ngã, tịnh. Ngài chẳng nhập vào cảnh giới sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, chẳng những chẳng bị cảnh giới sáu trần lay chuyển, mà còn chuyển được cảnh giới sáu trần, đắc được sáu căn dụng tự tại với nhau. Giống như căn mắt vốn chỉ có thể nhìn sự vật, hiện tại lại có thể thấy, nghe, ngửi, nếm, giác, tri, căn mắt này tác dụng được năm căn khác kia. Căn tai cũng như thế, mũi, lưỡi, thân, ý, các căn, cũng đều như vậy, mỗi căn đầy đủ công năng của sáu căn. Nguồn gốc sáu căn chỉ có sáu tác dụng, hiện tại một căn mà tác dụng với nhau hết sáu căn, tăng lên đến ba mươi sáu thứ công dụng, đây chẳng phải là việc mà phàm phu tưởng tượng đến được. Cảnh giới này, gọi là thu nhiếp bình đẳng không hai, đối với sáu

trần chẳng sinh phân biệt, chẳng có tốt xấu, thom thối, hay dở, đủ thứ phân biệt, đây tức là chẳng nhập vào sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, tức cũng là "Nhập vào dòng Thánh nhân pháp tánh, ngược lại dòng phàm phu sáu trần", đã đắc được tự tại vô ngại của pháp tánh. Sự diêu dụng không thể nghĩ bàn này, đáng tiếc chúng ta phàm phu chẳng có đắc được. Ở trong sự hô đồ, thấy được tâm ý sáu trần của mình, lập tức sinh ra tâm thương yêu, luyến ái chẳng xả bỏ. Thấy được sáu trần chẳng hợp ý mình, thì sinh chán ghét, phiền não, hoàn toàn bị sáu trần lay chuyển. Ví dụ giống như nhiều người tụ lại ở đây với nhau, ăn vật ăn cũng vậy, sờ thích mùi vị của mỗi người đều khác nhau. Cùng nhìn một sự vật, mà chỗ ưa thích của mỗi người đều khác nhau. Cùng nghe một âm thanh, mà cảm giác của mỗi người cũng khác nhau. Xem hoa thưởng trăng, tâm tình của mỗi người cũng khác nhau. Đủ thứ loại cảnh giới đều có sự phản ứng chẳng giống nhau, mà chỉ chấp vào một mặt. Đó chẳng phải là sáu trần có mỗi sự biến hoá, mà là chủ quan tác dụng của mỗi người, tức cũng là do có tâm thương ghét, chẳng đắc được tự tại, vì không thể đi ngược lại dòng sáu trần.

Các vị đại Bồ Tát tu pháp môn hồi hướng đặng tất cả Phật, các Ngài chẳng bị cảnh giới sáu căn, sáu trần, sáu thức, lay chuyển, vì các Ngài chẳng sinh thương ghét, nên tâm được tự tại. Nếu chúng ta cũng muốn đắc được cảnh giới tự tại này, thì phải thường tu phạm hạnh, giữ giới thanh tịnh, do giới sinh định, do định sinh huệ, sau đó sẽ đạt đến cảnh giới:

"Mắt thấy hình sắc bên trong chẳng có.
Tai nghe chuyện đời tâm chẳng hay".

Do đó: Thấy mà không thấy, nghe mà không nghe, ngửi mà không ngửi, nếm mà không nếm, xúc là không xúc, pháp mà không pháp, tất cả hết thấy, đều sống ở trong cảnh giới không thể nghĩ bàn.

Phật tử ! Khi đại Bồ Tát đắc được an lạc như thế, lại càng phát tâm hồi hướng chư Phật. Nghĩ như vậy: Nguyện đem căn lành nay tôi gieo trồng được, khiến cho sự vui của chư Phật càng thêm tăng trưởng thù thắng. Đó là: Sự vui của Phật trụ không thể nghĩ bàn. Sự vui tam muội của Phật chẳng có ai sánh bằng. Sự vui đại từ bi không thể hạn lượng. Sự vui giải thoát của tất cả chư Phật. Sự vui đại thần thông chẳng có bờ mé. Sự vui đại tự tại tối cực tôn trọng. Sự vui vô lượng lực rộng lớn rớt ráo. Sự vui lia các tri giác vắng lặng. Sự vui luôn chánh định trụ nơi trụ vô ngại. Sự vui hành không hai hạnh chẳng biến đổi.

Các vị đệ tử của Phật ! Đại Bồ Tát, tức là vị đại Bồ Tát tu pháp hồi hướng đặng tất cả chư Phật, khi Ngài đắc được thanh tịnh tự tại như đã nói ở trên, sự vui chân thật chẳng có thương ghét, chẳng có ưu phiền, Ngài cảm giác được sự an vui của chư Phật ban cho. Vì Ngài cung kính

tôn trọng chư Phật, cảm kích ân đức chư Phật, cho nên nguyện ý đem căn lành công đức của mình tu tập được, hồi hướng cho mười phương chư Phật, tăng thêm sự vui của Phật. Kỳ thật, chư Phật chẳng có vị nào mà chẳng đầy đủ phước đức, công hạnh viên mãn, đây là biểu thị tâm chí thành khẩn thiết chân thật của Bồ Tát mà thôi. Chư Phật vốn có đủ sự vui thù thắng, như nay Bồ Tát đem căn lành trồng được hồi hướng về chư Phật, khiến cho sự vui của chư Phật lại càng tăng thêm thù thắng. Do đó, Ngài phát tâm hồi hướng cho Phật mười thứ vui đặc được dưới đây:

1. Sự vui của Phật tu, chỗ Phật trụ không thể nghĩ bàn.
2. Sự vui tam muội vô thượng của chư Phật chứng được chẳng có ai có thể sánh bằng.
3. Sự vui đại từ bi của Phật chẳng có hạn lượng.
4. Sự vui giải thoát tự do an tường, vô câu vô thúc của mười phương ba đời chư Phật tu chứng được.
5. Sự vui đại thần thông nhậm vận tự tại, rộng lớn vô biên của chư Phật do có trí huệ thanh tịnh.
6. Sự vui đại tự tại của chư Phật đã đạt đến tột đỉnh cùng cực, mà lại thọ người tôn trọng kính ngưỡng bậc nhất.
7. Sự vui thập lực của chư Phật, một thứ thần lực đại oai đức rộng lớn rất ráo.
8. Sự vui của chư Phật vắng lặng lìa khỏi các tri giác, vượt qua thấy nghe giác tri, chẳng nhập vào thanh, hương, vị, xúc, pháp.
9. Sự vui thiên duyệt luôn ở trong chánh định, trụ ở chỗ trụ chẳng có chướng ngại.

10. Sự vui của chư Phật tu hành công đức viên mãn, dứt hẳn hai hạnh, đó là hạnh thấy và hạnh ái, đắc được kim cang bát nhã, trụ nơi pháp môn không hai chẳng biến đổi.

Ở trên là mười thứ an vui của Phật, Bồ Tát đều hồi hướng, nguyện đem đủ thứ sự vui này, đều làm cho tăng thêm thù thắng vô lượng vô cùng.

Phật tử ! Đại Bồ Tát đem các căn lành hồi hướng cho Phật rồi. Lại đem căn lành này hồi hướng cho Bồ Tát. Đó là: Nguyện người chưa viên mãn, thì khiến cho viên mãn. Người nào tâm chưa thanh tịnh, thì khiến cho được thanh tịnh. Người nào chưa đầy đủ các Ba La Mật, thì khiến cho được đầy đủ. Tâm an trụ vào kim cang bồ đề. Nơi nhất thiết trí, được không thoái chuyển. Chẳng xả bỏ đại tinh tấn. Thủ hộ môn bồ đề tất cả căn lành. Hay khiến cho chúng sinh xả lìa ngã mạn, phát tâm bồ đề, sở nguyện thành tựu viên mãn. An trụ vào chỗ trụ của tất cả Bồ Tát. Đắc được căn lành minh lợi của Bồ Tát, tu tập căn lành, chứng nhất thiết trí.

Bồ Tát Kim Cang Tràng lại gọi một tiếng các vị đệ tử của Phật ! Đại Bồ Tát đem căn lành của Ngài tu hồi

hương cho chư Phật rồi, sau đó lại đem căn lành của Ngài tu, hồi hướng cho các Bồ Tát khác. Nội dung của Ngài hồi hướng là bao quát tự lợi lợi tha. Ví như đối tượng đầu tiên Ngài hồi hướng, tức là những Bồ Tát đã phát nguyện lớn, đến hiện tại vẫn chưa viên mãn đầy đủ. Vị Bồ Tát này tu pháp môn hồi hướng đặng tất cả Phật, nguyện đem căn lành của mình tu, hồi hướng cho Bồ Tát nguyện lớn chưa đầy đủ, hy vọng các Ngài đắc được lợi ích, sớm được toại tâm mãn nguyện. Sau đó tức là những vị Bồ Tát, tuy nhiên nỗ lực chẳng giải đãi, nhưng tâm của Ngài chưa đắc được cảnh giới thanh tịnh thật sự. Vậy vị Bồ Tát này tu hồi hướng đặng tất cả Phật, là đem căn lành công đức của mình tu tập, hồi hướng cho vị đó, hy vọng vị đó sớm đạt được cảnh giới tâm thanh tịnh. Hơn nữa có Bồ Tát tu mười Ba La Mật, vẫn chưa rốt ráo viên mãn, Bồ Tát tu hồi hướng đặng tất cả Phật, là đem căn lành của mình tu tập hồi hướng về vị đó, khiến cho vị đó sớm được viên mãn, lên được bờ bờ đề bên kia. Và nữa, Bồ Tát sơ phát tâm, do tâm chưa được hoàn toàn kiên cố, Bồ Tát tu hồi hướng đặng tất cả Phật, sẽ đem căn lành công đức của mình tu tập hồi hướng cho vị đó, trợ giúp Ngài an trụ nơi tâm, giống như tâm bồ đề kim cương, vĩnh viễn chẳng thoái chuyển tâm bồ đề giác đạo. Nơi nhất thiết trí huệ, nhất thiết chủng trí, cũng sẽ chẳng thoái chuyển. Vì Bồ Tát đắc được lợi ích hồi tự hướng tha, không chỉ mình an trụ tâm bồ đề kim cương, chúng được bất thoái chuyển. Đại Bồ Tát tu pháp hồi hướng đặng tất cả Phật, cảnh giới của Ngài tu hành đã đạt đến bát địa vô công dụng hạnh, còn gọi là đại tinh tấn. Tinh thân diệu dụng, nhậm vận tự như, thấu đạt tất cả các pháp, gọi là thủ hộ bồ đề môn tất cả căn lành. Bồ Tát hồi hướng như

vậy, hay khiến cho chúng sinh xả lìa ngã mạn, phát tâm đại Bồ đề, viên mãn thành tựu nguyện lớn đã phát. An trụ chỗ trụ của tất cả Bồ Tát. Hoạch được hết thảy căn lành minh lợi của Bồ Tát: Tín, tấn, niệm, định, huệ. Tu tập đủ thứ căn lành, khiến cho chúng sinh đều chúng nhất thiết trí, cuối cùng thành quả vị Phật.

Phật tử ! Đại Bồ Tát đem các căn lành hồi hướng cho Bồ Tát như vậy rồi. Lại đem hồi hướng cho tất cả chúng sinh. Nguyện hết thảy căn lành của tất cả chúng sinh, cho đến rất nhỏ, chừng một khảy móng tay, được thấy Phật nghe pháp, cung kính Thánh Tăng. Các căn lành đó, đều lìa chướng ngại. Niệm Phật viên mãn. Niệm Pháp phương tiện. Niệm Tăng tôn trọng. Chẳng lìa thấy Phật, tâm được thanh tịnh, đắc được các Phật pháp. Tích tập vô lượng đức, thanh tịnh các thần thông, xả bỏ pháp nghi niệm, nương giáo lý mà trụ.

Các vị đệ tử của Phật ! Đại Bồ Tát, nội dung giống như Kinh văn đã nói ở trên, hồi hướng cho tất cả Bồ Tát rồi, sau đó lại đem căn lành tu tập hồi hướng cho tất cả chúng sinh. Ngài âm thầm cầu nguyện nói: Tôi nguyện cho tất cả chúng sinh, nhờ căn lành của họ, và căn lành tôi hồi hướng cho họ, dù rất cực nhỏ, cũng có thể khiến cho họ

đắc được lợi ích. Thời gian khảy móng tay, liền được thấy Phật, nghe được Phật nói pháp, đồng thời cũng thấy được nhiều đại đức hiền Thánh Tăng, cung kính lễ bái Tam Bảo. Những căn lành đó, đều khiến cho chúng sinh lìa khỏi tất cả sự chướng ngại, cho đến chúng sinh có ít căn lành, cũng lìa khỏi tất cả chướng ngại như nhau, sinh khởi tâm niệm Phật. Dùng tâm niệm Phật, chẳng có giờ phút nào không niệm Phật.

Niệm Phật niệm đến cảnh giới: "Niệm mà không niệm, không niệm mà niệm, niệm đến viên mãn rốt ráo, thì không niệm mà tự niệm", đó gọi là niệm Phật tam muội, sẽ đạt đến giai đoạn "niệm Phật viên mãn". Phương tiện niệm pháp: Bồ Tát tại phương diện niệm Phật, đã được tam muội. Tại phương diện niệm pháp, thì tự nhiên cũng được vô lượng pháp hỷ, vì nó đã vào sâu tạng Kinh, trí huệ như biển, biết rõ tám vạn bốn ngàn pháp môn, chẳng có môn nào chẳng phải là pháp môn phương tiện, chẳng có môn nào chẳng phải là pháp môn không hai. Ngài dùng đủ thứ tất cả pháp phương tiện, chẳng có pháp nào chẳng toại tâm mãn nguyện. Niệm Tăng tôn trọng: Hiền Thánh Tăng trong mười phương, ngưỡng mộ nghĩ nhớ, cung kính tôn trọng. Ngài đầy đủ ba niệm, thành tựu công đức niệm Tam Bảo, cho nên chẳng lìa thấy Phật. Thường thường thấy được chư Phật, do đó trong tâm chẳng sinh tất cả vọng niệm. Chẳng có vọng niệm, thì tâm sẽ đắc được thanh tịnh. Do đó đắc được pháp nói, pháp hành, pháp tu, của chư Phật, đó đều là vì tâm được thanh tịnh, mới đắc được các Phật pháp. Nếu tâm chẳng thanh tịnh, thì chẳng đắc được tất cả pháp. Tích tập vô lượng đức, tịnh các thần thông; đắc được pháp vô thượng của chư Phật rồi, thì nhất định phải tu, phải trì, phải

hành, mới đắc được lợi ích. Y theo pháp mà hành, thì sẽ tích tập vô lượng căn lành công đức. Tu phạm hạnh thanh tịnh, sẽ đắc được trí huệ vô thượng, cũng có thể thành tựu vô lượng thần thông. Trí huệ và thần thông, đều do sự tu thanh tịnh và niệm Phật tam muội mà chứng được. Chúng sinh thọ được lợi ích lớn của Bồ Tát hồi hướng, thì đối với sự hoài nghi về Phật pháp trong quá khứ chẳng minh bạch, hiện tại đều quét sạch, an trụ nơi lời dạy của chư Phật nói, y pháp phụng hành, vĩnh viễn chẳng thối chuyển.

**Như vì chúng sinh hồi hướng như vậy.
Vì Thanh Văn Bích Chi Phật hồi hướng,
cũng lại như thế.**

Đại Bồ Tát tu hồi hướng đẳng tất cả Phật, vì tất cả chúng sinh hồi hướng, như Kinh văn đã nói ở trên. Đối với bậc Thánh hàng nhị thừa: Thanh Văn Bích Chi Phật, Ngài cũng vì các bậc ấy mà hồi hướng như thế.

Lại nguyện tất cả chúng sinh, vĩnh viễn lìa khỏi địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, vua Diêm La, tất cả nơi ác. Tăng trưởng tâm vô thượng bồ đề. Chuyên tâm siêng cầu nhất thiết chủng trí. Vĩnh viễn chẳng huỷ báng chánh pháp của chư Phật. Được an lạc của Phật. Thân tâm thanh tịnh. Chứng được nhất thiết trí.

Đại Bồ Tát tu hồi hướng đấng tất cả Phật, trước hết Ngài đem căn lành hồi hướng về chư Phật, để biểu thị báo ân Phật, sau đó hồi hướng cho các Bồ Tát phát tâm khác, lại hồi hướng cho tất cả chúng sinh, lại hồi hướng cho hàng nhị thừa. Hiện tại Ngài lại đem căn lành tu hành, hồi hướng cho chúng sinh thọ khổ trong ba đường ác. Bồ Tát tâm bi tha thiết, bình đẳng nghĩ đến chúng sinh thiện ác. Ngài nói: Nguyên đem căn lành của tôi tu, hồi hướng cho chúng sinh trong ba đường ác, hy vọng họ được lợi ích này, vĩnh viễn xa lìa địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh và vua Diêm Vương, tất cả nơi ác, nơi thọ tội. Được sinh về chốn lành, thấy Phật nghe pháp, tăng trưởng đạo tâm vô thượng bồ đề. Chuyên tâm nhất chí siêng năng tinh tấn, cầu nhất thiết chủng trí, nhất thiết đạo chủng trí. Vĩnh viễn chẳng huỷ báng chánh pháp của chư Phật, đắc được an lạc giống như Phật. Thân tâm thanh tịnh, chúng được nhất thiết trí huệ.

Phật tử ! Hết thấy căn lành của đại Bồ Tát, đều nhờ nguyện lớn phát khởi, chánh phát khởi. Tích tập, chánh tích tập. Tăng trưởng, chánh tăng trưởng. Đều khiến cho rộng lớn, đầy đủ sung mãn.

Các vị đệ tử của Phật ! Đại Bồ Tát, hết thấy căn lành của Ngài đều do Ngài phát khởi nguyện lớn mà sinh ra. Nếu vốn chẳng có căn lành, sau lại phát khởi nguyện lớn, mà trợ lực hạnh. Do lực hạnh, căn lành chưa sinh sẽ khiến sinh ra. Phát khởi tức là lực hạnh. Chánh phát khởi, là lìa khỏi tất cả lỗi lầm, lực hạnh chánh đạo. Tích tập, do nơi lực

hạnh chánh đạo, sẽ tích tập rất nhiều căn lành. Chánh tích tập, là nói ở trong sự hành tất cả chánh đạo, bao quát hết thấy nghiệp thiện, thành tựu giúp thành bồ đề đạo hạnh. Cũng có thể nói do nguyện lực, nhiếp căn lành này thành các thắng hạnh, khiến cho nó chẳng tán mất, cho nên nói tích tập, chánh tích tập. Lại vì nguyện lực, nhiếp hoá căn lành tích tập các thắng hạnh, lại sinh các thắng hạnh, thì gọi là tăng trưởng. Ở trong mỗi mỗi các thắng hạnh, bèn sinh ra tất cả các thắng hạnh, gọi là chánh tăng trưởng. Bồ Tát khiến cho những căn lành này đều rộng lớn, đầy đủ, sung mãn.

Phật tử ! Đại Bồ Tát ở tại gia, cùng với vợ con, chưa từng tạm xả bỏ tâm bồ đề. Chánh niệm suy gẫm cảnh nhất thiết trí. Tự độ độ tha, khiến cho được rốt ráo. Dùng phương tiện khéo léo, giáo hoá quyến thuộc của mình. Khiến cho nhập vào trí Bồ Tát. Khiến cho thành thực giải thoát. Tuy cùng ở chung với nhau, mà tâm chẳng chấp trước. Dùng gốc đại bi mà hiện ở nhà. Vì dùng tâm từ, mà tùy thuận vợ con. Nơi đạo thanh tịnh của Bồ Tát chẳng có chướng ngại.

Các vị đệ tử của Phật ! Đại Bồ Tát, Ngài ở tại gia sống chung với vợ con, cũng chẳng quên đi tâm bồ đề. Bồ

Tát đại thừa thường thường thị hiện người bình thường, có thể thiếp con cái tôi tớ .v.v... Như Bồ Tát Đãng Địa, hay thị hiện Vua Chuyển Luân Thánh Vương và ông vua, trưởng giả giàu có. Có Bồ Tát thị hiện phàm phu, thậm chí thị hiện người ác, mục đích đều là vì giáo hoá chúng sinh, tùy duyên thị hiện, tùy nguyện thị hiện. Cho nên Bồ Tát có Bồ Tát tại gia và Bồ Tát xuất gia. Có thể phân biệt từ cách phục sức. Bồ Tát tại gia đều là thân mặc đồ hoa, đầu đội mũ, thân mang chuỗi. Bồ Tát xuất gia thì đầu tròn mặc áo Cà Sa. Cà Sa con gọi là y phước điền, chúng sinh thấy người xuất gia thì đánh lễ, tức là thấy y phước điền, mà hướng đến cầu phước, cho nên người xuất gia phải luôn luôn đắp y. Đắp y là hiện tướng Bồ Tát xuất gia. Trước kia Quốc Sư Thanh Lương từng nói hai câu rằng:

"Thê chẳng tôn Sa Môn chi biểu,
Tâm chẳng vi Như Lai chi chế".

Nghĩa là "Thân chẳng làm tôn đi biểu hiện của bậc Sa Môn, và tâm chẳng trái với giới điều Như Lai chế ra. Vì thân mặc y Cà Sa, là lúc Phật còn tại thế quy định đối với người xuất gia. Khi tôi đến nước Mỹ hoàng pháp thì phát tâm nhất định muốn khôi phục lại điều Như Lai chế ra, cho nên người xuất ra ở Chùa Kim Sơn, bất luận là trời nóng đến mức độ nào, cũng nhất định là y không lìa thân, trừ lúc vào phòng rửa tay, hoặc đi tắm mới cởi y ra.

Bồ Tát ở tại gia, là chỉ Bồ Tát tại gia, tuy nhiên Ngài thị hiện một vị Bồ Tát tại gia, có vợ con tôi tớ vây quanh, nhưng Ngài chẳng bị năm dục làm ô nhiễm, cũng chưa từng tạm xả bỏ tâm bồ đề giác đạo. Chánh niệm suy gẫm: Bồ Tát có tâm đại từ bi, cho nên có thể tùy nhiệm mà

không nhiệm. Có đại trí huệ, thì hay sống nơi con đường thanh tịnh. Suy gẫm các pháp, một lòng cầu cảnh giới nhất thiết chủng trí. Lại tu tất cả nghĩa lý, thấy đều thông đạt thành tựu trí huệ vô thượng, mà chư Phật rất ráo viên mãn. Bồ Tát tu học Bồ đề giác đạo, cầu quả Phật vô thượng, mục đích của Ngài là mình chấm dứt sinh tử, cũng độ cho kẻ khác đắc được giải thoát, đạt được cảnh giới rốt ráo. Dùng các pháp môn phương tiện khác nhau, khéo léo hoá độ lục thân quyến thuộc của mình, khiến cho họ đắc được trí huệ giống như Bồ Tát, thấu rõ lý tánh chân thật của các pháp, tín niệm thành thực, chân thật giải thoát. Tuy Bồ Tát hằng ngày cùng ở chung một nơi với vợ con lục thân quyến thuộc, nhưng tâm của Ngài chẳng chấp vào năm dục, chẳng bị thân tình ràng buộc. Ngài vẫn ôm ấp nguyện lớn đã phát trong quá khứ, tâm bi cứu độ chúng sinh, với gia tộc hoà mục với nhau. Dùng tâm đại từ tùy thuận vợ con, giữa đó đây cung kính lẫn nhau. Bồ Tát dùng tâm nhu nhuuyến, và thái độ hài hoà, cư gia xử thế, đối với đạo nghiệp Bồ Tát thanh tịnh mà Ngài tu, chẳng có chút gì chướng ngại.

Đại Bồ Tát tuy ở tại gia, làm các sự nghiệp, chưa từng tạm xả tâm nhất thiết trí. Đó là: Hoặc mặc y phục. Hoặc ăn thực phẩm. Hoặc uống thuốc thang, tắm rửa, quay nhìn, đi đứng nằm ngồi, thân lời ý nghiệp. Hoặc ngủ, hoặc thức .v.v... Tất cả các việc làm như vậy, tâm thường hồi

hướng về đạo nhất thiết chủng trí, chuyên niệm suy gẫm, chẳng có lúc nào xả lìa.

Đại Bồ Tát tuy sinh sống ở trong gia tộc như những người bình thường, tất cả biểu hiện làm việc hành động, đâu chẳng phải là dùng trí hoá tình, dùng trí Bát Nhã lãnh đạo vạn hạnh. Ngài chưa từng xả lìa tâm nhất thiết trí. Trên biểu hiện nhìn lại, Bồ Tát là một người phàm trên thế giới này. Thân thể của Ngài ở nơi phàm trần, nhưng tâm của Ngài vượt khỏi phàm trần, đây giống như trồng hoa trong giếng chẳng nhiễm bụi trần, hoa sen vươn khỏi bùn lầy mà chẳng nhiễm. Sinh hoạt thường ngày của Bồ Tát, giống như lúc mặc quần áo, lúc ăn cơm, hoặc lúc uống thuốc thang, tắm rửa, lúc vận động, ăn cơm xong đi kinh hành, đi bộ dưới trăng, lúc đi nhiễu Phật ở Phật đường, cho đến quay đầu nhìn góc, bất luận là đi, đứng, ngồi, hoặc nằm, chẳng có lúc nào mà Ngài chẳng chú ý kiểm điểm ba nghiệp thanh tịnh và oai nghi. Và nữa lúc ngủ, hoặc lúc nghỉ, mỗi ngày sinh hoạt giống như vậy, ra vào lai vãng, nói năng động tĩnh, hết tẩy tất cả biểu hiện hành vi, trong tâm của Ngài đều quán chiếu Phật đạo, hồi hướng về đạo nhất thiết chủng trí. Ngài chuyên tâm hệ niệm suy gẫm đạo lý chân thật của các pháp, vĩnh viễn chẳng có lúc nào xả lìa trí tâm.

Vì muốn lợi ích tất cả chúng sinh, an trụ bồ đề vô lượng đại nguyện. Nhiếp lấy vô số căn lành rộng lớn. Siêng tu các việc lành, khắp cứu tất cả. Vĩnh viễn lìa tất cả

kiêu mạn phóng dật. Quyết định hướng về nhất thiết trí địa. Quyết không phát ý hướng về đạo khác, thường quán tất cả chư Phật bồ đề. Vĩnh viễn xả bỏ tất cả các pháp tạp nhiễm, tu hành tất cả sở học của Bồ Tát. Nơi đạo nhất thiết trí, chẳng có chướng ngại. Trụ nơi trí địa, ưa thích tụng tập. Dùng vô lượng trí, tập các căn lành. Tâm chẳng luyến thích tất cả thế gian, cũng chẳng nhiễm trước hạnh mà mình thực hành, chuyên tâm thọ trì giáo pháp của chư Phật.

Bồ Tát vì muốn lợi ích tất cả chúng sinh, nên luôn luôn tinh tấn tu học bồ đề giác đạo, để hoàn thành nguyện lớn mà Ngài đã phát. An trụ, tức là chẳng thôi chuyển hoặc giải đãi. Nguyện lớn Bồ Tát phát ra lấy sự lợi ích chúng sinh làm đầu, chưa từng nghĩ đến mình. Bồ Tát muốn nhiếp lấy vô số căn lành rộng lớn, cho nên Ngài siêng tu các việc lành. Các việc lành là bao quát việc lành lớn nhỏ mà nói, chẳng lựa chọn việc lành lớn nhỏ, chẳng để ý đến đối tượng của việc lành, là thân sơ chẳng, mà khắp cứu tất cả chúng sinh, ôm hoài bảo tinh thần vô duyên đại từ, đồng thể đại bi, bình đẳng cứu bạt tất cả chúng sinh, khiến cho chúng sinh vĩnh viễn lìa khỏi tâm kiêu ngạo tự mãn, và thái độ cống cao ngã mạn, cùng với tà hạnh phóng dật. Phóng dật là gốc rễ của các hoặc. Kiêu là nhiễm pháp sở y. Mạn

hay trăm luân lâu dài sinh tử. Nếu lìa khỏi được ba hoặc này, thì những nghiệp hoặc khác đều có thể lìa khỏi. Bồ Tát được tâm thanh tịnh, quyết định hướng về con đường nhất thiết trí. Không bao giờ thay đổi tâm ý, đi trên tà đạo. Ngài luôn luôn quán sát các pháp thật tướng, chánh niệm suy gẫm bồ đề giác đạo. Vĩnh viễn xả bỏ tất cả pháp tạp nhiễm chẳng thanh tịnh, pháp hữu lậu thế gian. Chuyên tâm tu hành đạo của tất cả Bồ Tát tu hành. Siêng cầu nơi tất cả trợ đạo tăng trưởng trí huệ, khai đại trí huệ, chứng được trí huệ viên dung vô ngại. Bồ Tát đã đoạn sạch tất cả phiền não, xả bỏ lý sự hai chướng ngại, mà trụ nơi trí huệ địa, pháp môn Bát Nhã. Ngài thân tâm an lạc, pháp hỷ sung mãn. Chuyên tâm ưa thích đọc tụng Kinh điển đại thừa, tu học Phật pháp thượng thừa. Dùng vô lượng trí huệ như thế, tích tập vô lượng căn lành. Trong tâm chẳng tham ái năm dục thế gian, cũng chẳng tham trước khoái lạc hư vọng của thế gian, càng không nhiễm ô hạnh của phàm phu, cũng chẳng chấp trước vào hạnh môn của mình tu. Chuyên tâm nhất chí, vào sâu tất cả giáo lý Phật pháp của chư Phật, y pháp tu hành, y giáo hành trì.

Bồ Tát ở tại gia như vậy, khắp nhiếp căn lành khiến cho tăng trưởng, hồi hướng chư Phật vô thượng bồ đề.

Tuy nhiên Bồ Tát ở chung với gia tộc quyến thuộc, nhưng Ngài vẫn thủ hộ căn lành của mình, chẳng khiến cho tán mất. Khắp nhiếp thọ tất cả căn lành, khiến cho nó tăng trưởng, khiến cho nó dần dần thành tựu. Bồ Tát đem vô

lượng căn lành tích tụ, hồi hướng về mười phương ba đời chư Phật vô thượng bồ đề giác quả.

Phật tử ! Bảy giờ, Bồ Tát cho đến thí cho súc sinh thức ăn một năm, một hạt, đều nguyện rằng: Sẽ khiến cho những súc sinh này, xả bỏ đường súc sinh, được lợi ích an lạc, rất ráo giải thoát. Vĩnh viễn vượt khỏi biển khổ. Vĩnh viễn tiêu diệt thọ khổ. Vĩnh viễn tiêu trừ khổ uẩn. Vĩnh viễn dứt khổ giác, khổ tụ, khổ hành, khổ nhân, khổ bản và các khổ xứ. Nguyện cho những chúng sinh đó, đều được xả lìa. Bồ Tát chuyên tâm hệ niệm tất cả chúng sinh như thế, dùng các căn lành đó làm thượng thủ, để vì họ hồi hướng nhất thiết chủng trí.

Các vị đệ tử của Phật ! Vị Bồ Tát đó tu pháp môn hồi hướng đặng tất cả Phật, Ngài hành công đức bố thí, chẳng hoàn toàn dùng người làm đối tượng, khi Ngài bố thí thức ăn cho súc sinh thì, dù ít chừng một năm, một hạt cơm, Ngài đều phát nguyện lớn như nhau, quyết chẳng vì thức ăn nhiều mà nguyện vọng phát ra khác nhau. Ngài cũng đều hy vọng súc sinh đặc được chút thức ăn, do nguyện lực của Ngài, mà xả bỏ đạo quả súc sinh, mà cứ nơi hồi hướng nguyện vọng của Ngài, đặc được lợi ích an lạc, đặc được giải thoát rất ráo chân thật, sớm thoát khỏi biển

khổ sinh tử, vĩnh viễn tiêu diệt tất cả khổ thọ. Thọ, là khổ của tự tánh, cho nên phải tiêu diệt, vĩnh viễn trừ khỏi tất cả khổ uẩn. Uẩn là khổ nương tựa, như năm âm xí thanh khổ. Vĩnh viễn đoạn tuyệt tất cả khổ giác. Giác là khổ tướng, cũng nhiếp oán tăng hội khổ, ái biệt ly khổ .v.v... Cho đến tất cả các khổ tụ, như sinh, già, bệnh, chết, ba thứ khổ, tám thứ khổ. Khổ hành, là các khổ do tội nghiệp làm ra. Khổ nhân, là nhân khởi của tất cả sự khổ, tức là do tâm khởi các hoặc. Khổ bản, là gốc rễ của khổ, đều từ tham dục mà sinh. Cùng với đủ thứ nơi thọ khổ. Những nơi thọ khổ, đó là ba đường ác: Súc sinh, ngạ quỷ, địa ngục, cùng với nhiều sự biến đổi sở y. Các khổ ở trên, Bồ Tát đều hy vọng chúng sinh đắc được lợi ích hồi hướng của Ngài, vĩnh viễn xả lìa những thứ khổ nạn đó. Bồ Tát tu pháp hồi hướng như vậy, tại sao ? Bồ Tát chẳng phải vì mình cầu an lạc, mà vì giải thoát tất cả chúng sinh, lìa khổ được vui, cho nên Ngài mới chuyên tâm hệ niệm tất cả chúng sinh, Bồ Tát vì lợi ích cho chúng sinh, tu tập căn lành là việc đầu tiên của Ngài. Vì khiến cho tất cả chúng sinh, đều đắc được nhất thiết chủng trí, đắc được bồ đề giác quả, cho nên Ngài đem căn lành của Ngài tu, vì tất cả chúng sinh mà hồi hướng, vì nhất thiết chủng trí mà hồi hướng.

Bồ Tát sơ phát tâm bồ đề, khắp nhiếp chúng sinh. Tu các căn lành, thấy đều hồi hướng. Muốn khiến cho họ vĩnh viễn lìa khỏi sinh tử khoáng dã. Đắc được khoái lạc vô ngại của Như Lai. Thoát khỏi biển phiền não. Tu con đường Phật pháp, tâm từ đầy

khấp, sức bi rộng lớn. Khấp khiến cho tất cả đắc được an lạc thanh tịnh. Thủ hộ căn lành, gần gũi Phật pháp, thoát khỏi cảnh giới ma, nhập vào cảnh giới của Phật. Đoạn hạt giống thế gian, gieo trồng hạt giống Như Lai. Trụ ở trong pháp ba đời bình đẳng. Đại Bồ Tát đem hết thân căn lành đã tích tập, sẽ tích tập, hiện đang tích tập, thân đều hồi hướng.

Vị Bồ Tát đó tu pháp hồi hướng đẳng tất cả Phật, khi Ngài lúc đương sơ phát tâm bồ đề, thì Ngài khấp nhiếp thọ hết thân chúng sinh, tu hành đủ thứ căn lành, đem căn lành đó, thân đều hồi hướng cho pháp giới chúng sinh. Mục đích Ngài hồi hướng là muốn khiến cho tất cả chúng sinh, vĩnh viễn thoát khỏi khoáng dã sinh tử. Nghĩa là nói những chúng sinh đó, khi sống thì chẳng chỗ nương, chết rồi cũng chẳng có quy túc, sinh tử hai con đường, chẳng có biện pháp dứt sinh tử, cho nên dùng hai chữ "khoáng dã" để hình dung. Chúng sinh có thể vĩnh viễn lìa khoáng dã sinh tử, thì tự nhiên sẽ được lợi ích của Bồ Tát giáo hoá, tin sâu chánh pháp, biết tu hành biện đạo, sẽ đắc được khoái lạc chẳng chướng ngại của mười phương chư Phật, chẳng thọ bất cứ sự vật nào nhiều loạn chân tâm khoái lạc.

Lúc đó, phiền não vô tận của tất cả chúng sinh, giống như biên cả, vô hình sẽ đoạn diệt. Họ đều thoát khỏi biển khổ phiền não. Vì chúng sinh đều minh bạch phải tu học đạo pháp của chư Phật. Tâm từ ái của chư Phật đầy đầy

khấp pháp giới, tâm bi tha thiết của Ngài, và nguyện lực cũng đặc biệt rộng lớn, sung mãn hư không, khắp khiến cho tất cả chúng sinh, đều đắc được khoái lạc mát mẻ. Thủ hộ căn lành của mình tu, cũng thủ hộ căn lành của tất cả chúng sinh, khiến cho tất cả chúng sinh đều biết gần gũi Phật, gần gũi pháp. Mình cũng gần gũi Phật, gần gũi pháp. Thoát khỏi tất cả cảnh giới của thiên ma ngoại đạo. Nhập vào cảnh giới chánh tri chánh kiến của Phật. Bồ Tát thường hành Bồ Tát đạo, tức là không để cho chúng sinh nhập vào cảnh giới ma. Đoạn trừ hạt giống thế gian, hạt giống thế gian tức là tất cả pháp ô nhiễm. Bồ Tát tự mình sớm đã dứt sạch ô nhiễm, cho nên Ngài giáo hoá chúng sinh, khiến cho chúng sinh cũng dứt pháp ô nhiễm của thế gian, còn phải dứt trừ hạt giống pháp thế gian. Sau đó phải gieo trồng hạt giống Phật. Gì là hạt giống Phật ? Tức là trí huệ thù thắng. Trí huệ thì phải tu tập, cho nên phải tu học Phật đạo, giống như tài bồi hạt giống, cũng cần phải vun bồi tưới nước. Trí huệ của Như Lai, tức là hạt giống của Phật. Tu học Phật đạo, tức là vun bồi hạt giống trí huệ. Bồ Tát trụ ở trong pháp ba đời bình đẳng của chư Phật nói ra, nơi tất cả lý sự, chẳng sinh biên kiến phân biệt, ôm lòng bình đẳng đại từ. Ba đời, tức là đời quá khứ, đời hiện tại, và đời vị lai. Đại Bồ Tát đem căn lành Ngài đã tích tập trong quá khứ, căn lành Ngài sẽ tích tập đời vị lai, căn lành Ngài đang tích tập hiện tại, tư hào chẳng lưu giữ, hoàn toàn hồi hướng cho tất cả chúng sinh, hồi hướng về vô thượng bồ đề, hồi hướng về chân như thật tế.

Ngài lại nghĩ như vậy: Như chỗ tu hành của chư Phật Bồ Tát quá khứ thực

hành, cung kính cúng dường tất cả chư Phật. Độ các chúng sinh, khiến cho họ vĩnh viễn thoát khỏi. Siêng năng tu tập tất cả căn lành, thấy đều hồi hướng mà chẳng chấp trước. Những là chẳng nương nơi sắc, chẳng chấp vào thọ, không tưởng điên đảo, chẳng tác ý nơi hành, chẳng thủ lấy thức. Xả lìa sáu xứ, chẳng trụ thế pháp, ưa xuất thế gian.

Bồ Tát lại quán tưởng như vậy: Tôi phải học hạnh môn tu hành của chư Phật và Bồ Tát quá khứ, tôi nguyện ý tu hành giống như các Ngài. Giống như các Ngài cung kính tất cả chư Phật, cúng dường tất cả chư Phật, gần gũi tất cả chư Phật, lễ lạy tất cả chư Phật, khen ngợi tất cả chư Phật. Độ tất cả chúng sinh, thường xiển dương chánh pháp đối với họ, tiếp dẫn họ lìa khổ được vui, khiến cho họ vĩnh viễn thoát khỏi ba cõi: Cõi dục, cõi sắc, cõi vô sắc. Luôn luôn dũng mãnh tinh tấn, siêng năng tu tập tất cả căn lành. Tất cả căn lành tức là "Không làm các điều ác, chuyên làm các việc lành", để tăng trưởng căn lành của mình. Đem căn lành của mình tu tập, đều hồi hướng cho tất cả chúng sinh, hồi hướng về vô thượng bồ đề, hồi hướng về thật tế. Khi Bồ Tát hồi hướng như thế thì, một chút cũng chẳng chấp trước vào việc của mình làm, cũng chẳng chấp trước vào tôi đã giáo hoá tất cả chúng sinh. Như chẳng nương vào sắc, tức chẳng nương vào tất cả vật chất có hình, chẳng chấp vào nơi thọ uẩn, chẳng chấp vào nơi tưởng uẩn.

Chẳng có tư tưởng điên đảo, chẳng tác ý nơi hành uẩn, cũng chẳng chấp vào nơi thức uẩn. Sắc thọ tướng hành thức năm uẩn đều chẳng chấp vào. Xả lìa sắc thanh hương vị xúc pháp cảnh giới sáu trần. Vĩnh viễn lìa khỏi sự cảm dỗ của sáu xứ này. Tóm lại, Bồ Tát quyết chẳng lưu luyến nơi năm dục sáu trần. Tâm niệm của Ngài xa lìa hồng trần, đắc được pháp lạc thanh tịnh, cho nên Ngài chẳng trụ pháp thế gian mà hoan hỉ tu hành, ưa thích tu Phật đạo xuất thế gian, ưa thích xuất thế gian, vì Ngài biết tất cả trên thế gian đều là hư vọng.

Bồ Tát biết tất cả pháp như hư không. Chẳng từ đâu đến. Không sinh không diệt. Không có chân thật. Không có nhiệm trước. Xả lìa tất cả thấy phân biệt. Chẳng động chẳng chuyển, chẳng mất chẳng hoại. Trụ nơi thật tế. Không tướng lìa tướng, chỉ là một tướng. Vào sâu tất cả pháp tánh như vậy. Thường ưa tu tập phổ môn căn lành. Luôn thấy tất cả chúng hội của chư Phật.

Đại Bồ Tát tu hồi hướng đặng tất cả Phật, sở dĩ Ngài chẳng chấp vào đủ thứ cảnh giới năm dục sáu trần, là do Ngài đã biết tất cả pháp đều giống như hư không, chẳng có thật thể, như huyền như hoá, nó là từng duyên không tính, chẳng biết nó từ nơi nào đến, cũng chẳng biết nó quy về đâu. Nó chẳng sinh, cho nên mới không diệt. Tất cả pháp

đều là hư vọng không thật, vậy có thể chân thật chăng ? Đương nhiên chẳng có thể chân thật, lại có gì có thể nhiệm trước ? Bồ Tát thông đạt đạo lý pháp tánh vốn không, xa lìa được tất cả tri kiến phân biệt. Bất cứ cảnh giới gì cũng chẳng giao động được chánh kiến của Ngài, Ngài càng chẳng thuận theo cảnh giới mà lưu chuyển. Chẳng mất chẳng hoại, Bồ Tát chẳng chấp trước, tức là đắc không chỗ đắc, vậy còn có quan niệm có mất, có hoại chăng, cho nên Ngài chẳng mất, chẳng hoại. Trụ nơi thật tế, thấy thật thành quán, thấu rõ lý thể chân thật của các pháp. Thật tế tức là vô tướng, tâm cảnh vắng lặng, chẳng có bất cứ tướng gì. Lìa tướng tức là lìa tất cả tướng hư vọng, hiển tướng chân thật. Vô tướng là ở tại lý mà nói, vì các pháp vốn tự không có tướng. Lìa tướng là nương về trí mà nói. Lìa lấy tướng tức chẳng bị tướng làm chướng ngại, tức cũng là không chấp, không nương, mới sinh ra sức trí huệ. Chỉ là một tướng, câu trên nói thấu rõ không tướng lìa tướng, mười tướng đều lìa, tiếp theo nói chỉ là một tướng. Tại biểu diện của câu văn mà nhìn, thì giống như nói có một tướng, kỳ thật ý nghĩa một tướng, tức cũng là không tướng. Chữ "tướng", khái quát có mười thứ, tức là tướng sắc, thanh, hương, vị, xúc, tướng sinh, trụ, hoại, diệt, tướng nam, tướng nữ, cộng làm mười thứ. Bồ Tát đối với đạo lý ở trên vừa nói, đều y giáo phụng hành, vào sâu tất cả pháp tánh, khế hợp với pháp tánh tùy tướng mà tu. Dùng một nhiếp tất cả, tâm thường ưa phát nguyện lớn, tu khắp tất cả pháp môn tận hư không khắp pháp giới, tu tập căn lành. Mười phương ba đời chư Phật Ngài cũng thường thường thấy được, mà còn thường thường tham gia pháp hội của chư Phật, nghe chư Phật giảng Kinh thuyết pháp.

Như hồi hướng căn lành của tất cả Như Lai quá khứ. Tôi cũng hồi hướng như vậy. Hiểu pháp như vậy. Chứng pháp như vậy. Nương pháp như vậy. Phát tâm tu tập, chẳng trái với pháp tướng. Biết chỗ tu hành, như huyễn như bóng, như trăng trong nước, như hình trong gương, do duyên hoà hợp mà hiển hiện. Cho đến bậc Như Lai rất ráo.

Đại Bồ Tát tu pháp hồi hướng đấng tất cả Phật, Ngài quyết tâm muốn học hồi hướng căn lành của tất cả chư Phật quá khứ tu hành. "Tôi cũng muốn chiếu theo phương pháp của các Ngài tu mà tu hồi hướng", đem căn lành này vì chúng sinh hồi hướng. Bồ Tát Ngài tự suy gẫm: Tôi đã minh bạch hết thấy tất cả các pháp. Tôi cũng chứng được diệu pháp không thể nghĩ bàn. Nghĩa là tôi y chiếu theo diệu pháp không thể nghĩ bàn này tu hành. Tôi đã từng phát tâm đại bồ đề, tu tập diệu pháp không thể nghĩ bàn của chư Phật nói. Tuy tôi đã biết các pháp không tướng, tu pháp không tướng, nhưng tôi chẳng trái với pháp tướng, đây là vì giáo hoá chúng sinh, giả dùng lời nói mà thôi. Tôi biết như lý tu hành, song, tôi chưa từng chấp trước vào năng tu và sở tu, vì hết thấy tất cả đều là như huyễn, như bóng, chẳng có chân thật. Lại giống như mặt trăng trong nước, như hình trong gương, đều chẳng có vật thật, là nhân duyên hoà hợp mà sinh ra. Bản thân của tấm gương là một miếng trong sáng, vật đến thì hiện, vật đi thì không, do

nhân duyên hoà hợp mới có sự hiển hiện. Tôn chiếu theo đạo lý này mà tu hành, thì cuối cùng sẽ đạt đến rốt ráo viên mãn, thành tựu quả vị Phật.

**Phật tử ! Đại Bồ Tát lại nghĩ như vậy:
Như quá khứ, khi chư Phật tu hạnh bồ đề,
thì đem các căn lành hồi hướng như vậy.
Vị lai, hiện tại, cũng đều như vậy. Nay tôi
cũng nên như các đức Phật đó, phát tâm
như vậy. Đem các căn lành mà hồi hướng.
Bạc nhất hồi hướng. Thắng hồi hướng. Tối
thắng hồi hướng. Thượng hồi hướng. Vô
thượng hồi hướng. Vô đẳng hồi hướng. Vô
đẳng đẳng hồi hướng. Vô tử hồi hướng. Vô
đối hồi hướng. Tôn hồi hướng. Diệu hồi
hướng. Bình đẳng hồi hướng. Chánh trực
hồi hướng. Đại công đức hồi hướng. Rộng
lớn hồi hướng. Thiện hồi hướng. Thanh
tịnh hồi hướng. Lìa ác hồi hướng. Chẳng
tùy ác hồi hướng.**

Bồ Tát Kim Cang Tràng lại gọi một tiếng các vị đệ tử của Phật ! Đại Bồ Tát, tức là vị Bồ Tát tu pháp hồi hướng đẳng tất cả Phật, Ngài lại quán tưởng như vậy: Tôi phải giống như chư Phật quá khứ khi tu hạnh Bồ Tát, thì tu tập đủ thứ căn lành, hồi hướng cho tất cả chúng sinh, hồi

hương về bồ đề, hồi hương về thật tế. Chư Phật vị lai và chư Phật hiện tại, các Ngài cũng tu pháp hồi hương, cũng đều giống nhau. Hiện tại tôi phải hương về chư Phật ba đời học tập, phát tâm giống như các Ngài, đem căn lành của tôi tu tập, hồi hương cho pháp giới chúng sinh, hồi hương về vô thượng bồ đề, hồi hương về thật tế. Bậc nhất hồi hương: Bồ Tát tu tập đủ thứ pháp môn, dùng hồi hương làm đầu, cho nên gọi là bậc nhất hồi hương. Thắng hồi hương: Bồ Tát đem căn lành của mình tu tập hồi tự hương tha (quay lại mình hương về người khác), tâm từ bi của Ngài lượng đồng hư không, vượt qua mục đích của phạm phu và người tiểu thừa tu hành, cầu cho chính mình, cho nên nói là thắng hồi hương, tức là thắng hơn sự hồi hương của bậc Thánh nhị thừa. Tối thắng hồi hương: Pháp hồi hương là tối thù thắng, vượt qua nhân vị. Thượng hồi hương: Hồi hương tối thượng, cho nên gọi là thượng hồi hương. Vô thượng hồi hương: Chẳng có gì cao hơn so với pháp hồi hương. Vô đẳng hồi hương: Chẳng có pháp gì có thể sánh bằng với pháp hồi hương. Vô đẳng đẳng hồi hương: Công đức lành hồi hương, đã đạt đến cực điểm, chẳng có gì có thể sánh bằng nó. Vô tỉ hồi hương: Chẳng có gì có thể sánh bằng hồi hương, tìm chẳng được cái gì có thể luận bằng nó được. Vô đối hồi hương: Hồi hương tuyệt đối, vô địch. Tôn hồi hương: Hồi hương tôn quý nhất. Diệu hồi hương: Tâm không thể nghĩ, lời không thể luận bàn, nên gọi là diệu hồi hương. Bình đẳng hồi hương: Dùng tâm bình đẳng nhìn chúng sinh, đem đủ thứ căn lành bình đẳng hồi hương cho chúng sinh, lợi ích khắp hết thảy. Chánh trực hồi hương: Dùng tâm ngay thẳng, không nghĩ tới thù xưa, chẳng ghét kẻ ác, bình đẳng chánh trực hồi hương cho tất cả chúng

sinh. Đại công đức hồi hướng: Bồ Tát đem đại công đức tu hành, khắp hồi hướng cho tất cả chúng sinh. Rộng lớn hồi hướng: Nguyên lớn hồi hướng khắp cùng pháp giới. Thiện hồi hướng: Làm đủ thứ nghiệp thiện hồi hướng. Thanh tịnh hồi hướng: Dùng tâm thanh tịnh nhất để hồi hướng căn lành tu được. Lìa ác hồi hướng: Lìa khỏi tất cả nghiệp ác, hồi hướng chẳng có một chút nhiễm ô. Chẳng tùy ác hồi hướng: Hồi hướng chẳng di chuyển theo cảnh giới ác.

Bồ Tát đem các căn lành chánh hồi hướng như thế rồi, thành tựu thanh tịnh thân lời ý nghiệp. Trụ chỗ trụ của Bồ Tát, chẳng có lỗi lầm. Tu tập nghiệp lành. Lìa điều ác nơi thân và lời nói. Tâm chẳng có vết ô uế. Tu nhất thiết trí, trụ nơi tâm rộng lớn. Biết tất cả pháp, chẳng có chỗ làm. Trụ nơi pháp xuất thế. Chẳng nhiễm pháp thế gian. Phân biệt biết rõ vô lượng các nghiệp. Thành tựu phương tiện hồi hướng khéo léo, vĩnh viễn nhổ sạch tất cả gốc rễ chấp trước.

Vị đại Bồ Tát đó, tu pháp hồi hướng đẳng tất cả Phật, dùng đủ thứ căn lành công đức của Ngài tu tập, tâm từ bi chánh tâm thành ý, chánh trực vô tư, chánh niệm không tà, tâm thanh tịnh, hồi hướng cho pháp giới chúng sinh, hồi hướng vô thượng bồ đề, hồi hướng về thật tế rồi,

thành trụ thân, lời, ý, ba nghiệp thanh tịnh. Trụ nơi quả vị của Bồ Tát trụ, diệt trừ tất cả lỗi lầm, đắc được chân chánh không nhiễm, không cấu bần, tu tập tất cả nghiệp thiện. Xa lìa nghiệp ác về thân: Giết hại, trộm cắp, tà dâm. Nghiệp ác về lời nói: Nói dối, nói thêu dệt, nói hai lưỡi, chưởi mắng. Tâm, tức là ý, trong tâm cũng chẳng có chút gì vết và ô nhiễm nào. Nghiệp ác về ý: Tham, sân, si. Nếu ba nghiệp này thanh tịnh, siêng tu các pháp, thì tự nhiên sẽ sinh ra trí huệ, vì trí huệ là từ trong sự thanh tịnh mà sinh ra. Nếu tâm có sự ô nhiễm, thì trí huệ tuyệt đối không thể sinh ra. Tu hành, là đồng như tu nhất thiết trí. Trụ tâm rộng lớn: Tâm lượng rộng lớn như hư không, bao hàm tất cả. Người hay tu hành bố thí lớn, thì tâm họ nhất định sẽ rộng lớn. Người chịu tu bố thí, thì tâm tham sân si sẽ bớt đi. Phạm là người tâm tham, tâm sân, tâm si nặng, thì tâm lượng của họ nhất định sẽ hẹp hòi, có mình, chẳng có người. Bồ Tát lại biết tất cả pháp, chẳng có một tác giả nào cả, cũng chẳng có kẻ thọ. An trụ ở trong chánh niệm của chánh pháp, tuyệt đối chẳng bị pháp thế gian làm ô nhiễm. Phân biệt biết rõ vô lượng các nghiệp, Bồ Tát đều biết rất rõ ràng đủ thứ sự khác nhau, nghiệp nhân, nghiệp duyên, nghiệp quả, chẳng có số lượng. Đem căn lành thành tựu của mình, hồi hướng cho hết thảy chúng sinh, dùng pháp môn phương tiện khéo léo, giáo hoá chúng sinh, dẫn dắt chúng sinh, cứu chúng sinh ra khỏi từ trong sự chấp trước, khiến cho họ vĩnh viễn nhờ sạch gốc rễ chấp trước. Gốc rễ chấp trước của chúng sinh tức là ba độc tham sân si.

Phật tử ! Đó là hồi hướng đẳng tất cả Phật thứ ba của đại Bồ Tát.

Các vị đệ tử của Phật ! Đó tức là hồi hướng thứ ba trong mười hồi hướng, hồi hướng đặng tất cả Phật của đại Bồ Tát tu tập.

Đại Bồ Tát trụ ở hồi hướng này, vào sâu nghiệp của tất cả Như Lai. Hướng về công đức thù thắng vi diệu của Như Lai. Vào sâu cảnh giới trí huệ thanh tịnh. Chẳng lìa nghiệp của tất cả Bồ Tát. Khéo phân biệt phương tiện khéo léo, mà vào sâu pháp giới. Khéo biết Bồ Tát tu hành thứ lớp. Vào giống tánh của Phật. Dùng phương tiện khéo, phân biệt biết rõ vô lượng vô biên tất cả các pháp. Tuy lại hiện thân sinh ra trong thế gian, mà nơi pháp thế gian tâm chẳng chấp trước.

Vị đại Bồ Tát đó tu hồi hướng đặng tất cả Phật, Ngài an trụ ở trong hồi hướng thứ ba, Ngài vào sâu giác đạo nghiệp Phật của chư Phật, mà tu tập nghiệp của chư Phật. Lại siêng năng tinh tấn tu học nghiệp Phật, hướng về quả đức thù thắng vi diệu của Phật. Lại vào được cảnh giới trí huệ thanh tịnh thâm sâu mà hướng về bồ đề. Luôn luôn tu học chẳng giải đãi, chưa từng lìa khỏi đạo nghiệp của các Bồ Tát tu hành. Khéo phân biệt thật tướng của các pháp, dùng pháp môn phương tiện khéo léo giáo hoá chúng sinh. Vào pháp giới thanh tịnh thâm sâu, thường chuyển bánh xe

pháp. Lại biết rõ pháp môn tu hành của Bồ Tát, phải từ lục độ vạn hạnh mà hạ thủ. Tu hành biện đạo, đều có thứ tự nhất định. Nếu tu mù luyện đuôi, thì sẽ lãng phí thời gian vô ích, cho nên phải y theo lời chỉ dạy của thiện tri thức, thuận theo thứ tự, mà nhập vào đạo đưa đến sự thành Phật. Vào giống tánh của Phật: Phải khế hợp với giống tánh với Phật, chánh niệm suy gẫm, hợp với ý của Phật. Lại vận dụng pháp môn phương tiện khéo léo, phân biệt rõ ràng, minh bạch vô lượng vô biên tất cả diệu pháp, dùng những diệu pháp này giáo hoá chúng sinh, độ chúng sinh thoát khỏi biển khổ. Tuy nhiên Bồ Tát một lần, lại một lần đến thế giới này, nhưng Ngài thừa nguyện lực mà đến độ chúng sinh, chứ chẳng phải vì tham luyện hưởng thụ năm dục thế gian mà đến thọ sinh. Bồ Tát đối với pháp thế gian chẳng chấp trước, tâm càng không tham nhiễm sắc thanh hương vị xúc, hoặc tài sắc danh ăn ngủ năm dục.

Bấy giờ, Bồ Tát Kim Cang Tràng, nương thân lực của đức Phật. Quán sát mười phương, liền nói kệ rằng:

**Các Bồ Tát Ma Ha Tát đó
Tu pháp hồi hướng Phật quá khứ
Cũng học Phật vị lai hiện tại
Tu hành của tất cả Đạo Sư.**

Khi Bồ Tát Kim Cang Tràng giảng xong hồi hướng thứ ba, thì Ngài liền nương đại oai thân lực của mười phương chư Phật và Phật Tỳ Lô Giá Na cùng với Đức Phật

Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni, quán sát khắp căn tánh và nhân duyên của tất cả chúng sinh trong mười phương, lại dùng phương pháp kệ tụng, thuật lại Kinh văn trường hàng ở trên. Khiến cho chúng sinh đương thời, chúng sinh vị lai, dễ dàng minh bạch, dễ dàng tu hành, dễ dàng thành tựu.

Ngài nói: Vị Bồ Tát này tu pháp hồi hướng, là vị Đại Bồ Tát trong các Bồ Tát. Đại Bồ Tát tu pháp lớn, phát nguyện lớn, thành quả lớn, rộng độ vô lượng chúng sinh. Pháp môn tu hành của vị Bồ Tát đó, là học tập thể nguyện lớn của chư Phật đời quá khứ, pháp môn hồi hướng. Ngài cũng học tập chư Phật vị lai, và chư Phật hiện tại đang tu pháp hồi hướng này, cùng với pháp môn của mười phương chư Phật tu hành, chứng quả vị mà Phật chứng, nói đủ thứ diệu pháp mà Phật nói. Đạo sư, là một danh từ riêng gọi Phật.

**Nơi các cảnh giới được an lạc
Chỗ chư Phật Như Lai khen ngợi
Mắt thanh tịnh quang minh rộng lớn
Đều đem hồi hướng đại trí huệ.**

Tại sao một số người có nhiều ưu sầu phiền não ? Tại sao cảm giác chẳng vui vẻ ? Là vì mỗi người có sự chấp trước của mỗi người. Vật gì cũng khiến cho sự chấp trước phát sinh sức lực lớn, là do ba độc tham sân si, và hơn nữa là do nhân quả. Do tâm vọng tham sân si nặng, bèn sinh ra chấp trước, khởi hoặc, tạo nghiệp. Vì chấp trước, phiền não trùng trùng, nên tâm niệm trong tâm đầy dẫy ưu sầu phiền não, tham sân si càng sâu dày. Một người như thế, thì hiện tại không thể nào đắc được an lạc, về sau

đời đời kiếp kiếp lại như thế nào ? Giống như người như thế, phiền não nặng, suốt ngày ưu sầu khổ não nặng, đều là do đời hiện tại nhiệm trước. Đây cũng là do nhân duyên hạt giống và tập khí trong đời quá khứ mà ra. Tại sao Bồ Tát đối với tất cả cảnh giới đều cảm giác tự tại an lạc ? Vì Ngài chẳng có phiền não chấp trước, trong tự tâm của Ngài chẳng có ta, người, tâm từ bi bình đẳng đối đãi với tất cả chúng sinh, hộ niệm tất cả chúng sinh. Đời đời kiếp kiếp ở trong mười phương thế giới cứu hộ chúng sinh, giáo hoá chúng sinh, dẫn dắt chúng sinh, từ nơi đen tối dẫn ra ánh sáng, lìa khổ được vui. Bồ Tát làm như vậy, chính mình an lạc, cũng được mười phương chư Phật cùng khen ngợi. Phật có trí huệ rộng lớn, Bồ Tát tu pháp hồi hướng, Ngài cũng có trí huệ quang minh rộng lớn, mắt trí huệ thanh tịnh. Bồ Tát đem căn lành của Ngài tu tập, hồi hướng đến người có trí huệ tối thượng, mười phương chư Phật.

**Căn thân Bồ Tát đủ thứ vui
Mắt tai mũi lưỡi cũng như thế
Như vậy vô lượng vui thượng diệu
Đều đem hồi hướng bậc tối thắng.**

Căn thân của Bồ Tát, bao quát mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý, sáu căn. Sáu căn thanh tịnh, thì tất cả đều khoái lạc. Bồ Tát do nơi ý căn đắc được thanh tịnh, thì trong con mắt thấy toàn là cảnh giới thanh tịnh, trong lỗ tai nghe đều là pháp âm vô thượng vi diệu, trong lỗ mũi ngửi hương thơm, trong miệng nếm pháp vị vô thượng, thân xúc giác thanh thoi. Như vậy sáu căn tứ chi, chẳng có một nơi nào chẳng đầy đầy tự tại an lạc. Bồ Tát tự thân an lạc, càng lấy sự vui

của chúng sinh làm vui, Ngài chẳng tự vui, chẳng vui một mình, Ngài muốn ban cho chúng sinh cùng vui. Ngài với chúng sinh cùng vui cùng khổ, cho nên Ngài tu lục độ vạn hạnh, hộ niệm chúng sinh, xem chúng sinh là một thể, mà chẳng có phân biệt đó đây. Giống như vô lượng vui thượng diệu, Bồ Tát thấy đều hồi hướng về bồ đề giác đạo tối thắng, tối cao, hồi hướng về thật tế, hồi hướng cho chúng sinh.

Tất cả các pháp lành thế gian Với sự thành tựu của chư Phật Nơi đó đều nhiếp chẳng dư thừa Thấy đều tùy hỷ lợi chúng sinh.

Mười phương thế giới hết thấy đủ thứ pháp lành, tức là tất cả chánh pháp của Phật nói, pháp hay lia khổ được vui, chấm dứt sinh tử, thoát khỏi ba cõi, chứng giác đạo. Cùng với diệu pháp của mười phương chư Phật tu hành thành tựu, viên mãn chứng được Phật quả. Đối với đủ thứ các pháp thượng diệu đó, đại Bồ Tát tu pháp thập hồi hướng, nơi mỗi pháp môn Ngài đều tu tập, nhiếp thọ mà siêng tu tập, chẳng bỏ qua một pháp nào. Bồ Tát Ngài tùy hỷ công đức, lại hồi hướng cho chín pháp giới chúng sinh, khiến cho họ đều đắc được lợi ích. Bồ Tát chưa có lúc nào quên chúng sinh, chỉ cần có sự lợi ích cho chúng sinh, thì Bồ Tát nhất định lợi ích cho chúng sinh.

Thế gian tùy hỷ vô lượng thứ Nay đây hồi hướng vì chúng sinh

Hết thủy vui của đấng Nhân Sư Nguyện khiến quần sinh đều viên mãn.

Việc có thể thành tựu tùy hi công đức trong thế gian, có nhiều loại nói không hết được. Bồ Tát tu lục độ đủ thứ căn lành, nếu hay tùy hi, thì sẽ thành tựu vô lượng công đức. Ý nghĩa tùy hi là: "Tùy theo họ tu thiện, vui việc họ thành tựu". Nếu thấy người làm tất cả căn lành công đức, như bố thí .v.v... mà mình chẳng có khả năng làm đại bố thí, không thể thường dùng tài sức vật chất cúng dường Tam Bảo, thì nếu người bố thí cúng dường, cũng phải nên hoan hỉ khen ngợi. Lại như Phật ở trong Kinh Pháp Hoa, chuyên có một phẩm nói về tùy hi công đức vô lượng. Lại như đại nguyện thứ năm trong mười đại nguyện vương của Bồ Tát Phổ Hiền, cũng nói về tùy hi công đức. Ngài nói: "Chư Phật tu khổ hạnh khó hành đủ thứ căn lành, khó xả mà xả được, tôi đều hoan hỉ. Mười phương thế giới, sáu nẻo bốn loài tất cả các loại, hết thủy công đức, cho đến một hạt bụi tôi đều tùy hi. Bậc Thánh hàng nhị thừa tu tất cả công đức, tôi đều tùy hi. Các Bồ Tát tu khổ hạnh khó thực hành, công đức rộng lớn vì cầu vô thượng bồ đề, tôi đều tùy hi". Căn lành công đức của Bồ Tát Phổ Hiền, đã nhập vào nhà Như Lai, đại Bồ Tát đồng với quả vị của chư Phật, Ngài đều coi trọng việc tu tùy hi công đức, cho đến công đức của sáu nẻo bốn loài chúng sinh, Ngài đều tùy hi, do đó có thể thấy Bồ Tát Phổ Hiền rất là từ bi, mà xem bình đẳng tất cả chúng sinh. Phạm là người biết tu tùy hi công đức, thì người đó nhất định tâm lượng rộng lớn, chẳng có tâm đố kỵ với người khác. Nếu cảm thấy tâm lượng của mình không đủ rộng lớn, thì xin bạn nên tận sức học tu tùy

hỉ, dùng tâm khản thiết tùy thời khen ngợi việc lành, hạnh lành, của người khác. Tùy hỉ công đức, có thể diệt tội đồ kị người khác tu việc lành.

Đại Bồ Tát tu pháp thập hồi hướng, Ngài nói với chúng ta trên thế gian có thể tu pháp tùy hỉ, có thể do tùy hỉ mà thành tựu căn lành công đức, có vô lượng vô biên thứ loại. Bồ Tát nói: "Nay tôi hồi hướng vì chúng sinh", hiện tại tôi tu pháp hồi hướng, là vì chúng sinh. Cho nên tôi phải đem căn lành tu được, công đức tích tập, cùng với pháp môn thù thắng mà tâm đắc được, hoàn toàn vì tất cả chúng sinh mà hồi hướng, hy vọng họ đắc được lợi ích hồi hướng của tôi, sớm thành đạo nghiệp. Lại có thể đắc được đấng Sư Tử trong loài người, tức là Phật, hết thấy pháp vui thượng diệu. Tôi nguyện khiến cho quần sinh, tức là chúng sinh có huyết, có hữu tình thức, đủ thứ loại khác nhau, nguyện cho họ đều đắc được viên mãn khoái lạc như Phật.

**Tất cả cõi nước các Như Lai
Phàm chỗ thấy biết đủ thứ vui
Nguyện khiến chúng sinh thấy đều được
Mà làm đèn sáng chiếu thế gian.**

Tất cả cõi nước, là nói cõi nước của mười phương chư Phật, và cõi nước chư Phật trụ thế trong đó. Chỗ biết của chư Phật là biết khắp, thấy là thấy bình đẳng đúng đắn, cùng với vô lượng trí huệ và đủ thứ an vui của Phật. Đại Bồ Tát tu pháp thập hồi hướng nói: Tôi phát nguyện muốn khiến cho hết thấy chúng sinh đều đắc được hết thấy an lạc của Phật, như hết thấy căn lành của Phật, như hết thấy trí huệ quang minh của Phật, mà làm ngọn đèn sáng lớn, đèn

đại trí huệ, một vị đại giác ngộ, chiếu sáng mười phương thế giới. Hy vọng mỗi chúng sinh đều thành Phật, đều cùng thành Phật đạo. Đó tức là đại nguyện của đại Bồ Tát tu thập hồi hướng phát ra, tức cũng là mục đích của Bồ Tát tu hành.

Bồ Tát đắc được vui thắng diệu Đều đem hồi hướng các quần sinh Chỉ vì quần sinh nên hồi hướng Mà nơi hồi hướng chẳng chấp trước.

Bồ Tát tu Phật đạo thượng thừa, Ngài chưa từng xả bỏ chúng sinh, chưa từng quên chúng sinh, vì cứu bạt chúng sinh mà tu hành, quyết chẳng vì mình mà tính toán bất cứ chuyện gì. Tuy Bồ Tát cũng có thân thể, nhưng Ngài lấy thân chúng sinh làm thân thể của Ngài. Bồ Tát đạo mà Bồ Tát tu hành, là vô duyên đại từ, đồng thể đại bi. Vô duyên là nói người đó với Ngài chẳng có nhân duyên, chẳng có quan hệ thân thuộc gì, nhưng Bồ Tát dùng mắt hiền từ nhìn đối với họ. Giống như những người chẳng tu hành, người phóng dật nhất, người chẳng giữ giới luật nhất, người thường phạm điều của Phật chế ra, Bồ Tát đối với họ chẳng nhớ điều ác xưa, cũng chẳng nhằm bỏ, vẫn dùng tâm từ hộ niệm, giáo hoá họ. Tại sao Bồ Tát phải làm như thế? Vì Bồ Tát lấy chúng sinh làm thể, Ngài chẳng còn quan niệm ta, người, mục đích của Ngài là muốn khiến cho chúng sinh hoan hỷ an lạc, cho nên Ngài chẳng ngại gian khổ, vẫn hướng về phương hướng đó mà làm. Đó tức là Bồ Tát, đó tức là Bồ Tát được mọi người khen ngợi tán thán, làm chỗ y chỉ. Bồ Tát Ngài ái hộ tất cả những người chẳng

minh bạch đạo lý, Ngài cũng ái hộ những người điên đảo ngu si, Ngài cũng dùng tâm vô duyên đại từ và đồng thể đại bi để giáo hoá họ, hy vọng họ đều có thể cải ác hướng thiện, sửa lỗi làm mới.

Các vị ! Các bạn hãy mở mắt nhìn xem, trên thế giới này ai là người thật tốt, ai là người chẳng có tội lỗi, ai là người hoàn toàn lương thiện ? Tôi e rằng tìm hết khắp thế giới, cũng tìm chẳng được một người. Dù họ không có lỗi lớn, cũng có lỗi nhỏ. Chẳng có lỗi nhỏ, và trong tâm còn có lỗi chưa sinh ra. Giống như vậy, người chẳng có bệnh nặng, thì cũng tránh không khỏi bệnh nhẹ. Chẳng có bệnh nhẹ, thì cũng có những mao bệnh. Vậy đi tìm người thập toàn thập mỹ ở đâu ? Bồ Tát thương nhớ chúng sinh, chẳng màng là chúng sinh thiện hay ác, Ngài đều đối đãi bình đẳng. Cho nên chúng ta người tu đạo, giáo hoá chúng sinh, ngàn vạn đừng có thành kiến, không thể cứ lựa chọn người tốt để giáo hoá, giống như người đã rất tốt rồi, thì không cần người đi giáo hoá. Phải nên chú ý đến những người có khuyết điểm, đi trên con đường ác, hoặc người đang bồi hồi giữa thiện và ác, thì cần phải giáo hoá. Đừng sợ phí tinh thần, người càng không tốt, thì càng phải đi giáo hoá, đừng bỏ qua, phải dùng tâm thành khẩn nhất, tâm chân thành nhất đối đãi gặp họ, khiến cho họ thọ sự cảm hoá, biết quay đầu sửa đổi lỗi lầm. Đó tức là người tu đạo học hành vi của Bồ Tát, mới không cô phụ thân làm đệ tử của Phật, mới có thể dưỡng lớn tâm đại bi. Bồ Tát tu pháp hồi hướng ôm hoài bảo vô duyên đại từ, đồng thể đại bi hành Bồ Tát đạo, khắp hộ niệm tất cả chúng sinh, cho nên Ngài đắc được an lạc, là vui thù thắng vi diệu. Sự an vui đó không thể dùng tâm suy nghĩ, không thể dùng lời để ví dụ

được. Sự an lạc đó giống như "Nhu người uống nước, nóng lạnh tự biết", Bồ Tát đem niềm an vui đó, công đức đó, căn lành đó, thấy đều hồi hướng cho hết thấy chúng sinh, khiến cho những chúng sinh đó, đều phát tâm bồ đề, tu các pháp lành, hành Bồ Tát đạo, mà đắc được an vui thắng diệu giống như Bồ Tát. Tuy nhiên Bồ Tát vì chúng sinh tu pháp hồi hướng, lại đem căn lành tu được hồi hướng cho chúng sinh, nhưng Ngài đối với công đức hồi hướng, chưa từng chấp trước, cũng chẳng cảm thấy tôi đem hết thấy công đức đều hồi hướng cho chúng sinh, các bạn xem tôi đối với chúng sinh có nhiều từ bi, ban cho họ nhiều ân huệ, chỉ có tôi mới đang hành Bồ Tát đạo. Bồ Tát chẳng có nghĩ như thế. Nếu có ý niệm đó, thì có sự chấp trước, tức là chấp có cái ta, có người, có chúng sinh, có thọ mạng, bốn tướng, thì không thể gọi là Bồ Tát. Vị đại Bồ Tát này tu pháp hồi hướng đặng tất cả Phật, Ngài hành chỗ vô sự, làm mà không làm, tuy hồi hướng mà chẳng chấp vào sự hồi hướng. Bồ Tát thấy tất cả pháp đều không, thấu rõ các pháp thật tướng, vào sâu cảnh giới người và pháp đều không.

**Bồ Tát tu hành hồi hướng này
Phát khởi vô lượng tâm đại bi
Nhu đức hồi hướng của Phật tu
Nguyện tôi tu hành đều thành tựu.**

Bồ Tát là gọi tắt, nói đủ là Bồ Đề Tát Đỏa. Tiếng Tàu dịch là "giác hữu tình", hoặc là "hữu tình giác", hoặc là chúng sinh "tâm đạo lớn". Tâm lượng của Bồ Tát rộng lớn, giống như hư không, bao quát hết thấy. Từ bi làm đầu,

chẳng xả bỏ chúng sinh. Bồ Tát tu sáu độ vạn hạnh, pháp môn hồi hướng là nguyện lớn của Ngài, đem căn lành công đức tu vạn hạnh, hồi hướng cho pháp giới chúng sinh, hồi hướng về vô thượng bồ đề, hồi hướng về thật tế. Khi hồi hướng thì trong tâm phát khởi vô lượng đại bi, vì Bồ Tát thương xót chúng sinh, mê muội không có trí huệ, ở trong biển khổ, mà không biết tự cứu. Bồ Tát thấy tình huống đó, tâm bi tha thiết, phát nguyện muốn cứu vớt những chúng sinh thọ khổ đó, vì họ mà giải trừ vô lượng khổ não, khiến cho họ đắc được an ổn khoái lạc. Đại Bồ Tát, Ngài tu công đức hồi hướng, như công đức hồi hướng của ba đời chư Phật tu. Bồ Tát phát nguyện nói: Nguyện công đức và đủ thứ căn lành của tôi tu hành, đều thành tựu, đắc được quả Phật viên mãn.

Như bậc Tối Thắng đã thành tựu Nhất thiết trí thừa vui vi diệu Chỗ thực hành ở đời của tôi Các hạnh Bồ Tát vô lượng vui.

Đại Bồ Tát tu pháp hồi hướng tu căn lành công đức, giống như mười phương chư Phật, thành tựu viên mãn quả giác bồ đề tối thượng. Tối thắng, là chỉ cho Đức Phật mà nói. Nhất thiết trí thừa, tức là Phật thừa. Chư Phật chứng được trí huệ vô thượng, đắc được vui của Phật là vi diệu không thể nghĩ bàn. Bồ Tát cũng nguyện đắc được an vui đó. Cùng với sự tu tập đủ thứ căn lành của tôi trong mười phương thế giới, đủ thứ công đức hành Bồ Tát đạo, cũng sẽ đắc được giống như các vị Bồ Tát khác tu hành đắc được vô lượng an vui.

**Thị hiện vào các loài an vui
Luôn giữ các căn vui vắng lặng
Thấy đều hồi hướng cho quần sinh
Khắp khiến tu thành vô thượng trí.**

Bồ Tát tu hạnh Bồ Tát, phổ độ chúng sinh, nhìn chúng sinh nào đang ở trong khổ nạn, thì Ngài thừa nguyện thọ sinh vào đó. Có lúc thị hiện vào bốn đường ác, Ngài cũng đều cảm giác an ổn khoái lạc như nhau. Hoặc khi thị hiện vào trong loài người hoặc làm trời, Ngài cũng chẳng bị phước trời và vui năm dục ở nhân gian làm mê hoặc, vì Bồ Tát luôn luôn giữ gìn sáu căn của Ngài, lúc nào cũng đều hồi quang phản chiếu, đắc được an vui vắng lặng. Chẳng giống như sáu căn của phàm phu, suốt ngày chạy rong bên ngoài, khắp nơi tác quái. Bồ Tát tu đủ thứ căn lành, tích tập vô lượng công đức, phát tâm đại bồ đề, hoàn toàn hồi hướng cho tất cả chúng sinh, hy vọng những chúng sinh đó, thấy đều tu hành đạo vô thượng, thành tựu trí huệ vô thượng.

**Chẳng thân lời ý tức là nghiệp
Cũng chẳng lìa đây mà riêng có
Chỉ dùng phương tiện diệt si tối
Như vậy tu thành vô thượng trí.**

Ý nghĩa chẳng thân lời ý, tức là thân lời ý đều thanh tịnh. Tức là chữ nghiệp chỉ cho nghiệp lành. Nghiệp có nghiệp lành và nghiệp ác. Nếu ba nghiệp thanh tịnh, thì đều

là ba nghiệp lành, chứ chẳng phải chẳng có nghiệp, chỉ là chẳng có nghiệp ác. Ví như không giết hại, không trộm cắp, không tà dâm, không tham, không sân, không si, không nói dối, không nói hai lưỡi, không nói thêu dệt, không chưởi mắng, thì biến thành mười nghiệp lành. Chứ chẳng phải nói thân miệng ý có nghiệp ác, cũng chẳng phải nói lìa khỏi thân lời ý, riêng ngoài còn có nghiệp lành. Và lại nói băng tức là nước, nhưng nước không thể nói là băng. Có thể nói băng là nước đông lại thành, nước là do băng tan ra mà có. Lìa khỏi băng không thể có nước, lìa khỏi nước cũng không thể có băng. Cho nên nói cũng không thể lìa thân lời ý, mà riêng biệt có nghiệp. Chỉ cần dùng pháp môn phương tiện để diệt trừ tham sân si ba độc. Giống như mỗi ngày mỗi ngày tinh tấn dững mãnh, tu học Phật đạo, thì cuối cùng nhất định sẽ thành tựu trí huệ vô thượng.

**Bồ Tát tu hành các hạnh nghiệp
Tích tập vô lượng thắng công đức
Tuỳ thuận Như Lai sinh nhà Phật
Tịch nhiên chẳng loạn chánh hồi hướng.**

Sự tu hành của Bồ Tát là sáu độ vạn hạnh, sự hành trì của Bồ Tát là Bồ Tát đạo. Bồ Tát tích tập vô lượng nghiệp lành. Do đó, tích tập vô lượng căn lành rồi, sẽ thành tựu vô lượng công đức thù thắng. Bồ Tát thường theo Phật tu học, y giáo phụng hành. Tuỳ thuận tâm bi của Như Lai, độ khắp chúng sinh, công đức đầy đủ, giác hạnh viên mãn rồi, sẽ sinh vào nhà Phật, chẳng lâu sẽ chứng được quả vị Phật. Bồ Tát chẳng chấp trước, chẳng nương tựa, tư tưởng

hành vi luôn luôn ở trong chánh định, an ổn vắng lặng, chánh tâm thành ý tu pháp hồi hướng, thành khẩn hồi hướng cho chúng sinh.

**Mười phương tất cả các thế giới
Hết thấy chúng sinh đều nhiếp thọ
Đều đem căn lành hồi hướng cho
Nguyện khiến đầy đủ vui an ổn.**

Thế giới, chẳng chỉ riêng một thế giới này của chúng ta đang sống. Do đó: "Thế giới này, thế giới kia, mười phương vô lượng các thế giới. Cõi nước này, cõi nước nọ, mười phương vô lượng các cõi nước". Các cõi nước trong những thế giới đó, cũng đều có vô lượng đủ thứ chúng sinh. Bồ Tát vào trong các cõi nước trong mười phương thế giới hành Bồ Tát đạo, Ngài nhìn chúng sinh đều bình đẳng, giáo hoá khắp hết thấy, tất cả các loài chúng sinh, Ngài đều nhiếp thọ, hộ niệm. Ngài đem căn lành công đức của mình tu tập, hoàn toàn hồi hướng cho chúng sinh được nhiếp thọ, nguyện những chúng sinh đó đều phát tâm bồ đề, siêng tu Phật đạo, viên mãn đầy đủ bồ đề, đắc được vui an ổn.

**Chẳng vì thân mình cầu lợi ích
Muốn khiến tất cả đều an lạc
Chưa từng tạm khởi tâm hí luận
Chỉ quán các pháp không vô ngã.**

Bồ Tát phát tâm bồ đề, tu sáu độ vạn hạnh, tích tập tất cả căn lành công đức, Ngài chẳng phải vì lợi ích của

bản thân mình mà làm, mà là muốn đem công đức tu tập, hồi hướng cho chúng sinh, lợi ích chúng sinh, khiến cho mười phương các chúng sinh đều đắc được an lạc. Suốt ngày trong tâm của Bồ Tát luôn chánh niệm, Ngài chưa từng có chút tư tưởng hành vi hý luận, và lời nói vô vị. Ngài luôn luôn giữ chánh niệm, suy gẫm quán sát các pháp, đều là vô thường, khổ, không, vô ngã, không chấp trước.

**Mười phương vô lượng các tối thắng
Thấy được tất cả chân Phật tử
Đều đem căn lành hồi hướng cho
Nguyện khiến sớm thành vô thượng giác.**

Đại Bồ Tát tu pháp hồi hướng, trong vô lượng cõi nước chư Phật, thấy được rất nhiều đệ tử của Phật, chân tu thật học dưới toà mười phương chư Phật. Bồ Tát đem căn lành công đức của Ngài tu tập, hoàn toàn hồi hướng cho họ, và cầu chư Phật phóng quang gia bị cho họ, khiến cho đệ tử Phật chân tu thật học, đều phát tâm đại bồ đề, tu Bồ Tát đạo, sớm được thành tựu quả vị Phật. Vô thượng giác tức là quả vị Phật.

**Tất cả thế gian loại hàm thức
Bình đẳng nhiếp lấy không thừa sót
Đem các nghiệp lành của tôi tu
Khiến chúng sinh kia sớm thành Phật.**

Tất cả thế gian, bao quát thế gian mười phương ba đời, có Chánh Giác thế gian, khí thế gian, hữu tình thế gian. Hàm thức, tức là hữu tình, có thức, có khí huyết, đều gọi là hàm thức. Con người cũng gọi là hàm thức, đây là một tên khác của chúng sinh. Loại hàm thức là các loại động vật có mạng sống khác nhau, đều bao quát ở trong đó. Bồ Tát dùng tâm từ bi bình đẳng, nhiếp lấy khắp, chẳng xả bỏ, chẳng có thừa sót. Bất cứ loại chúng sinh nào, Ngài đều từ tâm giáo hoá, đều độ họ chấm dứt sinh tử, vượt khỏi ba cõi. Và đem đủ thứ căn lành tu hành được, hồi hướng cho tất cả chúng sinh, hy vọng họ sớm thành Phật đạo.

**Vô lượng vô biên các đại nguyện
Vô thượng Đạo Sư đã diễn nói
Nguyện các Phật tử đều thanh tịnh
Tuỳ tâm họ thích đều thành mãn.**

Vô lượng vô biên nguyện lớn của chư Phật Bồ Tát phát ra, đều y cứ theo vô thượng Đạo Sư, chánh pháp của Phật diễn nói mà phát ra. Nguyện hết thảy chúng đệ tử của chư Phật, đều đắc được pháp thân thanh tịnh và trí huệ vô thượng. Tuỳ thuận tâm nguyện của chúng sinh, đều thành tựu viên mãn.

**Quán khắp mười phương các thế giới
Đều đem công đức thí nơi đó
Nguyện cho đều đủ diệu trang nghiêm
Bồ Tát học hồi hướng như vậy.**

Bồ Tát quán sát khắp mười phương tất cả thế giới, đem hết thầy công đức của Ngài, bình đẳng bố thí cho chúng sinh mười phương thế giới. Nguyên cho mười phương thế giới đều đắc được thanh tịnh, đầy đủ tất cả sự trang nghiêm, mà trở thành thế giới trang nghiêm thượng diệu. Bồ Tát tu pháp hồi hướng giống như đủ thứ đạo lý đã nói ở trên, tu học tất cả pháp hồi hướng.

**Tâm chẳng xung lượng các hai pháp
Chỉ luôn thấu đạt pháp không hai
Các pháp hoặc hai hoặc chẳng hai
Trong đó rất ráo chẳng chấp trước.**

Bồ Tát thấu rõ chân đế của các pháp, tâm chẳng có nghi hoặc, cho nên trong tâm của Ngài chưa từng xung lượng cũng chẳng tính toán so sánh, chẳng nghĩ, cũng chẳng nói, những pháp đó là đệ nhất nghĩa đế, những pháp đó chẳng phải là đệ nhất nghĩa đế. Nếu có tư tưởng và lời nói như thế, thì rơi vào sự có hình. Bồ Tát đã thông đạt các pháp đều là pháp môn không hai, chẳng có phân biệt đệ nhất, đệ nhị. Nơi các pháp không tướng, triệt để rất ráo thấu đạt, cho nên chẳng có chút chấp trước nào.

**Mười phương tất cả các thế gian
Đều là chúng sinh tướng phân biệt
Nơi tướng phi tướng chẳng chỗ được
Nhu vậy thấu đạt nơi các tướng.**

Mười phương hét thấy mỗi thế giới nói pháp, đều căn cứ vào tư tưởng phân biệt của mỗi loài chúng sinh mà tạo thành, mới có thế gian này, thế gian kia nói pháp. Nếu bạn làm cho thứ tướng này và phi tướng đều không, chẳng chỗ được, tức là không chẳng chỗ được. Nếu minh bạch đạo lý này, thì biết tất cả tướng đều là vọng tướng, hư huyền không thật, chẳng có thật thể.

**Các Bồ Tát đó thân tịnh rồi
Tức ý thanh tịnh chẳng vết nhơ
Lời nghiệp đã tịnh không lỗi lầm
Nên biết ý tịnh chẳng chấp trước.**

Những vị Bồ Tát đó thân nghiệp đều thanh tịnh rồi, thì chẳng có tà hạnh giết hại trộm cắp tà dâm. Ý nghiệp của Ngài thanh tịnh rồi, thì chẳng có tư tưởng tham sân si, chẳng có chút vết nhơ và ô nhiễm nào. Tham sân si tức là tỳ vết ô nhiễm. Lời nghiệp thanh tịnh rồi, thì chẳng sinh ra tất cả lỗi lầm, và ưu sầu hoạn nạn, vì đủ thứ ưu sầu hoạn nạn lỗi lầm của con người, đều từ miệng mà ra. Do đó:

"Bệnh từ miệng vào
Hoạ từ miệng ra".

Bạn phải biết ý nghiệp thanh tịnh rồi, thì hiển ra trí huệ quang minh sáng suốt, đối với tất cả đều chẳng chấp trước.

**Một lòng chánh niệm Phật quá khứ
Cũng nghĩ vị lai các Đạo Sư
Cùng với hiện tại Thiên Nhân Tôn**

Đều học pháp của các Ngài nói.

Bồ Tát chuyên tâm chánh niệm chư Phật đời quá khứ, cũng nghĩ tới chư Phật đời vị lai. Đạo Sư: Tức là tên gọi riêng của Phật. Thiên Nhân Sư: Tức là Phật, bậc thầy sư biểu của trời người. Cùng với Phật tôn kính của trời người hiện tại. Ba đời chư Phật nói đủ thứ diệu pháp, vị Bồ Tát này tu pháp hồi hướng, Ngài đều một lòng học tập.

Ba đời tất cả các Như Lai Trí huệ thấu đạt tâm vô ngại Vì muốn lợi ích cho chúng sinh Hồi hướng bồ đề tu các nghiệp.

Ba đời: Quá khứ, hiện tại và vị lai, chư Phật ở trong ba đời, trí huệ của các Ngài đều thù thắng, thấu đạt các pháp thật tướng, tâm niệm chẳng có chút chướng ngại, tất cả đều nhậm vận tự tại. Vì muốn lợi ích cho chúng sinh, mà đem căn lành công đức tu tập, hồi hướng về pháp bồ đề, tích tập tất cả các nghiệp lành.

Huệ bậc nhất huệ rộng lớn kia Huệ không hư vọng huệ không đảo Huệ bình đẳng thật huệ thanh tịnh Bậc huệ tối thắng nói như vậy.

Trí huệ của tất cả chư Phật kia, là trí huệ bậc nhất, là trí huệ rộng lớn khắp hư không, là trí huệ chẳng hư vọng, là trí huệ chẳng có điên đảo, là trí huệ bình đẳng chân thật, là trí huệ thanh tịnh quang minh không nhiễm. Đó là do

bậc trí huệ tối thù thắng, nói như vậy, nói với chúng ta như vậy.

Hồi hướng đến tất cả mọi nơi thứ tư.

Phật tử ! Thế nào là hồi hướng đến tất cả mọi nơi của đại Bồ Tát ?

Bồ Tát Kim Cang Tràng nói xong bài kệ ở trên rồi, Ngài lại tiếp tục gọi một tiếng: Các vị đệ tử của Phật ! Thế nào là pháp hồi hướng đến tất cả mọi nơi của đại Bồ Tát tu hành ? Các vị có minh bạch chăng ? Chẳng màng các vị có minh bạch hay không minh bạch, hiện tại tôi sẽ vì các vị nói về nội dung của pháp hồi hướng này.

Phật tử ! Khi đại Bồ Tát này, tu tập tất cả các căn lành, thì nghĩ như vậy: Nguyện sức căn lành công đức này, đến tất cả mọi nơi. Ví như thật tế, chẳng có nơi nào mà chẳng đến. Đến tất cả mọi vật. Đến tất cả thế gian. Đến tất cả chúng sinh. Đến tất cả cõi nước. Đến tất cả các pháp. Đến tất cả hư không. Đến tất cả ba đời. Đến tất cả hữu vi vô vi. Đến tất cả lời nói âm thanh.

Các vị đệ tử của Phật ! Vị đại Bồ Tát này, trong quá khứ khi Ngài phát nguyện tu tập pháp hồi hướng, tích tập đủ thứ căn lành, thì Ngài đã từng quán tưởng lập tâm nguyện như vậy: Chỉ nguyện nghiệp lành tu tập, sức công

đức thành tựu của tôi, khắp cõi hư không pháp giới. Ví như tất cả pháp chân thật tế, chẳng có chỗ nào mà chẳng đến, chẳng có lúc nào mà không có ở đó. Lại hy vọng sức công đức này, có thể đến khắp tất cả vật thể hữu hình. Đến trong tất cả thân tâm chúng sinh. Đến trong tất cả cõi nước thế gian. Đến tất cả các pháp, khiến cho tất cả chánh pháp thiện pháp, đặc được sức công đức, phát dương rộng lớn. Đến khắp trong hư không, khiến cho hư không đầy đầy sức căn lành công đức này. Đến tất cả pháp hữu vi của thế gian và pháp vô vi xuất thế gian. Đến tất cả chỗ lời nói âm thanh. Bồ Tát hy vọng sức căn lành công đức của Ngài đến những nơi đã nói ở trên, trong thời gian đó đều phát huy tác dụng, khiến cho tất cả chúng sinh đều đặc được lợi ích.

Nguyện căn lành này, cũng lại như thế, đến khắp tất cả chỗ các Như Lai. Cúng dường ba đời tất cả chư Phật. Những lời nguyện của chư Phật quá khứ đều viên viên mãn. Chư Phật vị lai đầy đủ trang nghiêm. Chư Phật hiện tại cùng với cõi nước đạo tràng chúng hội khác, khắp đầy tất cả hư không pháp giới.

Bồ Tát lại nói: Hy vọng sức căn lành công đức của tôi tu tập, giống như ở trên đã nói, cũng đến khắp mười phương ba đời các cõi nước chư Phật. Lại nguyện những lời nguyện của chư Phật quá khứ đều được viên mãn. Chư Phật đời vị lai, tu nhân đã viên mãn, chứng được đầy đủ trang nghiêm, phước đầy đủ, huệ đầy đủ, trăm phước trang

nghiêm. Chư Phật hiện tại, trong đạo tràng pháp hội cõi nước của các Ngài ở, do sức căn lành công đức của tôi, đầy đầy khắp tất cả hư không pháp giới.

Nguyên do sức tin hiểu oai lực lớn. Do trí huệ không chướng ngại rộng lớn. Do tất cả căn lành đều hồi hướng. Đem cúng dường như chư Thiên cúng dường mà vì cúng dường, đầy khắp vô lượng vô biên thế giới.

Bồ Tát dùng nguyện lực căn lành công đức của Ngài tu tập, đạt đến mục đích cúng dường mười phương ba đời tất cả chư Phật của Ngài, đó hoàn toàn là nguyện lực của Ngài, và tin hiểu thù thắng, có thể tùy tâm chuyển biến sức đại oai đức thần thông. Sau đó là Bồ Tát đã chứng được đại trí huệ, nên chỗ hành chỗ đến, đều chẳng có chướng ngại. Đồng thời cũng là vì Bồ Tát tu tập căn lành công đức, Ngài chẳng vì lợi mình, mà là vì tất cả chúng sinh, Ngài đem căn lành công đức tu tập, tư hào chẳng xen tiếc, thấy đều hồi hướng cho chúng sinh, cho nên Ngài có thể xưng nguyện đã thành. Bồ Tát cúng dường phẩm vật đến chư Phật, đều là vật trân kỳ hiếm có trên đời, có thể bằng với phẩm vật của chư Thiên cúng dường chư Phật, số lượng đầy khắp vô biên thế giới, công đức cúng dường cũng đầy khắp hư không.

**Phật tử ! Đại Bồ Tát lại nghĩ như vậy:
Chư Phật Thế Tôn, khắp tất cả hư không**

pháp giới. Đủ thứ nghiệp sinh khởi. Mười phương bất khả thuyết tất cả thế giới. Bất khả thuyết cõi Phật. Cảnh giới Phật. Đủ thứ thế giới. Vô lượng thế giới. Không phân biệt thế giới. Thế giới chuyển. Thế giới nghiêng. Thế giới ngửa. Thế giới úp. Như vậy trong tất cả các thế giới, chư Phật hiện trụ thế, thị hiện đủ thứ thần thông biến hoá.

Các vị đệ tử của Phật ! Vị đại Bồ Tát này, tu pháp hồi hướng đến tất cả mọi nơi, Ngài lại tư duy quán tưởng như vậy: Chư Phật Thế Tôn mười phương ba đời, pháp lực đại oai đức của các Ngài, đạt đến khắp tận hư không khắp pháp giới, đó là do thưở xưa các Ngài tu tập đủ thứ căn lành, vô lượng vô biên nghiệp thiện sinh khởi. Lại có mười phương bất khả thuyết, chẳng có cách chi nói ra rốt ráo nó có bao nhiêu thứ thế giới khác nhau. Lại có bất khả thuyết nhiều cõi nước chư Phật. Cảnh giới của chư Phật không thể nghĩ bàn. Đủ thứ thế giới khác nhau. Thế giới chẳng có số lượng. Chẳng có phân biệt, chẳng có giới hạn thế giới lớn, thế giới nhỏ. Lại có thế giới luôn luôn chuyển động. Thế giới nghiêng chẳng thẳng đứng. Thế giới ngửa. Thế giới úp xuống. Các thế giới lớn nhỏ như vậy khác nhau, hình trạng khác nhau, trong đủ thứ thế giới, đều có Phật đang ở trong đó, chuyển bánh xe pháp, giáo hoá chúng sinh. Chư Phật vì giáo hoá chúng sinh, vận dụng phương pháp phương tiện

khéo léo, cho nên Ngài thị hiện đủ thứ sức thần thông biến hoá, nhiếp thọ chúng sinh.

Trong những thế giới đó, có Bồ Tát dùng sức hiểu thù thắng, vì các chúng sinh đáng kham thọ được sự giáo hoá. Ở trong tất cả các thế giới đó, hiện làm Như Lai, xuất hiện ra đời, cho đến nơi nhất thiết trí, khắp khai thị vô lượng thần lực tự tại của Như Lai.

Bồ Tát Kim Cang Tràng nói: Ở trong những thế giới khác nhau như đã nói ở trên, đều có Bồ Tát, những Bồ Tát đó đều có đại trí huệ, có sức lý giải đặc biệt thù thắng, đối với diệu pháp thâm sâu vi diệu của chư Phật nói, các Ngài đều lãnh thọ được, thông đạt vận dụng. Các Ngài quán sát chúng sinh trong mười phương thế giới, những người nào cơ duyên đã chín mùi, những người nào kham thọ được sự giáo hoá của Phật, thì Bồ Tát liền vận dụng thần thông biến hoá của các Ngài, thị hiện thân Phật, xuất hiện ra đời tại thế giới đó, để giáo hoá chúng sinh, tiếp dẫn chúng sinh quy y cửa Phật. Bồ Tát chẳng sợ khốn khổ hoạn nạn, giáo hoá chúng sinh khiến cho họ có thể đắc được nhất thiết trí huệ, đến cảnh giới trí huệ nhất thiết xứ, và còn đối với khắp chúng sinh giảng nói Phật có vô lượng sức thần thông tự tại tùy tâm vận dụng.

**Pháp thân đến khắp chẳng có sai biệt.
Bình đẳng vào khắp tất cả pháp giới. Thân**

Như Lai tạng chẳng sinh chẳng diệt, phương tiện khéo léo, hiện khắp thế gian. Chúng được pháp thật tánh, vì vượt qua tất cả. Đắc được bất thoái chuyển, vì sức vô ngại. Sinh vào nhà Như Lai, tri kiến không chướng ngại, vì ở trong giống tánh oai đức rộng lớn của Như Lai.

Pháp thân đến khắp: Đây là nói pháp tánh thân của Phật, Ngài có thể đi đến khắp cõi nước chư Phật, nơi nơi đều giống nhau chẳng có khác biệt. Bình đẳng vào khắp: Tức là trí thân của Phật, Ngài vào khắp tất cả pháp giới. Thân Như Lai tạng: Là không sinh, không diệt, không dơ, không sạch, không tăng, không giảm. Thân Như Lai tạng là dùng phương tiện khéo léo, khắp xuất hiện trong tất cả thế gian. Chúng được tánh chân thật của các pháp, vì thật tánh của các pháp vượt qua tất cả có hình có tướng. Bồ Tát đắc được niệm không thối lùi, là Ngài có tâm bồ đề, hành đạo Bồ Tát, tu sáu độ vạn hạnh. Bồ Tát tu quả vị đại thừa, Ngài quyết chẳng thối lùi về quả vị nhị thừa. Ngài luôn luôn tinh tấn, tu tập chánh pháp, vì Ngài đã đắc được trí lực viên dung vô ngại, vì chẳng thọ tất cả sự chướng ngại. Bồ Tát đã sinh vào nhà Như Lai, đắc được thân Như Lai tạng, dứt hẳn hai chướng. Đắc được tri kiến quyền thật vô ngại của Như Lai, và diệu dụng oai đức rộng lớn của Như Lai, vì Ngài đã sinh vào trong giống tánh của Phật.

Phật tử ! Đại Bồ Tát đem tất cả căn lành của Ngài đã gieo trồng, nguyện ở chỗ

các đức Như Lai như vậy. Dùng các thứ hoa đẹp, và các thứ hương thơm, màn lọng tràng phan, y phục đèn đuốc, cùng với tất cả đồ trang nghiêm khác, dâng lên cúng dường. Hoặc hình tượng Phật, hoặc tháp miếu Phật, thầy đều như vậy. Đem căn lành đó hồi hướng như vậy. Đó là: Bất loạn hồi hướng. Nhất tâm hồi hướng. Tự ý hồi hướng. Tôn kính hồi hướng. Không động hồi hướng. Không trụ hồi hướng. Không nương tựa hồi hướng. Không tâm chúng sinh hồi hướng. Không tâm đua tranh hồi hướng. Tâm vắng lặng hồi hướng.

Các vị đệ tử của Phật ! Đại Bồ Tát, tu pháp hồi hướng đến khắp tất cả mọi nơi, Ngài đem tất cả căn lành đã gieo trồng, nguyện ở trong đạo tràng của mười phương chư Phật, dùng nhiều thứ hoa quý đẹp, nhiều thứ hương thơm lạ, nhiều thứ màn đẹp, lọng hoa, tràng cao, phan dài, y báu, đèn báu, đuốc lớn, cùng với đủ thứ phẩm vật hiếm có, dâng cúng chư Phật, trang nghiêm đạo tràng, cúng dường chư Phật còn hiện tiền. Hoặc hình tượng Phật. Bồ Tát chẳng những cúng dường chư Phật hiện đời, mà dù hình tượng Phật quá khứ đã vào Niết Bàn, và tháp xá lợi của Phật người sau này dựng lên, Chùa miếu tạo dựng kỷ niệm chư Phật, Bồ Tát cũng đều cúng dường như vậy, chẳng có phân biệt. Đồng thời đối với chư Phật ba đời, cũng đều đem căn

lành của Ngài thành ý hồi hướng, dùng sự hồi hướng mà làm cứng đường. Khi Bồ Tát hồi hướng thì nào là: Không loạn hồi hướng: Không loạn tức là trong tâm chẳng có tạp niệm, cũng chẳng vọng tưởng lẫn xăn, mà là chánh tâm thành ý hồi hướng. Nhất tâm hồi hướng: Trong tâm niệm, chuyên tâm chú ý hồi hướng. Tự ý hồi hướng: Tự mình khai ngộ, chẳng phải nhờ nhân duyên người khác khai ngộ. Đem căn lành của mình hồi hướng, khiến cho người được lợi ích hồi hướng này, cũng có thể tự mình khai ngộ. Tôn kính hồi hướng: Vì cung kính Tam Bảo, nên hồi hướng. Bất động hồi hướng: Chẳng vì cảnh giới thiện ác mà giao động, chẳng vì cảnh giới thuận nghịch mà lay động, dùng định lực bất động để hồi hướng. Không trụ hồi hướng: Tức là chẳng trước trụ, chẳng trước trụ nơi người, chẳng trước trụ nơi pháp, hồi hướng người và pháp đều không. Không nương tựa hồi hướng: Chẳng nương vào cảnh giới hồi hướng. Không tâm chúng sinh hồi hướng: Bồ Tát vì lợi ích chúng sinh, đem căn lành của mình tu tập hồi hướng cho tất cả chúng sinh, nhưng chẳng chấp trước vào chúng sinh, cũng chẳng chấp trước vào công đức hồi hướng, vì Bồ Tát chẳng có tướng ta, tướng chúng sinh, biết cái ta là không, cho nên hành sở vô sự, chẳng chấp tướng hồi hướng. Tâm không đua tranh hồi hướng: Tâm chẳng có tranh đua, tâm bình khí hoà xử sự tiếp vật. Nơi hành vi bình dị gần người, mọi việc đều khiêm hoà, chẳng tranh dài ngắn với người. Nếu người có tâm cường háo thắng, thì mỗi sự việc đều không thể khiêm nhường, dễ sinh ra công cao ngã mạn. Người tính tình như thế, thì không thể tu đạo. Do đó:

"Tranh là tâm thắng phụ,
Trái ngược lại với đạo.

Tâm bèn sinh bốn tướng,
Sao đắc được tam muội"?

Tâm vắng lặng hồi hương: Vắng lặng tức là Niết Bàn, chánh thuận Niết Bàn để hồi hương. Mười thứ hồi hương ở trên, là phân biệt hiển hiện tướng tâm của Bồ Tát tu hồi hương. Bồ Tát dùng mười thứ hồi hương này, hồi hương cho pháp giới chúng sinh, hồi hương vô thượng bồ đề, hồi hương về thật tế.

Đại Bồ Tát lại nghĩ như vậy: Tận pháp giới hư không giới, trong tất cả kiếp quá khứ, vị lai, hiện tại, chư Phật Thế Tôn, đắc được nhất thiết trí, thành tựu đạo bồ đề. Vô lượng danh tự, thủy đều khác biệt. Nơi mọi thời, thị hiện thành Chánh Giác. Thủy đều trụ thế, suốt thưở vị lai. Mỗi vị Phật đều dùng pháp giới trang nghiêm mà trang nghiêm thân mình. Đạo tràng chúng hội, khắp cùng pháp giới. Tất cả cõi nước, tùy thời hiện ra, mà làm Phật sự.

Bồ Tát tu pháp hồi hương đến tất cả mọi nơi trong thập hồi hương, lại quán tưởng như vậy: Tận cùng pháp giới khắp hư không giới, kiếp quá khứ, kiếp vị lai, và kiếp hiện tại, trong những kiếp đó, mười phương chư Phật Thế Tôn ba đời, đều chứng được hết thủy trí huệ. Các Ngài tu hành viên mãn, công đức đầy đủ, đã thành tựu đạo bồ đề.

Các Ngài theo nguyện thị hiện đủ thứ thân, ở trong vô lượng kiếp tùy nơi thị hiện, cho nên có vô lượng danh tự, mỗi danh tự đều khác nhau. Trong mỗi thời kiếp khác nhau, thị hiện thành Chánh Đẳng Chánh Giác, tức là thành Phật. Trong những thế giới đó, thọ lâu ở đời, giáo hoá chúng sinh. Tuổi thọ của Phật ở đời sống lâu suốt thuở vị lai cũng không vào Niết Bàn. Có lúc vì ứng cơ duyên của chúng sinh mà thị hiện vào Niết Bàn, đó là một thứ phương tiện khéo léo độ hoá mà thôi. Tâm bi của Phật nặng, Ngài không thể xả bỏ chúng sinh mà vào Niết Bàn, kỳ thật Ngài đến một thế giới khác để giáo hoá chúng sinh. Mỗi một vị Phật đều dùng sự trang nghiêm pháp giới mà trang nghiêm thân mình. Vì thân Phật tức là pháp giới, ví như chúng ta thường tụng niệm: "Thanh Tịnh Pháp Thân Tỳ Lô Giá Na Phật", đây là pháp thân của Phật, cho nên đầy khắp tất cả mọi nơi. Tức cũng là dùng sự trang nghiêm của pháp giới mà tự trang nghiêm thân mình. Đạo tràng của chư Phật, trong đạo tràng cử hành các thứ pháp hội, cũng là khắp cùng pháp giới, đầy đầy khắp trong hết thủy cỗi nước. Chư Phật tại cỗi nước mười phương, tùy thời đều xuất hiện ra đời, giáo hoá chúng sinh. Ở trong mỗi cỗi nước, đều bình đẳng rộng độ chúng sinh, làm Phật sự lớn, làm việc của Phật làm. Phật là vì muốn giáo hoá chúng sinh, cho nên Ngài mới tu chứng thành Phật.

Hiện tại chúng ta muốn thành Phật, thì phải y theo giáo pháp của Phật nói mà tu hành. Người học Phật, một ngày chưa khai ngộ, thì phải thường sinh tâm hổ thẹn. Chúng ta phải biết từ vô lượng kiếp đến nay, đều vì ý lại, chẳng tu hành, cho nên mới luân hồi trôi nổi sinh tử trong sáu nẻo, thoát chẳng khỏi biển khổ sinh tử. Đời này chúng

ta gặp được Phật pháp, nếu chẳng dừng mãnh tinh tấn, thì đời chùng nào mới chấm dứt được sinh tử ! Cho nên chúng ta phải từng giờ từng phút siêng tu giới định huệ, diệt trừ tham sân si, đừng giải đãi lười biếng, cho rằng đó là việc tiện nghi. Kỳ thật, từ vô thủy kiếp đến nay, chúng ta vì phạm mao bệnh giải đãi lười biếng, cho nên đến bây giờ vẫn sinh rồi chết, chết rồi sinh, luân hồi không ngừng. Nghĩ đến đây, thật khiến cho người khóc lóc rơi lệ, sinh đại hổ thẹn. Tại sao tôi phải lười biếng ? Tại sao tôi chẳng tinh tấn tu hành ? Tại sao tôi chẳng dừng mãnh dụng công ? Nếu luôn luôn hồi quang phản chiếu như thế, quay lại cầu nơi chính mình, tự hỏi mình làm một Phật giáo đồ, tôi đã có công hiến gì cho Phật giáo ? Nếu đã có công hiến, thì từ nay về sau tôi phải làm cho tăng trưởng sự công hiến của tôi. Nếu chưa có công hiến, thì hãy mau nỗ lực, làm một đại hộ pháp có sức lực nhất trong Phật giáo đồ, để trợ giúp cho Phật giáo phát triển, làm cho Phật giáo truyền bá trên toàn thế giới, khắp vũ trụ, cho đến khắp hư không, trái đất, mặt trăng, chẳng có chỗ nào mà chẳng thọ đến ánh sáng của Phật giáo chiếu khắp, chẳng có một nơi nào mà chẳng nghe đến bánh xe pháp thường lưu chuyển, đó mới là bổn phận hộ pháp của Phật giáo đồ chúng ta, đó mới tận một chút trách nhiệm của chúng ta thân làm Phật giáo đồ. Tại sao tôi phải nói như vậy ? Vì tôi quán sát đến sáu chúng đệ tử này tu học Phật pháp, có không ít người hy vọng khai ngộ, muốn được pháp ích thù thắng vi diệu, khai mở đại trí huệ. Đây vốn chẳng phải vọng tưởng tham cầu, đây là hy vọng và mục đích của mỗi đệ tử Phật phải có. Bất quá chúng ta không thể dùng tâm tưởng, ôm ấp hy vọng không nỗ lực, không hạ thủ công phu, không tận bổn phận. Đó là

đắc chẳng được, trên thế gian chẳng có miệng không nói lời không thì có thể đắc được thành quả. Người muốn khai ngộ, thì phải dũng mãnh tinh tấn, đem chân tâm của bạn ra, cước đạp thật địa tu hành dụng công, vì Phật giáo mà tận trách nhiệm, cống hiến thành tâm và năng lực của mình, như thế thì nhất định sẽ đạt được mục đích của bạn, thực hiện hy vọng của bạn. Bằng không, thì lãng phí thời gian, chẳng có khi nào thành tựu, bạn đừng trách Phật Bồ Tát không tiếp dẫn bạn, vì Phật Bồ Tát chẳng gạt người, nhưng cũng chẳng thọ người gạt.

Hiện tại trong xã hội có rất nhiều đoàn thể tôn giáo khác nhau, tuy nói tông chỉ và mục đích của tông giáo khác nhau, nhưng cùng đều tuyên dương thanh tịnh hoá tâm con người, mưu cầu hoà bình cho nhân loại, hy vọng có thể đạt đến mục đích thế giới đại đồng. Trong những tôn giáo này, thì nghĩa lý của Phật giáo rất ráo rắt, sâu rộng nhất, chân thật nhất, hơn hẳn các tôn giáo khác. Phật giáo là tận cùng hư không, khắp pháp giới, chẳng những thương nhân loại, cứu nhân loại, mà từ bi của Phật giáo phổ cập đến tất cả sinh linh hữu tình vô tình. Tôn giáo khác chỉ là một bộ phận trong Phật giáo. Nói về phương diện chiều dọc của Phật giáo là lượng bao trùm sa; nói về phương diện chiều ngang là ngang cùng tam tế. Lớn mà không ngoài, nhỏ mà không ở trong, hướng ra ngoài chạy, chạy cũng không khỏi pháp giới, Phật giáo ở đâu mà chẳng có. Tinh thần của Phật giáo là tại chỗ này. Phật giáo là toàn nhân loại, chẳng phải riêng tư của một quốc gia nào. Tuy nói Đức Phật Thích Ca xuất hiện tại Ấn Độ, nhưng Phật giáo chẳng giới hạn một nơi tại Ấn Độ, mà là khắp pháp giới. Cho nên mỗi Phật giáo đồ đều phải tin chắc lời dạy của Phật, đạo lý chân thật

của Phật nói, mới là thật có thể cứu người nơi biển khổ sinh tử, cứu thế giới đạt đến như lý hoà bình. Trách nhiệm này là quá to tát, sâu rộng, chỉ nguyện thân làm đệ tử của Phật, phải ôm lấy lời dạy nghĩa lý, gánh vác trọng trách, cùng nhau nỗ lực, cứu mình cứu người, độ mình độ người.

Như vậy tôi đều đem căn lành hồi hướng khắp, cho tất cả chư Phật Như Lai. Nguyện đem vô số lọng thơm. Vô số tràng thơm. Vô số phan thơm. Vô số trướng thơm. Vô số lưới thơm. Vô số tượng thơm. Vô số ánh sáng thơm. Vô số lửa ngọn thơm. Vô số mây thơm. Vô số toà thơm. Vô số nơi kinh hành thơm. Vô số chỗ ở thơm. Vô số thế giới thơm. Vô số núi thơm. Vô số biển thơm. Vô số sông thơm. Vô số cây thơm. Vô số y phục thơm. Vô số hoa sen thơm. Vô số cung điện thơm.

Đại Bồ Tát tu hồi hướng đến tất cả mọi nơi, Ngài nói: Giống như trong cõi nước của mười phương ba đời chư Phật đã nói ở trước, xuất hiện vô lượng chư Phật Như Lai, tôi nguyện chánh tâm thành ý đem đủ thứ căn lành của tôi tu tập, hồi hướng đến khắp tất cả chư Phật, cũng hồi hướng bồ đề và tất cả chúng sinh. Tôi muốn dùng vô số lọng báu thơm, vô số tràng báu thơm, vô số phan báu thơm, vô số trướng báu thơm, vô số lưới báu thơm, vô số

tượng báu thơm, vô số ánh sáng báu thơm, vô số lửa ngọn báu thơm, vô số mây báu thơm, vô số toà báu thơm, vô số nơi kinh hành báu thơm, vô số nơi chỗ ở báu thơm, vô số thế giới báu thơm, vô số núi báu thơm, vô số biển báu thơm, vô số sông báu thơm, vô số cây báu thơm, vô số y phục báu thơm, vô số hoa sen báu thơm, vô số cung điện báu thơm. Bồ Tát cúng dường phẩm vật đến chư Phật, thấy đều là vật thượng hạng, trân quý, vô lượng số, đây là biểu thị tâm tôn trọng cung kính, tâm chân thành đối với mười phương chư Phật, và dùng đó để trang nghiêm đạo tràng.

Vô lượng lọng hoa, nói rộng ra cho đến vô lượng cung điện hoa. Vô biên lọng tràng hoa, nói rộng ra cho đến vô biên cung điện tràng hoa. Vô đẳng lọng hương thoa, nói rộng ra cho đến vô đẳng cung điện hương thoa. Bất khả số lọng hương bột, nói rộng ra cho đến bất khả số cung điện hương bột. Bất khả xưng lọng y, nói rộng ra cho đến bất khả xưng cung điện y. Bất khả tư lọng báu, nói rộng ra cho đến bất khả tư cung điện báu. Bất khả lượng đèn sáng, nói rộng ra cho đến bất khả lượng cung điện đèn sáng. Bất khả thuyết lọng đồ trang nghiêm, nói rộng ra cho đến bất khả thuyết cung điện đồ trang nghiêm.

Bất khả thuyết bất khả thuyết lọng ma ni báu, nói rộng ra cho đến bất khả thuyết bất khả thuyết cung điện ma ni báu.

Bồ Tát lại dùng vô lượng hoa, làm thành cái lọng cúng dường mười phương ba đời chư Phật, nếu nói tỉ mỉ, thì cho đến có vô lượng cung điện hoa. Lại có vô biên lọng tràng hoa, đều dùng châu báu làm thành, nếu nói tỉ mỉ, thì cho đến có vô biên cung điện tràng hoa, dùng tràng hoa tạo thành cung điện. Lại có vô đẳng lọng hương thoa, nếu nói tỉ mỉ, thì cho đến có vô đẳng hương thoa tạo thành cung điện. Lại có bất khả số lọng hương bột, nếu nói tỉ mỉ, thì cho đến có bất khả số vô lượng cung điện làm bằng hương bột. Lại có bất khả xung lọng y, nếu nói tỉ mỉ, thì cho đến có bất khả xung cung điện y. Lại có bất khả tư lọng báu, nếu nói tỉ mỉ, thì cho đến có bất khả tư cung điện báu. Lại có bất khả lượng lọng đèn sáng, nếu nói tỉ mỉ, thì cho đến có bất khả lượng cung điện đèn sáng. Lại có bất khả thuyết lọng đồ trang nghiêm, nếu nói tỉ mỉ, thì cho đến có bất khả thuyết cung điện đồ trang nghiêm. Lại có bất khả thuyết bất khả thuyết lọng ma ni báu, nếu nói tỉ mỉ, thì cho đến có bất khả thuyết bất khả thuyết cung điện ma ni báu. Bồ Tát dùng vô lượng vô biên phẩm vật trân quý, không thể dùng tâm suy gẫm, không thể dùng lời diễn đạt được, cúng dường mười phương ba đời chư Phật, và trang nghiêm đạo tràng của Phật.

Như vậy, phan báu ma ni. Trướng báu ma ni. Lưới báu ma ni. Tượng báu ma ni.

Ánh sáng báu ma ni. Lửa ngọn báu ma ni. Mây báu ma ni. Toà báu ma ni. Nơi kinh hành báu ma ni. Chỗ ở báu ma ni. Cõi báu ma ni. Núi báu ma ni. Biển báu ma ni. Sông báu ma ni. Cây báu ma ni. Y phục báu ma ni. Hoa sen báu ma ni. Cung điện báu ma ni, thấy đều bất khả thuyết bất khả thuyết.

Ma ni: Là tổng danh của châu báu, ánh sáng báu của nó đặc biệt thanh tịnh sáng chói, chẳng thọ tất cả sự cấu bẩn ô nhiễm nào. Châu báu này ở tại chỗ nào, thì nhất định sẽ tăng oai đức của nó. Nếu bỏ vào trong nước đục, thì nước liền trong. Còn gọi là châu như ý, nó hay làm cho toại tâm mong cầu, đều được mãn nguyện. Báu vật này, chỉ có bậc Thánh có đức hạnh mới hưởng thọ được, phàm phu tâm tham chẳng thấy được. Bất khả thuyết bất khả thuyết là danh tự số mục của Ấn Độ, là một trong những số mục lớn.

Ở trước có nói, bất khả thuyết bất khả thuyết, nhiều châu báu ma ni làm thành lọng báu. Và lại có bất khả thuyết bất khả thuyết, châu báu ma ni làm thành tràng báu. Và dùng châu báu ma ni làm phan báu. Châu báu ma ni làm trướng báu. Châu báu ma ni làm lưới báu. Châu báu ma ni làm tượng Phật báu. Ánh sáng châu báu ma ni chiếu xa mười phương vô tận cõi nước. Ánh sáng châu báu ma ni chiếu sáng giống như lửa ngọn, chiếu thẳng đến Trời Hữu Đỉnh. Tia sáng của châu báu ma ni như mây cát tường lơ lửng trong hư không. Dùng châu báu ma ni làm Phật toà.

Dùng châu báu ma ni nghiêm sức mặt đất đi kinh hành. Dùng châu báu ma ni nghiêm sức chỗ ở. Cõi nước báu ma ni. Núi báu ma ni. Biển báu ma ni. Sông báu ma ni. Cây báu ma ni. Châu báu ma ni làm thành y phục báu. Hoa sen báu ma ni. Châu báu ma ni trang nghiêm cung điện. Đủ thứ ở trên, dùng châu báu ma ni làm vật nghiêm sức, chẳng có thứ nào mà chẳng phải là vô lượng vô biên, không thể dùng lời lẽ để hình dung được.

Như vậy trong mỗi mỗi các cảnh giới, thấy đều có vô số lan can. Vô số cung điện. Vô số lầu các. Vô số cửa lớn. Vô số hình bán nguyệt. Vô số cửa sổ. Vô số báu thanh tịnh. Vô số đồ trang nghiêm. Dùng các thứ vật cúng dường như vậy, cung kính cúng dường chư Phật Thế Tôn như ở trên đã nói.

Trong mỗi cảnh giới như Kinh văn nói ở trước, đều có vô số lan can bảy báu, lan can hiển hiện. Vô số cung điện báu hiển hiện. Vô số lầu các hiển hiện. Vô số cửa lớn hiển hiện. Vô số cửa sổ hình bán nguyệt hiển hiện. Vô số cửa sổ hiển hiện. Vô số bảy báu thanh tịnh hiển hiện. Vô số đồ trang nghiêm và đồ cúng dường trang nghiêm hiển hiện. Bồ Tát dùng những đồ vật cúng dường bảy báu trân quý, làm cung điện, chỗ ở .v.v...cung kính cúng dường mười phương ba đời chư Phật Thế Tôn như ở trên đã nói.

Nguyện khiến cho tất cả thế gian, đều được thanh tịnh. Tất cả chúng sinh, đều được thoát khỏi. Trụ nơi bậc thập lực. Ở trong tất cả pháp, đắc được pháp minh vô ngại. Khiến cho tất cả chúng sinh, đầy đủ căn lành, đều được điều phục. Tâm họ vô lượng, đồng cõi hư không. Đến tất cả các cõi, mà chẳng chỗ đến. Vào tất cả các cõi, bố thí các pháp lành. Thường được thấy Phật, trồng các căn lành. Thành tựu đại thừa, chẳng chấp các pháp. Đầy đủ các thiện nghiệp, lập vô lượng hạnh. Vào khắp vô biên tất cả pháp giới. Thành tựu sức thần thông của chư Phật. Đắc được trí huệ nhất thiết trí của Như Lai.

Vị đại Bồ Tát tu pháp hồi hướng đến tất cả mọi nơi, Ngài lại phát nguyện, nói: Tôi nguyện nương sức đại oai thân của mười phương chư Phật, khiến cho tất cả thế gian đều đắc được thanh tịnh. Nguyện hết thảy chúng sinh, đều vĩnh viễn lìa khỏi đường ác, và khổ luân hồi trong sáu nẻo, mà trụ nơi bậc thập lực, trụ nơi Phật địa, vĩnh viễn chẳng thọ thống khổ luân hồi. Lại hy vọng tất cả chúng sinh có thể tu học chánh pháp, thấu rõ thông đạt chư Phật. Đối với các pháp hiểu biết như thật, đắc được trí huệ quang minh viên dung vô ngại. Chẳng riêng mình đắc được căn lành

lớn, mà cũng khiến cho tất cả chúng sinh đầy đủ căn lành, hết thấy tập khí không tốt, phiền não vô minh, đều điều phục nhu hoà, diệt trừ sạch hết, khiến cho tâm họ như hư không, thanh tịnh trong sáng. Tuy nhiên Bồ Tát thường thường lai vãng trong mười phương cõi nước, nhưng chẳng động thân, chẳng có dấu vết đến đi. Đó tức là tâm của Bồ Tát đồng hư không, tu hành công hạnh vô lượng. Bồ Tát thường vào các cõi nước khác, chẳng phải Ngài đi quán sát du hành, mà là ứng cơ phó duyên đi đến đó độ chúng sinh, bố thí đủ thứ pháp lành, giáo hoá chúng sinh tu tập tất cả pháp lành. Bồ Tát từ bi làm đầu, độ khắp chúng sinh, cho nên Ngài luôn luôn thấy Phật, cúng dường Tam Bảo, gìn giữ Tam Bảo, gieo trồng đủ thứ căn lành trước Tam Bảo, tu hành đạo Bồ Tát, thành tựu công đức đại thừa, viên mãn tu tập hạnh môn đại thừa. Bồ Tát thành tựu thù thắng như vậy, nhưng Ngài đối với các pháp, chẳng có chút chấp trước nào. Bồ Tát đầy đủ tất cả các nghiệp lành, kiến lập được vô lượng công đức, vào khắp vô biên hết thấy pháp giới, thành tựu sức thần thông như chư Phật, cũng đắc được đại trí huệ nhất thiết trí giống như Phật.

Ví như không có cái ta, nhiếp khắp các pháp. Cũng lại như vậy, các căn lành của tôi, nhiếp khắp tất cả chư Phật Như Lai, vì thấy đều cúng dường chẳng có thừa sót. Nhiếp khắp tất cả vô lượng các pháp, vì đều có thể ngộ nhập không chướng ngại. Nhiếp khắp tất cả các chúng Bồ Tát, vì rất

ráo đều đồng với căn lành. Nhiếp khắp tất cả các hạnh Bồ Tát, vì nguyện lực xưa đều viên mãn. Nhiếp khắp tất cả Bồ Tát pháp minh, vì thấu rõ thông đạt các pháp đều vô ngại. Nhiếp khắp sức đại thần thông của chư Phật, vì thành tựu vô lượng các căn lành. Nhiếp khắp sức vô sở úy của chư Phật, vì phát tâm vô lượng viên mãn tất cả. Nhiếp khắp tam muội biện tài môn Đà la ni của Bồ Tát, vì khéo chiếu rõ pháp không hai. Nhiếp khắp phương tiện khéo léo của chư Phật, vì thị hiện sức đại thần thông của Như Lai. Nhiếp khắp sự hàng sinh, thành đạo, chuyển bánh xe pháp, điều phục chúng sinh, vào Niết Bàn, của tất cả chư Phật ba đời, vì cung kính cúng dường thầy đều khắp cùng. Nhiếp khắp mười phương tất cả thế giới, vì nghiêm tịnh cõi Phật đều rốt ráo. Nhiếp khắp tất cả các kiếp rộng lớn, vì ở trong đó xuất hiện tu hạnh Bồ Tát không đoạn tuyệt.

Đại Bồ Tát tu thập hồi hướng đến tất cả mọi nơi, Ngài thành tựu đại thừa, chẳng chấp các pháp cùng với đặc

được trí nhất thiết trí của Như Lai, là vì Ngài có thể nhiếp khắp, nhiếp khắp hết thảy. Ví như nói không có cái ta, pháp không có ngã, và nhiếp thọ khắp đủ thứ pháp. Căn lành tu tập, cũng không cái ta nhiếp pháp tướng, như đồng nhiếp thọ các pháp vậy. Căn lành của tôi cũng nhiếp khắp tướng căn lành của chư Phật. Hạnh môn của chư Phật tu, tôi cũng tu. Công đức của Phật thực hành, tôi cũng thực hành. Tôi nhiếp thọ khắp chư Phật, đều cúng dường đến mỗi vị Phật, chưa từng bỏ sót một vị Phật nào không cúng dường, quyết không sinh ra tình hình dư thừa và không đủ. Tôi lại nhiếp trì khắp đủ thứ vô lượng các pháp, đối với các pháp nghĩa lý chân thật, tôi cũng hoàn toàn ngộ nhập, hoàn toàn minh bạch mà thực hành, chẳng có chút chướng ngại nào. Bồ Tát chẳng những nhiếp thọ căn lành của chư Phật và thật nghĩa của các pháp, mà Ngài cũng nhiếp thọ khắp tất cả Bồ Tát hành Bồ Tát đạo, Bồ Tát tu hạnh Bồ Tát, những gì các Ngài tu hành trong mười phương thế giới, đều cùng rất ráo, các Ngài tích tập căn lành, cũng giống nhau. Căn lành của các Bồ Tát gieo trồng, Ngài cũng trồng những căn lành đó. Căn lành của các Bồ Tát tu, Ngài cũng tu những căn lành đó. Tâm bồ đề mà các Bồ Tát ban đầu phát tâm, tăng trưởng đủ thứ căn lành, Ngài ban đầu cũng phát tâm bồ đề, để tăng trưởng các căn lành. Ngài lại nhiếp thọ khắp hạnh môn tu hành của các Bồ Tát trong mười phương thế giới. Đại Bồ Tát tu pháp hồi hướng đến tất cả mọi nơi, dùng sức lực nguyện lớn mà trước kia Ngài đã phát, khiến cho các Bồ Tát và nguyện của chính Ngài đã phát, đều được viên mãn, cũng viên mãn đắc được như mười lực của Phật. Ngài lại nhiếp thọ khắp diệu pháp của các Bồ Tát tu trong mười phương thế giới, và trí huệ quang

minh thanh tịnh của các Ngài chứng được. Bồ Tát vì đắc được trí huệ quang minh của tất cả các pháp, cho nên Ngài thấu đạt được các pháp, ngộ sâu thật tướng các pháp, triệt để thông đạt vô ngại, diệu dụng viên dung. Lại nhiếp thọ khắp sức đại oai đức đại thần thông của mười phương chư Phật, cũng thành tựu được sức đại oai đức đại thần thông đó. Bồ Tát dùng phương tiện khéo léo, giáo hoá tất cả chúng sinh, khiến cho tất cả chúng sinh thành tựu căn lành của các Ngài. Lại nhiếp thọ khắp mười lực và bốn vô sở úy của chư Phật, phát bốn tâm vô lượng của Phật:

1. Tâm từ vô lượng.
2. Tâm bi vô lượng.
3. Tâm hỷ vô lượng.
4. Tâm xả vô lượng.

Làm mãn nguyện tất cả chúng sinh. Lại nhiếp khắp tam muội và bốn trí vô ngại của các Bồ Tát trong mười phương thế giới. Bốn biện tài vô ngại là:

1. Pháp vô ngại biện tài.
2. Từ vô ngại biện tài.
3. Nghĩa vô ngại biện tài.
4. Nhạo thuyết vô ngại biện tài.

Bốn biện tài vô ngại, tức là bốn trí vô ngại. Đà la ni là tiếng Phạn, dịch là "tổng trì". Tổng tất cả pháp, trì vô lượng nghĩa. Bồ Tát tu hồi hướng đến tất cả mọi nơi, Ngài nhiếp thọ khắp tam muội, biện tài, Đà la ni của các Bồ Tát, Ngài đều chiếu rõ, quán chiếu được các pháp, thông đạt các pháp, đều là pháp môn không hai, đệ nhất nghĩa đế. Lại nhiếp thọ khắp pháp phương tiện khéo léo đầy đủ của chư Phật, giáo hoá chúng sinh, mà còn có thể thị hiện sức đại thần thông giống như Phật. Lại nhiếp thọ khắp mỗi vị Phật

trong ba đời, từ cung trời Đâu Suất hàng sinh xuống nhân gian, quá trình tám tướng thành đạo. Như nhập thai, trụ thai, xuất thai, thành đạo, chuyên pháp luân, điều phục chúng sinh, cho đến vào Niết Bàn. Và còn cung kính cúng dường mười phương ba đời chư Phật, mỗi cõi nước, đều có một vị Phật, Ngài thấy đều cúng dường khắp. Lại nhiếp thọ khắp tất cả thế giới trong mười phương, khiến cho mỗi cõi nước, mỗi cõi Phật, đều nhờ căn lành công đức của Ngài mà trở thành cõi nước thanh tịnh, cõi Phật trang nghiêm, chẳng có một cảnh giới nào mà chẳng đạt đến rốt ráo. Lại nhiếp thọ khắp tất cả kiếp rộng lớn. Vị đại Bồ Tát tu pháp môn hồi hướng này, Ngài ở trong mỗi kiếp đều xuất hiện ra đời, tu hạnh Bồ Tát, hành Bồ Tát đạo, lợi ích chúng sinh, cứu độ chúng sinh, giáo hoá chúng sinh, những Phật sự đó vĩnh viễn chẳng đoạn tuyệt. Hai mươi câu nhiếp thọ khắp ở trên, là phân biệt nói rõ nguyện vọng của vị Bồ Tát này, dùng nhiếp khắp căn lành hồi hướng, về phương diện lý sự, thấy đều chu toàn, thành tựu đức hạnh tự lợi của Bồ Tát, về sau lợi ích chúng sinh.

Nhiếp khắp tất cả hết thấy mọi loài, vì thị hiện thọ sinh trong đó. Nhiếp khắp tất cả các cõi chúng sinh, vì đầy đủ hạnh của Bồ Tát Phổ Hiền. Nhiếp khắp tất cả các hoặc tập khí, vì đều dùng phương tiện khiến cho thanh tịnh. Nhiếp khắp tất cả các căn chúng sinh, vì vô lượng khác biệt đều biết rõ. Nhiếp khắp tất cả sự hiểu biết

và mong muốn của chúng sinh, vì khiến cho lìa tạp nhiễm đắc được thanh tịnh. Nhiếp khắp tất cả hạnh giáo hoá chúng sinh, vì tùy theo sự độ được mà hiện thân. Nhiếp khắp tất cả nẻo chúng sinh, vì đều vào tất cả cõi chúng sinh. Nhiếp khắp tất cả trí tánh của Như Lai, vì hộ trì giáo lý của tất cả chư Phật.

Đoạn Kinh văn ở trước, là nói đại Bồ Tát tu pháp hồi hướng đến tất cả mọi nơi, Ngài nhiếp trì khắp căn lành của mười phương chư Phật, nhiếp khắp thật nghĩa các pháp của chư Phật nói, nhiếp khắp pháp môn của các vị Bồ Tát trong các thế giới, mà đặc đại trí huệ thanh tịnh quang minh, cùng với đại oai đức, sức đại thần thông của chư Phật. Hiện tại đặc biệt biểu dương Bồ Tát là từ bi làm đầu, tình thần vĩ đại bình đẳng hộ niệm chúng sinh. Bồ Tát chẳng những nhiếp khắp ưu điểm của chư Phật và của các Bồ Tát, và thật tướng của các pháp, Ngài cũng đến khắp trong bốn nẻo ác của chúng sinh, đến sáu nẻo luân hồi thị hiện đủ thứ thân hình chúng sinh, thọ sinh các loại chúng sinh, nhiếp thọ các loại chúng sinh, giáo hoá các loại chúng sinh, khiến cho họ thoát khỏi sáu nẻo. Lại nhiếp thọ khắp tất cả chúng sinh, khiến cho những chúng sinh đó đều đầy đủ hạnh Bồ Tát như Bồ Tát Phổ Hiền tu, tu Mười Đại Nguyên Vương của Bồ Tát Phổ Hiền. Lại nhiếp trì khắp tất cả các hoặc, như hoặc thô, hoặc vi tế, hoặc trần sa, hoặc thấy (kiến hoặc), hoặc nghĩ (tư hoặc), hoặc vô minh .v.v... Khiến cho

các hoặc tập khí của chúng sinh đều đắc được thanh tịnh. Lại nhiếp trì các căn của tất cả chúng sinh, căn tánh của chúng sinh, thấy đều khác nhau, Bồ Tát đều thấu hiểu được, có ngàn sai vạn biệt, Bồ Tát còn rất minh bạch các căn thú hướng của chúng sinh. Lại nhiếp trì khắp sự hiểu biết, sự mong cầu của tất cả chúng sinh. Nếu sự hiểu biết là tà tri tà kiến, sự mong cầu là tạp nhiễm, ô trược, thì giáo hoá họ lìa khỏi sự hiểu biết và mong cầu chẳng chánh đáng, mà đắc được bản thể thanh tịnh. Lại nhiếp trì khắp tất cả hạnh môn giáo hoá chúng sinh tu hành, tùy theo sự tương ứng với chúng sinh, mà vì họ hiện thân nói pháp. Lại nhiếp khắp tất cả sự tương ứng khế hợp với chúng sinh. Chánh đạo của Phật nói, dùng thần thông biến hoá phương tiện khéo léo, vào sâu trong các loại chúng sinh, đồng loại tương nhiếp, phương tiện giáo hoá. Lại nhiếp thọ trí tánh của chư Phật mười phương ba đời, tức là trí huệ thành tựu của chư Phật, Bồ Tát dùng trí huệ nhiếp thọ, để hộ trì giáo pháp của chư Phật nói. Đoạn Kinh này, là hiển rõ pháp hồi hướng đến tất cả mọi nơi của đại Bồ Tát tu, thành tựu công hạnh lợi tha.

Phật tử ! Khi đại Bồ Tát đem các căn lành hồi hướng như vậy, thì dùng không chỗ đắc được, mà làm phương tiện. Không ở trong nghiệp phân biệt quả báo, chẳng ở trong quả báo mà phân biệt nghiệp.

Các vị đệ tử của Phật ! Khi đại Bồ Tát tu pháp hồi hướng đến tất cả mọi nơi, đem đủ thứ căn lành của Ngài tu,

như phương pháp hồi hướng như Kinh văn ở trước có nói, thì Ngài ôm hoài bảo chẳng chỗ đắc được, tất cả công hạnh đều không. Tuy quy về không chỗ đắc được, mà hay viên mãn bồ đề; Chẳng chấp nơi ý tự tại phương tiện mà trái với nghĩa lý chân thật. Bồ Tát Ngài chẳng coi trọng về tạo nghiệp gì, thọ quả báo gì; chẳng dùng tâm nghĩ về mặt này, vì Ngài biết đạo lý:

"Tuỳ duyên tiêu nghiệp cũ
Thôi đừng tạo nghiệp mới".

Tuy nhiên Ngài biết đạo lý này, nhưng Ngài chẳng ở trong nghiệp, mà phân biệt có quả báo gì, càng chẳng chấp trước, ở trong quả báo thọ, phân biệt Ngài tạo nghiệp gì, thọ quả báo gì. Bồ Tát đối với sự thọ khổ, Ngài nhận rằng là hết khổ, thọ báo là hết báo, cho nên Bồ Tát thì sợ nhân chẳng sợ quả. Ngược lại, chúng sinh thì sợ quả, mà chẳng biết đạo lý sợ nhân. Khi Bồ Tát tại nhân địa, thì lúc nào cũng cẩn thận coi chừng, quyết không tạo các nghiệp ác, nếu không coi chừng thì tương lai thọ ác báo. Cho nên chúng ta mỗi người, mỗi sự việc phải cẩn thận ở lúc ban đầu, thì nhất định sẽ không thọ quả báo ác. Nếu đáng thọ quả báo thiện, thì Bồ Tát cũng thọ tự nhiên, vui an lạc.

Tuy không phân biệt mà vào khắp pháp giới. Tuy chẳng chỗ làm mà luôn trụ nơi căn lành. Tuy chẳng chỗ sinh khởi mà siêng tu pháp thù thắng. Chẳng tin các pháp mà vào sâu được. Chẳng có nơi pháp mà đều thấy biết. Hoặc làm không làm, đều

không thể đắc được. Biết các pháp tánh, luôn chẳng tự tại.

Đại Bồ Tát tu hồi hướng đến tất cả mọi nơi, tuy nhiên Ngài đối với nghiệp và báo chẳng chấp trước, chẳng ở nơi đó phí tâm suy nghĩ, nhưng hành vi của Ngài tự nhiên tạo thành đủ thứ nghiệp thiện, vì Bồ Tát đã lìa khỏi tất cả các nghiệp ác. Bất tất phải lưu ý, thuận theo tâm từ bi của Ngài, vào khắp pháp giới, giáo hoá tất cả chúng sinh thọ khổ. Tuy Bồ Tát sớm đã biết các pháp đều không, thực hành mà chưa từng thực hành, làm mà không làm. Không làm mà làm, làm mà chưa từng làm, Ngài vẫn luôn luôn tu đủ thứ nghiệp lành, chưa từng quên tài bồi căn lành, tu tích tập phước huệ, do đó:

"Tài bồi mảnh đất trong tâm,
Hàm dưỡng bầu trời bản tánh".

Đó tức là một biểu hiện luôn trụ nơi căn lành. Bồ Tát thấu hiểu pháp tánh vốn không, biết nghiệp chẳng có thật thể. Nếu nghiệp có thật thể, thì đừng nói nghiệp của mọi người đầy đầy hư không, mà dù nghiệp thật thể của một người, có thể tận cùng cõi hư không, cũng không dung thọ hết được. Nghiệp tánh vốn không, không hình không tướng, hư không vẫn là hư không, nghiệp chướng của chúng sinh vẫn là nghiệp chướng của mỗi người. Tuy chẳng chỗ khởi: Bản thể của tất cả các pháp, là tính vắng lặng, không sinh không diệt. Trong Tâm Kinh có nói: "Không sinh không diệt, không dơ không sạch, không tăng không giảm", đó tức là nói bản thể của pháp. Tuy nói như vậy, nhưng Bồ Tát chưa từng vì đó mà phóng dật, Ngài vẫn

siêng tu Thánh pháp, tinh tấn dũng mãnh tu học đủ thứ pháp thù thắng. Tuy biết nghiệp tánh vốn không, Ngài vẫn tùy thời chú ý tạo các nghiệp thiện. Chẳng tin các pháp: Ở đây chẳng phải nói, Bồ Tát đã biết pháp tánh là không, thì không tin tất cả các pháp, mà là nói Bồ Tát biết các pháp không, chẳng chấp trước nơi pháp không, vẫn vào sâu được các pháp thật tướng, đó là cảnh giới của Bồ Tát. Chúng sinh thì trước hết phải tin, do đó Phật pháp như biển, phải tin mới độ được. Chúng sinh thì phải tin, mới có thể vào sâu tạng Kinh, trí huệ như biển. Bồ Tát thì đã nhập vào dòng Thánh, nên chẳng còn sự tin câu thúc, cũng chẳng còn luận đàm không tin bậy bạ. Cho nên nói tuy Bồ Tát chẳng tin các pháp, mà vẫn vào sâu tất cả các pháp, trong tâm của Ngài cũng chẳng còn tâm chấp pháp tướng, nhưng Ngài quyết định biết thật tướng lý thể của tất cả các pháp, cũng thấy tướng vắng lặng của tất cả các pháp. Chẳng có nơi pháp, mà đều thấy biết. Vô luận là có, hoặc chẳng có, đều biết được thấy được. Hoặc làm chẳng làm, đều không thể đắc được: Chẳng màng bạn làm, hoặc không làm, đều là không, chẳng có chỗ được. Tại sao phải nói như vậy ? Vì tất cả pháp tánh, nó luôn luôn chẳng tồn tại, là không. Bồ Tát biết pháp tánh của pháp, luôn chẳng tự tại.

Tuy đều thấy các pháp, mà chẳng chỗ thấy. Biết khắp tất cả mà không chỗ biết. Bồ Tát thấu rõ thông đạt cảnh giới như vậy. Biết tất cả pháp nhân duyên làm góc.

Bồ Tát vào sâu tạng Kinh, trí huệ như biển, thấu đạt các pháp không tướng, đối với đạo lý sinh diệt của các pháp do chư Phật xiển dương, đều biết đều thấy, nhưng Bồ Tát chẳng chấp trước vào chỗ Ngài biết, chỗ Ngài thấy, mà là không chẳng chỗ thấy. Bồ Tát Ngài biết khắp tất cả các pháp, nhưng Ngài chẳng chỗ biết. Đó là biết mà chẳng biết, thấy mà chẳng thấy, dùng đại định bất động để chiếu rõ tất cả, chỉ có Bồ Tát mới chẳng có tư hào chấp trước như thế, mà còn thấu đạt tất cả cảnh giới. Vì Bồ Tát biết tất cả pháp, đều từ nhân duyên sinh ra. Nhân duyên tức là gốc rễ sinh ra pháp, là không hình không tướng.

"Nhân duyên sinh ra pháp
Ta nói tức là không
Cũng gọi là giả danh
Cũng gọi nghĩa trung đạo".

Và nữa:

"Chưa từng có một pháp
Chẳng từ nhân duyên sinh
Thế nên tất cả pháp
Đâu chẳng phải là không".

Và nữa:

"Các pháp từ duyên sinh,
Các pháp từ duyên diệt.
Phật ta đại Sa Môn,
Thường hay nói như vậy".

Đó tức là đại trí Xá Lợi Phất, đại Mục Kiền Liên hai vị tôn giả tìm cầu nhiều năm, cơ duyên đến, gặp được Tỳ Kheo Mã Thắng nói với các Ngài như vậy. Hai vị tôn giả

lập tức đi đến gặp Đức Phật, và quy y với Phật, sau đó chứng được quả A La Hán. Hai bài kệ đầu nói nhân duyên sinh khởi của pháp rất rõ ràng, tức cũng là đại biểu nghĩa lý trọng yếu của Phật giáo, đặt điểm riêng của các tôn giáo khác.

Thấy pháp thân của tất cả chư Phật, đến tất cả pháp lìa nhiễm thật tế. Hiểu rõ thế gian, đều như biến hoá. Thấu đạt chúng sinh, chỉ là một pháp, chẳng có hai tánh. Chẳng xả nghiệp cảnh, phương tiện khéo léo. Nơi cõi hữu vi, thị hiện pháp vô vi, mà chẳng diệt hoại tướng hữu vi. Nơi cõi vô vi, thị hiện pháp hữu vi, mà chẳng phân biệt tướng vô vi.

Vi Bồ Tát thấu rõ đạo lý các pháp nhân duyên sinh ra, cho nên Ngài thấy được pháp thân của mười phương chư Phật. Ngài lìa khỏi tất cả nhiễm ô, nên đạt đến cảnh giới rốt ráo của pháp. Công hạnh của Bồ Tát tu hành biết lìa tất cả tướng, tức tất cả pháp. Lìa khỏi tướng nhiễm ô của thế gian, tức là pháp chân thật tế. Bồ Tát thấu hiểu tất cả sự vật trên thế gian, đều như huyền như hoá, phàm là những vật có hình, có tướng, đều là vô thường; phàm là có sự sinh diệt, đều là hư vọng. Bồ Tát thấu rõ thông đạt, lìa khỏi lý thì chẳng có sự để nói, biết chúng sinh vốn cũng có Phật tánh giống như Phật, chúng sinh cũng đều do pháp vô vi sinh ra. Pháp vô vi là không hình, không tướng, vĩnh

hằng, Phật tánh cũng là vĩnh hằng, chẳng biến đổi. Do đó chúng sinh chỉ có một pháp, chẳng có hai tánh. Cho nên không cần xả lìa cảnh giới nghiệp và báo, mà đến giáo hoá tất cả chúng sinh, dùng phương pháp phương tiện khéo léo, tùy thuận cơ duyên, thích hợp với cảnh giới nghiệp báo của chúng sinh, phân rõ nhân duyên sự lý, mà đối diện với hiện thật giáo hoá chúng sinh. Như đó, Bồ Tát ở tại cảnh giới pháp hữu vi, thị hiện diệu dụng của pháp vô vi, mà chẳng vì diệu dụng của pháp vô vi, mà tổn diệt phá hoại tướng pháp hữu vi. Tướng pháp hữu vi đó vẫn tồn tại, nơi cảnh giới vô vi, trong pháp giới vô sở vi mà vi, chẳng vi mà vi, thị hiện pháp hữu vi. Ngài cũng chẳng phân biệt chấp trước tướng vô vi. Pháp hữu vi là pháp thế gian có hình, có tướng, là vô thường, trái với chân lý, đó là thế tục đế. Pháp vô vi là pháp xuất thế, thanh tịnh, chân thật, không hình không tướng, vĩnh hằng không biến đổi, tức là đệ nhất nghĩa đế. Lìa khỏi pháp thế gian, thì chẳng có Phật pháp, thường nói Phật pháp chẳng lìa pháp thế gian. Là vì pháp hữu vi thế gian, mới hiển bày diệu dụng của pháp xuất thế gian, chân đế. Lìa khỏi pháp vô vi, Phật pháp, thì thế giới chẳng có quang minh, chẳng có chân lý, chúng sinh giống như chìm trong vụt sâu đáy biển.

Bồ Tát quán tất cả pháp rất ráo vắng lặng như vậy. Thành tựu tất cả căn lành thanh tịnh, mà khởi tâm cứu hộ chúng sinh. Trí huệ thấu rõ thông đạt tất cả biến pháp. Thường thích tu hành lìa pháp ngu si. Đã đầy đủ thành tựu công đức xuất thế.

Càng chẳng tu học pháp thế gian. Đắc được mắt trí huệ, lia các màng ngu si. Dùng phương tiện khéo léo, tu đạo hồi hướng.

Đại Bồ Tát tu pháp hồi hướng đến tất cả mọi nơi, Ngài căn cứ vào Kinh văn đã nói ở trước, cho nên Ngài quán sát các pháp thật tướng, biết tướng các pháp rốt ráo vắng lặng, là không sinh không diệt, vắng lặng chẳng động. Do đó, mới thành tựu căn lành thanh tịnh của Bồ Tát. Có căn lành thanh tịnh rồi, thì trí huệ sẽ tăng trưởng, phát tâm bồ đề, đại bi làm đầu, phát nguyện cứu hộ tất cả chúng sinh. Phật pháp rộng lớn như biển cả, Bồ Tát có đại trí huệ như biển cả, cho nên Ngài thấu rõ thông đạt pháp lớn như biển cả, vào sâu cảnh giới rốt ráo của pháp. Bồ Tát vì cứu hộ tất cả chúng sinh, luôn luôn ưa thích tu hành, vì tu hành mới có thể lia khỏi ngu si ngã mạn, đủ thứ chướng ngại, tăng trưởng trí huệ thanh tịnh. Bồ Tát đã viên mãn đầy đủ thành tựu căn lành công đức xuất thế. Càng chẳng tham trước tất cả pháp điên đảo thế gian, pháp nhiễm ô chẳng thanh tịnh. Đắc được mắt trí huệ thanh tịnh, lia khỏi tất cả ngu si, giống như quét trừ màng mao bệnh trong con mắt. Dùng phương pháp phương tiện khéo léo, tu trì pháp môn hồi hướng.

Phật tử ! Đại Bồ Tát đem các căn lành hồi hướng như vậy. Làm vừa lòng tất cả chư Phật. Nghiêm tịnh tất cả cõi nước chư Phật. Giáo hoá thành tựu tất cả chúng

sinh. Thọ trì đầy đủ tất cả Phật pháp. Làm ruộng phước tối thượng của tất cả chúng sinh. Làm Đạo Sư trí huệ của tất cả thương nhân. Làm mặt trời thanh tịnh của tất cả thế gian. Mỗi mỗi căn lành đầy khắp pháp giới. Thấy đều cứu hộ tất cả chúng sinh, đều khiến cho họ thanh tịnh đầy đủ công đức.

Các vị đệ tử của Phật ! Vị đại Bồ Tát tu pháp hồi hướng đến tất cả mọi nơi, đem đủ thứ căn lành của Ngài tu tập, hồi hướng như vậy, hồi hướng cho pháp giới chúng sinh, hồi hướng vô thượng bồ đề, hồi hướng chân như thật tế. Bồ Tát hồi hướng như vậy, lời lẽ đều phù hợp với tâm ý của chư Phật. Bồ Tát lại nguyện đem căn lành của Ngài hồi hướng đến chư Phật, trang nghiêm mười phương cõi nước chư Phật, thanh tịnh mười phương cõi nước chư Phật. Bồ Tát đem căn lành công đức của Ngài lợi ích chúng sinh, giáo hoá chúng sinh, và còn khiến cho chúng sinh đều thành tựu đạo nghiệp. Bồ Tát thọ trì pháp của mười phương chư Phật nói, viên mãn đầy đủ, chẳng có thừa sót. Bồ Tát đã tu đến cảnh giới chẳng chỗ đắc được, cho nên Ngài xứng đáng được gọi là ruộng phước tốt nhất của chúng sinh. Lại có thể làm đại Đạo Sư có trí huệ của các thương nhân tìm cầu bảy báu. Lại có thể làm mặt trời trong sáng của thế gian, giống như mặt trời chiếu sáng hư không. Bồ Tát mỗi một thứ căn lành, đều đầy đủ mười phương pháp giới. Mỗi một thứ căn lành, đều có công năng cứu hộ

tất cả chúng sinh, khiến cho tất cả chúng sinh đều đắc được trí huệ thanh tịnh, đầy đủ công đức, viên mãn thành tựu Phật quả.

Phật tử ! Khi đại Bồ Tát hồi hướng như vậy, thì hộ trì được tất cả hạt giống Phật. Thành thực được tất cả chúng sinh. Trang nghiêm thanh tịnh được tất cả cõi nước. Chẳng hoại tất cả các nghiệp. Biết rõ được tất cả các pháp. Bình đẳng quán sát được các pháp không hai. Hay đến khắp mười phương thế giới. Thấu đạt được là đục thật tế. Thành tựu được tin hiểu thanh tịnh. Các căn lanh lợi đầy đủ.

Các vị đệ tử của Phật ! Vị đại Bồ Tát tu pháp hồi hướng đến tất cả mọi nơi, khi Ngài làm phương pháp hồi hướng giống như Kinh văn nói ở trước, thì sẽ có những công dụng gì ? Có những lợi ích gì ? Bồ Tát Kim Cang Tràng nói: Hiện tại tôi có thể quy về để nói, đại khái có mười thứ thành tựu.

1. Lợi ích của sự hồi hướng hộ trì được tất cả hạt giống Phật. Hộ trì nghĩa là bảo hộ giữ gìn, bảo hộ hạt giống thành Phật, giữ gìn huệ mạng của Phật, chẳng khiến cho đoạn tuyệt. Gì là hạt giống thành Phật ? Người tu hành đạo thù thắng, mới có thể kế thừa huệ mạng của Phật.

2. Bồ Tát đem căn lành của mình tu tập, hồi hướng cho pháp giới chúng sinh, khiến cho họ đắc được lợi ích

của sự hồi hướng, căn lành tăng trưởng, phát tâm bồ đề, tu tập pháp lành, căn lành công đức, sớm được thành thực, viên mãn bồ đề quả Phật.

3. Sức công đức của Bồ Tát hồi hướng, có thể trang nghiêm cõi nước chư Phật trong mười phương, lại có thể khiến cho cõi nước chư Phật trong mười phương càng thanh tịnh.

4. Lại chẳng hoại tất cả các nghiệp, tức là chẳng hoại nghiệp lành của tất cả chúng sinh, mà còn khiến cho tăng trưởng. Tất cả nghiệp ác, liền bị tiêu diệt, không còn sót.

5. Phật pháp sâu rộng như biển cả, chẳng có bờ mé, nhưng Bồ Tát đã tu chứng được trí huệ thù thắng, cho nên ngộ được thật tướng chân đế của các pháp. Tại sao phàm phu chẳng dễ gì minh bạch các pháp, tiếp thọ đạo lý các pháp ? Vì tâm trí của người bình thường bị năm dục che đậy, chẳng có trí huệ thanh tịnh. Trí huệ là do sự thanh tâm quả dục trong thiên định sinh ra.

6. Bồ Tát vì tu pháp môn hồi hướng, ý cảnh thanh tịnh, tâm lượng rộng lớn, cho nên thông đạt các pháp, mà chẳng chấp vào các pháp, hay bình đẳng quán sát các pháp. Trong Kinh Kim Cang có nói:

"Là pháp bình đẳng
Chẳng có cao thấp".

Hai chữ bình đẳng, chẳng những nói tất cả pháp bình đẳng không hai, mà còn bao hàm có ý nghĩa nhân từ trong đó. Bình đẳng là thể của thật tánh, hay bình đẳng quán sát các pháp, thì hay tu pháp lành, phát huy diệu dụng của các pháp. Bồ Tát tu pháp môn hồi hướng, Ngài tâm bi tha thiết, tâm từ bình đẳng, quan tâm đến tất cả chúng sinh, đó tức là

nguyên nhân Ngài hay bình đẳng quán sát các pháp không hai.

7. Bồ Tát lại có thể đến khắp mười phương thế giới, mục đích Ngài đến mười phương thế giới, là giáo hoá chúng sinh. Ngài chẳng thiên về thích thế giới tốt, hoặc Ngài đặc biệt hoan hỷ chúng sinh thế giới đó, mà là đến khắp mười phương thế giới, tùy thuận tùy duyên, phổ độ chúng sinh.

8. Bồ Tát vì tu pháp môn hồi hướng, đắc được lợi ích thù thắng, tỏ ngộ minh bạch phương pháp thật tế của các pháp, tức là phải lìa khỏi dục niệm. Nếu như chẳng lìa dục, tham ái chấp trước năm dục, thì vĩnh viễn không thể minh bạch đạo lý chân thật của các pháp. Tại sao chúng sinh không thể thành tựu đạo nghiệp, chứng được Phật quả ? Vì bị dục niệm trói buộc, điên điên đảo đảo, khởi hoặc, tạo nghiệp, vĩnh viễn ở trong luân hồi. Nếu đoạn dục khứ ái, nhất là phải đoạn tuyệt ý niệm dâm dục, tu phạm hạnh thanh tịnh, thì sẽ đạt đến cảnh giới thật tế của các pháp. Lúc này, càng phải chú ý: Dục đã đoạn tuyệt, phải tiến lên một bước nữa, quét trừ sự chấp trước đoạn dục, đó mới là chân chánh đã đoạn được dục. Còn nếu trong tâm bạn còn tồn tại: "Tôi đã lìa dục, tôi là A La Hán lìa dục, tôi đã thấy được thật tế của pháp, tôi đã khai ngộ", như thế, chẳng những có thể chứng minh người đó chưa có đoạn dục, sợ rằng họ vẫn còn bị dục ràng buộc ! Người thật đã lìa dục, thì chẳng chấp vào tư tưởng lìa dục. Tâm cảnh của họ sáng không, đã chẳng còn cái gọi là dục tồn tại nữa. Bồ Tát tu pháp môn hồi hướng này, thấu đạt được phương pháp lìa dục, chẳng chấp, chẳng nương tựa, thấy được cảnh giới thật tế của các pháp.

Các vị ! Tại sao phải lìa dục ? Vì, sở dĩ mà Phật chứng được quả Phật diệu giác, là vì Phật chẳng còn dục nữa. Người nghĩ muốn học, thì thứ nhất là phải học cách lìa dục của Phật, lìa tất cả tham dục của thế gian. Hết thấy Tam Tạng Kinh điển mười hai bộ, bất cứ nói bao nhiêu, đều kêu người lìa dục. Chẳng màng bộ Kinh nào, cũng đều nói như thế. Cho nên lần này giảng Kinh, nhất định phải nhấn mạnh về chữ dục, vì chữ dục này, nó có thể diễn biến ra vô lượng vô biên hậu quả không thể tưởng tượng được, lớn thì thành Phật quả, nhỏ thì được thân tâm an lạc, đều từ chữ dục này mà biến chuyển. Thành Phật hay đọa lạc, đều là nhân tố của nó. Lìa khỏi chữ dục này, thì không thể nói Kinh điển. Các vị đừng xem thường mao bệnh nhỏ này, bất cứ là người tại gia, xuất gia, đệ tử Phật, chẳng phải đệ tử Phật, đều chẳng dễ gì trừ đi mao bệnh nhỏ này. Nếu có thể trừ nó đi được, thì bất cứ người nào cũng đều có thể chứng quả A La Hán, chứng được Phật quả. A la hán tức là đã lìa dục. Trong pháp hội Kim Cang Ngài Tu Bồ Đề nói với Đức Phật: "Đức Thế Tôn ! Ngài nói con là A La Hán lìa dục bậc nhất, nhưng con chẳng nghĩ đến pháp này, con cũng chẳng tự khen mình là A La Hán lìa dục, là bậc nhất trong mọi người. Nếu con nghĩ như thế, thì con còn chấp vào tướng đó". Không thể lìa khỏi tướng đó, mà còn tự cho rằng, thì đó là sai lầm.

9. Bồ Tát lại vì tu pháp môn hồi hướng này, mà thành tựu tin hiểu thanh tịnh. Đem công đức của Ngài hồi hướng, đắc được tâm tin chân chánh, thanh tịnh, chỉ một không tạp nhiễm, từ đó chẳng còn sự tin hiểu không thanh tịnh nữa, các ma ngoại đạo cũng không thể giao động Ngài

được nữa. Tin hiểu thanh tịnh, trên thì khế hợp với chư Phật.

10. Bồ Tát tu pháp môn hồi hướng này, hay khiến cho họ đắc được các căn đầy đủ và lanh lợi. Các căn là chỉ sáu căn của con người: Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý. Đầy đủ sáu căn, tức là sáu căn đều hoàn toàn, không thể chẳng có mắt, hoặc chẳng nghe tiếng. Có lỗ mũi mà chẳng ngửi được mùi thơm, hôi. Có lưỡi mà chẳng nếm được mùi vị. Có thân thể mà chẳng sinh cảm giác. Có căn ý mà không thể duyên pháp, đó đều là sáu căn chẳng đầy đủ. Các căn đầy đủ lanh lợi, tức là sáu căn viên mãn không thiếu khuyết, mà lại còn lanh lợi. Như mắt thì nhìn thấy được rõ ràng. Tai thì nghe tiếng rõ ràng, do đó gọi là tai thính mắt sáng. Mũi ngửi rõ được mùi. Lưỡi phân biệt được năm vị rõ ràng. Cảm giác của thân cũng nhạy bén. Ý duyên pháp cũng duyên được rõ ràng chánh quyết, đó tức là biểu hiện của sự lanh lợi. Bồ Tát tu pháp hồi hướng này, đắc được các căn đầy đủ viên mãn, và có sự lợi ích công năng lanh lợi của nó. Ở trên là sự thành tựu pháp hồi hướng của Bồ Tát tu.

Phật tử ! Đó là hồi hướng thứ tư đến tất cả mọi nơi của đại Bồ Tát.

Các vị đệ tử của Phật ! Ở trên vừa nói là trình độ và cảnh giới hồi hướng thứ tư đến tất cả mọi nơi trong thập hồi hướng của đại Bồ Tát.

Các vị ! Chúng ta đã nghe qua đoạn Kinh văn này, phải học vị Bồ Tát này, cước đạp thật địa, dụng công tu hành. Chẳng phải nghe rồi thì đã qua, là hoàn tất việc một

lần nghe Kinh. Nghe rồi nhưng chẳng thực hành, thì cũng giống như chưa nghe. Nghe Kinh nghe pháp, là cho chúng ta một cái đèn sáng chỉ đường, nhờ ánh sáng của đèn mà chiếu rõ đại đạo chúng ta đi, thì phải chiếu theo con đường hướng về trước mà tu hành. Giả như bạn đã biết con đường này mà chẳng đi, thì cuối cùng không thể đạt đến mục đích của bạn được. Giả sử bạn hy vọng muốn đạt đến nơi bạn muốn đi, thì phải ý giáo phụng hành, theo pháp tu hành, chân thật dũng mãnh tinh tấn tu hành.

Khi đại Bồ Tát trụ nơi hồi hướng này, thì đắc được thân nghiệp đến tất cả mọi nơi, vì hay ứng hiện khắp tất cả thế giới. Đắc được lời nghiệp đến tất cả mọi nơi, vì diễn nói pháp trong tất cả thế giới. Đắc được ý nghiệp đến tất cả mọi nơi, vì thọ trì tất cả pháp của Phật nói. Đắc được thân tức thông đến tất cả mọi nơi, vì tùy tâm chúng sinh, thấy đều ứng hiện đến. Đắc được tùy chúng trí đến tất cả mọi nơi, vì khắp thấu rõ thông đạt tất cả các pháp. Đắc được tổng trì biện tài đến tất cả mọi nơi, vì tùy tâm chúng sinh khiến cho họ hoan hỉ.

Vị đại Bồ Tát tu pháp hồi hướng đến tất cả mọi nơi, khi Ngài tu hành pháp môn này, thì đây chẳng phải nói

Ngài trụ trong hồi hướng bất động, đình chỉ. Cũng có thể nói Ngài một lòng chuyên chú pháp môn này, tâm chẳng sinh ý niệm khác. Trong Kinh thường gọi là "đại" Bồ Tát. "Đại" ý nghĩa là lớn, là chỉ cho đại Bồ Tát. Chữ đại đây, là phân biệt vị đại Bồ Tát này chẳng phải là Bồ Tát mới (sơ) phát tâm, Ngài đã từng phát tâm đại bồ đề, tu hành đã trải qua bao nhiêu kiếp, có trí huệ tối thượng, đại bi làm đầu, tâm từ phổ độ chúng sinh, khó thực hành mà hành được, khó xả bỏ mà xả được, khó nhẫn mà nhẫn được, khắp hành Bồ Tát đạo, Bồ Tát như vậy được gọi là đại Bồ Tát. Nếu phàm phu phát tâm lớn tu học hạnh Bồ Tát, đối với mọi người từ bi hay nhẫn, hay nhường, chịu bố thí cúng dường, cung kính Tam Bảo, tinh tấn học đạo, người như vậy bất luận là người tại gia, hay xuất gia, cũng được gọi là Bồ Tát, đây gọi là Bồ Tát phàm phu. Nếu đời đời kiếp kiếp phát tâm tu hành, cũng sẽ trở thành đại Bồ Tát, tiến đến viên mãn đạt được quả Phật. Đại Bồ Tát mà ở đây nói, là vì Ngài tu pháp hồi hướng này, là đắc được đại dụng của ba nghiệp. Tuy nhiên Ngài chưa chứng được quả Phật, nhưng Ngài đã có hoá thân trăm ngàn ức, giống như Bồ Tát Quán Thế Âm:

"Ngàn chỗ sở cầu ngàn nơi ứng
Thường làm thuyên độ người qua biển khổ".

Vị Bồ Tát này Ngài cũng đắc được thân nghiệp, tùy ứng thân đến tất cả mọi nơi, bất luận thế giới nào, đều tùy duyên ứng hiện, giáo hoá chúng sinh. Đây tức là Bồ Tát tu pháp hồi hướng đến tất cả mọi nơi, đắc được lợi ích diệu dụng của thân nghiệp.

Ngài lại đắc được lợi ích nghiệp lời nói đến tất cả mọi nơi. Bồ Tát hay ở trong tất cả thế giới diễn nói Phật pháp, khắp ba ngàn đại thiên thế giới, hết thảy tất cả chúng sinh ở nơi nào, đều có thể nghe được Bồ Tát nói Phật pháp. Bất cứ xa bao nhiêu, hết thảy chúng sinh có duyên, đều nghe được rất rõ ràng, giống như Phật.

"Phật dùng một âm diễn nói pháp,
Chúng sinh theo loài đều hiểu được".

Vì Bồ Tát Ngài tu đắc được lợi ích nghiệp lời nói, cho nên chúng sinh mỗi thế giới, đều nghe được âm thanh của Ngài nói pháp, mỗi loại chúng sinh đều nghe hiểu pháp của Ngài nói, mà còn cảm thấy Bồ Tát đang ở đó nói pháp cho họ nghe ! Đây tức là chỗ Bồ Tát đắc được, thần thông diệu dụng về phương diện nghiệp lời nói, cho nên nói hay ở trong tất cả thế giới diễn nói pháp vậy.

Bồ Tát tại ý nghiệp, cũng đắc được đến tất cả mọi nơi, thọ trì pháp của chư Phật nói. Ngài có thể đến trong tâm chúng sinh nói pháp, vào khắp tất cả thân chúng sinh, mà vì chúng sinh để hồi hướng, khiến cho tất cả chúng sinh từ từ cải ác hướng thiện, phát tâm bồ đề. Giống như chúng ta mỗi người phát tâm bồ đề, ngày càng tăng trưởng, tinh tấn thật tâm tu hành, đây tức là ý nghiệp của Bồ Tát, đến ở trong ý niệm của chúng ta. Tâm bồ đề của chúng ta mới càng ngày càng lớn dần, mới có thể thọ trì tất cả Phật pháp, ấn sâu ở trong ruộng tám thức, vĩnh viễn chẳng quên. Ghi nhớ Kinh điển, thông đạt nghĩa lý Phật pháp, thuộc lòng Đà la ni. Chúng ta có thể thân thọ tâm trì, tức là được trợ giúp của Bồ Tát ý nghiệp, đó tức là diệu dụng của Bồ Tát đắc được về phương diện ý nghiệp. Đó cũng là Bồ Tát tu

pháp hồi hướng đến tất cả mọi nơi, thành tựu về phương diện ý nghiệp, cho nên Ngài mới có thể thọ trì tất cả pháp của Phật nói, tự lợi mà còn lợi ích chúng sinh. Ở trên là nói về Bồ Tát tu pháp môn hồi hướng đến tất cả mọi nơi, đắc được thể của ba nghiệp.

Bồ Tát Ngài lại đắc được thần túc thông đến tất cả mọi nơi, tận hư không khắp pháp giới, không vào mà chẳng tự được vậy. Ngài nguyện đi đến đâu thì đi đến đó, dù xa bao nhiêu Ngài cũng không cần đi máy bay, chỉ một sát na thì đến được. Đây gọi là thần túc thông, thần tốc rất nhanh, chẳng bị bất cứ chướng ngại gì. Tùy theo tâm niệm của chúng sinh, quán sát chỗ đắc được, liền đến đó hiện ra một ứng hoá thân, giáo hoá chúng sinh, mãn tâm nguyện của chúng sinh. Bồ Tát do vì tu pháp hồi hướng này, mà đắc được tùy chúng trí đến tất cả mọi nơi. Trí huệ này hay khiến cho người dù gặp khó khăn gì, chẳng màng là việc phức tạp như thế nào, liền lập tức minh bạch giải quyết được khó khăn, mà thuận lý thành công viên mãn. Chẳng những minh bạch cảnh giới phát sinh, mà còn minh bạch đạo lý tất cả pháp là từ duyên sinh, từ duyên diệt. Bồ Tát làm thế nào mà minh bạch ? Là vì Ngài đắc được tùy chúng trí. Trí huệ này chẳng chướng ngại, cho nên đối với bất cứ việc gì, cảnh giới gì, đều giải quyết rất nhanh chóng. Giống như dùng đao bén chém cây, lập tức liền đứt. Dùng đao bén là dụ cho tùy chúng trí. Tùy chúng trí tức là trí huệ thấy việc thì tỉnh việc. Cổ Đức thường nói:

"Thấy việc tỉnh việc vượt thế gian,
Thấy việc mê việc đoạ trầm luân".

Bậc Thánh nhân được gọi là "Thấy việc tinh việc vượt thế gian". Người bình thường vì chẳng có tuệ chứng trí, cho nên thấy việc thì hồ đồ, chẳng biết xử lý như thế nào, y cứ theo chấp cái ta, thấy lệch lạc, làm việc một cách điên đảo, nên hậu quả không thể tưởng tượng được. Người biện sự thì ngênh nhận mà giải. Bồ Tát đắc được tuệ chứng trí, thấu hiểu thật tướng của các pháp, hành sự thông đạt vô ngại.

Bồ Tát lại đắc được tổng trì biện tài đến tất cả mọi nơi, hay tùy thuận tâm nguyện của chúng sinh, khiến cho chúng sinh đều hoan hỷ. Tổng trì, tức tiếng Phạn là Đà la ni. Tổng tất cả pháp, trì vô lượng nghĩa. Trì điều thiện chẳng làm cho tán mất, trì điều ác đừng làm cho phát sinh. Biện tài, tức bốn vô ngại biện, còn gọi là bốn trí vô ngại. Tức là: Pháp vô ngại biện, nghĩa vô ngại biện, từ vô ngại biện, nhạo thuyết vô ngại biện. Bồ Tát vì tu pháp hồi hướng đến tất cả mọi nơi, đắc được vô ngại biện tài về tổng trì. Do đó, Bồ Tát tùy nơi giáo hoá chúng sinh, tùy thuận căn tánh của chúng sinh. Tùy tâm hoan hỷ của chúng sinh, tiếp dẫn chúng sinh, khiến cho chúng sinh đều toại tâm mãn nguyện, cát tường như ý, đều đại hoan hỷ. Tâm tánh của chúng sinh thấy đều khác nhau, ví như ăn thức ăn, đều có sở thích của mỗi người. Ngài đều khiến cho chúng sinh vừa ý, chẳng làm cho chúng sinh thất vọng. Bồ Tát thật tâm từ bi, vì làm vừa lòng chúng sinh, thậm chí Ngài vào địa ngục thay thế chúng sinh thọ khổ, đều không có câu oán trách nào. Ngài hy vọng thấy chúng sinh hoan hỷ, chứ chẳng muốn thấy chúng sinh sầu khổ. Người học Phật, phải học tập theo Bồ Tát, luôn luôn nhớ khiến cho người hoan hỷ, đừng có vì mình tốt xấu mà nghĩ đến. Học đạo Bồ Tát,

tu hạnh Bồ Tát, là lợi người, chẳng phải lợi mình, phải lấy chúng sinh làm tiền đề. Việc có lợi cho chúng sinh, thì nên dùng mãnh mà làm. Bồ Tát chưa từng suy nghĩ có lợi, hay không có lợi đối với mình. Bồ Tát thì ngu si như thế. Ở trên là diệu dụng ba nghiệp đặc được của Bồ Tát tu pháp hồi hướng đến tất cả mọi nơi.

Đặc được vào cảnh giới đến tất cả mọi nơi, vì trong một lỗ lông vào khắp tất cả thế giới. Đặc được vào khắp thân đến tất cả mọi nơi, vì nơi một thân chúng sinh, vào khắp tất cả thân chúng sinh. Đặc được thấy khắp các kiếp đến tất cả mọi nơi, vì trong mỗi mỗi kiếp thường thấy tất cả các Như Lai. Đặc được thấy khắp ý niệm đến tất cả mọi nơi, vì trong mỗi một niệm tất cả chư Phật đều hiện tiền.

Vì Bồ Tát tu pháp hồi hướng đến tất cả mọi nơi, lại đặc được công dụng đến tất cả mọi nơi, vào sâu mười pháp giới, có thể ở trong một lỗ chân lông, vào khắp tất cả thế giới. Pháp giới có thể phân làm mười loại pháp giới: Phật, Bồ Tát, Duyên Giác, Thanh Văn, đây gọi là bốn pháp giới của bậc Thánh. Trời, người, A tu la, đây gọi là pháp giới thiện. Súc sinh, ngựa quỷ, địa ngục, đây gọi là ba pháp giới ác. Có khi cũng gọi là Phật đạo, Bồ Tát đạo, Thanh Văn Duyên Giác đạo, thiện đạo, ác đạo. A tu la nhiều là do tâm sân quá nặng, kiêu mạn, đa nghi, dẫn đến nguyên nhân sinh

vào đường này, chúng rất thích đấu tranh, nam A tu la thì xấu xí, còn nữ A tu la thì xinh đẹp. Trong loài người, xúc sinh và nọa quỷ, phàm là những người nào thích đấu tranh, nóng giận, kiêu ngạo, đa nghi, đều có thể liệt vào loài A tu la, chúng có phước trời mà chẳng có đức trời, cho nên vẫn cho là thiện đạo. Do Bồ Tát tu pháp hồi hướng đến tất cả mọi nơi, cho nên rất tự do đến khắp mười pháp giới, gặp Phật nghe pháp, phổ độ chúng sinh. Thần diệu nhất là Ngài ở trong một lỗ chân lông vào khắp tất cả thế giới, đây chẳng phải là huyền thuật, mà là công phu tu hành của Bồ Tát, mới có cảnh giới như vậy. Đó gọi là cảnh giới: "Viên dung vô ngại", hay ở trong nhỏ mà hiện lớn, trong lớn hiện nhỏ, lớn nhỏ vô ngại, sự lý vô ngại, tự tha vô ngại, tất cả tất cả đều viên dung vô ngại. Cho nên mới nói "Trong một lỗ lông vào khắp tất cả thế giới". Lỗ lông tuy nhỏ, mà mười phương thế giới ở trong đó, cũng chẳng cảm thấy chật hẹp. Mười phương thế giới tuy lớn, mà dung nạp ở trong đó, cũng chẳng cảm thấy thế giới lớn thế nào. Lại đặc được công dụng đến tất cả mọi nơi, vào khắp tất cả thân chúng sinh, mà còn có thể ở trong một thân chúng sinh, vào khắp tất cả thân chúng sinh. Bồ Tát một thân vào tất cả thân chúng sinh, tất cả thân chúng sinh cũng chẳng lìa khỏi một thân Bồ Tát, đó là cảnh giới tự tha vô ngại. Bồ Tát lại đặc được đến tất cả mọi nơi, thấy khắp tất cả kiếp ba đời, ở trong mỗi kiếp, lại luôn luôn thấy được mười phương ba đời chư Phật xuất hiện ra đời, và Đức Phật chuyển bánh xe pháp, độ tất cả chúng sinh, cuối cùng thị hiện cảnh giới vào Niết Bàn, tám tướng thành đạo, chẳng có một cảnh giới nào mà chẳng nhìn thấy, đó là trí vô ngại về thời gian. Bồ Tát lại đặc được niệm thấy khắp đến tất cả mọi nơi, ở trong

mỗi một niệm, tất cả chư Phật đều hiển hiện ra ở trước mặt Ngài. Vì tế nhất của con người là một niệm, ở trong một niệm nghĩ gì, thường thường mình đều chẳng biết, nhưng Bồ Tát tu pháp hồi hướng đến tất cả mọi nơi, Ngài chẳng những biết niệm của mình, mà còn biết khắp niệm của tất cả chúng sinh. Ở trong mỗi niệm, niệm trước, niệm sau, niệm hiện tại, trong niệm niệm mười phương ba đời chư Phật đều hiện ở trước Ngài, cho nên Bồ Tát luôn luôn thấy được chư Phật. Đoạn Kinh văn này, là nói về đại Bồ Tát tu pháp hồi hướng đến tất cả mọi nơi, Ngài ở trong công dụng của ba nghiệp, đắc được lợi ích nhậm vận tự tại, cảnh giới tự lợi lợi tha viên dung vô ngại.

Phật tử ! Đại Bồ Tát đắc được hồi hướng đến tất cả mọi nơi, hay đem căn lành hồi hướng như vậy.

Các vị đệ tử của Phật ! Tu hồi hướng thứ tư này, hồi hướng đến tất cả mọi nơi, hay đem đủ thứ căn lành của Ngài tu tập, như trong Kinh văn đã nói, hồi hướng đến mười phương ba đời tất cả chư Phật, hồi hướng đến khắp pháp giới chúng sinh, hồi hướng vì bồ đề giác đạo, hồi hướng vì chân như thật tế.

Bấy giờ, Bồ Tát Kim Cang Tràng, nương oai lực của đức Phật, quán sát khắp mười phương, mà nói kệ rằng:

Trong ngoài tất cả các thế giới

Bồ Tát thấy đều chẳng chấp trước Chẳng bỏ nghiệp lợi ích chúng sinh Đại Sĩ tu hành trí như vậy.

Bồ Tát Kim Cang Tràng diễn nói xong hồi hướng thứ tư, pháp hồi hướng đến tất cả mọi nơi, thì lúc đó, Ngài nương đại oai thần lực của mười phương chư Phật, Tỳ Lô Giá Na Phật, Thích Ca Mâu Ni Phật, và chư Phật Thế Tôn, quán sát khắp nhân duyên của chúng sinh trong mười phương thế giới, với sự phản ứng của các vị Bồ Tát trong pháp hội, sau đó lại dùng kế thuật lại nghĩa lý quan trọng trường hàng ở trên, để tiện lợi cho tất cả chúng sinh đời sau, bao quát chúng ta hiện nay, dễ dàng minh bạch.

Bồ Tát tu pháp hồi hướng đến tất cả mọi nơi này, thì có thể đến khắp trong ngoài tất cả thế giới. Ở trong là thân tâm, ở ngoài là các thế giới. Tận cùng hư không khắp pháp giới, Bồ Tát mặt đối với cảnh giới rộng lớn như thế, ở trong không thân tâm, ở ngoài không thế giới. Vì Bồ Tát gì cũng đều chẳng chấp trước, tức chẳng chấp trước nơi thân tâm của Ngài, càng chẳng chấp trước nơi cảnh giới của tất cả thế giới. Tuy chẳng chấp trước, nhưng Ngài không lúc nào quên chúng sinh. Vì lợi ích chúng sinh, mà Ngài tinh tấn tu hành, từ bi tu huệ, chẳng xả bỏ nghiệp lành tu hành lợi ích chúng sinh. Sự tu hành, sự truy cầu của Bồ Tát, là làm thế nào khiến cho chúng sinh đắc được lợi ích, dùng trí huệ phương pháp gì phương tiện khéo léo để giáo hoá chúng sinh.

Mười phương hết thấy các cõi nước

Tất cả chẳng nương chẳng chỗ trụ Chẳng chấp mạng sống các pháp thủy Cũng chẳng vọng khởi các phân biệt.

Trong hết thủy vô lượng vô số các cõi nước mười phương thế giới, Bồ Tát đều chẳng nương tựa luyện ái, cũng chẳng nhằm chán cõi nước nào, cũng chẳng nhất định trụ vĩnh viễn trong một cõi nước nào. Ngài đi đến khắp mỗi cõi Phật trong mười phương, nhưng chẳng chấp trước nơi của mình có, Bồ Tát chẳng tham danh văn lợi dưỡng, càng chẳng tu năm pháp tà mạng không chánh đáng, dùng làm thủ đoạn mạng sống. Năm pháp tà mạng là người xuất gia, dùng một phương pháp chẳng chánh đáng, khéo gạt tiền tài của người khác để sinh sống.

Năm pháp tà mạng:

1. Trá hiện tướng lạ.
2. Tự nói công đức.
3. Chiêm tướng cát hung.
4. Lớn tiếng hiện oai.
5. Nói sự được lợi làm động tâm người.

Bồ Tát cũng chẳng tùy tiện động vọng niệm, hoặc đối với người sinh tâm phân biệt, hoặc đối với sự việc sinh biên kiến. Bồ Tát tu pháp môn hồi hướng đến tất cả mọi nơi, cho nên quyết chẳng chấp trước chỗ nương tựa, thủ lấy pháp tà mạng sống, và vọng khởi tâm niệm phân biệt.

Nhiếp khắp trong mười phương thế giới Tất cả chúng sinh chẳng dư thừa Quán thể tánh họ chẳng chỗ có

Khéo hồi hướng đến tất cả chỗ.

Bồ Tát độ chúng sinh, chẳng có tâm phân biệt thân sơ, thiện ác, tốt xấu, chẳng có quan niệm thương ghét, mà là nhiếp trí khắp tất cả chúng sinh trong mười phương thế giới, quan niệm bình đẳng. Trong tâm của Ngài chẳng có tư tưởng: "Chúng sinh này chẳng phải thân hữu của ta, để đó sẽ độ về sau; chúng sinh kia là kẻ ác, hoặc đã từng đối với ta chẳng thân thiện, từ từ sẽ độ sau; hoặc chúng sinh nọ nhìn chẳng thuận mắt, quá xấu xí, chẳng độ; hoặc quá nghèo, chẳng cúng dường cho ta, cũng không độ". Bồ Tát chẳng có tâm tốt xấu ích kỷ như thế, Ngài nhiếp trì khắp tất cả chúng sinh, chẳng xả bỏ một chúng sinh nào mà chẳng độ. Tại sao Bồ Tát phải hành Bồ Tát đạo ? Là vì muốn lợi ích tất cả chúng sinh, muốn giáo hoá tất cả chúng sinh, hy vọng mỗi chúng sinh đều thành tựu Phật đạo, cho nên nói chẳng dư thừa, một cũng khiến cho chẳng sót thừa lại. Bồ Tát quán sát mỗi chúng sinh đều có Phật tánh, chẳng có một thể tánh nào khác biệt. Bồ Tát khéo tu pháp hồi hướng đến tất cả mọi nơi, là muốn đem căn lành công đức của Ngài tu tập hồi hướng cho chúng sinh, khiến cho chúng sinh sớm thành Phật đạo. Nhưng Ngài chẳng vì vậy mà chấp trước vào công đức Ngài hồi hướng cho chúng sinh, Bồ Tát chẳng có sự chấp trước như thế. Trong pháp hội Kim Cang, Phật có nói với Ngài Tu Bồ Đề và đại chúng rằng: "Ta diệt độ tất cả chúng sinh, diệt độ tất cả chúng sinh rồi, mà chẳng có một chúng sinh nào thật diệt độ". Tức là nói chẳng chấp tướng, rộng độ chúng sinh mà chẳng chấp vào công đức của mình.

**Khấp nhiếp pháp hữu vi vô vi
Chẳng ở trong đó khởi vọng niệm
Như nơi pháp thế gian cũng thế
Đèn sáng soi đời giác như vậy.**

Các đại Bồ Tát phát tâm tu hạnh Bồ Tát, các Ngài chẳng phải chỉ tu một thứ pháp môn, chẳng giống như một số phàm phu, nhất định lựa chọn pháp môn hợp với mình để tu tập. Bồ Tát Ngài đã thấu hiểu đạo lý thật tướng của các pháp, cho nên Ngài khấp nhiếp thọ tất cả các pháp. Ngài chẳng phân biệt pháp hữu vi, pháp thế gian, hữu lậu, và pháp xuất thế gian, pháp vô vi, vô lậu. Ngài thông đạt các pháp, biết Phật pháp chẳng lìa pháp thế gian. Ngài chẳng ở trong pháp hữu vi và pháp vô vi sinh ra những tâm hoài nghi, vọng niệm phân biệt. Ngài nhìn pháp thế gian, cũng coi trọng tương đương. Nếu một người đối với chánh pháp thế gian, thập thiện, đều chẳng làm được viên mãn, thì có thể tu pháp vô vi xuất thế chẳng ? Thường nói:

"Chưa thành Phật đạo,
Trước thành nhân đạo".

Nhân đạo tức là pháp hữu vi thế gian. Bồ Tát đối với pháp hữu vi thế gian cũng xem như nhau. Ngài xem chánh pháp thập thiện, nhân đạo. Đèn sáng soi đời, là nói ánh sáng đèn lớn giống như Phật, chiếu khắp thế gian, phá tan đêm tối của thế gian, trở thành thế gian ánh sáng. Bồ Tát Kim Cang Tràng nói: Phật cũng từ trong đạo lý đó mà giác ngộ.

Các hạnh nghiệp của Bồ Tát tu

Phẩm thượng trung hạ đều khác biệt Đều đem căn lành mà hồi hướng Mười phương tất cả các Như Lai.

Vị Bồ Tát này tu pháp hồi hướng đến tất cả mọi nơi, đủ thứ hạnh nghiệp của Ngài tu, tức là tất cả công đức lành. Công đức lành đó là công đức thập thiện, có thượng trung hạ ba phẩm khác nhau. Nếu tu thập thiện lớn, thì thành tựu thập thiện công đức thượng phẩm. Tu trung phẩm thập thiện, thì thành tựu thập thiện công đức trung phẩm. Tu thập thiện nhỏ, thì thành tựu thập thiện công đức hạ phẩm. Do đó mỗi người phải tùy thời cẩn thận lời nói hành động, một khi không cẩn thận, thì sẽ trôi xuống nhân ác. Niệm niệm đều thiện, thì trôi xuống nhân thiện. Đừng cho rằng việc thiện nhỏ mà không làm, tích tập vô lượng việc thiện nhỏ, cũng sẽ thành công đức lớn. Bồ Tát đem căn lành công đức của Ngài tu được, hoàn toàn hồi hướng cho tất cả chúng sinh, hồi hướng về mười phương tất cả chúng sinh, và hồi hướng về cho mười phương chư Phật Thế Tôn. Trong tâm của Bồ Tát, chẳng lúc nào quên làm lợi ích chúng sinh, chẳng lúc nào quên tôn kính chư Phật.

**Bồ Tát hồi hướng đến bờ kia
Theo Như Lai học đều thành tựu
Luôn dùng diệu trí khéo tư duy
Đầy đủ pháp tối thắng trong người.**

Bồ Tát tu pháp môn hồi hướng này, là vì độ tất cả chúng sinh, hy vọng pháp giới chúng sinh đắc được lợi ích

của Ngài, cùng được giải thoát đến bờ bên kia. Ngài thường theo chư Phật tu học Phật pháp thượng diệu, đều đắc được thành tựu, đem công hạnh thành tựu giáo hoá chúng sinh, khiến cho chúng sinh cũng biết học tập Phật pháp, cũng đắc được sự thành tựu. Bồ Tát luôn luôn khéo dùng trí huệ thù diệu của Ngài tu tập được, chánh niệm tư duy các pháp thật tướng và sự tu hành lục độ vạn hạnh, có phù hợp với ý của chư Phật hay không. Bồ Tát siêng tu các hạnh như vậy, đầy đủ diệu pháp thù thắng trong loài người, và công đức viên mãn.

Thanh tịnh căn lành khắp hồi hướng Lợi ích quần mê luôn chẳng bỏ Đều khiến tất cả các chúng sinh Được thành đền soi đời vô thượng.

Gì là thanh tịnh căn lành ? Tức là tu pháp thế gian thành tựu căn lành, thuần tịnh chẳng có chút căn lành tạp nhiễm nào. Tất cả pháp thế gian, tức khiến cho làm đến chí thiện chí mỹ, đều chẳng có chút nhiễm ô nào. Người tu hành muốn được đến quả Phật, phải trải qua thời gian ba đại A tăng kỳ kiếp, vẫn phải đời đời kiếp kiếp tu học chẳng gián đoạn, mới có thể đoạn sạch được sự nhiễm ô, tập khí, và vô minh, mới có thể thành tựu viên mãn Phật quả thanh tịnh. Bồ Tát tu pháp hồi hướng, Ngài đã tu hành trải qua không biết bao nhiêu kiếp, cho nên Ngài đã thành tựu căn lành thanh tịnh. Ngài đem căn lành thanh tịnh mà Ngài đã tu thành tựu, khắp vì tất cả chúng sinh mà hồi hướng. Quần mê, tức là danh từ khác của chúng sinh, tất cả chúng sinh đều mê mà chẳng giác, mê hoặc điên điên đảo đảo, chẳng

phân biệt được trắng đen, thị phi chẳng rõ. Chẳng phải số ít như vậy, mà là vô lượng số, cho nên nói là quần mê. Bồ Tát đại từ đại bi, một lòng nghĩ đến chúng sinh, thấy chúng sinh mê lầm không giác, điên đảo trầm luân như vậy, cho nên Ngài luôn luôn chẳng xả bỏ những chúng sinh đó, đem căn lành hồi hướng cho họ, giáo hoá họ, khiến cho vô lượng số những chúng sinh đó, đều biết "bể khổ mênh mông, quay đầu là bờ". Đều có thể chấm dứt sinh tử, xa lìa luân hồi, đến được bờ Niết Bàn bên kia. Càng muốn khiến cho chúng sinh thành tựu đạo nghiệp vô thượng, tương lai chứng quả Phật bồ đề, ánh sáng trí huệ chiếu sáng khắp thế gian, giống như đèn sáng soi đời, phá tan đen tối của thế gian.

Chưa từng phân biệt chấp chúng sinh Cũng chẳng vọng tưởng nghĩ các pháp Tuy tại thế gian chẳng nhiệm trước Cũng lại không bỏ các hàm thức.

Vị đại Bồ Tát này tu pháp hồi hướng, Ngài dùng mắt từ nhìn chúng sinh, tâm bình đẳng giáo hoá, chẳng có tâm phân biệt, chẳng có lựa chọn. Chẳng phải nói chúng sinh này, lạ tôi một cái thì tôi hoan hỉ họ, giáo hoá họ. Chúng sinh kia chẳng có lạ tôi, thì chẳng lý tới họ, chẳng giáo hoá họ. Phạm là chúng sinh có duyên, Ngài đều hoan hỉ tiếp dẫn, đều giáo hoá, chẳng có sinh tâm phân biệt, cũng chẳng thủ trước tướng chúng sinh. Bồ Tát đối với các pháp, chưa từng hoài nghi, Ngài dùng diệu trí của mình để quán sát các pháp, chánh niệm suy gẫm tất cả các pháp, dùng chánh pháp giáo hoá tất cả chúng sinh mê lầm. Tuy Bồ Tát

cùng với phàm phu cùng ở tại thế gian, sinh sống với người thế tục, nhưng Ngài chẳng nhiễm trước nơi cảnh thế tục. Tuy Ngài tùy thuận chúng sinh, mà Ngài chẳng nhiễm trước tập khí của chúng sinh. Tuy Ngài siêng tu phạm hạnh, nhưng cũng chẳng vì vậy mà xả bỏ chúng sinh, vào trong núi sâu rừng thẳm, làm tự liễu hán, độc thiện kỳ thân. Cho nên nói Ngài cũng chẳng xả bỏ các hàm thức. Hàm thức, cũng là tên khác của chúng sinh. Bồ Tát là người ở tại trần gian mà tâm vượt khỏi trần gian, giống như hoa mọc trong giếng chẳng nhiễm trần.

Bồ Tát thường ưa pháp vắng lặng Tùy thuận đến được cảnh Niết Bàn Cũng chẳng xả bỏ các chúng sinh Được trí vi diệu đẳng như vậy.

Chỗ tu của Bồ Tát là pháp vắng lặng vô vi, tâm niệm của Ngài thường hiện cảnh giới vắng lặng tự nhiên, do đó gọi là "tám gió thổi không lay", quyết chẳng bị cảnh bên ngoài lay động. Ngài ưa thích tu pháp vắng lặng, càng ưa thích an trụ nơi vắng lặng. Tuy nhiên như vậy, song, Bồ Tát chẳng bỏ chúng sinh, muốn độ chúng sinh, mà căn tánh của chúng sinh lại chẳng đồng đều, phải dùng đủ thứ phương pháp, phương tiện khéo léo để nhiếp thọ chúng sinh, để tùy thuận với căn tánh của chúng sinh, dùng pháp phương tiện kế cơ, dần dần dẫn dắt những chúng sinh mê hoặc vào con đường chánh pháp, giáo hoá họ sinh tâm tin, phát tâm bồ đề, học tu hành Bồ Tát hạnh, cho đến có thể khiến cho chúng sinh minh bạch đạo lý không sinh không diệt, đạt đến cảnh giới Niết Bàn rốt ráo, và đủ bốn đức Niết

Bàn thường, lạc, ngã, tịnh. Cũng chẳng xả bỏ chúng sinh, chúng sinh bao quát sáu nẻo: Trời, người, A tu la, ba đường lành. Súc sinh, ngạ quỷ, địa ngục ba đường ác. Bồ Tát Ngài cũng chẳng phải chỉ độ chúng sinh ba đường lành, Ngài cũng chẳng xả bỏ chúng sinh ba đường ác. Chúng sinh khởi hoặc tạo nghiệp, đều luân chuyển ở trong sáu nẻo, Bồ Tát vì muốn độ chúng sinh, cũng theo chúng sinh trầm luân trong sáu nẻo, khi độ được chúng sinh này đến bờ giải thoát bên kia, thì Ngài mới đi độ chúng sinh khác. Thân của Ngài chuyển theo trong luân hồi, song, tâm nguyện của Ngài chẳng bị nhiễm ô, vì Bồ Tát đã đắc được đại trí huệ, đại trí huệ vi diệu vô thượng.

**Bồ Tát chưa từng phân biệt nghiệp
Cũng chẳng thủ trước các quả báo
Tất cả thế gian từ duyên sinh
Không lìa nhân duyên thấy các pháp.**

Bồ Tát tu hành chẳng từ hoạn nạn, vì Ngài muốn tế độ chúng sinh, Ngài chẳng chấp vào nghiệp và báo nơi thân mình. Ngài ôm ấp lòng từ bi, hành sở vô sự, quyết chẳng có tâm mong được quả báo tốt, mới thực hành Bồ Tát đạo. Người tu hành có thể đạt đến quả vị Bồ Tát, ba nghiệp của Ngài sớm đã được thanh tịnh, làm tất cả những sự việc, thấy đều là nghiệp lành. Tất cả mọi sự mọi vật trên thế gian, chẳng có sự việc gì chẳng phải là từ nhân duyên sinh ra. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni vào lúc đó dạy các đại đệ tử, giải thích về sự sinh diệt của các pháp, nói rất rõ ràng quyết thực, rất nhiều đệ tử nhờ đó mà thấu hiểu đạo lý xiển minh của Phật, chứng được quả vị A la hán. Như:

"Các pháp từ duyên sinh,
Các pháp từ duyên diệt".

"Tất cả pháp hữu vi,
Như mộng huyễn bọt bóng
Như sương cũng như điện
Hãy quán sát như thế".

Lại nói:

"Nhân duyên sinh ra pháp
Ta nói tức là không
Cũng gọi là giả danh
Cũng gọi nghĩa trung đạo".

Đại Bồ Tát tu pháp hồi hướng, Ngài đã thông đạt thấu rõ đạo lý này, cho nên Ngài mới phát tâm đại bồ đề, tu pháp môn hồi hướng này. Nếu mỗi người tu hành đều minh bạch lìa khỏi nhân duyên, thì chẳng thấy được đạo lý của chư Phật, buông xả mọi sự chấp trước, thì tự nhiên cũng sẽ thành Bồ Tát.

**Vào sâu các cảnh giới như vậy
Chẳng ở trong đó khởi phân biệt
Điều Ngự Sư của các chúng sinh
Nơi đây thấu rõ khéo hồi hướng.**

Đại Bồ Tát tu pháp hồi hướng, Ngài đã vào sâu cảnh giới vắng lặng như đã nói ở trước, thấu rõ các pháp tướng đều không, chẳng ở tại pháp hữu vi và pháp vô vi sinh tâm phân biệt. Đáng Điều Ngự Sư của tất cả chúng sinh, tức là nói vị Bồ Tát này tu pháp hồi hướng, Ngài là Đạo Sư Điều

Ngự, và đại thiện tri thức giá ngự lãnh đạo chúng sinh, bậc Đạo Sư giáo đạo. Bồ Tát minh bạch đủ thứ các pháp, đắc được trí huệ thông đạt vô ngại, nhậm vận tự tại, đem căn lành công đức này, hồi hướng đến tất cả chúng sinh, hồi hướng về vô thượng bồ đề, hồi hướng về thật tế.



**KINH HOA NGHIÊM
ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT
QUYÊN HAI MƯƠI LĂM
PHẨM THẬP HỒI HƯƠNG
THỨ HAI MƯƠI LĂM PHẦN BA**

Hồi hương vô tận công đức thứ năm.

Phật tử ! Thế nào là hồi hương vô tận công đức tạng của đại Bồ Tát ?

Bồ Tát Kim Cang Tràng giảng xong hồi hương thứ tư trong thập hồi hương rồi, lại gọi một tiếng đệ tử của Phật ! Sau đó đề ra pháp hồi hương thứ năm. Các vị ! Các vị có biết gì gọi là hồi hương vô tận công đức tạng của đại Bồ Tát tu chăng ? Sau đây tôi sẽ vì các vị giải nói.

Phật tử ! Đại Bồ Tát này dùng sám hối để tiêu trừ tất cả các nghiệp chướng nặng, mà sinh ra căn lành. Lễ kính tất cả chư Phật ba đời, mà sinh ra căn lành. Khuyến thỉnh tất cả pháp của các đức Phật nói, mà sinh ra căn lành. Nghe Phật nói pháp, tinh cần tu tập, ngộ không nghĩ bàn, cảnh giới rộng lớn, mà sinh ra căn lành. Nơi tất cả

chư Phật quá khứ vị lai và hiện tại, hết thấy căn lành của tất cả chúng sinh, đều sinh tâm tùy hỷ, mà sinh ra căn lành. Căn lành vô tận của tất cả chư Phật quá khứ vị lai và hiện tại, các chúng Bồ Tát đều tinh cần tu tập, mà đắc được căn lành. Ba đời chư Phật thành thành Đẳng Chánh Giác, chuyển bánh xe chánh pháp, điều phục chúng sinh, Bồ Tát đều biết, phát tâm tùy hỷ, mà sinh ra căn lành. Ba đời chư Phật từ lúc ban đầu phát tâm, tu hạnh Bồ Tát, thành tối Chánh Giác, cho đến thị hiện vào Niết Bàn. Vào Niết Bàn rồi, chánh pháp trụ thế, cho đến diệt hết, đều sinh tâm tùy hỷ như vậy, mà đắc được căn lành.

Bồ Tát Kim Cang Tràng lại gọi một tiếng các vị đệ tử Phật trong pháp hội, sau đó bắt đầu diễn nói pháp hồi hướng vô tận công đức tạng thứ năm. Ngài nói: Vị đại Bồ Tát này, Ngài tu hành pháp hồi hướng này như thế nào? Là dùng sám hối tiêu trừ tất cả các nghiệp chướng nặng, mà sinh ra căn lành, hồi hướng cho pháp giới chúng sinh. Sám là giác ngộ lỗi lầm đã phạm, ở trước Phật bộc lộ. Hối là đã giác ngộ lỗi lầm, về sau sửa đổi chẳng tái phạm nữa, thanh tịnh tu hành. Cho nên hai chữ sám hối thường dùng với nhau. Ở trong Phật giáo thường cử hành lễ sám hối, tức là

mọi người tụng Kinh sám hối và lễ Phật, để mong tiêu trừ nghiệp chướng và hồi lỗi làm mới. Các đệ tử của Phật bất cứ là người xuất gia hay tại gia, mỗi ngày phải ở trước Phật tụng sám hối, tự mình thanh tịnh tâm tu hành của mình. Các nghiệp là chỉ tất cả các nghiệp ác, nghiệp ác hay chướng ngại rất là lợi hại. Lấy việc nghe Pháp sư giảng Kinh để nói: Thân tuy ở tại Phật đường, nhưng bạn chẳng một lòng chú ý nghe giảng, lúc thì nghĩ lẫn xăn, khởi vọng tưởng, hoặc nhìn quyển sách khác, như thế đều sẽ thành nghiệp chướng, cũng là sai nhân quả. Chướng tức là chướng khiến cho người ngu si, chẳng sinh ra được trí huệ, càng không thể sinh ra căn lành. Nếu chẳng sám hối, thì chướng không thể tiêu trừ. Còn nếu bạn muốn sinh trí huệ, sinh căn lành, thì phải ở trước Phật thành tâm sám hối.

Vị đại Bồ Tát này tu pháp hồi hướng này, vì Ngài không quên sám hối đủ thứ nghiệp chướng, khiến cho sinh ra trí huệ, tăng trưởng căn lành, hồi hướng cho chúng sinh, làm thành tựu vô tận công đức tạng. Công đức vô tận này giống như tạng báu, cũng có thể nói tạng ở trong khó báu, đều là công đức vô tận. Bồ Tát do ở trong khắp pháp giới, ở trong cảnh giới vô tận, đem căn lành tu tập của mình, do tùy thời tùy lúc hồi hướng, cho nên thành tựu vô tận công đức tạng. Đại Bồ Tát tu pháp hồi hướng này, Ngài đối với mười phương ba đời chư Phật rất lễ mạo, chẳng có lúc nào mà không phát tâm cung kính. Dùng thân tâm thành kính nhất, năm vóc sát đất, vào sâu pháp tánh, lễ lạy mười phương chư Phật Thế Tôn ba đời, quá khứ, hiện tại và vị lai, để trừ chướng ngã mạn, mà còn khắp đại biểu chúng sinh mười phương thế giới, lễ lạy chư Phật Pháp Tăng Tam Bảo. Bồ Tát tu hành như thế, mà sinh ra vô tận công đức

căn lành, và đem hồi hướng. Bồ Tát lại thường khuyến thỉnh các Đức Phật, thương xót chúng sinh, thường ở lại đời, chuyên bánh xe pháp, thuyết pháp giáo hoá chúng sinh, khiến cho chúng sinh luôn được nghe chánh pháp, lìa khổ được vui. Do khuyến thỉnh chư Phật thuyết pháp ở lại đời, mà đắc được vô tận công đức tạng. Sau khi Bồ Tát nghe Phật nói pháp rồi, lại y theo pháp tu hành, mà còn dũng mãnh tinh tấn, siêng năng tu tập Phật pháp. Nếu chỉ nghe mà không thực hành, thì sẽ chẳng đắc được lợi ích. Bồ Tát vì chuyên tâm nghe, và thiết thực y theo pháp tu tập, cho nên Ngài hay lãnh ngộ. Hay có sự lãnh ngộ, thì cảnh giới không thể nghĩ bàn, cảnh giới rộng lớn, có thể sẽ hiện tiền. Cảnh giới đó chẳng phải người bình thường có thể dùng tâm ý để suy nghĩ, dùng lời lẽ thế tục có thể nói, hoặc diễn tả được, đó là do công phu tu hành thiết thực thành tựu tự nhiên. Khi công hạnh tu hành đạt đến trình độ nào đó, thì sẽ có cảnh giới không thể nghĩ bàn, rộng lớn chẳng có bờ mé, lúc đó sẽ minh bạch cảnh giới đó. Do có công hạnh như thế, thì ở trong đó sẽ sinh ra vô lượng vô biên căn lành. Bồ Tát nghe Phật nói pháp tinh tấn tu tập như vậy, đắc được vô tận công đức tạng, đem hồi hướng.

Bồ Tát lại đối với căn lành của chư Phật quá khứ tu, căn lành của hết thảy chúng sinh đời quá khứ tu. Căn lành của chư Phật đời vị lai tu, căn lành của hết thảy chúng sinh đời vị lai tu. Căn lành của chư Phật đời hiện tại tu, căn lành của hết thảy chúng sinh đời hiện tại tu, chẳng phân biệt là Phật cũng tốt, là chúng sinh cũng tốt, Bồ Tát đều đồng quán tùy hỷ, mà còn hoan hỷ. Vì hay tùy hỷ hoan hỷ, nên tâm lượng của Ngài nhất định rộng lớn, nhu hoà, sẽ chẳng sinh ra tâm đố kỵ và tâm sân hận. Bồ Tát tu công đức tùy hỷ này,

căn lành sinh ra, đắc được vô lượng công đức tạng. Quá khứ, vị lai, hiện tại, mười phương chư Phật đầy đủ căn lành, là vô tận, chẳng biết có bao nhiêu. Các vị Bồ Tát mười phương ba đời đắc được vô tận công đức tạng. Mỗi một vị Phật trong mười phương ba đời, khi các Ngài thành Đẳng Chánh Giác rồi, nhất định sẽ chuyển bánh xe pháp lớn, diễn nói chánh pháp, khiến cho tất cả chúng sinh thân tâm được điều phục. Khiến cho chúng sinh cang cường, cũng đều được điều phục, được hợp lý hợp pháp. Bồ Tát đối với tất cả nghiệp lành đó, phương tiện pháp môn giáo hoá chúng sinh, Ngài đều lãnh ngộ. Cũng phát tâm hoan hỷ, tùy hỷ chư Phật chuyển bánh xe pháp lớn, như vậy sinh ra đủ thứ căn lành, đắc được vô tận công đức tạng.

Ba đời chư Phật từ khi ban đầu phát tâm, thì phát tâm tu Bồ Tát hạnh, tu lục độ vạn hạnh của Bồ Tát tu hành, khổ hạnh khó hành phổ độ chúng sinh. Trải qua bao nhiêu kiếp, công hạnh viên mãn đầy đủ, mới thành tối Chánh Giác, mà chứng được quả vị Phật. Thành Phật rồi, giáo hoá chúng sinh, cho đến thị hiện vào Niết Bàn, tức là nhân duyên Ngài giáo hoá chúng sinh, ở phương này có thể nói là đã mãn, bèn thị hiện vào Niết Bàn, nhập diệt. Phật thị hiện vào Niết Bàn, lia khỏi chúng sinh nhân gian rộng lớn rồi, thì chánh pháp trụ thế một thời kỳ, dần dần tiến vào thời kỳ mạt pháp, cho đến lúc Phật pháp diệt hết. Lịch trình trải qua trong thời kỳ này, các thứ cảnh giới khác nhau, về thời gian không gian đều có sự biến hoá hiển rõ. Bồ Tát tu pháp hồi hướng này, Ngài thấy đều hoan hỷ, cho nên sinh ra căn lành hoan hỷ, thành tựu vô tận công đức tạng. Bồ Tát tu hành, ngày đêm sáu thời, chẳng bỏ sự sám

hồi, lễ tán, tùy hỷ, hồi hướng, cho nên thành tựu vô lượng công đức.

Bồ Tát niệm bất khả thuyết cảnh giới của chư Phật như vậy, và cảnh giới của mình, cho đến cảnh bồ đề không chướng ngại. Tất cả căn lành rộng lớn khác biệt như vậy. Phạm là tích tập, tin hiểu, tùy hỷ, viên mãn, thành tựu, tu hành, đắc được, tri giác, nhiếp trì, tăng trưởng, thấy đều hồi hướng trang nghiêm tất cả cõi nước chư Phật.

Đại Bồ Tát tu pháp hồi hướng này, niệm đến bất khả thuyết bất khả thuyết, nhiều cảnh giới của chư Phật như vậy. Sự nhớ niệm tồn tại đó, chẳng những tâm niệm miệng niệm, mà còn bao quát ý nghĩa quán sát trong đó. Bồ Tát chánh niệm tư duy, quán sát vô lượng vô số căn lành công đức của chư Phật, thành tựu cảnh giới thắng diệu. Bồ Tát dùng trí huệ thắng diệu của Ngài, vào sâu nhớ niệm cảnh giới của chư Phật. Bồ Tát cũng nhớ niệm quán sát tất cả những gì mình làm trong quá khứ và hiện tại, trong đó có sự tướng như ý và bất như ý, nhưng Ngài đã biết những cảnh giới đó, đều là hiện tướng hư vọng, chẳng thật, cho nên quyết chẳng làm cho Ngài khởi tâm tham ái, cũng không sinh ra chấp trước sân hận. Cho đến do phát tâm bồ đề, mà đắc được trí huệ cảnh giới không chướng ngại, Bồ Tát cũng chẳng sinh tâm được mất. Đủ thứ vô lượng cảnh

giới rộng lớn khác nhau như vậy, thành tựu rộng lớn vô tận, đủ thứ căn lành công đức tạng khác nhau. Bồ Tát tu hành pháp môn hồi hướng, phàm là đủ thứ căn lành tích tập được, phàm là căn lành tin sâu thấu hiểu các pháp. Phàm là đủ thứ căn lành lớn nhỏ, mà Ngài từng tùy hỉ mười phương ba đời chư Phật Bồ Tát và pháp giới chúng sinh tu tập. Phàm là căn lành tu lục độ vạn hạnh, công đức đầy đủ, viên mãn thành tựu. Phàm là tất cả căn lành tu tập pháp môn mà thành tựu. Phàm là tất cả căn lành tu đủ thứ hạnh môn có được. Phàm là căn lành thắng diệu tu chứng đắc được. Phàm là căn lành do hiểu biết mà giác ngộ pháp tánh có được. Phàm là căn lành nhiếp thọ giáo nghĩa của chư Phật mà tâm hành trì đắc được. Phàm là tất cả căn lành tăng trưởng, Bồ Tát thấy đều đem hồi hướng hết cho pháp giới chúng sinh, hồi hướng về bồ đề giác đạo, hồi hướng về chân như thật tế, và dùng để trang nghiêm cõi nước chư Phật trong mười phương, và đạo tràng của chư Phật.

Như đời quá khứ vô biên tế kiếp tất cả thế giới, nơi tu hành tất cả Như Lai. Đó là: Vô lượng vô biên loại thế giới của Phật. Chỗ trí Phật biết được, chỗ Bồ Tát biết được, chỗ đại tâm tiếp thọ, trang nghiêm cõi Phật.

Đại Bồ Tát tu pháp môn hồi hướng này, chẳng những Ngài hồi hướng cõi nước của chư Phật hiện tại, mà cũng hồi hướng cho đời quá khứ, vô lượng vô biên tế kiếp hết thấy tất cả thế giới, cùng với đạo tràng tu hành của chư

Phật trong mười phương thế giới, và nơi chư Phật đã từng hàng lâm. Đó là: Vô lượng vô số loại thế giới của Phật, Bồ Tát thấy đều thành khẩn hồi hướng, và hồi hướng cho pháp giới chúng sinh, hồi hướng về vô thượng bồ đề, hồi hướng về chân như thật tế. Phạm là chỗ trí huệ của Phật biết được, chỗ trí huệ của Bồ Tát biết được, chỗ tâm đại bồ đề, tâm đại bi tiếp thọ dung nạp được, Bồ Tát đều trang nghiêm cõi Phật của chư Phật trong mười phương.

Thanh tịnh nghiệp hạnh, sở chảy sở dẫn, ứng chúng sinh khởi, mà thần lực Như Lai thị hiện ra. Chư Phật ra đời, do tịnh nghiệp thành tựu, và diệu hạnh của Bồ Tát Phổ Hiền hưng khởi. Trong đó, tất cả chư Phật thành đạo, thị hiện đủ thứ thần lực tự tại.

Nghiệp thanh tịnh, tức là nghiệp vô lậu. Do tu lục độ vạn hạnh, mà sinh ra nghiệp thanh tịnh. Do nghiệp hạnh thanh tịnh mà đắc được tự thọ dụng, tức cũng là tự lợi. Nghiệp hạnh thanh tịnh đó, tức là sở lưu, giống như suối nước thanh tịnh chảy ra. Chư Phật Bồ Tát dùng nghiệp hạnh thanh tịnh tu được, để tự lợi và lợi tha, dùng đó để giáo hoá chúng sinh, cứu chúng sinh trong biển khổ, tùy theo nghiệp duyên của chúng sinh, lại trợ giúp thành mà tăng trưởng nghiệp hạnh thanh tịnh của chính mình. Đó giống như đào một cái hồ, dẫn nguồn nước thanh tịnh vào trong hồ. Cho nên nói nghiệp hạnh thanh tịnh của chư Phật Bồ Tát, đều là do tu hạnh thanh tịnh vô lậu, và độ hoá

chúng sinh mà thành tựu. Trong nguyện thứ chín của mười điều nguyện vương của Bồ Tát Phổ Hiền, có câu Kinh văn rằng: "Các Bồ Tát dùng nước đại bi lợi ích chúng sinh, tức có thể sẽ thành tựu Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác vậy. Cho nên bồ đề, thuộc về nơi chúng sinh, nếu chẳng có chúng sinh, thì tất cả Bồ Tát, cuối cùng không thể thành Vô Thượng Chánh Giác". Do đó, có thể biết Bồ Tát hoá độ chúng sinh, tức thành tựu duyên tăng thượng. Nghiệp hạnh thanh tịnh tức là sở chảy, duyên tăng thượng là sở dẫn. Bồ Tát tu nghiệp hạnh thanh tịnh, đó là rộng độ chúng sinh mà sinh ra pháp vô lậu, cũng là thần lực của Phật thị hiện, cũng là tu nghiệp xuất thế thanh tịnh mà thành tựu, cũng là diệu hạnh của Bồ Tát Phổ Hiền hưng khởi. Hết thấy mười phương ba đời chư Phật, đều ở trong nghiệp hạnh thanh tịnh, mà thành tựu đạo quả vô thượng, thành Phật, viên mãn bồ đề giác đạo, và thị hiện đủ thứ sức thần thông đại oai đức tự tại.

Suốt thưở vị lai hết thấy Như Lai ứng Chánh Đẳng Giác, trụ khắp pháp giới, sẽ thành Phật đạo. Sẽ đắc được tất cả cõi Phật thanh tịnh công đức trang nghiêm. Tận pháp giới, hư không giới, không có bờ mé, không đoạn tuyệt, không cùng tận, đều từ trí huệ Như Lai sinh ra.

Trong kiếp số thưở vị lai không thể cùng tận, hết thấy Như Lai, không tính được số Như Lai, ở những kiếp đó, công hạnh viên mãn, ứng thành Chánh Đẳng Giác,

chứng được quả Phật, pháp thân đầy đầy hư không, trụ khắp pháp giới. Giáo hoá chúng sinh, cũng thành Phật đạo. Cõi nước của chư Phật được thanh tịnh nhất, và tất cả đồ thắng diệu trang nghiêm, khiến cho cõi Phật thanh tịnh trang nghiêm. Tận pháp giới, hư không giới, chẳng có bờ mé, chẳng có phân biệt dài ngắn, khó dò được. Không thể đoạn tuyệt, cũng không có ngày cùng tận, vì cõi Phật đó, đều từ trong trí huệ thù diệu của chư Phật sinh ra cảnh giới thượng diệu, trở thành cõi Phật thanh tịnh trang nghiêm.

Vô lượng báu vi diệu trang nghiêm. Đó là : Tất cả hương trang nghiêm. Tất cả hoa trang nghiêm. Tất cả y phục trang nghiêm. Tất cả công đức tạng trang nghiêm. Tất cả các Phật lực trang nghiêm. Tất cả cõi nước Phật trang nghiêm. Đó là chỗ ở của Như Lai, với các chúng thanh tịnh đồng hành túc duyên không thể nghĩ bàn đều ở trong đó.

Ở trên nói các cõi Phật thanh tịnh trang nghiêm, tận hư không khắp pháp giới, nhiều không có bờ mé không đoạn tuyệt không cùng tận như vậy, đều từ trong trí huệ của mười phương chư Phật sinh ra. Có các báu kỳ diệu không thể tính đếm, đủ thứ báu đẹp không thể tưởng tượng được trang nghiêm cõi nước. Giống như các thứ hương báu, các thứ hoa quý, y phục báu đẹp, dùng để trang nghiêm đạo tràng của Phật. Lại có tạng công đức của chư

Phật, và thần lực mười thứ đại oai đức của chư Phật cùng trang nghiêm. Cõi nước mười phương chư Phật, đều thanh tịnh trang nghiêm như vậy. Cõi nước thù thắng như đã nói ở trên, có công đức viên mãn, phước huệ của Phật đầy đủ mới có thể trụ nhiếp thọ, chẳng phải các chúng Bồ Tát khác có thể trụ được, cho nên nói "chỗ ở của Như Lai". Ngoài ra còn có rất nhiều Bồ Tát, không thể tính đếm được, và các chúng thanh tịnh, đều là đệ tử của Phật trong quá khứ đời đời kiếp kiếp có duyên với Phật, các bậc đại Thánh, theo Phật tu hạnh thanh tịnh, cùng ở trong đạo tràng thanh tịnh trang nghiêm thù thắng với Phật.

Đồng hành tức duyên, tức là bậc đồng đạo cùng ở với nhau một chỗ để tu hành. Ví như ở Chùa Kim Sơn, có không ít bốn chúng đệ tử, mọi người cùng ở trong Chùa, sớm tối cùng tu, đọc tụng Kinh điển, lễ Phật trì Chú, tham thiền đả tọa, mỗi người đều ngày đêm sáu thời dưng mãnh tinh tấn, tư hào chẳng có tâm giải đãi lười biếng, đó chẳng phải là hội ngộ ngẫu nhiên, mà là trong quá khứ không biết bao nhiêu đời, đã từng cùng nhau tu hành trải qua bao nhiêu kiếp, cho đến đời tương lai, mọi người cũng sẽ cùng nhau tu hành, thẳng đến cùng chứng quả bồ đề giác đạo, viên mãn quả Phật. Cho nên mọi người phải tôn trọng sự đồng hành tức duyên này, hoà hợp giúp nhau. Đó tức là ý nghĩa "đồng hành tức duyên".

Người tu học Phật đạo, tư tưởng hành vi nhất định phải thời khắc chân chánh, không thể tạp niệm hư nguy xảo trá. Dù nhỏ như hạt bụi cũng đừng có, bằng không thì tâm tu đạo sẽ phân tán. Khi chúng ta ban đầu phát tâm hướng đạo, biết một chút thì làm một chút; làm được bao nhiêu thì hay bấy nhiêu, từ từ tiến tới, tu được một chút thì

hay một chút, phải thật tế, đừng làm công phu phô diễn, tham cầu hư danh. Tu học Phật đạo, y giáo lý tu hành, đó là việc của mình, chẳng phải để cho người ngoài nhìn, cũng chẳng phải đồ háo danh. Do đó nên có bạn hữu đồng hành túc duyên ở chung với nhau, cùng tu nghiệp hạnh thanh tịnh, đừng dính vào nghiệp nhiễm ô. Ai ai cũng thanh bạch, tạo nghiệp thanh tịnh, thì chẳng có tâm ích kỷ, chẳng có tâm tự lợi, chẳng có niệm tham, chẳng có tâm sân, chẳng có tâm si, có những ưu điểm như thế, cho nên mới được gọi là nghiệp thanh tịnh.

Đạo, thì phải hành mới đắc được, phải siêng tu nghiệp hạnh thanh tịnh, mới có thể chứng được đạo hạnh chân chánh. Chẳng phải chỉ dùng miệng nói, mà là phải thiết thực làm được. Miệng nói một trượng, chẳng bằng làm được một thước. Chúng thanh tịnh tu nghiệp hạnh thanh tịnh, nương theo bậc thiện tri thức, an trụ với nhau trong một đạo tràng, sớm tối tụ với nhau, cùng tu cùng tham, phải tùy thời cùng nhau khuyên răn sách tấn, để cầu đạo nghiệp vô thượng.

Trong đời vị lai sẽ thành Chánh Giác, tất cả chư Phật thành tựu, chẳng phải thế gian có thể thấy được. Mắt tịnh của Bồ Tát, mới chiếu thấy được. Các Bồ Tát đó, đủ oai đức lớn, vì thuở xưa đã trồng căn lành. Biết tất cả pháp như huyễn, như hoá, thực hành khắp các nghiệp thanh tịnh của Bồ Tát. Vào tam muội tự tại không nghĩ bàn,

phương tiện khéo léo, hay làm Phật sự. Phóng quang minh của Phật, chiếu khắp thế gian, chẳng có giới hạn bờ mé.

Chúng thanh tịnh tu học Phật đạo, nếu chân chánh siêng tu nghiệp thiện thanh tịnh, bao nhiêu kiếp về sau, thì nhất định sẽ thành tựu quả Phật Chánh Giác. Giả như không siêng tu nghiệp hạnh thanh tịnh, thì đời đời kiếp kiếp cạo bỏ râu tóc, xuất gia làm Tăng làm Ni, muốn thành Phật, cũng rất là chậm chạp. Một người tu đạo có thể thành Chánh Giác, tuy nói phải tự mình dũng mãnh tinh tấn, nhưng cũng phải nương sự gia bị của chư Phật, mới có thể thành tựu quả Phật bồ đề giác đạo, cho nên nói sự thành tựu của tất cả chư Phật. Cảnh giới đó, chỉ có bậc Thánh nhân xuất thế mới minh bạch được, chẳng phải hàng phàm phu có thể thấy được, nhận thức được. Cảnh giới đó, chỉ có mắt tịnh của Bồ Tát mới chiếu thấy được, vì Bồ Tát tu Bồ Tát đạo, Ngài đã tu được ngũ nhãn lục thông. Mắt tịnh tức là mắt trí huệ thanh tịnh, phải có mắt trí huệ thanh tịnh, mới chiếu thấy được cảnh giới đó. Đại Bồ Tát biết được, thấu rõ được cảnh giới đó, Ngài đã đầy đủ đại oai đức và sức đại thần thông. Thần thông oai đức đó, chẳng phải ngẫu nhiên, dễ dàng có thể đắc được. Đó là do ở trong đời quá khứ, đã làm rất nhiều việc lành, vun bồi căn lành lớn thâm sâu, mới được thành tựu, cho nên nói "thuở xưa đã trồng". Bồ Tát biết tất cả pháp, đều giống như huyền thuật, hư nguy. Như hoá, nhân duyên kết hợp, huyền hoá mà sinh, nó chẳng có thể tánh chân thật. Tuy Bồ Tát Ngài đã thấu rõ các pháp không tướng, nhưng Ngài vẫn khắp tu hành đạo nghiệp thanh tịnh của các Bồ Tát tu. Vị đại Bồ

Tát tu pháp hồi hướng này, Ngài có thể vào trong định tự tại thắng diệu không thể nghĩ bàn, không thể dùng lời diễn tả được. Ngài khéo vận dụng đại trí huệ của Ngài, dùng phương tiện khéo léo, tùy duyên giáo hoá chúng sinh. Mỗi cử chỉ hành động lời nói, đi đứng nằm ngồi, nơi nơi biểu hiện của Bồ Tát, đều là nói pháp. Rộng độ chúng sinh, làm Phật sự lớn. Quang minh của Ngài phóng ra giống như quang minh của Phật, có thể chiếu khắp mười phương hết thấy thế gian, chẳng có giới hạn, cũng chẳng có bờ mé.

Hiện tại tất cả chư Phật Thế Tôn, cũng đều trang nghiêm thế giới như vậy. Vô lượng hình tướng, vô lượng quang minh màu sắc, đều do công đức mà thành tựu. Vô lượng hương, vô lượng báu, vô lượng cây, vô số trang nghiêm, vô số cung điện, vô số âm thanh, tùy thuận tức duyên các thiện tri thức, thị hiện tất cả công đức trang nghiêm, chẳng cùng tận.

Hiện tại tất cả chư Phật trang nghiêm thế giới này, là căn cứ vào quá khứ chư Phật trang nghiêm hành trì thế giới này, cho nên Ngài cũng trang nghiêm thế giới như thế. Vô lượng hình thể, vô lượng tướng trạng, vô lượng hào quang, vô lượng màu sắc, những hình tướng quang minh màu sắc đó, vô lượng vô số, đều là công đức tích tụ tu hành của Bồ Tát mà thành tựu. Lại có vô lượng đủ thứ hương báu, vô lượng bảy báu, vô lượng cây báu, vô lượng trang nghiêm

đầy đủ, vô số cung điện báu, đủ thứ âm thanh vi diệu. Đủ thứ như thế, đều là vô lượng vô số, đều là tùy thuận nhân duyên đời trước, cùng với sự gần gũi các vị thiện tri thức thuở xưa, mà tích tụ công đức, dùng để trang nghiêm thế giới. Như vậy đủ thứ công đức trang nghiêm, chẳng có cùng tận, suốt thuở vị lại, cũng không hết được.

Đó là: Tất cả hương trang nghiêm. Tất cả man trang nghiêm. Tất cả hương bột trang nghiêm. Tất cả báu trang nghiêm. Tất cả phan trang nghiêm. Tất cả lụa báu màu trang nghiêm. Tất cả lan can báu trang nghiêm. A tăng kỳ lưới vàng trang nghiêm. A tăng kỳ sông báu trang nghiêm. A tăng kỳ mây mưa báu trang nghiêm. A tăng kỳ âm nhạc, diễn tấu âm thanh vi diệu.

Ở trên là nói về vô lượng đồ trang nghiêm, trong đó có phàm phu chưa từng thấy qua, nói lại cũng chẳng dễ dàng thấu hiểu, người bình thường có thể biết, có thể tưởng tượng, như hết thấy hương quý trên đời: Hương trầm, hương chiên đàn, hương ngưu đầu chiên đàn .v.v... Lại có đủ thứ man dài báu tinh chế. Lại có đủ thứ hương bột danh quý. Lại có các thứ báu trân kỳ. Lại có phan báu dùng các châu báu nghiêm sức. Lại có vô lượng lụa màu bằng châu báu. Lại có vô số lan can, cũng đều dùng đá báu làm thành. Còn có vô số lưới vàng, vô số sông báu trong cõi nước, vô số mây pháp báu vi diệu mưa pháp vũ, đầy đầy hư không

pháp giới. Và còn có không biết bao nhiêu là âm nhạc trời vi diệu, diễn tấu Phật khúc thần thánh, có đủ thứ như vậy không biết được hết, không nói ra hết được các bầy báu đẹp hiếm có trên đời, trang nghiêm đạo tràng và cõi nước của chư Phật.

Vô lượng vô số đồ trang nghiêm như vậy, trang nghiêm tất cả tận pháp giới hư không giới. Do vô lượng đủ thứ nghiệp trong mười phương sinh ra. Chỗ Phật biết rõ, chỗ Phật tuyên nói. Tất cả thế giới, hết thấy tất cả cõi Phật trong đó.

Như Kinh văn đã nói nhiều ở trên, không thể dùng tâm suy nghĩ, hoặc tính đếm để đo lường các thứ đồ trang nghiêm được. Dùng để trang nghiêm tận hư không khắp pháp giới cõi Phật và đạo tràng. Những đồ trang nghiêm thù diệu đó, là do trong mười phương thế giới vô lượng vô biên đủ thứ nghiệp thiện thanh tịnh sinh ra, là căn lành công đức của chư Phật Bồ Tát tu tập mà thành tựu, chẳng phải phàm phu có thể thấy được, hiểu biết được. Quả báo của nghiệp thiện thanh tịnh đó sinh ra, chỉ có Phật và Bồ Tát mới biết được. Phật biết nhân duyên của nghiệp báo thành tựu, cũng chỉ có Phật mới có thể nói được. Tất cả thế giới thành tựu là do chân lý của nghiệp nhân hiển hiện. Tận hư không, khắp pháp giới tất cả cõi Phật, đều là đạo lý đó mà thành tựu, đều do vô lượng đủ thứ nghiệp sinh ra.

Đó là: Cõi Phật trang nghiêm. Cõi Phật thanh tịnh. Cõi Phật bình đẳng. Cõi Phật diêu hảo. Cõi Phật oai đức. Cõi Phật rộng lớn. Cõi Phật an lạc. Cõi Phật không thể hoại. Cõi Phật vô tận. Cõi Phật vô lượng. Cõi Phật không động. Cõi Phật vô úy. Cõi Phật quang minh. Cõi Phật không trái nghịch. Cõi Phật đáng ưa thích. Cõi Phật khắp chiếu sáng. Cõi Phật nghiêm đẹp. Cõi Phật tinh lệ. Cõi Phật khéo đẹp. Cõi Phật bậc nhất. Cõi Phật thắng. Cõi Phật thù thắng. Cõi Phật tối thắng. Cõi Phật cực thắng. Cõi Phật thượng. Cõi Phật vô thượng. Cõi Phật vô đẳng. Cõi Phật vô tỉ. Cõi Phật không ví dụ.

Đoạn Kinh văn ở trước nói trong vô lượng vô biên thế giới, có tất cả cõi Phật, hiện tại sơ lược đưa ra hai mươi chín loại, tên gọi tùy theo thể, đức, dụng, khác biệt của mỗi vị Phật thành tựu, mà có sự lập tên chẳng giống nhau. Đó là:

Cõi Phật Trang Nghiêm: Phật trụ thể trong cõi Phật này, danh hiệu của Ngài gọi là Phật Trang Nghiêm. Vì Ngài tu tập vạn thiện đầy đủ, dùng công đức vạn thiện trang nghiêm cõi Phật và đạo tràng của Ngài, cũng dùng

vạn thiện trang nghiêm làm danh hiệu của mình, và tên của cõi Phật.

Cõi Phật Thanh Tịnh: Phật trụ thế trong cõi Phật này, từ lúc ban đầu Ngài phát tâm tại nhân địa, thì nghiêm trì giới thanh tịnh, tu phạm hạnh thanh tịnh xuất thế. Khi công hạnh của Ngài viên mãn, chứng được quả vị Phật rồi, danh hiệu Phật là Thanh Tịnh, cõi Phật cũng do đó mà gọi là cõi Phật Thanh Tịnh, biểu thị cõi Phật của Ngài là thuần tịnh không nhiễm, chẳng có chút nhiễm ô nào.

Cõi Phật Bình Đẳng: Danh hiệu của vị Phật này gọi là Bình Đẳng, cõi Phật cũng gọi là Bình Đẳng. Vì vị Phật này hiểu rõ "Là pháp bình đẳng, chẳng có cao thấp". Ngài hoá độ chúng sinh cũng là bình đẳng, chẳng có tâm phân biệt, cho nên bình đẳng là thắng đức của Ngài, do đó gọi là cõi Phật Bình Đẳng.

Cõi Phật Diệu Hảo: Vị Phật này thành tựu quả đức, thù thắng vi diệu, cho nên được tôn là Phật Diệu Hảo, cõi nước ứng hoá cũng gọi là cõi Phật Diệu Hảo.

Cõi Phật Oai Đức: Vị Phật này trụ thế, Ngài có oai, có đức, khi giáo hoá chúng sinh, thì oai đức đều dùng, cho nên tôn hiệu của Ngài là Phật Oai Đức, cõi nước gọi là cõi Phật Oai Đức.

Cõi Phật Rộng Lớn: Diện tích của cõi Phật đây nhất định rất rộng lớn, Phật trụ ở cõi đó mưa pháp vũ thấm nhuần khắp, lấy từ bi làm đầu đối với chúng sinh, chẳng ghét kẻ ác, chẳng nhớ lỗi xưa, tâm lượng rộng lớn đại lượng, có thể bao thái hư, đức hạnh cũng rộng lớn. Do đó mà gọi là Phật Rộng Lớn, cõi nước cũng gọi là cõi Phật Rộng Lớn.

Cõi Phật An Lạc: Vị Phật trụ trì đó, gọi là Phật An Lạc, cõi nước của Ngài ở, rất an lạc, được sinh vào cõi nước của Ngài, thì được an ổn và vui sướng. Cho nên gọi là cõi Phật An Lạc.

Cõi Phật Không Thê Hoại: Vị Phật trụ trì đó, gọi là Phật Không Thê Hoại, căn lành công đức của chúng sinh trong nước của Ngài, chánh tín chánh niệm, vĩnh viễn không bị ngoại đạo phá hoại, nghiệp thiện vĩnh viễn chẳng bị tổn thương phá hoại. Nhưng họ dùng chánh nghiệp có thể phá ma quân hoại nghiệp ác, cho nên gọi là cõi Phật Không Thê Hoại.

Cõi Phật Vô Tận: Vị Phật Vô Tận đó, cõi nước của Ngài vĩnh viễn tồn tại, Thời gian kiếp số Ngài trụ thế chẳng cùng tận, tâm từ bi giáo hoá chúng sinh vĩnh viễn chẳng dừng lại, thuyết pháp độ sinh vĩnh viễn chẳng nhàm mỏi, quyền thuộc của Ngài cũng vô cùng vô tận. Danh hiệu Phật gọi là Phật Vô Tận, cõi nước cũng gọi là Vô Tận.

Cõi Phật Vô Lượng: Đức hạnh của Phật Vô Lượng vô lượng vô biên, cõi nước Vô Lượng, đồ trang nghiêm thù thắng vô lượng, quyền thuộc vô lượng, pháp tài cũng vô lượng.

Cõi Phật Vô Động: Danh hiệu Phật Vô Động, nghĩa là định lực của Ngài thù đặc, kiên cố như núi kim cang, chẳng có cảnh giới gì có thể lay động được Ngài, cho nên bậc Thánh có tâm lớn và có chúng thanh tịnh căn lành phước đức, đều ưa thích nương vào Ngài, tu học Phật đạo, cho nên cõi nước nối tiếp theo đức hạnh của Phật, cũng gọi là cõi Phật Vô Động.

Cõi Phật Vô Úy: Bồ Tát Quán Thế Âm hành đạo ở thế giới Ta Bà, khắp cứu độ chúng sinh. Cho nên chúng

sinh ở thế giới Ta Bà gọi Ngài là bậc vô úy thí, vì Ngài chẳng sợ khốn khổ hoạn nạn, tà ma ngoại đạo. Vị Phật này Ngài cũng hàng phục được ma, chủ trì chánh nghĩa, dùng tinh thần đại vô úy trụ thế, Phật gọi là Vô Úy, cõi nước cũng gọi là cõi Phật Vô Úy.

Cõi Phật Quang Minh: Vị Phật đó có đại trí huệ, quang minh trí huệ của Ngài, chiếu khắp mười phương thế giới. Trong cõi nước của Ngài chẳng có chỗ nào tối tăm, chẳng có ba đường ác, dùng lưu ly làm đất. Chúng sinh trong cõi nước Ngài, ai ai cũng vui vẻ tươi cười, từ trong tâm sáng ngời cho đến sắc mặt hoà mục, đó đều là quang minh trí huệ của Phật chiếu sáng, hiển hiện ra cảnh giới quang minh sáng lạn. Cho nên cõi nước của Ngài gọi là cõi Phật Quang Minh.

Cõi Phật Không Trái Nghịch: Vị Phật đó từ bi giống như mẹ hiền, Ngài thương chúng sinh giống như con một. Đối với chúng sinh, tâm từ bi bình đẳng quán sát, dùng phương pháp phương tiện khéo léo, và sắc mặt hoà diệu lời nói dịu dàng, tùy theo ý của chúng sinh, khiến cho ai ai cũng đều được như ý mãn nguyện, chưa từng trái nghịch với ý kẻ khác. Do đó trong cõi nước của Ngài tuyệt đối chẳng có kẻ ác nghiệp ác xuất hiện, mà toàn hiển hiện ra sự hoà mục, đó tức là cõi Phật Không Trái Nghịch của Phật Không Trái Nghịch.

Cõi Phật Đáng Ưa Thích: Vị Phật đó cũng từ ái giống như Phật Không Trái Nghịch, chẳng có chút nóng giận nào, bất cứ lúc nào, ở đâu, thấy bất cứ người nào, Ngài cũng đều thân thiết hoà mục, bình dị gần người. Bạn có những khó khăn gì, phiền não gì, thậm chí gặp tai nạn, thì chỉ cần thấy được vị Phật này, thì tất cả đều tiêu tan hết,

trong vô hình sẽ đắc được tự tại an lạc. Vị Phật này thật là khiến cho người kính ái, chúng sinh nguyện sinh vào trong cõi nước của Ngài, nhiều vô lượng vô số, ai ai cũng đều gọi Ngài là Phật Đáng Ưa Thích, cõi nước của Ngài cũng gọi là cõi Phật Đáng Ưa Thích.

Cõi Phật Diệu Sáng Khắp: Danh hiệu của vị Phật này Diệu Sáng Khắp, cõi nước của Ngài giáo hoá cũng gọi là Diệu Sáng Khắp. Sự chiếu sáng khắp này, chỉ có Phật có phước đức lớn mới có quả báo này.

Cõi Phật Nghiêm Đẹp: Nghiêm là trang nghiêm thanh tịnh, đẹp là thù thắng. Danh hiệu của vị Phật này gọi là Phật Nghiêm Đẹp, đức hạnh của Ngài thanh tịnh nhất, cõi nước của Ngài cũng thanh tịnh nhất, cho nên gọi là cõi Phật Nghiêm Đẹp.

Cõi Phật Tinh Lệ, cõi Phật Khéo Đẹp, cõi Phật Đệ Nhất: Tên gọi của các cõi Phật là y vào danh hiệu của Phật. Danh hiệu của Phật tức là danh từ đại biểu công đức thù thắng mà Ngài tu chứng được. Cõi Phật Tinh Lệ tức là do công đức của Phật mà thành tựu cõi nước, vì lúc Ngài ở tại nhân địa tu hành, thì chẳng giải đãi, đều dũng mãnh tinh tấn. Cho nên Ngài mới thành tựu viên mãn cõi nước tốt đẹp. Cõi Phật Khéo Đẹp và cõi Phật Đệ Nhất, căn cứ vào tên mà suy ra nghĩa thì biết, đều là nương vào vô lượng công đức thành tựu trang nghiêm.

Cõi Phật Thắng, cõi Phật Thù Thắng, cõi Phật Tối Thắng, cõi Phật Cự Thắng: Bốn vị Phật này các Ngài đều đã tu viên mãn đủ thứ pháp môn trong khắp pháp giới, như ba môn giải thoát tối thù thắng .v.v...đã viên mãn không thiếu khuyết, cho nên các Ngài được gọi là Phật Thắng, Phật Thù Thắng, Phật Tối Thắng, Phật Cự Thắng. Cõi

nước của các vị Phật đó cũng nương vào danh hiệu của các Ngài mà gọi là cõi Phật Thắng, cõi Phật Thủ Thắng, cõi Phật Tối Thắng, cõi Phật Cực Thắng.

Cõi Phật Thượng, cõi Phật Vô Thượng: Tên gọi của hai cõi Phật này, điểm quan trọng là tại Phật thừa, vì đại chỉ diệu quán là vô thượng. Danh hiệu Phật Thượng và Phật Vô Thượng, cõi nước tức là cõi Phật Thượng, cõi Phật Vô Thượng.

Cõi Phật Vô Đẳng: Cõi nước của Phật Vô Đẳng, chẳng có cõi Phật nào có thể bằng cõi nước của Ngài, cho nên thế giới ứng hoá của vị Phật này được gọi là cõi Phật Vô Đẳng.

Cõi Phật Vô Ti: Công đức vô lượng của vị Phật này, chẳng có ai có thể so sánh với Ngài được, cho nên gọi là Phật Vô Ti, cõi nước cũng gọi là cõi Phật Vô Ti. Kỳ thật Phật với Phật đều đồng đều, đều là công đức viên mãn, phước huệ đầy đủ, nên các danh hiệu đó được tôn kính, chứ chẳng có sự khác biệt về cao thấp.

Cõi Phật Không Ví Dụ: Ý nghĩa không ví dụ là tán dương công đức của vị Phật này, tìm chẳng được một vật gì, một câu nói nào, hoặc một văn tự nào, trên thế gian để ví dụ, hoặc hình dung, vì đức hạnh của Ngài chí cao vô thượng, thù thắng đạt đến cực điểm. Cho nên xưng là Phật Không Ví Dụ, cõi nước của Ngài cũng gọi là cõi Phật Không Ví Dụ.

Tất cả cõi Phật quá khứ vị lai hiện tại như vậy, hết thấy sự trang nghiêm, đại Bồ Tát đem căn lành của mình, phát tâm hồi

hướng. Nguyên dùng hết thủy côi nước trang nghiêm thanh tịnh, của tất cả chư Phật quá khứ vị lai hiện tại như vậy, thủy đều trang nghiêm nơi tất cả thế giới. Như hết thủy sự trang nghiêm côi nước của tất cả chư Phật, thủy đều thành tựu, thủy đều thanh tịnh, thủy đều tích tập, thủy đều hiển hiện, thủy đều nghiêm đẹp, thủy đều trụ trì.

Như vậy mười phương ba đời, đời quá khứ, đời vị lai, đời hiện tại, hết thủy côi nước chư Phật, hết thủy đủ thứ sự trang nghiêm. Vị đại Bồ Tát tu pháp môn hồi hướng này, Ngài đem đủ thứ căn lành công đức của mình tu tập được, phát tâm đại Bồ Đề, hồi hướng cho mười phương ba đời côi nước chư Phật. Bồ Tát phát nguyện, Ngài nói: Tôi nguyện côi nước của chư Phật ba đời, đều trở thành thanh tịnh nhất, côi Phật trang nghiêm nhất. Dùng sự trang nghiêm vô thượng, trang nghiêm tất cả thế giới, mà sự trang nghiêm của thế giới đó, cũng đồng như hết thủy sự trang nghiêm của vô lượng côi nước chư Phật. Bồ Tát dùng sự trang nghiêm côi nước của chư Phật mà tự trang nghiêm, đem căn lành công đức của mình, mà trang nghiêm côi nước của chư Phật. Những sự trang nghiêm đó đều thành tựu. Căn lành của Bồ Tát tu, cũng có thể thành tựu đủ thứ sự trang nghiêm đó. Nhưng nguyện côi nước của mười phương ba đời chư Phật đều được thanh tịnh. Đều có thể thành tựu côi nước tích tụ các thứ báu. Cảnh

giới thù thắng đó, đều hiển hiện rõ nơi thế gian. Đó đều là cõi nước thanh tịnh nhất, trang nghiêm thượng diệu nhất. Điều thường trụ trì ở tại thế gian, mỗi đạo tràng đều có Tam Bảo thường trụ trì giáo hoá chúng sinh. Bồ Tát dùng căn lành của Ngài tu, thành khẩn hồi hướng như thế.

Như một thế giới, tận pháp giới hư không giới như vậy. Tất cả thế giới, cũng đều như vậy. Ba đời tất cả cõi nước chư Phật, đủ thứ sự trang nghiêm, thấy đều đầy đủ.

Bồ Tát hồi hướng, phát nguyện trang nghiêm mười phương ba đời cõi nước của chư Phật, trước hết trang nghiêm một thế giới, sau đó khắp trang nghiêm tất cả thế giới tận hư không khắp pháp giới. Cõi nước ba đời chư Phật đều như vậy. Hết thấy tất cả sự trang nghiêm, cũng đầy khắp cõi Phật tận hư không khắp pháp giới, đầy đủ sự trang nghiêm thượng diệu như vậy, đồng nhau chẳng có khác biệt. Một cõi Phật đầy đủ vô tận trang nghiêm, tức mười phương ba đời cõi Phật thấy đều trang nghiêm. Một cõi Phật trang nghiêm tức tất cả đều trang nghiêm. Một nơi viên mãn đầy đủ, thì tất cả mọi nơi đều viên mãn đầy đủ. Trùng trùng vô tận, vô tận trùng trùng, đó tức là cảnh giới của biển thế giới hoa tạng.

Phật tử ! Đại Bồ Tát lại đem căn lành hồi hướng như vậy: Nguyện tất cả cõi Phật mà tôi tu, có các đại Bồ Tát, thấy đều đầy

khắp trong đó. Các Bồ Tát đó, thể tánh chân thật, trí huệ thông đạt. Khéo phân biệt được tất cả thế giới và chúng sinh giới. Vào sâu pháp giới và hư không giới.

Các vị đệ tử của Phật ! Vị đại Bồ Tát này tu vô tận công đức tạng, Ngài lại đem đủ thứ căn lành của Ngài tu tập, hồi hướng như vậy: Nguyên căn lành mà tôi tu hành, thành tựu cõi nước chư Phật, ở trong cõi nước chư Phật, có vô số đại Bồ Tát đầy khắp trong đó. Các đại Bồ Tát trong đó, công hạnh của mỗi vị tu hành, đều đã chứng được cảnh giới thể tánh chân thật không hư. Trí huệ của các Ngài cũng đặc biệt thù thắng, cho nên thông đạt được tất cả sự lý, viên dung vô ngại. Các Ngài lại khéo phân biệt sự khác nhau của mười phương thế giới, và các loài chúng sinh khác nhau trong mười phương thế giới. Các Ngài đều vào sâu được hết thấy pháp giới và hết thấy hư không giới, hợp với pháp giới và hư không giới mà làm một.

Lìa khỏi ngu si, thành tựu niệm Phật. Niệm Pháp chân thật, không thể nghĩ bàn. Niệm Tăng vô lượng, đều khắp cùng. Cũng niệm xả, pháp mặt trời viên mãn, trí quang chiếu khắp, thấy không chướng ngại. Từ không được sinh, sinh các Phật pháp. Làm chủ các căn lành thù thắng vô thượng, phát sinh tâm bồ đề vô thượng. Trụ nơi lực của

Như Lai. Hướng về trí Ba La Mật. Phá các ma nghiệp, thanh tịnh chúng sinh giới.

"Lìa khỏi ngu si", ngu si là đại khắc tinh của chúng sinh, đầu mối của tội ác, là gốc của sinh tử. Lìa khỏi được ngu si, thì đã bước đến con đường của bậc Thánh nhân. Làm thế nào mới có thể lìa khỏi được ngu si ? Chỉ có niệm Phật: Niệm từ bi của Phật, niệm công đức của Phật, niệm sự trang nghiêm của Phật. Nếu tâm luôn luôn niệm Phật, miệng niệm Phật, thì trừ diệt sự ngu si. Nhưng sự khắc tinh của ngu si này như bóng theo hình, không dễ gì mà lìa khỏi được nó, cho nên niệm Phật cũng chẳng dễ gì đạt đến trình độ, tâm niệm miệng niệm nhất tâm bất loạn. Nếu lìa khỏi được ngu si, thì niệm Phật nhất định sẽ thành tựu. Không lìa khỏi được ngu si, thì niệm Phật rất khó mà thành tựu.

"Niệm Pháp chân thật": Tức là chánh niệm suy gẫm, lý chân thật của các pháp không sinh không diệt. Chân thật tức là pháp không thể nghĩ bàn. Pháp có thể nghĩ bàn thì chẳng phải là pháp chân thật. Chúng sinh ở thế giới Cực Lạc, đều đã lìa khỏi ngu si, cho nên họ sống ở trong niềm vui của pháp, niệm Phật, niệm Pháp. Đại Bồ Tát tu hồi hướng này, cũng luôn luôn niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, Ngài niệm pháp chân thật, biết rõ pháp tánh không thể nghĩ bàn.

"Niệm Tăng vô lượng, đều khắp cùng": Bồ Tát Ngài thường niệm Tam Bảo, công đức vô lượng, công đức thanh tịnh đó, sung mãn đến khắp tận hư không biến pháp giới, trang nghiêm cõi Phật và lợi ích chúng sinh. Cũng niệm về "xả", ý nghĩa chữ xả, chẳng những xả bỏ tất cả ác, mà còn phải xả bỏ tất cả tướng, và còn xả bỏ tất cả sự chấp trước.

Đoạn tất cả điều ác, chẳng chấp trước về ta đã đoạn tất cả điều ác. Tu tất cả điều lành, mà chẳng chấp trước về ta tu tất cả điều lành. Bồ Tát niệm về xả, mà niệm xả cũng xả bỏ luôn. "Pháp mặt trời viên mãn": Bồ Tát tu hành lục độ vạn hạnh, công đức viên mãn, trí huệ quang minh vô thượng, sáng chói giống như mặt trời, chiếu khắp mười phương pháp giới, tuy những nơi thâm sơn cùng cốc, cũng thấy được chẳng có gì chướng ngại. Đại niệm đại hạnh của Bồ Tát như vậy, đều từ ở trong vô sở đắc (không chỗ đắc) mà thành tựu. Dùng vô sở đắc, sinh ra tất cả Phật pháp. Làm đầu não căn lành sâu dày tối thắng nhất trong chúng sinh-người lãnh đạo. Phát tâm đại bồ đề, tu học Phật đạo, phổ độ chúng sinh. "Trụ nơi lục của Như Lai": Nương theo mười lục của Như Lai, hướng về trí huệ Ba La Mật, tức là nhất thiết trí, quả vị viên mãn rốt ráo của chư Phật. Đủ thứ phẩm loại trên thế gian và xuất thế gian, tất cả nghĩa lý, chẳng có điều gì mà không hiểu biết, chẳng có điều gì mà chẳng thông đạt thành tựu. "Phá các ma nghiệp": Thành tựu nhất thiết chủng trí rồi, thì có thể nương vào trí huệ, phá trừ tất cả ma sự ma nghiệp, thế lực ác tổn thương lợi ích chúng sinh. "Thanh tịnh chúng sinh giới": Khiến cho chúng sinh mười phương pháp giới, đều sống trong cõi tịnh độ thanh tịnh. Đại Bồ Tát tu pháp hồi hướng này, hồi hướng như vậy, phát nguyện lớn như vậy.

Vào sâu pháp tánh, vĩnh viễn lìa điên đảo. Căn lành đại nguyện, thấy đều chẳng không. Bồ Tát như vậy đầy khắp trong cõi đó. Sinh nơi như vậy, có đức như vậy.

Bồ Tát có thể tu hành viên mãn công đức đầy đủ, đều là đại Bồ Tát, các Ngài đều đã tu chứng được nhất thiết chủng trí, cho nên vào sâu được trong tánh không của Phật pháp, hợp với pháp mà làm một. Vĩnh viễn xả lìa vô minh tham ái, đủ thứ tư tưởng hành vi điên đảo. Tu căn lành, tu một phần thì có một phần công đức. Phát nguyện lớn, phát một lần thì có một lần thành tựu. Do đó công chẳng tổn mất, quyết chẳng lãng phí. Giống như những vị đại Bồ Tát này, vô lượng vô số, đầy đầy trong cõi nước của vị đại Bồ Tát tu pháp hồi hướng này. Bồ Tát sinh vào được trong cõi nước thanh tịnh trang nghiêm này, cùng với chúng sinh phát tâm đại bồ đề, các Ngài đều có công đức, căn lành tối thắng, giống như chư Phật tu hành.

Thường làm Phật sự. Được Phật bồ đề. Thanh tịnh quang minh, đủ trí pháp giới. Hiện sức thần thông, một thân đầy khắp tất cả pháp giới. Đắc được đại trí huệ, vào cảnh giới sở hành của nhất thiết trí. Khéo phân biệt được vô lượng vô biên pháp giới câu nghĩa. Nơi tất cả cõi, đều chẳng chấp trước, mà hiện khắp tất cả cõi Phật. Tâm như hư không, chẳng có chỗ nương, mà phân biệt được tất cả pháp giới. Khéo nhập xuất tam muội thâm sâu không thể nghĩ bàn.

Các đại Bồ Tát như Kinh văn ở trên đã nói, các Ngài làm đều hợp với Phật pháp, cho nên nói các Ngài luôn luôn đều làm Phật sự. Các Ngài cũng đều đã chứng được bồ đề giác đạo. Trí huệ thanh tịnh quang minh, đầy đủ nhất thiết chủng trí khắp pháp giới. Vì có trí huệ, thì có thể hiển hiện đủ thứ sức thần thông, tuy nhiên chỉ có một thân, Ngài dùng sức thần thông có thể khiến cho một thân đầy khắp pháp giới. Vì đã đắc được trí huệ lớn nhất, do đó thấy việc tinh vi. Tất cả sự biểu hiện, vào sâu khế hợp với cảnh giới trí huệ. Lại khéo phân tích vô lượng vô biên văn lý và câu nghĩa trong pháp giới. Văn tự Bát Nhã của những vị đại Bồ Tát đó, đã đắc được văn tự tam muội thâm sâu. Các đại Bồ Tát đối với hết thảy Kinh điển, ý nghĩa của mỗi câu, đều phân biệt được rất rõ ràng. Các Ngài vào bất cứ cõi nước nào, cũng chẳng lưu luyến, cũng chẳng chấp trước, dùng một thân mà có thể hiện thân khắp trong tất cả cõi nước của chư Phật. Tâm lượng của các đại Bồ Tát giống như hư không, chẳng chấp chẳng nương nhờ. Tuy nhiên như vậy, nhưng đối với đủ thứ pháp giới, vẫn phân biệt được rất rõ ràng. Bồ Tát tu tam muội có rất nhiều thứ loại, trong đó tam muội thâm sâu nhất, Ngài cũng chẳng dụng trước cấp, xuất định nhập định đều rất tự do tự tại. Đại Bồ Tát tu pháp môn hồi hướng này, khéo xuất nhập tam muội thâm sâu, cho nên Ngài mới đắc được vô tận công đức tạng.

Hướng về nhất thiết trí, trụ các cõi Phật. Đắc được thần lực của chư Phật, khai thị diễn nói pháp nhiều như số A tăng kỳ

mà chẳng sợ hãi. Tuỳ thuận căn lành của chư Phật ba đời. Chiếu khắp pháp giới của tất cả Như Lai, đều có thể thọ trì tất cả Phật pháp.

Mục tiêu của Bồ Tát tu hành, là hướng về nhất thiết chủng trí của chư Phật, cùng trụ ở trong một cõi nước với chư Phật, gần gũi chư Phật, đắc được sức thần thông diệu dụng của chư Phật. Tức đắc được thần lực gia bị của chư Phật, sức biện tài vô ngại rồi, lại giáo hoá chúng sinh, khai đạo chỉ thị chúng sinh nên tu học Bát Chánh Đạo, diễn nói vô lượng vô biên pháp môn tu hành của chư Phật nói, chế phục ngoại đạo dị luận tà thuyết, mà chẳng sợ hãi. Tuỳ thuận theo căn lành của chư Phật ba đời tu hành, mà tự mình tu tập. Quán chiếu khắp pháp giới của mười phương chư Phật, pháp của chư Phật nói. Bồ Tát một mặt y theo giáo lý tu hành, đồng thời đối với chúng sinh khai xiển Phật pháp của chư Phật, khiến cho chúng sinh cũng y giáo phụng hành.

Biết lời lẽ các pháp nhiều như số A tăng kỳ, khéo diễn nói âm thanh khác biệt không thể nghĩ bàn. Vào nơi địa vị tự tại vô thượng của Phật, du khắp mười phương tất cả thế giới mà chẳng chướng ngại. Thực hành pháp không tranh, không chỗ nương, không phân biệt, tu tập tâm bồ đề tăng

trưởng rộng lớn. Đắc được trí thiện xảo, khéo biết câu nghĩa. Hay tùy theo thứ lớp khai thị diễn nói.

Đại Bồ Tát đắc được nhất thiết trí rồi, Ngài lại biết vô lượng số lời lẽ của các loài chúng sinh. Lời lẽ của các chúng sinh trong chín pháp giới, Ngài đều hiểu được, cũng có thể diễn nói giống âm thanh của họ, chẳng màng loài chúng sinh nào sinh khởi, Ngài đều có thể trực tiếp giao lưu với họ, trao đổi ý kiến với nhau, không cần phiên dịch. Bồ Tát có thiên tài về lời lẽ này, nên giáo hoá chúng sinh rất có hiệu quả, bởi vì lời lẽ là chiếc cầu tiếp nối giao lưu đó đây với nhau. Bồ Tát chẳng những hoạt động trong chín pháp giới, mà Ngài cũng có thể vào sâu được cảnh giới vô thượng tự tại của Phật. Ngài đến khắp pháp giới hết thấy thế giới trong mười phương để du lãm, cũng chẳng có chút chướng ngại nào. Giáo hoá chúng sinh, xiển dương Phật pháp, xử sự tiếp vật, chẳng có gì mà chẳng viên dung vô ngại, thông đạt thuận lợi.

Bồ Tát thực hành "không tranh", nghĩa là lời nói ngay thẳng, chẳng tranh luận hơn thua, chẳng tranh giành được mất. Tại sao hay phát sinh tranh ? Vì nhân loại do tâm ích kỷ, tâm háo thắng tác quái, nhìn chẳng xuyên thấu, buông xả chẳng đặng, thì sinh ra hành vi tranh danh đoạt lợi với người. Một khi có tranh, thì sẽ có thị phi, có hơn thua, có thiện ác, có tốt xấu, có khen chê .v.v...Đó là kết quả của tranh. Nếu như nhìn thấu được danh lợi, thiện ác, khen chê, buông bỏ đặng, thì còn có gì để tranh luận ? Tất cả chấp cái ta đều chẳng còn nữa, trong tâm chẳng có danh lợi, hơn thua, thiện ác, tốt xấu, khen chê tồn tại, thì

cũng chẳng có sự nóng giận tranh giành, trong tâm chỉ có vui vẻ, nhường nhịn, gì cũng đều tốt, chẳng có lúc nào mà chẳng tự tại an vui, đó tức là thực hành tam muội không tranh. Tức đã không tranh, thì cũng chẳng cần nương vào bất cứ pháp nào, không cần nương tựa vào người nào mới có thể tồn tại. Người hay vào được nơi không tranh, thì họ nhất định từ hoà tự lập, quyết định được mọi người ái kính, mong muốn được gần gũi họ, nương vào họ, chẳng biết là bao nhiêu. Bồ Tát dùng trí huệ thông đạt tất cả sự lý, trong tâm đối với danh lợi, thiện ác, thị phi, khen chê, những quan niệm đó, chưa từng khởi phân biệt, chẳng ở tại phương diện này dụng công phu. Bồ Tát một lòng tu tập chánh pháp, tăng trưởng niệm thiện, tâm bồ đề rộng lớn. Tâm bồ đề tăng trưởng rộng lớn rồi, thì đắc được đại trí huệ phương tiện khéo léo. Vì sức trí huệ, nên từ câu và nghĩa lý văn tự của tất cả Kinh điển, nhìn qua là hiểu rõ, thông đạt vô ngại, cũng tùy thuận nghĩa lý của Kinh điển, nương vào thứ lớp mà khai triển đạo lý, diễn nói Phật pháp chân thật. Đối với chúng sinh từ từ khai đạo, chỉ bày con đường chánh quyết, khiến cho chúng sinh đều y theo pháp tu hành, bỏ mê về với chân thật.

Nguyện khiến cho các đại Bồ Tát trang nghiêm cõi nước như vậy, đầy đầy phân bố tùy thuận an trụ. Huân tu, cực huân tu. Thuần tịnh, cực thuần tịnh. Điềm nhiên yên ổn vắng lặng. Nơi một cõi Phật, tùy một phương sở, đều có vô số, vô lượng,

vô biên, vô đẳng, bất khả số, bất khả xưng, bất khả tư, bất khả lượng, bất khả thuyết, bất khả thuyết bất khả thuyết các đại Bồ Tát như vậy, đầy đầy cùng khắp. Như một phương sở, tất cả phương sở, cũng lại như vậy. Như một cõi Phật, tận hư không khắp pháp giới, cũng đều như vậy.

Vị đại Bồ Tát này tu hồi hướng vô tận công đức tạng, Ngài lại hy vọng những vị đại Bồ Tát như trong Kinh văn đã nói ở trước, đều đến trang nghiêm cõi nước của Ngài, thậm chí đầy đầy thế giới, phân bố đến tất cả cõi nước tùy thuận an trụ. Tùy thuận phong tục tập quán của nước sở tại, an trụ với chúng sinh. Ý nghĩa huân tu, có thể đưa ra một ví dụ: Giống như các chúng đệ tử ở Chùa Kim Sơn, đại chúng cùng nhau dụng công tu hành, hằng ngày sinh hoạt ở trong Phật pháp, đó giống như dùng hương đốt để huân, huân làm cho nguồn gốc nhan sắc đều thay đổi. Tu tức là tu tập, y chiếu theo đạo lý của Phật nói, để tu sửa tri kiến bất chánh đáng và hành vi lỗi lầm trong quá khứ của chúng ta. Giống như huân tu thân tâm vậy, chẳng có gián đoạn. Tu tập đến cực điểm, thì gọi là cực huân tu. Huân tu đến trình độ này, thì đạt đến cảnh giới thuần tịnh. Thuần tịnh đến tột đỉnh rất ráo, thì gọi là cực thuần tịnh. Ý nghĩa về thuần là chẳng tạp loạn. Tịnh tức là thanh tịnh, chẳng có chút nhiễm ô nào tồn tại. Hiện tượng này tức là cực thuần tịnh mà biểu hiện thật tế. Điềm nhiên yên ổn vắng lặng; điềm là nhu hoà an tĩnh, rất nhu hoà an nhiên tự

tại. Yên ổn vắng lặng cũng là an tĩnh, ở chỗ này có tướng chiếu tịch. Điềm nhiên yên ổn vắng lặng là căn cứ vào cảnh giới cực thuần tịnh ở trên, mà hình dung trạng thái của Bồ Tát sinh hoạt an nhiên tự tại ở trong cảnh giới đó. Nơi một cõi Phật, thuần tịnh như vậy mà điềm nhiên yên ổn vắng lặng. Tuy một phương sở, phương là chỉ địa phương nhỏ. Sở là xứ sở, chỉ địa phương lớn mà nói. Tuy một phương sở, là nói bất cứ một xứ sở nhỏ, hoặc lớn, đều là nơi thuần tịnh như vậy, cũng đều có đại Bồ Tát thuần tịnh như vậy, số lượng chẳng biết là bao nhiêu, chẳng có cách chi tính đếm được, chẳng có cách chi lường được, chẳng có bờ mé, chẳng có cách chi gọi được, không thể nào dùng tâm nghĩ được, không thể nào độ lượng được, không thể nào dùng lời lẽ để diễn đạt được, nhiều không thể nói không thể nói được (bất khả thuyết bất khả thuyết), đó là một trong những số mục lớn của Ấn Độ. Đại Bồ Tát nhiều như vậy, đầy đầy khắp hết trong một phương sở. Một phương sở là như vậy, tất cả phương sở cũng đều như vậy. Chẳng riêng như vậy, mà trong một cõi Phật, thậm chí tận hư không khắp pháp giới, trong tất cả cõi Phật, thấy đều đầy đầy Bồ Tát cực huân tu, cực thuần tịnh, điềm nhiên yên ổn vắng lặng mà sinh hoạt ở trong đó. Những Bồ Tát đó đức hạnh đều viên mãn, phước huệ đầy đủ, giống như Phổ Hiền Đại Nguyện Vương.

**Phật tử ! Đại Bồ Tát đem các căn lành,
phương tiện hồi hướng tất cả cõi Phật.
Phương tiện hồi hướng tất cả Bồ Tát.
Phương tiện hồi hướng tất cả Như Lai.**

Phương tiện hồi hướng tất cả Phật bồ đề. Phương tiện hồi hướng tất cả nguyện rộng lớn. Phương tiện hồi hướng tất cả đạo xuất yếu. Phương tiện hồi hướng tịnh tất cả chúng sinh giới. Phương tiện hồi hướng nơi tất cả thế giới, thường thấy chư Phật xuất hiện ra đời. Phương tiện hồi hướng thường thấy Như Lai thọ mạng vô lượng. Phương tiện hồi hướng thường thấy chư Phật khắp cùng pháp giới, chuyển bánh xe pháp bất thối không chướng ngại.

Bồ Tát Kim Cang Tràng lại gọi một tiếng các vị đệ tử của Phật ! Ngài nói: Đại Bồ Tát đem tất cả căn lành của Ngài tu, của Ngài tích tập, dùng pháp môn phương tiện khéo léo, hồi hướng cho tất cả cõi nước chư Phật. Lại đem tất cả căn lành của Ngài tu, của Ngài tích tập, hồi hướng cho các vị Bồ Tát trong mười phương thế giới. Lại đem tất cả căn lành của Ngài tu tập tích tụ, phương tiện hồi hướng cho mười phương chư Phật tận hư không khắp pháp giới. Lại đem tất cả căn lành của Ngài tu tập tích tụ, phương tiện hồi hướng về bồ đề giác đạo. Lại đem tất cả căn lành của Ngài tu tập tích tụ, phương tiện hồi hướng cho đại nguyện của chư Phật và Bồ Tát đã phát, hy vọng những lời nguyện các Ngài đều viên mãn thành tựu. Lại đem tất cả căn lành của Ngài tu tập tích tụ, phương tiện hồi hướng cho các đệ tử Phật chân tu thật học, tinh tấn tu học yêu đạo xuất thế.

Yếu đạo xuất thế bao quát cả đại thừa và tiểu thừa. Giống như ba mươi bảy phẩm trợ đạo, bốn pháp nhiếp, bốn tâm vô lượng, thập độ, chỉ, quán, trí, và bi.

Cho nên trong Phẩm Thập Địa có nói: "Bồ Tát dùng đại bi làm đầu, trí huệ tăng thượng". Lại đem tất cả căn lành của Ngài tu tập tích tụ, phương tiện hồi hướng để thanh tịnh tất cả chúng sinh giới, khiến cho các chúng sinh đều được an trụ nơi cõi nước thanh tịnh. Lại đem tất cả căn lành của Ngài tu tập tích tụ, phương tiện hồi hướng đến tất cả thế giới. Bồ Tát muốn chúng sinh của tất cả thế giới, thời khắc đều thấy được mười phương ba đời tất cả chư Phật Như Lai, xuất hiện ra thế giới của họ. Lại đem tất cả căn lành của Ngài tu tập tích tụ, phương tiện hồi hướng đến chư Phật Như Lai, hy vọng thọ mạng của chư Phật vô lượng vô tận, vĩnh viễn thường trụ ở đời. Lại đem tất cả căn lành của Ngài tu tập tích tụ, phương tiện hồi hướng đến chư Phật, hy vọng luôn luôn thấy được chư Phật, khắp cùng pháp giới, ở trong tận hư không khắp pháp giới, chuyển bánh xe pháp vĩnh viễn không thôi chuyển, chẳng có chướng ngại.

Chuyên pháp luân là vì Phật giáo mà làm, là công việc hay khiến cho Phật giáo thu được sự giáo hoá có hiệu quả, đều có thể nói là chuyển bánh xe pháp. Như in Kinh điển, hoặc tượng Phật lưu truyền trong đời, giảng Kinh thuyết pháp trực tiếp khai đạo tiếp dẫn chúng sinh, thậm chí chỉ vì một người giải thích về đạo lý chút ít Phật pháp, bất luận lớn nhỏ nhiều ít, đều có thể gọi là đang chuyên pháp luân. Tụng Kinh, lạy Phật, trì chú, chỉ cần bạn lúc nào cũng đều y theo lời dạy của Phật là hành sự, tư tưởng hành vi, xử sự tiếp vật, chẳng có tư hào nào trái ngược với sự

biểu hiện của Phật giáo, như thế đều là đang chuyển bánh xe pháp. Phật chuyển bánh xe pháp của Phật, Bồ Tát chuyển bánh xe pháp của Bồ Tát, Thanh Văn, Duyên Giác chuyển bánh xe pháp của Thanh Văn, Duyên Giác. Chúng sinh cũng có bánh xe pháp của chúng sinh. Ai nấy đều đang chuyển bánh xe pháp không ngừng. Sở dĩ bánh xe pháp của Phật không chướng ngại, là vì giáo lý của Phật viên dung, chẳng có nơi nào, chẳng có việc gì, mà chẳng thông đạt. Bất thối chuyển là niệm không thối chuyển, vị không thối chuyển, hành không thối chuyển.

- Niệm không thối chuyển, là chỉ có tư tưởng đại thừa, chứ chẳng có tư tưởng tiểu thừa.

- Vị chẳng thoái chuyển, là quả vị bất thoái, thời thời đều an trụ nơi quả vị Bồ Tát đại thừa, chẳng có thoái lùi về quả vị Thanh Văn, Duyên Giác nhị thừa.

- Hành chẳng thoái chuyển, là tu hành chẳng thối lùi, trước sau đều tu lục độ vạn hạnh, quyết chẳng làm tự liễu hán, hoặc làm tiêu nha bại chủng ở trong Phật giáo. Đó gọi là chuyển bánh xe pháp không thoái chuyển.

Phật tử ! Khi đại Bồ Tát đem các căn lành hồi hướng như vậy, thì vào khắp tất cả cõi Phật, nên tất cả cõi Phật thấy đều thanh tịnh. Đến khắp tất cả cõi chúng sinh, nên tất cả Bồ Tát thấy đều thanh tịnh. Nguyên khắp tất cả chư Phật xuất hiện ra cõi Phật, nên tất cả pháp giới, tất cả cõi Phật, đều có các thân Như Lai xuất hiện.

Các vị đệ tử của Phật ! Vị đại Bồ Tát tu pháp môn hồi hướng vô tận công đức tạng, khi Ngài đem đủ thứ căn lành công đức tu tập tích tụ, như Kinh văn đã nói ở trước, thì Ngài chẳng những vào nơi một cõi Phật, mà cũng vào khắp mười phương tất cả cõi nước chư Phật. Đó là vì công đức của Ngài hồi hướng, cho nên hết thảy mười phương cõi nước chư Phật cũng nhờ đó mà thanh tịnh trang nghiêm. Lại vào khắp trong hết thảy cõi chúng sinh, cũng là vì công đức của Ngài hồi hướng. Tất cả Bồ Tát cũng đều đắc được thanh tịnh trang nghiêm. Ngài lại nguyện tất cả cõi nước của chư Phật, đều có Phật xuất hiện ra đời. Tất cả pháp giới, tất cả cõi Phật, khi chư Phật xuất hiện ra đời, thì đều rất an nhiên tự tại, chẳng có chút trở ngại nào, tùy thời tùy nơi, đều hiện thân Phật.

Phật tử ! Đại Bồ Tát dùng vô tỉ hồi hướng như vậy, hướng về nhất thiết trí. Tâm của ngài rộng lớn, như hư không, chẳng có hạn lượng. Vào không thể nghĩ bàn, biết tất cả nghiệp và quả báo, thảy đều vắng lặng. Tâm thường bình đẳng, chẳng có bờ mé, vào khắp tất cả pháp giới.

Bồ Tát Kim Cang Tràng lại rất từ hoà gọi một tiếng các vị đệ tử của Phật ! Dùng để phân chấn tinh thần của thánh chúng trong pháp hội, tăng thêm sức chú ý. Ngài nói: Đại Bồ Tát tu pháp hồi hướng này, Ngài dùng pháp hồi hướng thù thắng không thể ví dụ được, chẳng có gì cao hơn được, không thể nào tăng thêm được nữa, đem căn lành

công đức tu tập, đề hồi hướng về nhất thiết trí, tức là trí huệ quả vị rốt ráo viên mãn của chư Phật. Tâm lượng cảnh giới của vị đại Bồ Tát đó, rộng lớn như hư không, do công phu tu hành của Ngài, đã đạt đến trình độ lia tướng hồi hướng, cho nên tâm của Ngài rộng lớn mà tịch chiếu không bờ mé, cũng chẳng có hạn lượng, đã vào cảnh giới tâm không thể suy tư, không thể dùng lời luận bàn. Do đó, Ngài biết được tất cả nghiệp thiện và nghiệp ác, tương lai sẽ được quả báo gì. Quả báo đó ở trong ở trong tâm ý của Bồ Tát, đều là vắng lặng. Cảnh giới đó, có thể phân làm hai phương diện mà nói: Tức cảnh giới của phàm phu và cảnh giới của Bồ Tát. Do đó biết tất cả nghiệp, là bao quát nghiệp thiện ác và đủ thứ nghiệp khác. Nghiệp thiện tức là hạnh thanh tịnh, như tu phạm hạnh, tâm từ bi đãi người tiếp vật, sẽ đắc được quả báo thiện. Nghiệp ác tức là làm những việc ô nhiễm chẳng thanh tịnh, sẽ đắc được quả báo ác. Bình thường chúng ta thường nói trồng nhân lành được quả lành, trồng nhân ác được quả ác, tu hạnh thanh tịnh thì đắc được quả trí huệ. Đó là nói về luật nhân quả, trở thành nhân quả tuần hoàn của một số phàm phu, đạo lý căn bản của sự lưu chuyển sinh tử. Tại Bồ Tát đã là ba nghiệp thanh tịnh, biết rõ tất cả nghiệp đều từ tâm mà hiện, cũng từ tâm mà diệt. Trong tâm có thì tất cả đều có. Trong tâm không thì tất cả đều không. Cho nên nói:

"Thấu rõ tức nghiệp chướng vốn không".

Nếu minh bạch được đạo lý này, thì tất cả nghiệp chướng đều là không. Nếu chẳng minh bạch, thì phải hoàn trả nợ cũ. Ở đây nói thấy đều vắng lặng, nghĩa là nói vốn chẳng có. Vì phàm phu chẳng minh bạch đạo lý này, cho

nên chẳng cần thận về gieo trồng nhân, đợi đến lúc quả báo chín mùi, thì oán trời trách người, cầu thần lạy Phật, đó lại có ích gì ? Bồ Tát cần thận lúc trồng nhân, đồng thời Ngài thấu rõ được đạo lý tánh nghiệp vốn không, thọ cũng tốt, không thọ cũng tốt, Ngài coi đều là không tịch. Bồ Tát dùng trí quán chiếu, tất cả đều tức sự khế chân, tâm niệm của Ngài tự nhiên bình đẳng, chẳng có gì khác biệt, vào khắp cảnh giới vô ngại, cho nên nói vào trong pháp giới mười phương ba đời, mà chẳng có chướng ngại.

Phật tử ! Khi đại Bồ Tát hồi hướng như vậy, thì chẳng phân biệt về cái ta, và của ta. Chẳng phân biệt Phật, và Phật pháp. Chẳng phân biệt cõi và nghiêm tịnh. Chẳng phân biệt chúng sinh và điều phục. Chẳng phân biệt nghiệp và nghiệp quả báo. Chẳng phân biệt suy nghĩ và khởi suy nghĩ. Chẳng hoại nhân, chẳng hoại quả. Chẳng lấy sự, chẳng lấy pháp. Chẳng cho rằng sinh tử có phân biệt, chẳng cho rằng Niết Bàn luôn vắng lặng. Chẳng cho rằng Như Lai chứng cảnh giới Phật, chẳng có chút pháp nào cùng ở với pháp.

Các vị đệ tử của Phật ! Đại Bồ Tát khi Ngài đem căn lành công đức tu tập, thành tâm thành ý hồi hướng về vô thượng bồ đề, chân như thật tế, pháp giới chúng sinh, thì

trong tâm của Ngài chẳng có tư hào tạp niệm phân biệt; Ngài chưa từng nghĩ đến đây là ta hồi hướng, đó là sự hồi hướng của ta. Ngài cũng chẳng phân biệt đây là ta phải cung kính Phật, kia là Phật pháp mà ta hoan hỷ tu học. Cũng chẳng phân biệt đây là cõi nước của ai, hoặc là cõi nước của Phật. Là cõi nước của Phật thì trang nghiêm và còn thanh tịnh. Ngài cũng chẳng phân biệt đây là chúng sinh thiện, hay là chúng sinh ác, ta hồi hướng cho chúng sinh này, hoặc điều phục chúng sinh kia, lợi ích họ, nhiếp thọ họ. Ngài cũng chẳng nghĩ nghiệp mà mình làm là thiện, là ác, tương lai phải đắc được quả báo gì. Vị đại Bồ Tát này tu hồi hướng, Ngài chẳng chấp vào ý nghĩ, cũng chẳng nghĩ những ý niệm đó sinh khởi như thế nào, vì Ngài biết duyên thành là vô tính, tự nhiên sẽ lìa khỏi đủ thứ vọng niệm. Ngài cũng chẳng hoại nhân, nhân có hạt giống của nhân, tùy theo tự nhiên của nó; quả cũng có quả tự nhiên thành quả báo của nó. Bồ Tát cũng chẳng chấp vọng, chấp không, dùng sự hiểu biết của Ngài "Biết dùng tức chân", chẳng ngại tồn tại, chẳng hoại giả danh. Thật tướng vô tướng, chẳng hoại nhân quả. Bồ Tát Ngài cũng chẳng thủ lấy sự tướng, cũng chẳng thủ lấy về pháp lý. Ngài cũng chẳng nói sinh tử, sinh rồi chết, chết rồi sinh, có nhiều phân biệt như thế. Ngài cũng chẳng nói Niết Bàn là vắng lặng, tất cả đều không. Ngài cũng chẳng nói Phật chứng được cảnh giới, tại sao ? Vì chẳng có chút pháp nào đắc được, cùng ở với pháp. Pháp cũng là không, cho nên thân tâm của Ngài như hư không, chẳng chấp vào tất cả cảnh giới, chẳng thủ lấy bất cứ tướng nào, cho nên nói cùng ở với pháp. Phật tức pháp giới, không nên dùng pháp giới

càng chứng pháp giới. Vì Bồ Tát chẳng có chút pháp làm trí chỗ vào, cũng chẳng có chút trí mà vào nơi như.

Phật tử ! Khi đại Bồ Tát hồi hướng như vậy, thì đem các căn lành bố thí khắp cho chúng sinh. Quyết định thành thực, bình đẳng giáo hoá, không tướng, không ngại, không xung lượng, không hư vọng, xa lìa tất cả phân biệt chấp luyến.

Các vị đệ tử của Phật ! Vị đại Bồ Tát này, khi Ngài hồi hướng như Kinh văn đã nói ở trước, Ngài lại đem các căn lành mà Ngài tu tập, bố thí hồi hướng khắp cho tất cả chúng sinh, hy vọng tất cả chúng sinh đắc được lợi ích của Ngài hồi hướng, cũng sẽ tăng trưởng căn lành của họ, có thể đắc được tính nghiệp thiện quyết định, thành thực quả báo thiện. Bồ Tát giáo hoá những chúng sinh đó, đều xem như nhau, chẳng có tâm thủ luyến xả bỏ, cũng chẳng có quan niệm oán thân. Ngài chẳng thấy tướng chúng sinh, chẳng thủ luyến sự giáo hoá, bất luận có duyên hay vô duyên, Ngài đều bình đẳng giáo hoá. Chẳng xung lượng căn tánh, chẳng phân biệt so sánh, chẳng màng tốt xấu, thông minh ngu si, thiện ác, Ngài đều giáo hoá như nhau, chẳng nói chúng sinh này tôi giáo hoá, chúng sinh kia quá xấu, quá ngu si, tôi chẳng giáo hoá. Ngài chẳng có những tâm phân biệt hư vọng, chẳng có quan niệm tư tưởng năng độ, sở độ, tướng ta, tướng người, tướng chúng sinh tác quái, Ngài đều dùng tâm chân thật bình đẳng giáo hoá. Bồ Tát xa lìa tất cả tâm phân biệt, và tâm biên kiến thủ luyến chấp trước.

Đại Bồ Tát hồi hướng như vậy rồi, đắc được vô tận căn lành. Đó là: Niệm tất cả chư Phật ba đời, nên đắc được vô tận căn lành. Niệm tất cả Bồ Tát, nên đắc được căn lành vô tận. Thanh tịnh các cõi Phật, nên đắc được căn lành vô tận. Thanh tịnh các chúng sinh giới, nên đắc được căn lành vô tận. Vào sâu pháp giới, nên đắc được căn lành vô tận. Tu vô lượng tâm đồng hư không giới, nên đắc được căn lành vô tận. Hiểu thâm sâu tất cả cảnh giới của Phật, nên đắc được căn lành vô tận. Nơi nghiệp Bồ Tát siêng năng tu tập, nên đắc được căn lành vô tận. Thấu rõ thông đạt ba đời, nên đắc được căn lành vô tận.

Đại Bồ Tát, chẳng có tâm hư vọng phân biệt như Kinh văn ở trước đã nói, chẳng chấp trước biên kiến, chẳng có thủ lấy xả bỏ chấp trước tướng ta, bình đẳng hồi hướng cho tất cả chúng sinh rồi, thì Ngài đắc được căn lành vô cùng vô tận. Vì Ngài thường niệm công đức của chư Phật mười phương ba đời, nên đắc được căn lành vô cùng vô tận. Và nữa, chẳng những Ngài thường niệm chư Phật, mà còn thường niệm tất cả các hiền Thánh Tăng trong mười phương, những vị hiền Thánh Tăng đó đều là đại Bồ Tát trong mười phương. Các Ngài thường niệm chúng sinh, đại

từ đại bi, cứu khổ cứu nạn, hành Bồ Tát đạo, cho nên vị đại Bồ Tát này, tu pháp hồi hướng cũng thường niệm từ bi của tất cả Bồ Tát đó, mà đắc được căn lành vô cùng vô tận. Lại nữa, như Ngài đem công đức tu hạnh thanh tịnh, để trang nghiêm cõi nước chư Phật, do đó cũng đắc được căn lành vô cùng vô tận. Chẳng những Ngài trang nghiêm cõi Phật, khiến cho thanh tịnh, mà Ngài cũng giáo hoá tất cả chúng sinh, khiến cho tất cả chúng sinh cũng đắc được thanh tịnh, cho nên cũng đắc được căn lành vô cùng vô tận.

Ngài chẳng những trang nghiêm cõi Phật và chúng sinh giới, Ngài còn vào sâu pháp giới, khiến cho pháp giới khắp thanh tịnh trang nghiêm, cũng đắc được căn lành vô cùng vô tận. Ngài lại tu bốn tâm vô lượng: Tâm từ vô lượng, tâm bi vô lượng, tâm hỷ vô lượng, tâm xả vô lượng, khiến cho tâm lượng chẳng có bờ mé giống như hư không, cũng đắc được căn lành vô cùng vô tận. Bồ Tát lại hiểu rõ thâm sâu cảnh giới của tất cả chư Phật, cho nên cũng đắc được vô lượng căn lành. Đối với tất cả nghiệp thiện của Bồ Tát phải tu tập, ví như phải lập công lập đức, thì phải luôn luôn siêng tu lục độ: Bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí huệ. Thiết thực tu hành lục độ, tức là nghiệp thiện của Bồ Tát. Và còn thêm phương tiện, nguyện, lực, trí, hợp lại là thập độ, do trong thập độ mà thực tiễn làm trăm hạnh, nghìn hạnh, vạn hạnh, cho nên thường nói Bồ Tát tu thập độ vạn hạnh. Bồ Tát tu thập độ này, còn gọi là thập Ba La Mật, là vì lợi ích tất cả chúng sinh.

Bồ Tát tu tập đủ thứ nghiệp thiện, không thể giải đãi, nhất định phải luôn luôn tinh tấn hành đạo, mới tài bồi thành tựu công đức lành, càng phải ngừng tất cả nghiệp ác lỗi lầm. Bồ Tát Ngài dũng mãnh tinh tấn, tinh tấn càng tinh

tấn, cho nên Ngài đặc được căn lành vô cùng vô tận. Bồ Tát lại minh bạch tất cả sự vật ba đời đã thành, đang thành và sẽ thành, như minh bạch công đức của chư Phật đời quá khứ đã thành tựu, là Phật đã thành. Minh bạch chư Phật đời hiện tại, hiện tại đang thành Phật. Minh bạch chư Phật đời vị lai, đang tinh tấn hành đạo, tương lai sẽ thành Phật. Đối với cảnh giới của tất cả chư Phật mười phương ba đời, thấy đều minh bạch. Đồng thời cũng minh bạch chúng sinh đời quá khứ, chúng sinh đời hiện tại, chúng sinh đời vị lai, chúng sinh ba đời đều có thể thành Phật. Vì thông đạt được ba đời, cho nên cũng đặc được căn lành vô cùng vô tận.

Phật tử ! Khi đại Bồ Tát đem tất cả căn lành hồi hướng như vậy, thì thấu rõ tất cả cõi chúng sinh, chẳng có chúng sinh. Hiểu tất cả các pháp, chẳng có thọ mạng. Biết tất cả các pháp, chẳng có tác giả. Ngộ tất cả các pháp, không có Bồ Già La. Thấu rõ tất cả các pháp, chẳng có phần hận tranh luận. Quán tất cả các pháp, đều từ duyên khởi, chẳng có trụ xứ. Biết tất cả sự vật, đều chẳng có chỗ nương. Thấu rõ tất cả các cõi đều chẳng chỗ trụ. Quán tất cả Bồ Tát, cũng chẳng có xứ sở. Thấy tất cả cảnh giới, đều chẳng chỗ có.

Các vị đệ tử của Phật ! Khi đại Bồ Tát, đem đủ thứ căn lành của Ngài tu tập, như phương pháp hồi hướng ở trước đã nói, Ngài minh bạch tất cả chúng sinh giới, chẳng có chúng sinh đê độ. Như Phật nói ở trong Kinh Kim Cang rằng:

"Phật diệt độ tất cả chúng sinh,
Mà chẳng có một chúng sinh được diệt độ".

Tâm cảnh này, tức là chẳng chấp trước, tức là hành sở vô sự. Bồ Tát thấu đạt đạo lý này, dù có độ hết chúng sinh trong cõi chúng sinh, Ngài cũng cảm thấy chẳng có một chúng sinh nào được độ. Bồ Tát lại thấu hiểu tất cả đều chẳng có thọ mạng, vì chẳng có chúng sinh, cho nên chẳng có một tướng chúng sinh nào. Tất cả pháp này, vốn là vô thường, vắng lặng, chẳng có thọ mạng của một pháp nào, và tướng thọ giả. Tức cũng là không có tướng ta, không có tướng người, không có tướng chúng sinh, không có tướng thọ giả. Bồ Tát cũng biết tất cả các pháp chẳng có tác giả, cũng chẳng có người chi phối thao túng. Phật nói:

Chư pháp tùng bản lai
Thường trụ tịch diệt tướng
Bất khả dĩ ngôn thuyên.

Nghĩa là:

"Các pháp từ xưa nay,
Thường trụ tướng vắng lặng,
Không thể dùng lời nói".

Đây tức là nói: "Pháp chẳng có ai làm nên". Ngộ tất cả pháp là không có Bồ Già La, dịch là "Số thủ thú". Tức là chỉ chẳng biết tu nghiệp thiện, phạm phu chẳng minh bạch

nhân quả, đều ở trong sáu nẻo luân hồi sinh tử, chết ở đây, sinh về kia. Có lúc làm người, có lúc làm súc sinh, ngựa quỳ, địa ngục, ở trong luân hồi sinh tử, tuần hoàn không ngừng. Tại tri kiến của phàm phu nhìn lại là thật có, đây là một thứ tri kiến vào lúc mê muội. Song, tại Bồ Tát dùng tri kiến giác ngộ của Ngài mà nhìn, thì là hư vọng, chẳng thật có. Ở đây có thể đưa ra ví dụ: Giống như vỡ kịch, bất quá là người trong ban diễn kịch mà thôi. Vỡ kịch kết thúc, thì tất cả đều quá khứ, huyền diệt mất. Bất quá khi diễn kịch, làm người thật, phải diễn càng thật càng tốt, như là có thật, kỳ thật đều là hư vọng, chẳng phải là chuyện có thật. Ngộ tất cả pháp, tức là giác ngộ tất cả các pháp, pháp này tức là sinh tử luân hồi của con người, chúng sinh mê vọng lấy pháp điên đảo làm chân. Một khi giác ngộ, thì sẽ không còn đi đầu thai vào các cõi khác.

Lại vì liễu ngộ tất cả các pháp, nên chẳng có phần hận tranh luận, trong tâm phần nộ lại sân hận, đó đều là vì thấy cái ta, chấp cái ta quá nặng, tự cho rằng là biên kiến dẫn khởi. Tranh luận là tranh luận thị phi, tranh luận ta người, tranh luận mạnh yếu, tranh luận hơn thua, tranh luận được mất, tất cả những tranh luận đó, đều do sự cố chấp, biên kiến, cho rằng mình là hơn hết, mà dẫn đến sự bất bình, cho nên khắp nơi đều có phần hận tranh luận, lớn thì nước này với nước nọ tranh luận, nhỏ thì người với người tranh luận, chẳng có lúc nào ngừng nghỉ.

Thật tướng của tranh luận, có thể dùng sóng trong biển làm ví dụ. Khi chẳng có sóng, thì nước trong như gương, nước với bầu trời một màu. Một khi gió nổi lên, thì làm cho nước nổi sóng, gió nhẹ thì sóng nhỏ, gió lớn thì sóng lớn. Sự tranh luận của con người cũng như thế, càng

tranh càng khốc liệt. Sóng lớn trong biển làm tàu thuyền lật, làm người chết của mất. Tranh luận ở nhân gian đến cực điểm, thì dẫn đến chiến tranh, nước mất nhà tan, tổn người mà cũng chẳng lợi cho mình. Nói về thời cận đại, đại chiến thế giới, chiến tranh giữa Trung Quốc và Nhật Bản, chiến tranh Hàn Quốc, chiến tranh Việt Nam, ai ai cũng đều biết, đó chẳng phải là do phần hận tranh luận mà phát sinh chăng ! Sự đau thảm đó, cuối cùng có lợi về ai ? Vì phần hận tranh luận, mà dẫn đến phiền não vô hạn. Tất cả các pháp nói ở đây, ở trước là chỉ về pháp sinh tử của con người, hiện tại lại nói là chỉ về pháp phiền não. Phật nói với chúng ta rằng: Chúng sinh có tám vạn bốn ngàn thứ phiền não, muốn cầu được tự tại giải thoát, thì trước hết phải dứt trừ tất cả phiền não. Mục đích tu hành là cầu giải thoát, cho nên trước hết là chúng ta phải phát nguyện:

"Phiền não vô tận thế nguyện đoạn".

Muốn dứt trừ được phiền não, thì phải từ sự và lý mà quyết định. Về sự mà nhìn, thì phạm phu vì chẳng thấu rõ tất cả các pháp, nên trong ý niệm đầy đầy tham sân si. Do tâm ích kỷ tư lợi lẫn xăn không ngừng, cho nên sinh ra vô tận phiền não, ràng buộc tâm của phạm phu. Vì chẳng thấu rõ các pháp, nên phạm phu cho đến chết mà vẫn thoát ra không khỏi sự ràng buộc của phiền não. Khi phạm phu phát tâm tu hành, thì phát hoàng thế nguyện "Phiền não vô tận thế nguyện đoạn".

Ở tại lý mà nói, thì Bồ Tát đã liễu ngộ các pháp đều là hư vọng, vì đã ngộ, cho nên phiền não chẳng còn nữa. Vì phạm phu chưa giác ngộ, nên có tất cả phiền não hư vọng không thật. Phiền não nó vốn là mặt trái của bồ đề, là một

tên khác. Một vật hai mặt có hai tên mà thôi. Cổ đức có nói:

"Chuyển phiền não thành bồ đề".

Chuyển phiền não biến thành bồ đề, thì phiền não chẳng còn nữa, hiển hiện ra tức là tâm đại bồ đề, cho nên nói phiền não chẳng phải đoạn, mà là chuyển. Ở đây có thể dùng một ví dụ. Như nước và băng, bản thể của băng tức là nước. Băng tức giống như phiền não, nước tức là bồ đề. Thời tiết âm áp ôn hoà, thì nước luôn luôn trong suốt phẳng lặng, chẳng có sóng, không thể đóng thành băng. Nếu phàm phu học Bồ Tát tu hành, thì thường trụ ở trong đạo nghiệp thanh tịnh vô vi, tự nhiên sẽ chuyển phiền não thành bồ đề, biến sinh tử thành Niết Bàn, như vậy thì còn có phần hận tranh luận, còn có phiền não gì nữa ! Đại Bồ Tát tu pháp hồi hướng, vì Ngài đã thấu đạt tất cả các pháp đều hư vọng không thật, cho nên Ngài chẳng có phần hận tranh luận.

Bồ Tát lại quán sát nguyên nhân sinh khởi của tất cả các pháp, Ngài minh bạch các pháp đều từ duyên sinh, và tùy duyên mà diệt, nhân duyên sinh ra pháp đó là không, là giả. Phật đã từng nói với các vị đệ tử:

"Nhân duyên sinh ra pháp,
Ta nói tức là không.
Cũng gọi là giả danh,
Cũng gọi nghĩa trung đạo".

Kỳ thật, không lại chẳng phải là chân không, nhưng cũng phải vì nó an trụ một tên giả, nếu minh bạch được đạo lý này, thì biết trong đó hàm chứa ý nghĩa trung đạo. Nói về trung đạo, thì chẳng không, chẳng có, chẳng rơi vào

không, cũng chẳng rơi vào có, cho nên nói: "Nhân duyên sinh ra pháp". Bồ Tát quán sát minh bạch về chân đế này, Ngài biết pháp chẳng có chỗ rơi vào cố định, pháp chẳng có bản thể, chẳng có tướng trạng, sao nó lại có trụ xứ? Đây cũng kêu mọi người đừng chấp trước. Một khi có sự chấp pháp, thì sẽ sinh ra pháp chướng ngại. Chấp trước về pháp, cũng như không có phiền não mà tự tìm phiền não. Bồ Tát lại biết tất cả mọi sự vật, đều chẳng có nơi nương tựa, đều là hư vọng, không, giả hoà hợp, sao lại có chỗ nương, cũng chẳng có chỗ tựa, đó đây đều do nhân duyên sinh ra. Nói có thể nương, đều có quan hệ liên đới với nhau, nói chẳng có chỗ nương, cũng thật tại không thể y tri. Bồ Tát lại minh bạch tất cả cõi nước, cõi Phật, cũng đều chẳng có xứ sở nhất định. Tại phạm phu mà nhìn, thì núi là núi, nước là nước, đại địa là đại địa, hư không là hư không. Song, tại bậc Thánh nhân mà nhìn, thì tất cả đều là hư vọng không thật tại, cho nên Ngài chẳng chấp trước, giống như chẳng có quan niệm về một cõi nước cố định. Khi Bồ Tát hành Bồ Tát đạo, thì Ngài chưa từng nghĩ đến Ngài đang làm công đức, đang tích tập căn lành. Ngài hành sở vô sự, vì Bồ Tát quán tất cả hạnh Bồ Tát chẳng có thật thể, tức chẳng có thật thể, thì sao lại có xứ sở, lại hà tất phải so sánh? Bồ Tát thấy tất cả cảnh giới, đều chẳng đủ dẫn đến sự chú ý của Ngài, vì Ngài đã chiếu thấy năm uẩn đều không. Bồ Tát thấy cảnh giới gì, thì Ngài minh bạch rõ ràng cảnh giới đó. Ngài chẳng những chẳng bị cảnh giới mê hoặc, mà Ngài còn chuyển biến được cảnh giới, đây tức là định lực của Bồ Tát, và sức trí huệ không chấp, không nương. Ngài minh bạch tất cả cảnh giới như huyễn, như hoá, chẳng có thể tách chân thật, cho nên nói thầy đều

chẳng chỗ có. Đạo lý này là cảnh giới công hạnh của đại Bồ Tát. Vị đại Bồ Tát này tu vô tận tạng, Ngài mới có cảnh giới này. Trong tâm mắt của phàm phu chúng ta, không thể nói như thế. Nếu nói như thế, tức là đại vọng ngữ (đại nói dối), lừa gạt người. Phàm phu nhìn tất cả đều là có, thật tại, tư tưởng của phàm phu và tư tưởng của Bồ Tát hoàn toàn khác nhau. Tâm nguyện của Bồ Tát là lợi tha, nguyện vọng của phàm phu là lợi mình. Cho nên phàm phu thấy tất cả đều là có, Bồ Tát thì thấu rõ là không, minh bạch tất cả đều là hư vọng, nên thấy tất cả đều không chấp. Không chấp thì tất cả không chỗ có; có sự chấp trước, thì cảm thấy tất cả đều là có, đều là chân thật.

Phật tử ! Khi đại Bồ Tát hồi hướng như vậy, thì mắt của Ngài chẳng thấy cõi Phật chẳng thanh tịnh. Lại cũng chẳng thấy tướng chúng sinh khác. Chẳng có chút pháp nào là chỗ vào của trí, cũng chẳng có chút trí nào mà vào nơi pháp. Hiểu thân Như Lai chẳng phải hư không, vì tất cả công đức vô lượng diệu pháp viên mãn. Vì khắp tất cả mọi nơi, khiến cho các chúng sinh tích tập căn lành thấy đều đầy đủ.

Bồ Tát Kim Cang Tràn sợ các chúng sinh ba đời chẳng chú ý, cho nên lại gọi một tiếng các vị đệ tử của Phật ! Vị Bồ Tát này tu hồi hướng vô tận công đức tạng, là vị đại Bồ Tát, khi Ngài hồi hướng như ở trên đã nói, thì trong

mắt của Ngài chẳng nhìn thấy cõi Phật chẳng thanh tịnh, vì Ngài đã thấu hiểu đơ tức không, đồng thời tâm của Ngài rất thanh tịnh, cho nên trong mắt của Ngài tất cả cõi Phật đều đã thanh tịnh, và chẳng có cõi Phật bất tịnh. Ngài lại chẳng thấy tướng khác của chúng sinh, vì chúng sinh cũng giống như không, hơn nữa chúng sinh cũng đều có đức tướng trí huệ của Như Lai, đồng với Phật không hai không khác. Bồ Tát thấy cõi Phật thanh tịnh, chúng sinh thanh tịnh, pháp cũng thanh tịnh, do đó, Ngài biết chẳng có chút pháp nào dùng trí huệ để phát giác, vì ngoài trí chẳng có vật gì có thể làm chỗ vào của trí, pháp tánh thì vắng lặng, cũng chẳng có chút trí huệ nào mà có thể vào trong pháp. Vì trí thì lặng mà thường chiếu, chẳng có gì khác biệt. Bồ Tát lại thấu hiểu thân của Phật chẳng phải là hư không, tuy nhiên thường nói thân Phật như hư không, đó là hình dung pháp thân của Phật rộng lớn, tâm lượng của Ngài như hư không, bao hàm hết tất cả. Hư không thì rộng lớn, nhưng nó thì trầm lặng, vô tri, không có linh tánh, chẳng có công đức, chẳng có diệu pháp. Thân Phật thì đầy đủ tất cả công đức, vô lượng diệu pháp viên mãn, mà thành tựu pháp thân, báo thân, hoá thân. Cho nên nói chẳng phải như hư không. Bồ Tát Ngài lại có thể ở tất cả mọi nơi, khiến cho tất cả chúng sinh, đều tích tập vô lượng đủ thứ căn lành, hết thảy tất cả căn lành đều đầy đủ viên mãn.

Phật tử ! Đại Bồ Tát này, ở trong niệm niệm, đắc được bất khả thuyết bất khả thuyết thập lực, đầy đủ tất cả phước đức, thành tựu thanh tịnh căn lành, làm ruộng

phước của tất cả chúng sinh. Đại Bồ Tát này thành tựu tạng công đức ma ni như ý, vì tùy theo sự cần dùng, tất cả đồ ưa thích thấy đều có đủ. Tùy phương hướng du hành đến, đều nghiêm tịnh tất cả cõi nước. Tùy chỗ tu hành, khiến cho bất khả thuyết bất khả thuyết chúng sinh, thấy đều thanh tịnh. Vì nhiếp lấy phước đức, tu trị các hạnh.

Các vị đệ tử của Phật ! Đại Bồ Tát này tu hồi hướng vô tận công đức tạng, Ngài ở trong niệm niệm, đắc được thập lực của Phật nhiều bất khả thuyết bất khả thuyết. Ngài đầy đủ viên mãn hết thấy phước đức của chư Phật, thành tựu căn lành thanh tịnh mà Ngài tu tập. Căn lành thanh tịnh tức là pháp xuất thế. Buông bỏ tất cả pháp nhiễm ô, mà tu hành pháp thanh tịnh xuất thế, đem căn lành tu tịnh pháp này thành tựu, tức là căn lành thanh tịnh, mà làm ruộng phước tốt cho tất cả chúng sinh, khiến cho chúng sinh ở trước Ngài cúng dường trồng phước. Vị đại Bồ Tát này, do tu pháp môn hồi hướng công đức vô tận tạng này, mà thành tựu công đức bảo tạng ma ni như ý. Công năng của tạng báu này là làm cho toại tâm như ý, biến hoá vô cùng. Chẳng có gì mà không được mãn nguyện. Nếu Ngài nghĩ muốn đủ thứ nhạc khí âm nhạc, thì lập tức sẽ đắc được. Bất cứ Ngài nghĩ muốn đi đến đâu tham quan du lãm, hoặc đến cõi Phật nào đó, để lễ bái tham phương, thì tùy thời đều sẽ đến được, mà còn khiến cho cõi nước chư Phật mà Ngài

đến, đều thanh tịnh trang nghiêm. Tùy ý Ngài muốn đến đâu, thì đều khiến cho những nơi đó, chúng sinh nhiều bất khả thuyết bất khả thuyết, đều được thanh tịnh. Tất cả cảnh giới thù thắng đó, Bồ Tát đều nhiếp lấy vô lượng vô biên phước đức, vì tu trị đủ thứ hạnh của các Bồ Tát tu hành.

Phật tử ! Khi đại Bồ Tát hồi hướng như vậy, tu tất cả hạnh Bồ Tát, phước đức thù thắng, sắc tướng không thể so sánh được. Oai lực quang minh, vượt hơn các thế gian. Ma và dân ma chẳng dám nhìn đối lập. Căn lành đầy đủ, nguyện lớn thành tựu, tâm lượng rộng lớn, đồng nhất thiết trí. Ở trong một niệm, đều có thể đến khắp vô lượng cõi Phật. Trí lực vô lượng, thấu đạt tất cả cảnh giới của chư Phật. Nơi tất cả chư Phật, đắc được tin hiểu thâm sâu. Trụ nơi vô biên trí. Tâm lực bồ đề rộng lớn như pháp giới, rất ráo như hư không.

Các vị đệ tử của Phật ! Đại Bồ Tát tu hồi hướng vô tận công đức tạng này, tu đủ thứ hạnh Bồ Tát, khiến cho Ngài đắc được vô tận phước trí, vượt hơn tất cả phước trí. Vì phước đức thù thắng, nên có ba mươi hai sắc tướng đoan nghiêm, tám mươi vẻ đẹp, không gì có thể so sánh được. Sức đại oai đức của Ngài, và trí huệ quang minh, vượt hơn tất cả phước đức oai lực và quang minh của thế

gian, khiến cho ma vương, dân chúng của chúng, chẳng dám mở mắt nhìn Bồ Tát. Khi Bồ Tát tu trị đến giai đoạn này, thì Ngài đã đầy đủ hết thảy tất cả công đức, thành tựu tất cả nguyện lớn mà Ngài đã phát. Phước đức thù thắng của Ngài, tâm của Ngài rộng lớn có thể bao thái hư, lượng của Ngài rộng khắp sa giới, trí huệ của Ngài đồng với nhất thiết trí của Phật. Ở trong mỗi niệm, có thể vào khắp cõi nước của chư Phật trong mười phương. Sức trí huệ của Ngài, không thể hạn lượng, thông đạt được cảnh giới của mười phương chư Phật. Đối với đạo lý của chư Phật chứng được, tin hiểu sâu xa không có hoài nghi, vì Ngài an trụ ở trong vô lượng trí huệ. Bồ Tát Ngài phát tâm bồ đề, rộng lớn như pháp giới, rốt ráo như hư không, chẳng có chỗ nào mà chẳng đạt đến.

Phật tử ! Đó là hồi hướng vô tận công đức tạng thứ năm của đại Bồ Tát.

Các vị đệ tử của Phật ! Kinh văn trường hàng vừa nói ở trên, là pháp môn hồi hướng vô tận công đức tạng thứ năm của đại Bồ Tát tu hành.

Đại Bồ Tát trụ nơi hồi hướng này, đắc được mười vô tận tạng. Những gì là mười ? Đó là: Được thấy Phật vô tận tạng, vì nơi một lỗ chân lông, thấy được A tăng kỳ các đức Phật xuất hiện ra đời.

Được nhập vào pháp vô tận tạng, vì dùng trí lực của Phật, quán tất cả các pháp, đều vào một pháp.

Được nhớ trì vô tận tạng, vì thọ trì tất cả pháp của Phật nói, chẳng có quên mất.

Được quyết định huệ vô tận tạng, vì khéo biết tất cả pháp bí mật phương tiện của Phật nói.

Được hiểu nghĩa lý thú hướng vô tận tạng, vì khéo biết các pháp lý thú phân đều.

Được vô biên ngộ hiểu vô tận tạng, vì dùng trí như hư không, thông đạt tất cả các pháp ba đời.

Được phước đức vô tận tạng, vì sung mãn ý của tất cả chúng sinh không cùng tận.

Được dũng mãnh trí giác vô tận tạng, vì đều trừ diệt được màng ngu si của tất cả chúng sinh.

Được quyết định biện tài vô tận tạng, vì diễn nói tất cả pháp bình đẳng của Phật, khiến cho các chúng sinh đều hiểu rõ.

Được thập lực vô úy vô tận tạng, vì đầy đủ tất cả hạnh của Bồ Tát, đến được nhất thiết trí không chướng ngại. Đó là mười.

Khi đại Bồ Tát, Ngài tu trì viên mãn pháp hồi hướng vô tận công đức tạng thứ năm rồi, liền đắc được sự lợi ích vô cùng tận, như tạng báu. Hiện tại quy nạp về mười vô tận tạng. Những gì là mười ? Bồ Tát Kim Cang Tràng thầy đều phân biệt giải thích. Mỗi thứ trước hết đều đưa ra tên mục tiêu, sau đó thuyết minh:

1. Được thấy Phật vô tận tạng: Bồ Tát tu tập viên mãn hồi hướng thứ năm, được thấy vô số lượng các đức Phật, thậm chí ở trong một lỗ lông, đều có thể thấy được các vị Phật nhiều như số A tăng kỳ, xuất hiện ra đời giáo hoá chúng sinh. Đó là biểu thị ý nghĩa tâm tánh không lớn nhỏ, một nhiều không ngại. Vì liễu ngộ, minh bạch rồi thì chuyển thức thành trí, trí tịnh ảnh rõ, cho nên có được cảnh giới này, chứ chẳng phải phạm phu dùng huyền giác của ý thức hiển hiện.

2. Được nhập vào pháp vô tận tạng: Được nhập vào nghĩa lý thâm sâu của pháp. Dùng sức trí huệ như Phật quán sát tất cả các pháp, đồng như một pháp. Quán tất cả các pháp cũng đồng như một pháp, vì Bồ Tát đã chứng biết pháp lý nghĩa thú. Hay dùng diệu huệ biết mật nghĩa của pháp, phương tiện khéo léo, quyền thật tự tại vận dụng, cho nên Ngài quán tất cả pháp đều vào một pháp.

3. Được nhớ trì vô tận tạng: Nhớ là ghi nhớ. Trì là thọ trì; thọ nơi tâm, trì nơi thân. Nhớ trì tức là nói sức trí

nhớ của mỗi người rất mạnh, lọt qua mắt không quên. Bất cứ Kinh điển gì, chỉ cần lọt qua mắt của Ngài, nhìn qua một lần, thì vĩnh viễn nhớ rõ. Phật pháp mà mười phương ba đời chư Phật đã nói, nay nói, và sẽ nói, Ngài chỉ cần nghe qua, xem qua, thì vĩnh viễn chẳng quên mất, Ngài nhất định tâm thần lãnh hội, y giáo phụng hành, cổ nhân có nói:

"Một khi lọt vào mắt
Vĩnh viễn là hạt giống đạo".

4. Được quyết định huệ vô tận tạng: Quyết định tức là có trí huệ thấy biết như thật, chẳng có sự nghi ngờ không quyết định. Bất cứ chuyện gì đến, lập tức nhận thức rõ ràng, dùng trí để quyết đoán. Trí huệ của Bồ Tát thanh tịnh, trí huệ xuất thế đệ nhất nghĩa đế, chẳng có biên kiến, ngã kiến. Trí huệ thế gian của phàm phu chẳng thuần tịnh, là một thứ ngã kiến, biên kiến, ngu si biểu hiện. Bồ Tát chẳng những có trí huệ quyết định vô cùng tận, mà Ngài còn khéo minh bạch pháp phương tiện bí mật của chư Phật nói. Pháp phương tiện là căn cứ vào cơ sở của chúng sinh, đối với sức hiểu biết của chúng sinh, mà nói ra pháp, khiến cho chúng sinh rất dễ tiếp thọ. Đó là trí huệ diệu dụng giáo hoá chúng sinh không thể thiếu khuyết.

5. Được hiểu nghĩa lý thú hướng vô tận tạng: Nghĩa là chân chánh đạo lý của pháp. Thú là thú hướng của nghĩa lý. Hiểu nghĩa thú: Là nói Bồ Tát đặc được thấu rõ minh bạch nghĩa lý của pháp sở tại. Chẳng riêng gì thấu rõ nghĩa lý thú hướng của một pháp, mà đủ thứ pháp, đủ thứ nghĩa lý, đủ thứ thú hướng. Pháp lý có đạo lý thâm áo, có đạo lý nông cạn hiển hiện dễ thấy, cùng một sự việc mà phát sinh

thời gian, địa phương, nhân vật khác nhau, khi vận dụng pháp lý phân tích thì có chỗ xuất nhập. Bồ Tát vì đắc được vô tận trí huệ hiểu rõ nghĩa lý thú hướng, nên Ngài có thể biết phân tề các lý thú. Phân tề tức là chỉ khinh trọng, noãn cấp, lớn nhỏ, sâu cạn, mà nói.

6. Được vô biên ngộ hiểu vô tận tạng: Ngộ là minh bạch, ngộ nói ở đây chẳng phải nói hiểu được một việc gì, mà là nói giác ngộ, ngàn vạn sự việc thấy đều minh bạch. Người tu hành phải luôn luôn cầu được khai ngộ, vì khai ngộ rồi, thì trí huệ thanh tịnh sẽ hiện rõ, đối với vạn sự vạn vật trên thế gian, đều thấu suốt rõ ràng. Hiểu là thấu hiểu, đối với tất cả sự việc khó khăn hoài nghi đều ngênh nhận mà giải. Bồ Tát đắc được vô biên trí ngộ hiểu, minh bạch thấu rõ chẳng có bờ mé, giống như hư không. Vì có trí huệ vô thượng này, cho nên Ngài thông đạt được pháp vi diệu thâm sâu của chư Phật mười phương ba đời nói, hết thấy đều ngộ hiểu.

7. Được phước đức vô tận tạng: Bồ Tát tu pháp hồi hướng này, hoàn toàn vì lợi ích chúng sinh. Vì chúng sinh ràng buộc ở trong sự mê hoặc, chẳng biết thoát khỏi, Bồ Tát từ bi làm đầu, cho nên đem căn lành công đức của mình tu tập, hồi hướng cho chúng sinh, một chút cũng không lưu lại, do đó Ngài đắc được phước đức vô cùng vô tận. Những phước đức đó, chẳng phải riêng mình Ngài hưởng thọ, trang nghiêm thân mình, mà là khiến cho sung mãn trong ý niệm của tất cả chúng sinh, miên miên bất tận, khiến cho chúng sinh cũng nhờ đó mà đắc được phước đức vô tận.

8. Được dũng mãnh trí giác vô tận tạng: Bồ Tát đắc được trí huệ vô thượng, thông đạt tất cả các pháp, tự mình

giác ngộ rồi, lại có thể giác ngộ chúng sinh, trừ khử ngu si của chúng sinh, vì chúng sinh tiêu diệt các nghi hoặc. Sự ngu si và nghi hoặc đó, giống như trong con mắt sinh ra một chứng bệnh màng che đậy chướng ngại sự thấy, nhìn tướng trạng của sự vật chẳng được rõ ràng. Bồ Tát dùng trí huệ giác ngộ của Ngài, vì chúng sinh trừ diệt si hoặc, tỏ ngộ chân lý, đó giống như trừ khử màng ngu si trong con mắt của chúng sinh. Bồ Tát dùng tinh thần dũng mãnh không giải đãi, giáo hoá tất cả chúng sinh, trí huệ Bát Nhã của Ngài vô cùng vô tận.

9. Được quyết định biện tài vô tận tạng: Vị Bồ Tát này tu pháp hồi hướng vô tận công đức tạng, do Ngài tu pháp hồi hướng này, mà đắc được tính quyết định biện tài vô tận tạng. Tính quyết định, tức là phải thông đạt thật tướng các pháp, mới có chân lý lập trường kiên cố, sau đó vận dụng trí huệ viên dung vô ngại, thao thao bất tuyệt, như nước chảy, chiến thắng các quân ma, hàng phục các tà luận của ngoại đạo, như thế mới chân chánh đắc được tam muội biện tài. Đại Bồ Tát tu hồi hướng công đức vô tận tạng, nên Ngài đắc được quyết định biện tài vô tận tạng này. Ngài có thể diễn nói pháp bình đẳng của mười phương chư Phật. Pháp của chư Phật nói đều là bình đẳng, hy vọng đời sau tu học Phật pháp, đừng có nhìn lệch lạc, mà khởi sự phân tranh. Khi Bồ Tát diễn bày các pháp thì, chúng sinh nghe rồi, tùy theo căn tánh của mỗi người mà đều đắc được lợi ích lớn. Mỗi người nghe pháp, đều minh bạch được nghĩa lý của Phật pháp.

10. Được thập lực vô úy vô tận tạng: Vị đại Bồ Tát này tu hồi hướng công đức vô tận tạng, do Ngài tu pháp môn này, mà đắc được vô tận tạng mười thứ lực của Phật,

bốn điều không sợ hãi. Viên mãn đầy đủ hạnh môn của tất cả Bồ Tát tu hành. Bồ Tát chứng được trí huệ, đã đạt đến cảnh giới tất cả không chướng ngại. Trí huệ vốn là do sự thanh tịnh không nhiễm mà có được, có tâm sáng suốt thanh tịnh không nhiễm, thì có trí huệ, có trí huệ thì chẳng có chướng ngại, mà thông đạt không vướng mắc. Chẳng có trí huệ là vì ngu si, thấy lệch lạc, chấp trước, cho nên ở đâu cũng bị chướng ngại.

Mười thứ trí đức tạng báu vô tận tạng vừa nói ở trên, là của vị đại Bồ Tát này tu hồi hướng công đức vô tận tạng đắc được. Sáu thứ ở trước là nói về Bồ Tát được tạng báu tự lợi. Thứ bảy, tám và chín là nói về Bồ Tát được tạng lợi tha. Tạng cuối cùng là nói về sự thành quả của Bồ Tát tu hành.

Phật tử ! Khi đại Bồ Tát đem tất cả căn lành hồi hướng, thì đắc được mười thứ vô tận tạng đó.

Bồ Tát Kim Cang Tràng lại gọi một tiếng các vị đệ tử của Phật ! Vị đại Bồ Tát này tu pháp hồi hướng công đức vô tận tạng, cho nên Ngài đắc được mười thứ vô tận tạng, chẳng phải đắc được một cách dễ dàng, là đem đủ thứ căn lành công đức của Ngài tu tập, chân tâm thành ý hồi hướng về vô thượng bồ đề, về chân như thật tế, mười phương ba đời tất cả chúng sinh, tư hào chẳng ích kỷ, chẳng lưu lại một chút nào, cho nên mới đắc được mười thứ tạng vô tận.

**Bấy giờ, Bồ Tát Kim Cang Tràng
nương thần lực của đức Phật, quán sát
khắp mười phương, mà nói kệ rằng:**

Khi Bồ Tát Kim Cang Tràng nói xong Kinh văn trường hàng hồi hướng công đức vô tận tạng thứ năm, Ngài lại nương thần lực đại oai đức của mười phương chư Phật, Phật Tỳ Lô Giá Na, và Phật Thích Ca Mâu Ni, quán sát khắp nhân duyên của tất cả chúng sinh trong mười phương ba đời, mà dùng kệ thuật lại Kinh văn trường hàng ở trên, khiến cho tất cả chúng sinh trong ba đời dễ dàng minh bạch, y pháp tu hành.

**Bồ Tát thành tựu sức tâm sâu
Khắp nơi các pháp được tự tại
Dùng sự khuyến thỉnh tùy hỷ phước
Vô ngại phương tiện khéo hồi hướng.**

Sức tâm sâu tức là sức Bát Nhã, sức trí huệ. Vì Bồ Tát này tu hồi hướng công đức vô tận tạng, Ngài tu pháp môn này thành tựu, mà đắc được tâm lực thâm sâu - sức Bát Nhã, sức trí huệ, cho nên mới có thể đối với các pháp thông đạt triệt ngộ, vận dụng tự như, thọ dụng tự tại. Các pháp tức là tám vạn bốn ngàn pháp mà Phật nói ra, đó cũng là vì đối với căn tánh của chúng sinh, cho nên dùng phương tiện khéo léo, để tiện độ chúng sinh, giáo hoá chúng sinh. Bồ Tát khéo vận dụng, cho nên nói khắp nơi các pháp được tự tại, đó là ý nghĩa linh hoạt vận dụng. Vì vị đại Bồ Tát này, thường khuyến thỉnh chư Phật thường

trụ ở đời, thường thỉnh chư Phật chuyển bánh xe pháp, lại tùy hỉ chư Phật tu tập tất cả công đức, đồng thời còn tùy hỉ các vị Bồ Tát lớn nhỏ tu tập tất cả công đức. Do khuyến thỉnh và tùy hỉ, cho nên Ngài đắc được vô lượng phước báo. Bồ Tát có trí huệ thù thắng, vô lượng phước báo, lại liễu ngộ các pháp khéo vận dụng, do đó Ngài dùng pháp môn phương tiện khéo léo viên dung vô ngại, đem tất cả căn lành công đức, hồi hướng về vô thượng bồ đề, về chân như thật tế, cho pháp giới tất cả chúng sinh.

Ba đời hết thấy các Như Lai Nghiêm tịnh cõi Phật khắp thế gian Hết thấy công đức đều đầy đủ Hồi hướng cõi tịnh cũng như vậy.

Ba đời: Đời quá khứ, đời hiện tại, và đời vị lai. Ở trong ba đời này, mười phương vô lượng chư Phật, cõi nước của các Ngài ở, đều thanh tịnh trang nghiêm. Cõi Phật đó chẳng phải tại một nơi, mà là đầy khắp mười phương thế giới. Vị đại Bồ Tát này tu hồi hướng công đức vô tận tạng, đủ thứ công đức mà Ngài tu tập, thấy đều viên mãn đầy đủ, chẳng có sự thiếu khuyết nào, cũng như vậy đầy đầy khắp cõi Phật trong mười phương ba đời, đem hết thấy những công đức đó, hồi hướng cho mười phương ba đời chư Phật, trang nghiêm thanh tịnh cõi nước của chư Phật.

Ba đời hết thấy các Phật pháp Bồ Tát thấy đều suy gồm kỹ

Dùng tâm nhiếp lấy không dư thừa Như vậy trang nghiêm các cõi Phật.

Đại Bồ Tát tu pháp hồi hướng vô tận công đức tạng, Ngài đối với pháp của mười phương ba đời chư Phật nói ra, đều thông đạt được chân lý, y theo pháp tu trì, tĩnh niệm suy gẫm ý nghĩa chân thật của các pháp. Ngài dùng trí huệ của Ngài nhiếp thọ hết thảy, chẳng có thiếu sót dư thừa. Ngài đối với các pháp chẳng có biên kiến chấp trước, cũng chẳng phân biệt pháp này cao, pháp kia chẳng rốt ráo. Ngài chẳng nghĩ: Đây là pháp lớn, tu hành pháp môn này thì có công đức, có thể thấy Phật, có thể thành Phật. Kia là pháp nhỏ, tu chẳng có lợi ích gì. Bồ Tát chẳng chấp trước, chẳng có tâm phân biệt. Phạm là pháp của chư Phật nói ra, Ngài đều một lòng chuyên chú nhiếp lấy chẳng dư thừa. Đem căn lành công đức của Ngài tu tập, trang nghiêm cõi nước của mỗi vị Phật.

Tận nơi ba đời hết thảy kiếp Khen một cõi Phật các công đức Ba đời các kiếp có thể hết Cõi Phật công đức không cùng tận.

Bồ Tát dùng thời gian số kiếp ba đời, để khen ngợi công đức của một cõi Phật. Kiếp số ba đời, tại phạm phu nhìn tuy nhiên là rất lâu dài, nhưng nó vẫn có lúc sẽ hết, còn công đức của Phật chẳng cùng tận, suốt thuở kiếp vị lai cũng khen ngợi không hết được. Khen ngợi công đức của cõi Phật có được, cũng vô cùng vô tận.

**Như vậy tất cả các cõi Phật
Bồ Tát đều thấy chẳng dư thừa
Đều dùng trang nghiêm một cõi Phật
Tất cả cõi Phật đều như vậy.**

Ở trong hư không có các cõi Phật nhiều như số các sông Hằng, vị Bồ Tát này tu pháp hồi hướng công đức vô tận tạng, dùng cảnh giới vô ngại của Ngài tu trì đắc được, chẳng có một cõi Phật nào mà chẳng nhìn thấy được. Chẳng phải Ngài trang nghiêm một cõi Phật, thì cho rằng đã mãn nguyện, mà là muốn trang nghiêm hết thấy cõi Phật, khiến cho cõi nước của mỗi vị Phật đều thanh tịnh trang nghiêm như vậy.

**Có các Phật tử tâm thanh tịnh
Đều từ pháp Như Lai hoá sinh
Tất cả công đức trang nghiêm tâm
Tất cả cõi Phật đều sung mãn.**

Các vị đệ tử của Phật, tâm của các Ngài đều thanh tịnh quang minh, vì các Ngài từ chỗ Phật nghe pháp, y giáo tu hành, đắc được tam muội văn tự tu, xả bỏ đi tất cả ô nhiễm trong quá khứ, đắc được thân tâm thanh tịnh, giống như từ trong Phật pháp của Phật hoá sinh ra. Tâm trí huệ thanh tịnh quang minh của các Ngài, là do căn lành công đức tu tập trang nghiêm mà thành tựu. Trong cõi Phật sung mãn Phật tử tâm thanh tịnh, cũng như vậy trong tất cả cõi Phật sung mãn vô lượng công đức.

**Các Bồ Tát đó đều đầy đủ
Vô lượng tướng tốt trang nghiêm thân
Biện tài diễn nói khắp thế gian
Ví như biển cả không cùng tận.**

Ở trong cõi nước của tất cả chư Phật, đều có vô lượng vô số các đại Bồ Tát. Những Bồ Tát đó mỗi vị đều có tướng tốt trang nghiêm thân mình, chẳng những tướng tốt trang nghiêm, mà còn đầy đủ biện tài vô ngại, có thể diễn nói tất cả Phật pháp, đến khắp mỗi thế gian, giáo hoá tất cả chúng sinh. Giống như biển cả có dung lượng vô cùng vô tận, và cảnh giới sâu không thể dò được.

**Bồ Tát an trụ các tam muội
Tất cả chỗ làm đều đầy đủ
Tâm Ngài thanh tịnh chẳng ai bằng
Quang minh chiếu khắp mười phương cõi.**

Tâm của Bồ Tát thường an trụ ở trong đủ thứ tam muội, chẳng thọ cảnh giới bên ngoài làm nhiễu loạn. Bồ Tát tu lục độ vạn hạnh, thấy đều đầy đủ viên mãn, tự giác giác tha, tự độ độ tha. Tâm của Bồ Tát chẳng có chút tạp niệm nào, cũng chẳng có chút nhiễm ô nào, tâm của Ngài thanh tịnh chẳng có gì có thể so sánh bằng. Trí huệ quang minh của Ngài có thể chiếu đến khắp mười phương pháp giới.

**Các cõi Phật như vậy không thừa
Các Bồ Tát đó đều đầy khắp**

Chưa từng nghĩ nhớ Thanh Văn thừa Cũng lại chẳng cầu đạo Duyên Giác.

Cõi Phật thanh tịnh lại trang nghiêm như ở trên vừa nói, đầy khắp tận hư không biến pháp giới. Các Bồ Tát đó đều đầy đầy ở trong mỗi cõi Phật. Các Ngài đều tu đại thừa lục độ vạn hạnh, hành Bồ Tát đạo, chưa từng nghĩ thối chuyển để tu pháp môn Thanh Văn thừa. Cũng không vọng tưởng thay đổi cầu đạo Duyên Giác thừa. Các đại Bồ Tát từ đầu đến cuối phát tâm đại bồ đề, chẳng sợ khổ nạn, cũng chẳng khạo lự số kiếp xa vời, cũng chẳng hấp tấp cầu chứng quả vị Phật, để vào Niết Bàn. Bồ Tát một lòng một dạ phổ độ chúng sinh, chẳng nhớ đến lỗi xưa của chúng sinh, cũng chẳng xả bỏ chúng sinh khó độ, cho nên nói tâm Bồ Tát như tâm của mẹ hiền.

Bồ Tát tâm thanh tịnh như vậy Căn lành hồi hướng các quần sinh Khéo muốn khiến họ thành chánh đạo Biết rõ đầy đủ các Phật pháp.

Tâm của Bồ Tát từ bi như thế, thanh tịnh vô vi như thế, bình đẳng vô tư như thế, rộng lớn như thế. Bồ Tát đối với tâm ý của chúng sinh, có lòng từ ái vĩ đại nói không hết được. Ngài đem căn lành công đức của mình tu tập, thấy đều hồi hướng cho tất cả chúng sinh, tư hào chẳng lưu lại. Dụng tâm của Ngài chẳng phải giao hảo tốt với chúng sinh, khiến cho họ cảm kích Ngài, cúng dường Ngài, mà là mục đích của Ngài hy vọng mỗi chúng sinh đều đắc được lợi ích của Ngài hồi hướng, để sớm thành Phật đạo, và minh bạch

tất cả Phật pháp của chư Phật nói, biết y giáo phụng hành, thiết thực y chiếu đạo lý của chư Phật nói, làm đệ tử Phật tâm địa thiện lương, phẩm đức tốt đẹp, hành vi đoan chánh.

**Mười phương hết thấy các ma oán
Oai lực Bồ Tát đều phá tan
Dũng mãnh trí huệ không ai bằng
Quyết định tu hành pháp rất ráo.**

Chúng sinh có bao nhiêu, thì ma có bấy nhiêu. Phật có bao nhiêu, thì ma cũng có bấy nhiêu. Cổ Đức có nói:

"Đạo cao một thước,
Ma cao một trượng.
Đạo cao một trượng,
Ma ở trên đầu".

Mỗi người tu hành, phải trải qua mấy phen tu luyện, mới có thể biết vượt qua được sự khảo nghiệm hay không, nếu không vượt qua được sự thử nghiệm, thì không thể nào thành Phật. Muốn thành Phật, thì trước hết phải trải qua sự khảo hạch của ma vương, nhận thức rõ ràng sự khác biệt giữa Phật và ma, thì tự nhiên sẽ chuyển biến cảnh giới ma làm cảnh giới Phật. Giả như muốn có phước báo tốt, thì trước hết phải thọ đủ thứ khốn khổ hoạn nạn. Mười phương thế giới đều có Phật, mười phương thế giới cũng đều có ma. Kỳ thật, ma cũng trợ giúp người thành đạo, bất quá phương hướng dẫn đạo của chúng khác nhau, chúng thì trợ giúp người mặt trái. Chúng dùng phương pháp dẫn dụ để mê hoặc bạn, khảo nghiệm bạn, tại chỗ quan hệ này, nếu nhận rõ nghiệp thiện ác, chẳng bị dẫn dụ, chẳng bị mê

hoặc, thì sẽ chẳng làm con của ma, dân của ma, sẽ thoát khỏi phạm vi các ma oán. Đại Bồ Tát tu pháp hồi hướng công đức vô tận tạng, Ngài thành tựu sức thần thông đại oai đức, hàng phục được, tiêu diệt được hết sạch tất cả ma oán. Bồ Tát có sức oai thần dũng mãnh kiên cường, chẳng có ai có thể thắng hơn đại trí huệ của Ngài, cho nên Ngài quyết định phải tu hành chánh pháp. Đại pháp chân chánh viên dung vô ngại, tức là Phật pháp rốt ráo.

**Bồ Tát đem sức nguyện lớn này
Hồi hướng hết thảy chẳng chướng ngại
Vào nơi vô tận công đức tạng
Khứ lai hiện tại thường vô tận.**

Phàm là tu hạnh Bồ Tát, thì nhất định phải phát nguyện lực lớn. Nguyện lực lớn là gì ? Tức là luôn chẳng xả bỏ chúng sinh. Bồ Tát ở trong số kiếp lâu dài, theo chúng sinh lai vãng ở trong biển sinh tử, bất quá Ngài cũng nương theo nguyện lực để thực hành. Bồ Tát đời quá khứ, Ngài đã phát ra nguyện lớn. Bồ Tát đời hiện tại đang phát nguyện lớn hành Bồ Tát đạo. Bồ Tát đời vị lai cũng sẽ phát nguyện lực lớn. Chẳng có nguyện lớn nào mà chẳng chảy vào Bồ Tát. Vị đại Bồ Tát này tu hồi hướng công đức vô tận tạng, căn cứ vào nguyện lớn của Ngài đã phát mà tu pháp môn hồi hướng này, đem căn lành công đức vô tận của Ngài đã tu tập, thảy đều hồi hướng cho tất cả chúng sinh, chẳng lưu lại chút nào. Do công đức hồi hướng này, mà vào nơi công đức tạng báu vô tận. Đây là chẳng có thời gian hạn chế, quá khứ, hiện tại, vị lai. Hồi hướng của Ngài chẳng có hạn lượng, công đức của Ngài vô cùng vô tận.

**Bồ Tát khéo quán các pháp hành
Thông đạt tánh đó chẳng tự tại
Tức biết các pháp tánh như vậy
Chẳng vọng lấy nghiệp và quả báo.**

Vị đại Bồ Tát này tu hồi hướng vô tận công đức tạng, Ngài khéo quán sát đủ thứ pháp môn tu hành, Ngài minh bạch thông đạt hết thấy tất cả pháp đều là vô thường, đều là pháp sinh diệt, cho nên nói Ngài thông đạt được tánh của nó là chẳng tự tại. Tức nhiên đã biết pháp tánh của các pháp là khổ, không, vô thường, vô ngã, cho nên Bồ Tát chẳng vọng sinh tâm phân biệt, để phân biệt nghiệp thiện nghiệp ác, cũng do đó chẳng có quả báo nghiệp thiện ác.

**Chẳng có pháp sắc pháp vô sắc
Cũng chẳng có tướng không không tướng
Pháp có pháp không thấy đều không
Biết rõ tất cả không chỗ được.**

Chẳng có pháp sắc, cũng chẳng có pháp vô sắc. Pháp sắc tức là pháp năm uẩn, bao quát sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Sắc thì có hình thể, thọ, tưởng, hành, thức, thì không có hình thể, đều là không, là giả. Bồ Tát hiểu được đạo lý này, ở trong mắt của Ngài, vốn chẳng có pháp sắc năm uẩn và quan niệm pháp không sắc. Chẳng có tướng uẩn, cũng chẳng có lối nhìn về tướng uẩn. Bất cứ là pháp hữu vi, hoặc là pháp vô vi, đều là không, là huyễn. Nếu như minh bạch được tất cả pháp đều là không, chẳng có tướng, thì càng chẳng có điều gọi là nguyện. Trí và đức cũng là hư

không. Do đó "Vô trí diệt vô đắc", trong Tâm Kinh nói rất là thấu triệt.

**Tất cả các pháp nhân duyên sinh
Thể tánh chẳng có cũng chẳng không
Mà nơi nhân duyên và chỗ khởi
Trong đó rất ráo chẳng chấp trước.**

Hết thấy tất cả các pháp, bất luận là pháp năm uẩn, mười hai nhân duyên, và pháp bốn đế .v.v...đều từ nhân duyên sinh ra. Pháp từ nhân duyên sinh ra, thể tánh của nó chẳng có, cũng chẳng không, do đó, không thể nói nó có, cũng không thể nói nó không có. Tóm lại:

"Các pháp từ duyên sinh,
Các pháp từ duyên diệt".

Nó chẳng phải là pháp hữu vi, cũng chẳng phải là pháp vô vi, nó chỉ là tùy nhân duyên mà sinh diệt. Do đạo lý đó, nên ở trong các thứ pháp đừng sinh ra tâm chấp trước, tự mình vây khốn mình.

**Tất cả chúng sinh nơi ngôn ngữ
Trong đó rất ráo chẳng chỗ được
Biết rõ danh tướng đều phân biệt
Thấu hiểu các pháp đều vô ngã.**

Đủ thứ chúng sinh, có đủ thứ ngôn ngữ. Ngôn ngữ thì chẳng có tướng, là không, như muốn truy cứu chỗ thật tại của ngôn ngữ, thì chẳng có chỗ đắc được. Nếu bạn mình

bạch được tất cả sự vật có tên, có tướng, nó là do phân biệt mà thành, thì tự nhiên sẽ biết rõ tất cả pháp đều là vô ngã.

**Như tánh chúng sinh vốn vắng lặng
Biết rõ tất cả pháp như vậy
Nhiếp lấy ba đời không thừa sót
Cõi và các nghiệp đều bình đẳng.**

Tất cả bản tánh của chúng sinh, vốn đều là vắng lặng. Căn cứ vào đạo lý này, thì sẽ minh bạch được hết thấy tất cả đủ thứ pháp, đều cùng một đạo lý như nhau. Nhìn về thời gian ba đời, thì tựa như khác nhau, nhưng nó nhiếp lấy tất cả pháp đồng nhau không có sót thừa. Bất luận là cõi Phật, hoặc nghiệp thiện ác chúng sinh tạo ra, đều là bình đẳng.

**Dùng trí như vậy mà hồi hướng
Tuỳ theo ngộ hiểu phước nghiệp sinh
Các phước tướng đó cũng như hiểu
Sao lại trong đó có chỗ được ?**

Dùng trí huệ vô thượng như đã nói ở trên, để hồi hướng cho tất cả chúng sinh, tuỳ theo sức ngộ hiểu mình bạch tất cả các nghiệp, tất cả quả báo của mình, mà không chấp trước vào nơi pháp, chẳng bị khốn ở trong các nghiệp và quả báo, thì tâm ý tự nhiên tự tại, phước nghiệp tuỳ theo đó mà sinh ra. Đối với điều gọi là tướng tất cả phước đức, cũng hiểu rõ nó là như huyễn, như bọt bóng. Nghiệp chướng vốn cũng là hư vọng không thật, ở trong trí giải

này thông đạt vô ngại, lại có thể tìm ra cái gì ? Lại có thể đắc được cái gì ?

**Hồi hướng như vậy tâm không dơ
Vĩnh chẳng xưng lượng các pháp tánh
Thông đạt tánh nó đều chẳng tánh
Chẳng trụ thế cũng chẳng xuất thế.**

Vị đại Bồ Tát này, tu pháp hồi hướng vô tận công đức tạng, khi Ngài đem căn lành tu tập hồi hướng cho tất cả chúng sinh, thì dùng tâm thanh tịnh của Ngài để hồi hướng. Ngài tu hạnh thanh tịnh, diễn nói pháp thanh tịnh. Dùng pháp thanh tịnh để giáo hoá chúng sinh điên đảo trong đời ác năm trước. Tuy Bồ Tát bao kiếp giáo hoá những chúng sinh điên đảo đó, nhưng bản tánh của Bồ Tát trước sau vẫn thanh tịnh, chẳng có chút nhiễm ô nào. Ngài liả khỏi tất cả lỗi ác, vĩnh viễn chẳng làm điều ác, mà tu tất cả các nghiệp lành, quyết không bị cảnh giới chuyển biến. Bồ Tát dùng trí huệ và định lực thù thắng, tùy duyên không thay đổi, không thay đổi mà tùy duyên, cho nên nói khi Ngài tu hồi hướng, thì tâm của Ngài không dơ. Chữ dơ ở đây cũng có thể nói là chấp trước. Nếu có sự chấp trước, thì sẽ sinh ô nhiễm. Nếu chẳng có sự chấp trước, thì sẽ thanh tịnh. Vì Bồ Tát chẳng chấp trước, nên chẳng thấy cái ta, chẳng sinh tâm phân biệt, chẳng nói: "Pháp này có rất nhiều ưu điểm, pháp kia chẳng tốt ráo, có nhiều khuyết điểm. Pháp này giá trị cao, có phân lượng của nó, pháp kia chẳng có giá trị, chẳng đáng được học tập". Bồ Tát chưa từng phê bình như thế, chẳng suy lường những việc vô vị như vậy, cũng chẳng dùng lời lẽ để luận nghị độ lượng bản

tánh của các pháp. Vì bản tánh của các pháp, vốn là vắng lặng. Tức biết nó là vắng lặng, sao lại xung lường, độ lường nó. Tâm của Bồ Tát chẳng có thành kiến điên đảo, thì đương nhiên sẽ chẳng sinh ra vọng niệm điên đảo. Bồ Tát sớm đã minh bạch thông đạt các pháp, đều chẳng có một thể tánh chân thật, tên giả an lập, là một thứ phương tiện khéo léo mà thôi. Pháp này, có cũng chẳng phải thường trụ tại thế gian, cũng chẳng phải gọi là xuất thế. Phật ta đại Sa Môn, sớm đã đối với các đại đệ tử nói:

"Các pháp từ duyên sinh,
Thường trụ tướng vắng lặng,
Không thể dùng lời nói".

Dù các đệ tử đã phá được ngã chấp, lại mê nơi pháp chấp. Cho nên người tu học Phật đạo, nhất định phải xa lìa tất cả sự chấp trước, phải lìa ngã chấp và pháp chấp.

Chẳng trụ thế cũng chẳng xuất thế, tức là nói không nên có sự chấp trước về pháp. Gì gọi là ngã chấp ? Ví như một số người, đều nói: "Đây là ta, đó là của ta, của tôi làm, tất cả của tôi đều tốt, tôi là đệ nhất". Một khi có tư tưởng là đệ nhất, thì không thể nào thoát khỏi biển khổ sinh tử được, vì có sự chấp trước. Phiền não thống khổ đều do sự chấp trước mà ra, khởi hoặc tạo nghiệp, đều ảnh hưởng đến sự chấp trước, mà tạo ra việc ác, trồng xuống nhân ác. Muốn cầu được bình an tự tại, thì đừng tranh giành hơn thua, tranh đệ nhất, mà phải buông bỏ chấp trước cái ta, chẳng có tư tưởng gì về đệ nhất, đệ nhị, đệ tam. Càng minh bạch về các pháp vô thường, không có tự tánh, pháp cũng không thể chấp trước. Ta và pháp hai chấp đều không, chẳng có tồn tại, đó là cảnh giới của Bồ Tát.

**Tất cả chỗ làm các nghiệp lành
Đều đem hồi hướng các quần sinh
Thấy đều thông đạt thật tánh kia
Hết thấy phân biệt đều trừ bỏ.**

Tất cả chỗ làm các nghiệp lành: Bao quát đủ thứ nghiệp lành của Bồ Tát tu tập về phương diện ba nghiệp lành thân miệng ý, như lập công, lập đức, lập ngôn, lập hạnh. Công của Bồ Tát lập, là Ngài làm được những gì đều hồi hướng cho chúng sinh, khiến cho chúng sinh đắc được lợi ích đó mà tăng trưởng căn lành. Đức hạnh, đức tính và ân đức của Bồ Tát lập, là Ngài chẳng tự cho mình được, cũng hồi hướng cho tất cả chúng sinh. Lời nói của Bồ Tát chẳng hư vọng, chẳng dối trá, chẳng điêu ngoa, nói ra câu nào cũng đều sự thật, tốt lành, chẳng có lời nói nào mà chẳng vì lợi ích của chúng sinh mà nói. Hành vi của Bồ Tát càng tử tế cẩn thận, mỗi cử chỉ hành động, lời nói việc làm, đều có ý nghĩa, làm mô phạm tốt nhất cho chúng sinh. Bồ Tát vì giáo hoá chúng sinh, chẳng kể gì gian nan, chẳng kể gì số kiếp. Trong tâm mắt của Bồ Tát chỉ có thiện, chẳng có ác. Do đó Ngài tự nhiên làm các điều lành, bất cứ việc ác gì Ngài cũng không làm. Bồ Tát làm lành, chẳng kể gì lớn nhỏ, chẳng tự khoe khoang mình, chẳng cầu danh văn lợi dưỡng. Cho đến Ngài thấy việc ác, dù nhỏ Ngài cũng không làm; dù đối với Ngài có lợi Ngài cũng không làm, cho nên nói Bồ Tát là:

"Làm các điều lành,
Không làm các việc ác".

Cũng vì như vậy, mà Ngài đối với ba nghiệp:

- Thân: Không giết hại, không trộm cắp, không tà dâm.

- Miệng: Không nói dối, không nói thêu dệt, không nói hai lưỡi, không chưởi mắng.

- Ý: Không tham, không sân, không si.

Đó tức là mười nghiệp lành mà Bồ Tát giáo hoá chúng sinh tu học. Bồ Tát đem tất cả căn lành công đức của Ngài tu tập, thầy đều hồi hướng cho hết thầy chúng sinh. Bồ Tát đối với tánh chân thật của nghiệp thiện đó, chẳng có chút nào mà Ngài không minh bạch. Do đó điều thiện là vui nhất, cho nên Ngài đem nghiệp thiện hồi hướng cho chúng sinh. Bồ Tát có tâm lượng như thế, là vì Ngài chẳng còn tâm phân biệt giữa ta và người nữa, Ngài xem chúng sinh với mình đều là một thể. Ngài ôm hoài bảo vô duyên đại từ, chẳng màng có duyên hay không có duyên, Ngài đều dùng tâm đại từ đối đãi người. Tâm từ hay ban niềm an vui cho người. Đồng thể đại bi, Ngài nhận thấy rằng tất cả chúng sinh và mình đều như nhau, đó đây chẳng có gì khác biệt, trong tâm của Ngài chưa từng có tư tưởng phân biệt cho rằng mình là Bồ Tát, họ là chúng sinh, ta với họ chẳng giống nhau. Bồ Tát Ngài cảm thấy mọi người trên toàn thế giới đều là một thể. Chúng sinh trên toàn thế giới cũng là một thể. Đủ thứ chúng sinh trong pháp giới, đều là một thể, như thể mới là chân chánh thông đạt thật tánh của người, ta, và chúng sinh.

**Hết thầy tất cả thấy hư vọng
Thầy đều xả bỏ chẳng sót thừa
Lìa các phiền não luôn mát mẻ**

Trụ nơi giải thoát bậc vô ngại.

Trên thế gian đầy đầy đủ thứ việc hư vọng không thật, mỗi người đều có tri kiến của chính mình, do đó mà xảy ra sự tranh giành, ai nấy đều có lòng tư dục, tham sân si, đầy đầy khắp vũ trụ, khiến cho con người chẳng thấy được quang minh, chẳng được mát mẻ, chỉ có Bồ Tát mới xả bỏ được không sót thừa tất cả hư danh, lợi giả, sinh tử, hư vọng, khiến cho con người đoạ lạc, năm dục tài, sắc, danh, ăn, và ngủ, ràng buộc con người. Do đó, trí huệ chân thật của Ngài mới hiển hiện ra. Nếu tri kiến hư vọng đó chẳng buông xả đặng, ràng buộc chẳng được giải thoát, thì trí huệ chân thật đó, tuyệt đối không hiện ra. Cho nên tôi thường nói với mọi người rằng:

"Bỏ chẳng được cái giả
Chẳng thành tựu được cái thật.
Bỏ chẳng được cái chết
Chẳng đời được cái sống".

Ai ai cũng đều sợ chịu khổ, chỉ tham đồ hưởng thụ, tôi đối với họ nói:

"Chịu khổ thì hết khổ,
Hưởng phước thì hết phước".

Nghĩ muốn hưởng phước, nghĩ muốn chấm dứt sinh tử, thì bạn phải buông xả hư vọng. Còn nếu không thể buông xả hư vọng, thì cái chân thật đó vĩnh viễn chẳng thể nào đắc được. Tại sao ? Vì bạn cứ chạy đuổi theo cái hư vọng, thì làm sao nhận thức được bộ mặt chân thật ? Nghĩ muốn minh bạch đạo lý chân thật, thì trước hết hãy mau buông bỏ tri kiến hư vọng, giải thoát khỏi sự ràng buộc của

năm đục. Lìa các phiền não luôn mát mẻ, các phiền não, tức là rất nhiều phiền não. Phiền não có bao nhiêu ? Đại khái có tám vạn bốn ngàn thứ phiền não. Tuy có nhiều phiền não như vậy, nếu như bạn buông bỏ được nó, thì sẽ mát mẻ. Lìa khỏi được tất cả phiền não, thì luôn luôn sống ở trong sự mát mẻ. Giống như ban ngày trời nóng như thiêu, khi ban đêm đến thì trời trở lại mát mẻ.

Phiền não của con người, tức là nhiệt não, nhiệt não làm cho tâm ý khó chịu, đứng ngồi không yên. Ai kêu bạn sinh phiền não ? Kỳ thật, đều do mình mà ra. Thấy cái ta quá nặng, có chút gì không được toại tâm như ý, thì nóng giận, hung dữ giống như cọp ra oai, làm cho người khác không an, mình cũng chẳng có lợi gì. Lìa, tức là lìa bỏ, cũng có thể nói là biến đổi. Chuyển biến như điều được gọi là "chuyển phiền não thành bồ đề", chuyển biến được phiền não, cũng sẽ luôn luôn mát mẻ. Bồ Tát Ngài chẳng còn phiền não nữa, cho nên Ngài luôn trụ ở trong sự mát mẻ, thường ở nơi giải thoát viên dung vô ngại. Gì gọi là giải thoát ? Giải thoát là nói thân tâm của bạn bị một vật gì đó trói buộc, hiện tại cởi mở ra vật trói buộc bạn. Sự trói buộc con người có một thứ hữu hình, người khác có thể mở giải trừ cho bạn. Có một thứ là vô hình, như phiền não trói buộc nội tâm, tinh thần, đây thì người khác không cách chi giải trừ thế cho bạn, cũng chẳng phải người khác thêm vào cho bạn, đây phải tự chính mình giải thoát.

Trước kia có một người tu hành, hướng một vị lão tu hành thỉnh cầu chỉ bày cho Ngài phương pháp giải thoát, nói:

- "Xin hỏi thượng toạ, phải làm như thế nào mới được giải thoát ?"

- Lão tu hành hỏi lại ông ta: "Ai trói buộc người?"

Vị đó nghe, trong tâm nghĩ: "Ai trói buộc ta, tại sao ta phải giống như con tằm, tự mình trói buộc mình?" Do đó ông ta lập tức khai ngộ, liền đắc được giải thoát. Bạn có thể không quái, không ngại, không người, không chúng sinh, không thọ mạng, đó tức là giải thoát, tức cũng là chẳng chấp ta, chẳng chấp pháp, chẳng chấp tất cả như ở trước đã nói, tức là giải thoát. Tại sao con người chẳng đắc được giải thoát? Là vì chấp ta quá nặng, vật này của ta, thân thể của ta, nhà cửa, tài sản, đều là của ta, như vậy làm cho mình bị mê hoặc, nên chẳng đắc được giải thoát. Nếu biết được tất cả đó đều là giả, đều là pháp hữu vi, đều như mộng huyễn bọt bóng, như sương cũng như điện, thì ai có thể trói bạn được? Bạn muốn lên trời vào trong đất, đến phương đông, phương tây, đến Âu Châu, không cần mua vé, đến Á châu không cần ngồi máy bay, muốn đi đâu cũng được, thật là an nhiên tự tại. Giống như vậy, thì đến được bậc giải thoát vô ngại. Do đó, còn có gì để cầu, còn có gì để chấp trước? Gì cũng đều buông bỏ. Buông bỏ chân tâm Phật tự thành, còn đi đến đâu để cầu thành Phật đạo? Buông bỏ được tất cả, thì còn có cái ta sao? Cái ta đều chẳng còn, thì còn có phiền não gì để lìa? Tướng ta chẳng không, nghĩ chẳng thấu, nhìn chẳng thủng, buông bỏ chẳng đặng tất cả, nên chẳng được tự tại. Phải nhìn xuyên thủng tất cả, buông bỏ được, thì lúc đó pháp giới đều thuộc về bạn, còn có gì để tham cầu?

**Bồ Tát chẳng hoại tất cả pháp
Cũng chẳng diệt hoại tánh các pháp**

Hiểu rõ các pháp như tiếng vang Đối với tất cả chẳng chấp trước.

Vị đại Bồ Tát này tu hồi hướng vô tận công đức tạng, Ngài đối với các pháp thấy đều thông đạt, Ngài biết tất cả các pháp đều không có hình tướng, chẳng có bản thể. Tức nhiên chẳng có vật trừ tượng của thể tướng, lại có gì để phá hoại ? Lại làm thế nào để khiến cho nó hoại ? Những chúng sinh điên đảo mê hoặc, họ biến pháp tốt thành pháp hoại, biến pháp lành thành pháp chẳng lành. Kỳ thật, bản tánh của pháp chẳng bị biến mất, tốt vẫn là tốt, thiện vẫn là thiện. Song, vì tất cả trên thế gian đều là biểu hiện của pháp, nếu bạn thuận theo pháp lành mà làm, thì biểu hiện là pháp lành. Nếu bạn chẳng chiếu theo pháp lành mà làm, thì đó là biểu hiện pháp hoại pháp chẳng lành. Chúng sinh tệ liệt nhiều, thường thường làm việc điên đảo, chẳng y theo pháp tắc, nhìn lại giống như biến thành pháp hoại, đó chỉ là chúng sinh khởi hoặc, tạo nghiệp, mà bản thể của pháp chẳng vì chúng sinh khởi hoặc, tạo nghiệp mà có sự biến đổi. Tất cả hành động của Bồ Tát, nói năng động tĩnh, chẳng có chỗ nào chẳng phải là y pháp tu hành, đó làm sao hoại tất cả pháp ! Cho nên nói Bồ Tát chẳng hoại tất cả pháp, chẳng trái ngược với tất cả pháp. Tức chẳng hoại, chẳng trái ngược, tức cũng là không thể diệt hoại bản tánh của các pháp. Bồ Tát thì hộ trì tất cả pháp, xiển minh hoằng dương tất cả pháp, tinh tấn siêng tu tất cả pháp, cho nên Ngài chẳng phá hoại tổn diệt bản tánh của các pháp. Bồ Tát minh bạch tất cả các pháp, giống như bạn đánh một vật gì phát ra tiếng vang. Nếu bạn chẳng đánh, thì chẳng phát ra tiếng vang, một khi đánh thì có tiếng vang

phát ra. Giống như đại hồng chung, đánh thì kêu. Lại như cây cối, vì bị gió thổi mà phát ra tiếng kêu. Lại như sóng biển, gặp gió lớn thì nước bị gió kích động, nó cũng phát ra tiếng ba đào. Nhân gian có việc tàn thù phát sinh, kẻ bị khinh khi, lăng nhục, yếu nhược, thì sẽ dẫn đến công phần. Cây cỏ chẳng có tiếng, gió thổi thì kêu; nhân tình ngang trái, bất bình thì kêu. Pháp tánh cũng như vậy, không nói thì không thể hiển hiện; không nói pháp thì không biết có pháp. Khi nói pháp thì có đủ thứ pháp. Bồ Tát Ngài hiểu rõ tất cả đều giống như tiếng vang. Pháp tánh thì vắng lặng mà chẳng có thể tướng, phải theo sự tuần hoàn quy tắc của nó đi làm, đừng chấp trước vào pháp. Giả như chấp trước, thì sẽ trôi mình lại. Bồ Tát thấu hiểu pháp tánh của pháp, Ngài chẳng trái ngược với pháp mà hành sự, cũng chẳng diệt hoại bản tánh của pháp, Ngài biết pháp là như tiếng vang, cho nên Ngài chẳng chấp trước vào tất cả các pháp. Chẳng có chấp trước, tức là phá trừ được chấp trước. Chẳng có chấp pháp, thì sẽ minh bạch tướng không của các pháp, tức minh bạch tướng không của các pháp, thì lại có gì để chấp trước ?

**Biết rõ các chúng sinh ba đời
Đều từ nhân duyên hoà hợp sinh
Cũng biết tâm thích và tập khí
Chưa từng diệt hoại tất cả pháp.**

Bồ Tát đầy đủ ba minh sáu thông, cho nên Ngài minh bạch biết được nhân duyên của chúng sinh ba đời. Chúng sinh là những vật có mạng sống, nói rộng ra thì bao quát hữu tình vô tình. Hữu tình chẳng những có mạng

sống, mà còn có tri giác linh tính. Có hữu tình ưu tú, hữu tình trung đẳng biết được tốt xấu, còn có hữu tình hạ liệt vô tri. Con người là một loại ưu tú trong hữu tình. Vô tình vẫn có mạng sống, bất quá chẳng có linh tính mà thôi. Kinh Phật thường nói chúng sinh, tức phần nhiều là chỉ con người có mạng sống và linh tính và những động vật khác. Nguồn gốc của con người là do hoà hợp nhiều nhân duyên mà thành, cho nên gọi là chúng sinh. Điều gọi là nhân duyên tức là lưới nghiệp. Hoà hợp tức là lưới nghiệp kết với nhau đời đời kiếp kiếp, cấu thành rất phức tạp, tuần hoàn luân hồi không bao giờ dứt. Chúng sinh nhờ nhân duyên mà sinh, nó cũng nương nhân duyên mà diệt. Bồ Tát biết rõ chúng sinh đời hiện tại, đời quá khứ, đời vị lai, đều từ nhân duyên hoà hợp mà sinh ra. Ngài cũng thấy tâm tánh tập khí của những chúng sinh đó rất rõ ràng, và sự thương ghét của họ. Nhân duyên sinh ra pháp, vốn đều là không, bản lai đều là không; tức nhiên chúng sinh đều là nương nhân duyên hoà hợp mà sinh, đó đương nhiên chúng sinh cũng là không, tuy chúng sinh là không, nhưng chưa từng diệt hoại bản tánh của tất cả các pháp.

**Thấu đạt tánh nghiệp chẳng phải nghiệp
Mà cũng chẳng trái tướng các pháp
Lại cũng chẳng hoại nghiệp quả báo
Nói các pháp tánh từ duyên khởi.**

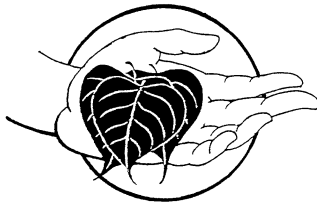
Bồ Tát minh bạch thông đạt tánh nghiệp cũng là không, bản thân của nghiệp cũng chẳng có thể thực tại, cũng chẳng có thể tướng nhất định có thể được. Lối nói pháp này, là tại lập trường của Bồ Tát, vì Bồ Tát chẳng nói

vọng luận cao, Ngài do chân tu thật học mà chứng được đại trí huệ, dùng trí thấu đạt thật tướng của các pháp, xả bỏ sự chấp trước, vĩnh viễn dứt hẳn sự ô nhiễm, niệm ác, điều gọi là nghiệp và báo, trong sự quán chiếu của Bồ Tát đều là không. Phạm phu sinh tồn ở trong luân hồi của lưới nghiệp giao kết, nghiệp quả là có, pháp tướng oán nhiên, quả báo tơ hào chẳng sai. Trồng nhân lành, được quả lành. Trồng nhân ác được quả ác. Bồ Tát biết rõ tánh nghiệp là không, nhưng Ngài chẳng hoại quả báo của nghiệp. Ngài diễn nói nguồn gốc của pháp và các pháp tánh, tức nói rõ nó từ nhân duyên mà sinh ra.

**Biết rõ chúng sinh chẳng có sinh
Cũng không chúng sinh bị lưu chuyển
Không thật chúng sinh để mà nói
Chỉ nương thế tục giả diễn bày.**

Bồ Tát cũng thấu rõ chúng sinh là do chúng duyên hoà hợp mà sinh, duyên diệt thì diệt, chúng sinh cũng giống như chẳng có. Tức nhiên chẳng có chúng sinh, thì cũng chẳng có chúng sinh để lưu chuyển sinh tử. Chúng sinh không, thì nghiệp tướng không, các pháp cũng không, cho nên chẳng có chúng sinh thật tại để nói, đó còn có gì để chấp trước ! Mà nay trong Kinh văn tùy thời đề cập đến Bồ Tát chẳng bỏ chúng sinh, Bồ Tát vì cứu bạt chúng sinh mà tu lục độ vạn hạnh. Vì giáo hoá chúng sinh, mà siêng tu các Phật pháp, đây lại là ý nghĩa gì ? Đây là giả danh bất hoại, y theo phương tiện tập quán của thế tục, tức là pháp thế gian, còn gọi là tục đế, cho nên ban cho chúng sinh một tên giả, gọi là "chúng sinh". Như là phương tiện hướng thế

gian tuyên nói đạo lý chân chánh của chư Phật giáo hoá con người.



Hồi hướng công đức

Trong các sự bố thí, thì bố thí pháp là cao thượng nhất. Vì ấn tông Kinh diễn bố thí cho mọi người đọc, khiến cho họ hiểu rõ những lời đức Phật dạy, phát tâm tu học, thực hành hạnh Bồ Tát, tự lợi lợi tha, tự độ độ tha, tích tụ căn lành công đức, hồi hướng về quả Vô thượng bồ đề, cuối cùng sẽ chứng ngộ quả vị Phật. Nhờ giáo lý Pháp bảo mà chúng ta tin, hiểu, thực hành, và chứng ngộ.

Xin hồi hướng công đức pháp thí cao thượng này, đến các bậc Thầy Tổ, và toàn thể tất cả Phật tử đã phát tâm hùn phước ấn tông, hữu danh hoặc vô danh, và thân bằng quyến thuộc của tất cả quý vị còn sống hoặc đã quá vãng, cùng pháp giới chúng sinh, thầy đều được lợi lạc, căn lành tăng trưởng, tâm bồ đề kiên cố, luôn luôn an trụ ở trong chánh pháp, tu hành chánh pháp, rốt ráo được thoát khỏi sinh tử luân hồi, đến được bờ giác ngộ bên kia.





Nam Mô Hộ Pháp Vi Đà Tôn Thiên Bồ Tát

KỆ HỒI HƯƠNG CÔNG ĐỨC

Nguyện đem công đức này
Trang Nghiêm cõi Phật tịnh
Trên đền bốn ân nặng
Dưới cứu ba đường khổ
Nếu có ai thấy nghe
Liên phát tâm bồ đề
Khi bỏ báo thân này
Sinh về cõi Cực Lạc.

Những Kinh sách do Hoà Thượng Tuyên Hoá giảng giải, cùng một dịch giả đã in ra:

- Nhân sinh yếu nghĩa.
- Chú đại bi giảng giải.
- Chú lẫm nghiêm giảng giải tập 1.
- Chú lẫm nghiêm giảng giải tập 2.
- Chú lẫm nghiêm giảng giải tập 3.
- Kinh pháp hoa giảng giải tập 1.
- Kinh pháp hoa giảng giải tập 2.
- Kinh pháp hoa giảng giải tập 3.
- Kinh pháp hoa giảng giải tập 4.
- Kinh pháp hoa giảng giải tập 5 (trọn bộ).
- Kinh hoa nghiêm giảng giải tập 1.
- Kinh hoa nghiêm giảng giải tập 2.
- Kinh hoa nghiêm giảng giải tập 3.
- Kinh hoa nghiêm giảng giải tập 4.
- Kinh hoa nghiêm giảng giải tập 5.
- Kinh hoa nghiêm giảng giải tập 6.
- Kinh hoa nghiêm giảng giải tập 7.
- Kinh hoa nghiêm giảng giải tập 8.
- Kinh hoa nghiêm giảng giải tập 9.
- Kinh hoa nghiêm giảng giải tập 10.
- Kinh hoa nghiêm giảng giải tập 11.
- Kinh hoa nghiêm giảng giải tập 12.
- Kinh hoa nghiêm giảng giải tập 13.
- Kinh hoa nghiêm giảng giải tập 14.

Quý vị nào muốn thỉnh, xin liên lạc về Chùa Kim Quang.

- Sắp tới đây sẽ tiếp tục lần lượt in ra những tập kế tiếp Kinh Hoa Nghiêm giảng giải.



Bồ Tát đem sức nguyện lớn này
Hồi hương hết thảy chằng chướng ngại
Vào nơi vô tận công đức tạng
Khứ lai hiện tại thường vô tận.